

LỊCH THI KỲ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2025 - 2026 (BẠC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1	252CTE30501	Âm nhạc đại cương	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	40	Bài tập lớn		27/04/2026		Hồ Duy Trường (60188)	
2	252INT32501	An toàn mạng máy tính	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	87	Trắc nghiệm	13h30	29/04/2026	BMT002 (26) ; BMT004 (26) ; DMT019 (35)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
3	252INT32502	An toàn mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	49			23/03/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
4	252INT32503	An toàn mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	38			23/03/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
5	252BIO31301	An toàn sinh học và quản lý phòng thí nghiệm/phòng thực hành	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	41	Trắc nghiệm	09h40	16/04/2026	HEC709 (41)	Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
6	252ECO50701	An toàn và bảo mật thông tin trong TMĐT	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	50	Tiểu luận		31/03/2026		Đỗ Việt Nam (61617)	
7	252ECO50702	An toàn và bảo mật thông tin trong TMĐT	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	50	Tiểu luận		31/03/2026		Đỗ Việt Nam (61617)	
8	252COE41001	Anh văn chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng	2.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	40	Tổng hợp	15h10	21/04/2026	HEC709 (40)	Nguyễn Đình Hùng (61228)	
9	252TRA40801	Bán và tiếp thị trong lĩnh vực	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	41	Tự luận 90	15h10	04/05/2026	BPH008 (20) ; BPH009 (21)	Phan Trần Tuyên (60059)	
10	252TRA40802	Bán và tiếp thị trong lĩnh vực	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	41	Tự luận 90	13h30	08/05/2026	HEC510 (41)	Phan Trần Tuyên (60059)	
11	252HOS31801	Báo cáo chuyên đề 1	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
12	252HOS31802	Báo cáo chuyên đề 1	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	79	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
13	252HOS31806	Báo cáo chuyên đề 1	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		06/04/2026		Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
14	252HOS31807	Báo cáo chuyên đề 1	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		06/04/2026		Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
15	252HOS45301	Báo cáo chuyên đề 2	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	73	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
16	252HOS45302	Báo cáo chuyên đề 2	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	44	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
17	252HOS45304	Báo cáo chuyên đề 2	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	55	Tiểu luận		05/04/2026		Võ Đình Thuật (61030)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
18	252HOS45307	Báo cáo chuyên đề 2	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	56	Tiểu luận		05/04/2026		Võ Đình Thuật (61030)	
19	252CHI34001	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	23	Báo cáo		28/04/2026		Trương Tư Triền (60286)	
20	252CHI34002	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/04/2026		Trương Tư Triền (60286)	
21	252CHI34003	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/04/2026		Trương Tư Triền (60286)	
22	252CHI34006	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/04/2026		Trương Tư Triền (60286)	
23	252CHI34009	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/04/2026		Phạm Thành Anh (60571)	
24	252CHI34010	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/04/2026		Phạm Thành Anh (60571)	
25	252CHI34011	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/04/2026		Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
26	252CHI34012	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/04/2026		Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
27	252CHI34013	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/04/2026		Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
28	252CHI34014	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/04/2026		Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
29	252CHI34015	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/04/2026		Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
30	252CHI34016	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Báo cáo		28/04/2026		Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
31	252FIN40501	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tiểu luận		27/04/2026		Trần Nguyễn Kim Ngân (61682)	
32	252FIN40502	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		27/04/2026		Nguyễn Thị Anh (60422)	
33	252FIN40507	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	55	Tiểu luận		27/04/2026		Trần Nguyễn Kim Ngân (61682)	
34	252FIN40508	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		27/04/2026		Đào Ngọc Thọ (61017)	
35	252FIN40509	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		27/04/2026		Đào Ngọc Thọ (61017)	
36	252FIN40510	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	62	Tiểu luận		27/04/2026		Phạm Hoàng Ân (02130)	
37	252FRE31501	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	13	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Bình Minh (60937)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
38	252ICHI34001	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	49	Tiểu luận		02/05/2026		Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
39	252MMC30301	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	57	Báo cáo		21/04/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
40	252MMC30302	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Báo cáo		21/04/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
41	252MMC30304	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	39	Báo cáo		22/04/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
42	252PUR31101	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61	Báo cáo		20/04/2026		Hồ Xuân Mai (04110)	
43	252PUR31102	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Báo cáo		21/04/2026		Hồ Xuân Mai (04110)	
44	252PUR31103	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Báo cáo		21/04/2026		Hồ Xuân Mai (04110)	
45	252SOC41401	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	36	Báo cáo		18/02/2026		Nguyễn Duy Hải (04003)	
46	252TRA40901	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	51	Tiểu luận		10/05/2026		Dương Văn Bình (61321)	
47	252TRA40903	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	59	Tiểu luận		10/05/2026		Tạ Đức Thụy (61530)	
48	252TRA40904	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tiểu luận		10/05/2026		Tạ Đức Thụy (61530)	
49	252TRA40905	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tiểu luận		10/05/2026		Mai lý Hiền (61529)	
50	252TRA40906	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tiểu luận		10/05/2026		Mai lý Hiền (61529)	
51	252MAN40401	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Báo cáo		24/04/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
52	252MAN40402	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Báo cáo		24/04/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
53	252ECO32501	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Kinh tế	1.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	70	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
54	252ECO32502	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Kinh tế	1.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	70	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
55	252ECO32504	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Kinh tế	1.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	54	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
56	252ECO32505	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Kinh tế	1.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	34	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
57	252ECO32506	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Kinh tế	1.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	38	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
58	252LOG40701	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Logistics và QLCCU	1.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	80	Tiểu luận		04/05/2026		Vũ Ngọc Bích (61328)	
59	252LOG40702	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Logistics và QLCCU	1.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	80	Tiểu luận		04/05/2026		Vũ Ngọc Bích (61328)	
60	252LOG40703	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Logistics và QLCCU	1.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	79	Tiểu luận		04/05/2026		Vũ Ngọc Bích (61328)	
61	252FOT40401	Báo cáo chuyên đề thực tiễn nghề nghiệp của các DN	1.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	3	Tiểu luận		21/04/2026		Lâm Đức Cường (60226)	
62	252ART37801	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Piano	1.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	16	Báo cáo		05/05/2026		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
63	252ART33901	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Thanh nhạc	1.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	25	Báo cáo		05/05/2026		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
64	252ECO41501	Báo cáo chuyên đề thực tiễn TMĐT	1.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	46	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
65	252FIN43201	Bảo hiểm	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	13h30	23/04/2026	BPH105 (40) ; BPH107 (40)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
66	252FIN43202	Bảo hiểm	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	08h00	07/05/2026	BPH009 (26) ; BPH014 (26) ; BPH110 (27)	Hà Lâm Oanh (61478)	
67	252FIN43203	Bảo hiểm	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	36	Trắc nghiệm	09h40	23/04/2026	DMT018 (36)	Hà Lâm Oanh (61478)	
68	252FIN43204	Bảo hiểm	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	09h40	18/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30)	Hà Lâm Oanh (61478)	
69	252ENG40101	Biên dịch nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	29	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Xuân Trang (60913)	
70	252ENG40103	Biên dịch nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	23	Tiểu luận		10/05/2026		Huỳnh Thanh Bình (25063)	
71	252JAP41801	Biên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	6	Tự luận 60	09h40	17/04/2026	BPH010 (6)	Nguyễn Công Nguyên (25084)	
72	252ENG41201	Biên dịch thương mại 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	20	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	HEC605 (21)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
73	252MMC40501	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Tiểu luận		24/02/2026		Dương Bảo Linh (61306)	
74	252MMC40502	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Tiểu luận		21/04/2026		Dương Bảo Linh (61306)	
75	252MMC40503	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Tiểu luận		24/02/2026		Dương Bảo Linh (61306)	
76	252MMC40504	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Tiểu luận		21/04/2026		Dương Bảo Linh (61306)	
77	252MMC40505	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Tiểu luận		19/03/2026		Dương Bảo Linh (61306)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
78	252MMC40506	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Tiểu luận		30/04/2026		Dương Bảo Linh (61306)	
79	252MMC40507	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	71	Tiểu luận		24/02/2026		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
80	252MMC40508	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61	Tiểu luận		21/04/2026		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
81	252MMC40509	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		24/02/2026		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
82	252MMC40510	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		21/04/2026		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
83	252MMC40511	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		28/02/2026		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
84	252MMC40512	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	68	Tiểu luận		25/04/2026		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
85	252MMC40513	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		28/02/2026		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
86	252MMC40514	Biên kịch phim ngắn	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Tiểu luận		25/04/2026		Đỗ Ngọc Phương Trinh (61394)	
87	252ENG49401	Biên phiên dịch - Intermediate	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tiểu luận		05/04/2026		Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
88	252ENG49402	Biên phiên dịch - Intermediate	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
89	252ENG49403	Biên phiên dịch - Intermediate	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	27	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Đức Huy (61708)	
90	252ENG49404	Biên phiên dịch - Intermediate	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	27					Nguyễn Đức Huy (61708)	
91	252ENG49501	Biên phiên dịch - Upper-Intermediate	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	37	Tiểu luận		04/05/2026		Nguyễn Hoàng Phan (61704)	
92	252ENG49502	Biên phiên dịch - Upper-Intermediate	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	37					Nguyễn Hoàng Phan (61704)	
93	252KOR41301	Biên phiên dịch 3	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	36	Bài tập lớn		30/03/2026		Cao Thúy Oanh (25004)	
94	252GRA42201	Biên tập phim (Premiere)	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	79	Bài tập lớn		10/05/2026		Trần Văn Tiền (61441)	
95	252GRA42202	Biên tập phim (Premiere)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	42			05/04/2026		Trần Văn Tiền (61441)	
96	252GRA42203	Biên tập phim (Premiere)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	37			05/04/2026		Trần Văn Tiền (61441)	
97	252ART20101	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	29	Thực hành		07/05/2026		Trần Xuân Trường (60738)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
98	252ART20102	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	30	Thực hành		07/05/2026		Trần Thị Thục (60055)	
99	252PSY41601	Các giá trị sống và kỹ năng sống	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	12	Tiểu luận		23/04/2026		Phạm Đình Khanh (60468)	
100	252PSY41701	Các liệu pháp trị liệu tâm lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tiểu luận		04/05/2026		Vũ Thị Duyên (61522)	
101	252VIE40401	Các thể loại văn học trung đại Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	27	Tiểu luận		20/04/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
102	252SOS20401	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tiểu luận		13/04/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
103	252SOS20402	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tiểu luận		13/04/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
104	252SOS20403	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tiểu luận		14/04/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
105	252SOS20404	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tiểu luận		15/04/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
106	252SOS20405	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tiểu luận		15/04/2026		Trần Thị Thu Vân (04115)	
107	252SOS20406	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tiểu luận		15/04/2026		Trần Thị Thu Vân (04115)	
108	252SOS20409	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tiểu luận		26/04/2026		Phan Thị Phụng Loan (60789)	
109	252SOS20410	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Tiểu luận		26/04/2026		Phan Thị Phụng Loan (60789)	
110	252SOS20417	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
111	252SOS20418	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tiểu luận		23/04/2026		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
112	252SOS20419	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tiểu luận		26/04/2026		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
113	252SOS20420	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Tiểu luận		26/04/2026		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
114	252COE30501	Cấu tạo kiến trúc	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	38	Trắc nghiệm	09h40	28/04/2026	KPH004 (38)	Võ Nhật Luân (61034)	
115	252COE30502	Cấu tạo kiến trúc	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	38	Trắc nghiệm	09h40	09/05/2026	HEC706 (38)	Võ Nhật Luân (61034)	
116	252INT32101	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	09h40	15/04/2026	BPH008 (28) ; BPH009 (26) ; BPH012 (26)	Lương Thái Hiền (01005)	
117	252INT32102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Lương Thái Hiền (01005)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
118	252INT32103	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			23/03/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
119	252INT32104	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 60	13h30	04/05/2026	BPH008 (27) ; BPH009 (26) ; BPH012 (27)	Lương Thái Hiền (01005)	
120	252INT32105	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			05/04/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
121	252INT32106	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			05/04/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
122	252INT32107	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	79	Tự luận 60	09h40	15/04/2026	BPH111 (26) ; DPH020 (27) ; DPH022 (26)	Dương Quang Triết (60165)	
123	252INT32108	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			05/04/2026		Dương Quang Triết (60165)	
124	252INT32109	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	29			05/04/2026		Dương Quang Triết (60165)	
125	252NUR43601	Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSC	47	Trắc nghiệm	09h40	16/04/2026	DHT001 (47)	Lê Ngọc Tuyết (61535)	
126	252NUR43602	Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSC	33	Trắc nghiệm	09h40	16/04/2026	BPH102 (33)	Lê Ngọc Tuyết (61535)	
127	252NUR50901	Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực nâng cao	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSC	31	Trắc nghiệm	09h40	14/04/2026	HEC709 (31)	Lưu Sanh (60785)	
128	252NUR50501	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng nâng cao	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSC	32	Trắc nghiệm	08h00	20/04/2026	HEC706 (32)	Nguyễn Thùy Linh (61162)	
129	252NUR50701	Chăm sóc sức khỏe người mắc bệnh truyền nhiễm nâng cao	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSC	32	Trắc nghiệm	08h00	18/04/2026	HEC510 (32)	Nguyễn Văn Dừa (61678)	
130	252NUR43801	Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền ngoại khoa	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSC	42	Tự luận 60	09h40	23/04/2026	BPH103 (42)	Nguyễn Phi Hùng (60340)	
131	252NUR43802	Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền ngoại khoa	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSC	40	Tự luận 60	09h40	23/04/2026	BPH106 (40)	Nguyễn Phi Hùng (60340)	
132	252NUR43401	Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền nội khoa	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSC	34	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	BPH008 (34)	Lê Thị Kim Chi (60403)	
133	252NUR43402	Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền nội khoa	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSC	45	Trắc nghiệm	15h10	07/05/2026	DPH015 (25) ; DPH023 (20)	Lê Thị Kim Chi (60403)	
134	252PSY30201	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	70	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	KPH102 (35) ; KPH105 (35)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	
135	252PSY30202	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	58	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	KPH101 (58)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	
136	252PSY30203	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	52	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	KPH001 (52)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	
137	252PSY30204	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
138	252PSY30205	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	KPH002 (30) ; KPH003 (30)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	
139	252PSY30206	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tự luận 90	15h10	28/04/2026	KPH102 (30) ; KPH105 (30)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	
140	252PSY30207	Chẩn đoán tâm lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tự luận 90	15h10	28/04/2026	KPH002 (30) ; KPH003 (30)	Nguyễn Bảo Ân (60731)	
141	252ECO41901	Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	79	Tiểu luận		24/03/2026		Võ Văn Tiên (61107)	
142	252ENG40201	Chiến thuật giao tiếp quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	31	Tiểu luận		09/05/2026		Nguyễn Trường Giang (60976)	
143	252POL10705	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	96	Trắc nghiệm	13h30	13/04/2026	DMT010 (48) ; DMT011 (48)	Hoàng Xuân Phú (61134)	
144	252POL10706	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	96	Trắc nghiệm	08h00	21/04/2026	DMT011 (48) ; DMT012 (48)	Hoàng Xuân Phú (61134)	
145	252POL10707	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	13h30	13/04/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Hoàng Xuân Phú (61134)	
146	252POL10708	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	14/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Hoàng Xuân Phú (61134)	
147	252POL10709	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	09h40	21/04/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Hoàng Xuân Phú (61134)	
148	252POL10710	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Hoàng Xuân Phú (61134)	
149	252POL10711	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	17/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Phạm Đình Huấn (61408)	
150	252POL10712	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	20/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Phạm Việt Em (61045)	
151	252POL10713	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	20/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Phạm Việt Em (61045)	
152	252POL10716	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	09h40	17/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Phạm Việt Em (61045)	
153	252POL10717	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	148	Trắc nghiệm	13h30	20/04/2026	BMT002 (29) ; BMT004 (29) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Phạm Việt Em (61045)	
154	252POL10720	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	122	Trắc nghiệm	13h30	17/04/2026	BMT002 (29) ; DMT018 (47) ; DMT019 (47)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
155	252POL10721	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	17/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thị Ngọc Giàu (60930)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
156	252POL10722	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	08h00	20/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (29) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thị Ngọc Giàu (60930)	
157	252POL10723	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Trắc nghiệm	08h00	13/04/2026	DMT010 (30) ; DMT011 (30)	Nguyễn Ngọc Kim Ngân (60863)	
158	252POL10724	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Lê Thị Hoài Nghĩa (61494)	
159	252POL10725	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	21/04/2026	DMT011 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Lê Thị Hoài Nghĩa (61494)	
160	252POL10726	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	96	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	DMT010 (48) ; DMT011 (48)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
161	252POL10727	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	96	Trắc nghiệm	08h00	21/04/2026	DMT018 (48) ; DMT019 (48)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
162	252POL10728	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	96	Trắc nghiệm	13h30	15/04/2026	DMT010 (48) ; DMT011 (48)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
163	252POL10729	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	96	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	DMT018 (48) ; DMT019 (48)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
164	252POL10730	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	14/04/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
165	252POL10731	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	08h00	22/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (49)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
166	252POL10732	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	15h10	15/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
167	252POL10733	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	17/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
168	252POL10734	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	133	Trắc nghiệm	09h40	20/04/2026	BMT002 (33) ; DMT010 (50) ; DMT011 (50)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
169	252POL10735	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	15/04/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Nguyễn Khánh Hưng (61459)	
170	252POL10736	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	90	Trắc nghiệm	09h40	17/04/2026	DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Khánh Hưng (61459)	
171	252POL10739	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	95	Trắc nghiệm	09h40	15/04/2026	DMT010 (48) ; DMT011 (48)	Nguyễn Quế Diệu (04043)	
172	252POL10740	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	114	Trắc nghiệm	08h00	21/04/2026	BMT002 (32) ; BMT004 (32) ; DMT010 (50)	Nguyễn Quế Diệu (04043)	
173	252POL10741	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	52	Trắc nghiệm	09h40	17/04/2026	BMT002 (26) ; BMT004 (26)	Nguyễn Quế Diệu (04043)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
174	252POL10743	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	66	Trắc nghiệm	13h30	13/04/2026	BMT002 (33) ; BMT004 (33)	Nguyễn Quế Diệu (04043)	
175	252POL10744	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30)	Nguyễn Quế Diệu (04043)	
176	252POL10748	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	117	Trắc nghiệm	13h30	14/04/2026	BMT002 (33) ; BMT004 (34) ; DMT018 (50)	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)	
177	252POL10749	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	118	Trắc nghiệm	09h40	21/04/2026	BMT002 (28) ; DMT010 (45) ; DMT011 (45)	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)	
178	252POL10750	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	118	Trắc nghiệm	15h10	21/04/2026	BMT002 (34) ; BMT004 (34) ; DMT019 (50)	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)	
179	252POL10751	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	118	Trắc nghiệm	15h10	14/04/2026	BMT002 (34) ; BMT004 (34) ; DMT011 (50)	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)	
180	252POL10752	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	08h00	20/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)	
181	252POL10753	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	105	Trắc nghiệm	08h00	15/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45)	Nguyễn Dương Thanh Nhân (60903)	
182	252POL10757	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	15h10	15/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (49)	Hà Huyền Hoài Vân (60797)	
183	252POL10758	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	08h00	17/04/2026	DMT011 (50) ; DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Hà Huyền Hoài Vân (60797)	
184	252POL10759	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	20/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Hà Huyền Hoài Vân (60797)	
185	252POL10760	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	138	Trắc nghiệm	09h40	20/04/2026	DMT012 (45) ; DMT018 (45) ; DMT019 (48)	Hà Huyền Hoài Vân (60797)	
186	252POL10761	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	08h00	15/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Lâm Ngọc Linh (60901)	
187	252POL10762	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	79	Trắc nghiệm	08h00	17/04/2026	BMT002 (31) ; DMT010 (48)	Lâm Ngọc Linh (60901)	
188	252POL10763	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Trắc nghiệm	08h00	13/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30)	Lâm Ngọc Linh (60901)	
189	252GRA51101	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
190	252GRA51102	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
191	252GRA51103	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
192	252GRA51104	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
193	252GRA51105	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
194	252GRA51106	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
195	252GRA51107	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
196	252GRA51108	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
197	252GRA51109	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
198	252GRA51110	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
199	252INT51101	Chuyên đề 1: Hệ sinh thái Hệ thống thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
200	252INT51102	Chuyên đề 1: Hệ sinh thái Hệ thống thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
201	252INT51103	Chuyên đề 1: Hệ sinh thái Hệ thống thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
202	252INT51104	Chuyên đề 1: Hệ sinh thái Hệ thống thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
203	252INT51105	Chuyên đề 1: Hệ sinh thái Hệ thống thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	4	Báo cáo		06/05/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
204	252INT51201	Chuyên đề 1: Hệ thống an toàn bảo mật thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Đỗ Đình Trang (01011)	
205	252INT51202	Chuyên đề 1: Hệ thống an toàn bảo mật thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	7	Báo cáo		06/05/2026		Đỗ Đình Trang (01011)	
206	252INT51203	Chuyên đề 1: Hệ thống an toàn bảo mật thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Dương Quang Triết (60165)	
207	252INT51204	Chuyên đề 1: Hệ thống an toàn bảo mật thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Dương Quang Triết (60165)	
208	252INT51205	Chuyên đề 1: Hệ thống an toàn bảo mật thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Dương Quang Triết (60165)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
209	252INT51206	Chuyên đề 1: Hệ thống an toàn bảo mật thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
210	252INT51301	Chuyên đề 1: Khai thác hệ cơ sở dữ liệu	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
211	252INT51302	Chuyên đề 1: Khai thác hệ cơ sở dữ liệu	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Báo cáo		06/05/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
212	252INT51303	Chuyên đề 1: Khai thác hệ cơ sở dữ liệu	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Phạm Thành Đạt (60515)	
213	252INT51304	Chuyên đề 1: Khai thác hệ cơ sở dữ liệu	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Phạm Thành Đạt (60515)	
214	252INT51305	Chuyên đề 1: Khai thác hệ cơ sở dữ liệu	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
215	252INT51306	Chuyên đề 1: Khai thác hệ cơ sở dữ liệu	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
216	252INT51401	Chuyên đề 1: Xây dựng hệ thống mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
217	252INT51402	Chuyên đề 1: Xây dựng hệ thống mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
218	252INT51403	Chuyên đề 1: Xây dựng hệ thống mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
219	252INT51404	Chuyên đề 1: Xây dựng hệ thống mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	8	Báo cáo		06/05/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
220	252INT51405	Chuyên đề 1: Xây dựng hệ thống mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	7	Báo cáo		06/05/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
221	252INT51406	Chuyên đề 1: Xây dựng hệ thống mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
222	252GRA51201	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
223	252GRA51202	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
224	252GRA51203	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
225	252GRA51204	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
226	252GRA51205	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	4	Báo cáo		06/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
227	252GRA51206	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
228	252GRA51207	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Lê Thanh Phong (60650)	
229	252GRA51208	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Lê Thanh Phong (60650)	
230	252GRA51209	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
231	252GRA51210	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Báo cáo		06/05/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
232	252INT51501	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
233	252INT51502	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
234	252INT51503	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
235	252INT51504	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Tổng Minh Đạt (61282)	
236	252INT51505	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		06/05/2026		Tổng Minh Đạt (61282)	
237	252INT51506	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
238	252INT51507	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
239	252INT51508	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
240	252INT51602	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển hệ thống thông tin	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	4	Báo cáo		06/05/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
241	252INT51603	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển hệ thống thông tin	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Dương Quang Triết (60165)	
242	252INT51604	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển hệ thống thông tin	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Dương Quang Triết (60165)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
243	252INT51605	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển hệ thống thông tin	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Dương Quang Triết (60165)	
244	252INT51701	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển phần mềm (Web/App/Mobile)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
245	252INT51702	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển phần mềm (Web/App/Mobile)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
246	252INT51703	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển phần mềm (Web/App/Mobile)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
247	252INT51704	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển phần mềm (Web/App/Mobile)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
248	252INT51705	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển phần mềm (Web/App/Mobile)	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
249	252INT51801	Chuyên đề 2: Xử lý sự cố an toàn thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	7	Báo cáo		06/05/2026		Tổng Minh Đạt (61282)	
250	252INT51802	Chuyên đề 2: Xử lý sự cố an toàn thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	7	Báo cáo		06/05/2026		Tổng Minh Đạt (61282)	
251	252INT51803	Chuyên đề 2: Xử lý sự cố an toàn thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	4	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
252	252INT51804	Chuyên đề 2: Xử lý sự cố an toàn thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
253	252INT51805	Chuyên đề 2: Xử lý sự cố an toàn thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
254	252INT51806	Chuyên đề 2: Xử lý sự cố an toàn thông tin doanh nghiệp	6.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	5	Báo cáo		06/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
255	252ECO41801	Chuyên đề Dữ liệu lớn	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		23/03/2026		Lê Hồng Danh (28007)	
256	252ECO41802	Chuyên đề Dữ liệu lớn	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	55	Tiểu luận		23/03/2026		Lê Hồng Danh (28007)	
257	252ECO41803	Chuyên đề Dữ liệu lớn	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	31	Tiểu luận		03/04/2026		Trần Thị Phương Tâm (61604)	
258	252ECO41804	Chuyên đề Dữ liệu lớn	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	60	Tiểu luận		20/03/2026		Trần Thị Phương Tâm (61604)	
259	252ECO41808	Chuyên đề Dữ liệu lớn	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	42	Tiểu luận		31/03/2026		Trần Thị Phương Tâm (61604)	
260	252ORI40105	Chuyên đề Hàn Quốc học	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41	Bài tập lớn		01/05/2026		Cao Thúy Oanh (25004)	
261	252ORI40106	Chuyên đề Hàn Quốc học	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41					Cao Thúy Oanh (25004)	
262	252ORI40107	Chuyên đề Hàn Quốc học	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	80	Bài tập lớn		24/03/2026		Cao Thúy Oanh (25004)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
263	252ORI40108	Chuyên đề Hàn Quốc học	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	80					Cao Thúy Oanh (25004)	
264	252COE30901	Cơ học kết cấu	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	42	Tự luận 90	15h10	16/04/2026	BPH103 (42)	Dương Ngọc Châu (61542)	
265	252COE30701	Cơ học lý thuyết	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	40	Tự luận 90	13h30	23/04/2026	HEC706 (40)	Nguyễn Bá Khanh (61677)	
266	252COE30702	Cơ học lý thuyết	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	41	Tự luận 90	13h30	23/04/2026	HEC703 (41)	Nguyễn Bá Khanh (61677)	
267	252INT30301	Cơ sở dữ liệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	43	Tự luận 90	09h40	20/04/2026	KPH102 (43)	Trần Văn Ngân (61155)	
268	252INT30302	Cơ sở dữ liệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	36	Tự luận 90	09h40	20/04/2026	KPH105 (36)	Hứa Hồng Quang (60675)	
269	252INT32307	Cơ sở dữ liệu	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	09h40	04/05/2026	BPH107 (40) ; DHT001 (40)	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
270	252INT32308	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	46			23/03/2026		Đinh Thị Tâm (01045)	
271	252INT32309	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			18/04/2026		Đinh Thị Tâm (01045)	
272	252INT32310	Cơ sở dữ liệu	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	79	Tự luận 90	09h40	14/04/2026	DPH014 (39) ; DPH016 (40)	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
273	252INT32311	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	32			23/03/2026		Tô Hồ Hải (60893)	
274	252INT32312	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	47			23/03/2026		Tô Hồ Hải (60893)	
275	252INT32313	Cơ sở dữ liệu	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	09h40	07/05/2026	BPH014 (25) ; BPH108 (30) ; BPH110 (25)	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
276	252INT32314	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	49			18/04/2026		Tô Hồ Hải (60893)	
277	252INT32315	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	31			18/04/2026		Tô Hồ Hải (60893)	
278	252INT32322	Cơ sở dữ liệu	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	09h40	05/05/2026	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Huyền Thị Châu Ái (01019)	
279	252INT32323	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	45			16/04/2026		Huyền Thị Châu Ái (01019)	
280	252INT32324	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	35			16/04/2026		Huyền Thị Châu Ái (01019)	
281	252INT32325	Cơ sở dữ liệu	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	08h00	15/04/2026	BPH110 (27) ; BPH111 (26) ; BPH112 (27)	Huyền Thị Châu Ái (01019)	
282	252INT32326	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Huyền Thị Châu Ái (01019)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
283	252INT32327	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			23/03/2026		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
284	252INT32328	Cơ sở dữ liệu	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	BPH007 (40) ; BPH108 (40)	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
285	252INT32329	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			17/04/2026		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
286	252INT32330	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			17/04/2026		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
287	252INT32331	Cơ sở dữ liệu	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	43	Tự luận 90	08h00	15/04/2026	DHT001 (43)	Trần Thanh Tú (60674)	
288	252INT32332	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	43			23/03/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
289	252INT32334	Cơ sở dữ liệu	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	72	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	DHT001 (72)	Trần Thanh Tú (60674)	
290	252INT32335	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	33			13/04/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
291	252INT32336	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	39			13/04/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
292	252INT32337	Cơ sở dữ liệu	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	DHT001 (50)	Trần Thanh Tú (60674)	
293	252INT32338	Cơ sở dữ liệu	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
294	252LIT42601	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		23/02/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
295	252LIT42602	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		20/04/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
296	252LIT42603	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		23/02/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
297	252LIT42604	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		20/04/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
298	252LIT42605	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		24/02/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
299	252LIT42606	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		21/04/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
300	252LIT42607	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		24/02/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
301	252LIT42608	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		21/04/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
302	252LIT42609	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/02/2026		Trần Thị Lợi (10006)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
303	252LIT42610	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		22/04/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
304	252LIT42611	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/02/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
305	252LIT42612	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		22/04/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
306	252LIT42613	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		19/03/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
307	252LIT42614	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		30/04/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
308	252LIT42615	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		19/03/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
309	252LIT42616	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		30/04/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
310	252LIT42617	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	79	Tiểu luận		28/02/2026		Phan Thị Kim Loan (61404)	
311	252LIT42618	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	56	Tiểu luận		25/04/2026		Phan Thị Kim Loan (61404)	
312	252LIT42621	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	49	Tiểu luận		01/03/2026		Phan Thị Kim Loan (61404)	
313	252GRA40101	Cơ sở thiết kế đồ họa	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 60	09h40	13/04/2026	BPH008 (26) ; DPH017 (27) ; DPH022 (27)	Trần Quốc Toàn (60754)	
314	252GRA40102	Cơ sở thiết kế đồ họa	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	60	Tự luận 60	09h40	13/04/2026	BPH110 (30) ; BPH111 (30)	Trần Quốc Toàn (60754)	
315	252INT412101	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	15h10	16/04/2026	BPH007 (40) ; DHT001 (40)	Lương Thái Hiền (01005)	
316	252INT412102	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	38			23/03/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
317	252INT412103	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	42			23/03/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
318	252INT412104	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	08h00	07/05/2026	BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Lương Thái Hiền (01005)	
319	252INT412105	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	35			05/04/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
320	252INT412106	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	45			05/04/2026		Lê Công Hiếu (60834)	
321	252INT48101	Công nghệ .NET	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	18	Tiểu luận		10/05/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
322	252FOT42402	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	27	Trắc nghiệm	15h10	06/05/2026	HEC709 (27)	Phạm Thị Hồng Loan (60723)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
323	252FOT44001	Công nghệ chế biến lương thực	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	40	Trắc nghiệm	08h00	29/04/2026	BPH010 (20) ; BPH011 (20)	Huỳnh Thành Đạt (60724)	
324	252FOT43801	Công nghệ chế biến rau quả	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	40	Trắc nghiệm	13h30	04/05/2026	HEC605 (40)	Huỳnh Thành Đạt (60724)	
325	252FOT44801	Công nghệ chế biến thực phẩm	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	28	Trắc nghiệm	13h30	17/04/2026	BMT004 (28)	Lâm Đức Cường (60226)	
326	252FOT44802	Công nghệ chế biến thực phẩm	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	28					Lâm Đức Cường (60226)	
327	252BIO45301	Công nghệ di truyền	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	25	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	HEC605 (25)	Phạm Thị Hải Hà (61524)	
328	252BIO45302	Công nghệ di truyền	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	25						
329	252INT466101	Công nghệ phần mềm	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	50	Trắc nghiệm	09h40	13/04/2026	DMT019 (50)	Lê Ngọc Hiếu (60824)	
330	252INT466102	Công nghệ phần mềm	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
331	252FOT44901	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	57	Trắc nghiệm	13h30	29/04/2026	BPH008 (28) ; BPH012 (29)	Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
332	252FOT44902	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	30					Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
333	252FOT44903	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	27					Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
334	252CTE41701	Công nghệ sản xuất hình ảnh 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	10	Báo cáo		05/05/2026		Nguyễn Minh Cao (61582)	
335	252CTE41702	Công nghệ sản xuất hình ảnh 1	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	10					Nguyễn Minh Cao (61582)	
336	252INT441301	Công nghệ tường lửa và bảo vệ mạng ngoại vi	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	44	Tiểu luận		20/04/2026		Dương Trọng Khang (60775)	
337	252INT441302	Công nghệ tường lửa và bảo vệ mạng ngoại vi	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	44			23/03/2026		Dương Trọng Khang (60775)	
338	252BIO42101	Công nghiệp công nghệ sinh học	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	24	Trắc nghiệm	13h30	09/05/2026	BPH008 (24)	Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
339	252ART55801	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Trần Mai Hồng (26007)	
340	252ART55802	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Trần Mai Hồng (26007)	
341	252ART55803	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
342	252ART55804	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
343	252ART55805	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
344	252ART55806	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Nông Văn Hiếu (60986)	
345	252ART55808	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Nông Văn Hiếu (60986)	
346	252ART55809	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
347	252ART55812	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
348	252ART55813	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Đào Nguyên Bảo (60790)	
349	252ART55814	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Đào Nguyên Bảo (60790)	
350	252ART55815	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Đào Nguyên Bảo (60790)	
351	252ART55901	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
352	252ART55902	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
353	252ART55903	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn		09/05/2026		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
354	252ART55904	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn		09/05/2026		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
355	252ART55908	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
356	252ART55909	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn		09/05/2026		Đặng Hồng Quang (60418)	
357	252ART55911	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn		09/05/2026		Đặng Hồng Quang (60418)	
358	252ART55913	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Đặng Hồng Quang (60418)	
359	252ART55914	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn		09/05/2026		Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
360	252ART55916	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn		09/05/2026		Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
361	252ART55919	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
362	252ART55920	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Nguyễn Lê Phương Duy (61222)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
363	252ART55921	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Nguyễn Lê Phương Duy (61222)	
364	252ART55922	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Nguyễn Lê Phương Duy (61222)	
365	252ART55923	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Trần Thị Hòa (60569)	
366	252ART55924	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Trần Thị Hòa (60569)	
367	252ART55925	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9.00	Luận án	Khoa Nghệ thuật	1	Biểu diễn		09/05/2026		Trần Thị Hòa (60569)	
368	252BIO30401	Đa dạng sinh học	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	27	Trắc nghiệm	08h00	13/04/2026	DMT012 (27)	Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
369	252TOU31101	Đại cương lịch sử Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	71	Trắc nghiệm	15h10	16/04/2026	BPH108 (36) ; BPH110 (35)	Nguyễn Tiến Vinh (60861)	
370	252TOU31102	Đại cương lịch sử Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	69	Trắc nghiệm	13h30	17/04/2026	HEC705 (30) ; HEC706 (39)	Nguyễn Tiến Vinh (60861)	
371	252TOU31103	Đại cương lịch sử Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	79	Trắc nghiệm	13h30	08/05/2026	BPH008 (27) ; BPH009 (26) ; BPH012 (26)	Nguyễn Tiến Vinh (60861)	
372	252TOU31104	Đại cương lịch sử Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	42	Trắc nghiệm	09h40	08/05/2026	DMT019 (42)	Nguyễn Tiến Vinh (60861)	
373	252TOU31109	Đại cương lịch sử Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	30	Trắc nghiệm	13h30	08/05/2026	DMT019 (31)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
374	252ENG53004	Đánh giá bản dịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	35	Tiểu luận		10/05/2026		Đỗ Huy Liêm (61435)	
375	252FOT45201	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	29	Trắc nghiệm	09h40	21/04/2026	BMT004 (29)	Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
376	252FOT45202	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	29					Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
377	252HOS41401	Đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn - nhà hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	41	Tiểu luận		10/05/2026		Phan Trần Tuyên (60059)	
378	252HOS41402	Đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn - nhà hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tiểu luận		10/05/2026		Phan Trần Tuyên (60059)	
379	252HOS41403	Đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn - nhà hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	55	Tiểu luận		10/05/2026		Phan Trần Tuyên (60059)	
380	252HUR40401	Đánh giá và phát triển nhân viên	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	34	Tiểu luận		10/05/2026		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
381	252BUS30201	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	90	Tiểu luận		27/03/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
382	252BUS30202	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	90	Tiểu luận		27/03/2026		Phạm Phương Mai (02011)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
383	252BUS30203	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	50	Tiểu luận		29/04/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
384	252BUS30204	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	50	Tiểu luận		29/04/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
385	252BUS30205	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Chí Nguyên (61558)	
386	252BUS30206	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Chí Nguyên (61558)	
387	252BUS30207	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Chí Nguyên (61558)	
388	252BUS30208	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Chí Nguyên (61558)	
389	252BUS30209	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Chí Nguyên (61558)	
390	252BUS30210	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	88	Tiểu luận		20/04/2026		Nguyễn Chí Nguyên (61558)	
391	252BUS30211	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	88	Tiểu luận		30/03/2026		Lê Văn (61203)	
392	252BUS30212	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	68	Tiểu luận		30/03/2026		Lê Văn (61203)	
393	252BUS30213	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	60	Tiểu luận		30/03/2026		Lê Văn (61203)	
394	252BUS30217	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	72	Tiểu luận		30/03/2026		Lâm Minh Trung (61544)	
395	252BUS30218	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	72	Tiểu luận		07/04/2026		Lâm Minh Trung (61544)	
396	252BUS30219	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	72	Tiểu luận		07/04/2026		Lâm Minh Trung (61544)	
397	252BUS30220	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	60	Tiểu luận		07/04/2026		Nguyễn Thị Mỹ Xuyên (61603)	
398	252BUS30221	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	60	Tiểu luận		07/04/2026		Nguyễn Thị Mỹ Xuyên (61603)	
399	252BUS30222	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	60	Tiểu luận		26/03/2026		Trần Đức Tài (61065)	
400	252BUS30224	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		10/04/2026		Trần Đức Tài (61065)	
401	252BUS30225	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	60	Tiểu luận		27/03/2026		Trần Đức Tài (61065)	
402	252BUS30226	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	60	Tiểu luận		27/03/2026		Trần Đức Tài (61065)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
403	252BUS30227	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		20/04/2026		Trần Đức Tài (61065)	
404	252BUS30228	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	60	Tiểu luận		30/03/2026		Trần Đức Tài (61065)	
405	252BUS30230	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	90	Tiểu luận		22/04/2026		Trần Đức Tài (61065)	
406	252BUS30231	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	90	Tiểu luận		22/04/2026		Trần Đức Tài (61065)	
407	252BUS30234	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	90	Tiểu luận		22/04/2026		Trần Thị Giáng My (61585)	
408	252BUS30235	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	90	Tiểu luận		29/04/2026		Trần Ngọc Diễm Châu (61472)	
409	252BUS30236	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	90	Tiểu luận		23/04/2026		Trần Ngọc Diễm Châu (61472)	
410	252BUS30237	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	91	Tiểu luận		23/04/2026		Trần Ngọc Diễm Châu (61472)	
411	252ENG53503	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
412	252ENG53504	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
413	252ENG53505	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
414	252JAP42301	Đất nước học Nhật Bản	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Tiểu luận		27/03/2026		Trương Thanh Tùng (60283)	
415	252JAP42302	Đất nước học Nhật Bản	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		27/03/2026		Trương Thanh Tùng (60283)	
416	252CHI45301	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	38	Tổng hợp	08h00	20/04/2026	HEC603 (38)	Trương Tư Triển (60286)	
417	252CHI45302	Đất nước học Trung Quốc	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	38					Trương Tư Triển (60286)	
418	252INT50601	ĐATN An toàn thông tin	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		08/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
419	252INT55201	ĐATN Hệ thống thông tin	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		06/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
420	252INT55202	ĐATN Hệ thống thông tin	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Đồ án		06/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
421	252INT55204	ĐATN Hệ thống thông tin	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		06/05/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
422	252INT55205	ĐATN Hệ thống thông tin	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Đồ án		06/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
423	252INT55301	ĐATN Khoa học máy tính	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Đồ án		08/05/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
424	252INT55302	ĐATN Khoa học máy tính	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	4	Đồ án		08/05/2026		Dương Quang Triết (60165)	
425	252ELE53901	ĐATN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	12.00	Đồ án	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	3	Đồ án		08/05/2026		Đàm Quốc Việt (60992)	
426	252ELE53902	ĐATN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	12.00	Đồ án	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	3	Đồ án		08/05/2026		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
427	252ELE53904	ĐATN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	12.00	Đồ án	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	3	Đồ án		08/05/2026		Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
428	252ELE53905	ĐATN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	12.00	Đồ án	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	3	Đồ án		08/05/2026		Phan Văn Hiệp (01040)	
429	252INT50401	ĐATN Kỹ thuật phần mềm	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Đồ án		06/05/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
430	252INT50402	ĐATN Kỹ thuật phần mềm	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		06/05/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
431	252INT50405	ĐATN Kỹ thuật phần mềm	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Đồ án		06/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
432	252INT50201	ĐATN Mạng máy tính	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	4	Đồ án		08/05/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
433	252INT50202	ĐATN Mạng máy tính	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Đồ án		08/05/2026		Đỗ Đình Trang (01011)	
434	252INT50203	ĐATN Mạng máy tính	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		08/05/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
435	252INT50204	ĐATN Mạng máy tính	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		08/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
436	252GRA50201	ĐATN Thiết kế đồ họa	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		06/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
437	252GRA50202	ĐATN Thiết kế đồ họa	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		06/05/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
438	252GRA50203	ĐATN Thiết kế đồ họa	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		06/05/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
439	252GRA50204	ĐATN Thiết kế đồ họa	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		06/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
440	252GRA50205	ĐATN Thiết kế đồ họa	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		06/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
441	252GRA50206	ĐATN Thiết kế đồ họa	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		06/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
442	252GRA50207	ĐATN Thiết kế đồ họa	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		06/05/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
443	252GRA50208	ĐATN Thiết kế đồ họa	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Đồ án		06/05/2026		Trương Hà Thế Cường (61427)	
444	252GRA50209	ĐATN Thiết kế đồ họa	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Đồ án		06/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
445	252GRA50210	ĐATN Thiết kế đồ họa	12.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Đồ án		06/05/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
446	252MMC50201	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	3	Đồ án		10/05/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
447	252MMC50202	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	3	Đồ án		10/05/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
448	252MMC50203	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	3	Đồ án		10/05/2026		Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)	
449	252MMC50204	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	3	Đồ án		10/05/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
450	252MMC50205	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	3	Đồ án		10/05/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
451	252MMC50206	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	3	Đồ án		10/05/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
452	252MMC50207	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	3	Đồ án		10/05/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
453	252MMC50208	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	3	Đồ án		10/05/2026		Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)	
454	252MMC50209	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	3	Đồ án		10/05/2026		Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)	
455	252MMC50210	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	6	Đồ án		10/05/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
456	252MMC50211	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	5	Đồ án		10/05/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
457	252MMC50212	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	5	Đồ án		10/05/2026		Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)	
458	252MMC50213	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	6	Đồ án		10/05/2026		Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)	
459	252MMC50214	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	8	Đồ án		10/05/2026		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
460	252INT20101	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	22/04/2026	BPH007 (40) ; BPH013 (40)	Nguyễn Thị Kim Phụng (61684)	
461	252INT20102	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	09h40	24/04/2026	BPH013 (40) ; BPH102 (40)	Nguyễn Thị Kim Phụng (61684)	
462	252INT20103	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Thị Kim Phụng (61684)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
463	252INT20104	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	09h40	15/04/2026	BPH007 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Thị Kim Phụng (61684)	
464	252INT20105	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Dương Quang Triết (60165)	
465	252INT20106	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	15/04/2026	DPH006 (80)	Dương Quang Triết (60165)	
466	252INT20107	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	BPH102 (40) ; BPH103 (40)	Vũ Xuân An (60653)	
467	252INT20108	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	09h40	15/04/2026	BPH013 (40) ; BPH102 (40)	Vũ Xuân An (60653)	
468	252INT20109	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Tổng Minh Đạt (61282)	
469	252INT20110	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	BPH102 (40) ; BPH104 (40)	Tổng Minh Đạt (61282)	
470	252INT20111	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	BPH007 (40) ; DPH006 (40)	Tổng Minh Đạt (61282)	
471	252INT20112	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	09h40	15/04/2026	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Tổng Minh Đạt (61282)	
472	252INT20113	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	BPH106 (40) ; BPH109 (40)	Vũ Xuân An (60653)	
473	252INT20114	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	HEC510 (40) ; HEC609 (40)	Vũ Xuân An (60653)	
474	252INT20115	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	HEC603 (45) ; HEC706 (35)	Vũ Xuân An (60653)	
475	252INT20116	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	22/04/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Vũ Xuân An (60653)	
476	252INT20117	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	BPH007 (40) ; DPH016 (40)	Vũ Xuân An (60653)	
477	252INT20118	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	22/04/2026	BPH102 (40) ; BPH103 (40)	Tổng Minh Đạt (61282)	
478	252INT20119	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	79	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	HEC503 (40) ; HEC510 (40)	Tổng Minh Đạt (61282)	
479	252INT20120	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	24/04/2026	BPH007 (40) ; DPH016 (40)	Tổng Minh Đạt (61282)	
480	252INT20121	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Tổng Minh Đạt (61282)	
481	252INT20122	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Tổng Minh Đạt (61282)	
482	252INT20123	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	DPH006 (40) ; DPH014 (40)	Tổng Minh Đạt (61282)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
483	252INT20124	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Nguyễn Quốc Thuận (60895)	
484	252INT20125	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	HEC510 (40) ; HEC603 (40)	Nguyễn Quốc Thuận (60895)	
485	252INT20126	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	HEC703 (40) ; HEC709 (40)	Nguyễn Quốc Thuận (60895)	
486	252INT20127	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	79	Trắc nghiệm	08h00	24/04/2026	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Trần Trung Tín (61258)	
487	252INT20128	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	HEC703 (40) ; HEC709 (40)	Trần Trung Tín (61258)	
488	252INT20129	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	22/04/2026	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Trần Trung Tín (61258)	
489	252INT20130	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	22/04/2026	BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Vũ Xuân An (60653)	
490	252INT20131	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Vũ Xuân An (60653)	
491	252INT20132	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	09h40	24/04/2026	HEC510 (40) ; HEC709 (40)	Bùi Thị Hoàng Anh (61076)	
492	252INT20133	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	22/04/2026	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Bùi Thị Hoàng Anh (61076)	
493	252INT20134	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Trần Phong Vũ (60645)	
494	252INT20135	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Trần Phong Vũ (60645)	
495	252INT20136	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	BPH007 (40) ; BPH103 (40)	Vũ Xuân An (60653)	
496	252INT20142	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	09h40	24/04/2026	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
497	252INT20143	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	15/04/2026	HEC510 (40) ; HEC609 (40)	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
498	252INT20144	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	09h40	15/04/2026	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
499	252INT20145	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	BPH013 (40) ; BPH104 (40)	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
500	252INT20146	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	BPH007 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
501	252INT20147	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Tôn Thất Hoài (61098)	
502	252INT20148	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	79	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	BPH102 (40) ; BPH103 (40)	Tôn Thất Hoài (61098)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
503	252INT20149	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Tôn Thất Hoài (61098)	
504	252INT20150	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	09h40	15/04/2026	HEC503 (40) ; HEC510 (40)	Tôn Thất Hoài (61098)	
505	252INT20151	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	79	Trắc nghiệm	09h40	24/04/2026	BPH007 (40) ; DPH014 (40)	Tôn Thất Hoài (61098)	
506	252INT20152	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	BPH105 (40) ; DPH006 (40)	Tôn Thất Hoài (61098)	
507	252INT20153	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	HEC503 (80)	Võ Thị Lắm (60728)	
508	252INT20154	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	13h30	22/04/2026	BPH110 (35) ; DPH006 (45)	Võ Thị Lắm (60728)	
509	252INT20155	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	81	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	BPH102 (40) ; DPH006 (41)	Lê Hồng Danh (28007)	
510	252INT20157	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	24/04/2026	BPH108 (40) ; DPH014 (40)	Tôn Thất Hoài (61098)	
511	252TRA44601	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	55	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	HEC503 (55)	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
512	252TRA44602	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	72	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	HEC603 (72)	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
513	252TRA44603	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	52	Tự luận 90	09h40	07/05/2026	BPH008 (26) ; BPH012 (26)	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
514	252TRA44604	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tự luận 90	09h40	07/05/2026	HEC503 (35) ; HEC510 (35)	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
515	252TRA44605	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	72	Tự luận 90	09h40	06/05/2026	HEC503 (72)	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
516	252TRA44606	Di sản văn hóa Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	61	Tự luận 90	13h30	07/05/2026	BPH009 (31) ; DPH015 (30)	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
517	252BIO30101	Di truyền học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	25	Tự luận 90	09h40	14/04/2026	BPH014 (25)	Phạm Thị Hải Hà (61524)	
518	252KOR32001	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	39	Trắc nghiệm	09h40	18/04/2026	DMT018 (39)	Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
519	252KOR32002	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	39					Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
520	252KOR32003	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41	Trắc nghiệm	09h40	18/04/2026	DMT019 (41)	Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
521	252KOR32004	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41					Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
522	252TOU30101	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	09h40	10/05/2026	BPH104 (40) ; BPH106 (40)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
523	252TOU30102	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	09h40	24/04/2026	HEC503 (40) ; HEC703 (40)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
524	252TOU30103	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	13h30	23/04/2026	HEC609 (40) ; HEC709 (40)	Dương Thị Loan (60190)	
525	252TOU30104	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tự luận 90	08h00	24/04/2026	HEC709 (47)	Dương Thị Loan (60190)	
526	252TOU30105	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	47	Tự luận 90	15h10	29/04/2026	DPH016 (47)	Dương Thị Loan (60190)	
527	252TOU30109	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	15h10	23/04/2026	BPH007 (40) ; BPH013 (40)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
528	252TOU30110	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	13h30	23/04/2026	HEC510 (40) ; HEC603 (40)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
529	252TOU30111	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	15h10	29/04/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
530	252TOU30112	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	08h00	24/04/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
531	252TOU30113	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	08h00	24/04/2026	BPH109 (45) ; DPH017 (35)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
532	252TOU30114	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	15h10	29/04/2026	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
533	252TOU30115	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	79	Tự luận 90	09h40	24/04/2026	DPH006 (79)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
534	252TOU30116	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	77	Tự luận 90	09h40	24/04/2026	BPH107 (40) ; BPH108 (38)	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
535	252TOU30117	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tự luận 90	08h00	24/04/2026	BPH102 (35) ; BPH104 (35)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
536	252TOU30118	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tự luận 90	08h00	24/04/2026	DPH006 (70)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
537	252TOU30119	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tự luận 90	15h10	29/04/2026	HEC503 (70)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
538	252TOU30120	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tự luận 90	08h00	24/04/2026	HEC703 (50)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
539	252TOU30121	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tự luận 90	08h00	24/04/2026	BPH107 (50)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
540	252TOU30122	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tự luận 90	08h00	24/04/2026	HEC503 (50)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
541	252TOU30123	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tự luận 90	15h10	29/04/2026	DPH006 (50)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
542	252TOU30124	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tự luận 90	15h10	29/04/2026	DHT001 (70)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
543	252TOU30126	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	54	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	BPH008 (27) ; BPH012 (27)	Mai lý Hiền (61529)	
544	252TOU30128	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	79	Tự luận 90	09h40	24/04/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (39)	Mai lý Hiền (61529)	
545	252TOU30129	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	42	Tự luận 90	09h40	24/04/2026	DPH016 (43)	Mai lý Hiền (61529)	
546	252TOU30130	Địa lý du lịch Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tự luận 90	09h40	24/04/2026	BPH109 (46)	Mai lý Hiền (61529)	
547	252ORI30801	Địa lý và dân cư Trung Quốc	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	25	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	BPH012 (25)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
548	252ORI30802	Địa lý và dân cư Trung Quốc	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	25					Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
549	252HOS41101	Dịch vụ chăm sóc khách hàng	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tự luận 90	09h40	08/05/2026	HEC605 (30) ; HEC705 (30)	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)	
550	252HOS41102	Dịch vụ chăm sóc khách hàng	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	62	Tự luận 90	09h40	08/05/2026	HEC706 (31) ; HEC709 (31)	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)	
551	252HOS41002	Dịch vụ cung cấp tiệc bên ngoài	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	40	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	DHT001 (40)	Tô Hồng Gấm (60506)	
552	252VIE42901	Điện ảnh Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	56	Vấn đáp	08h00	10/05/2026	BPH014 (56)	Lương Đức Anh (60494)	
553	252LOG41401	Điều độ trong chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	62	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	HEC705 (31) ; HEC706 (31)	Nguyễn Ngọc Minh (61545)	
554	252NUR43001	Điều dưỡng cơ bản 2	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	34	Trắc nghiệm	15h10	16/04/2026	BPH106 (34)	Trần Thị Huyền (60682)	
555	252NUR43002	Điều dưỡng cơ bản 2	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	46	Trắc nghiệm	15h10	16/04/2026	BPH013 (46)	Nhữ Thị Thúy (61317)	
556	252PUR30701	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		28/02/2026		Nguyễn Thị Nhung (61145)	
557	252PUR30702	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/04/2026		Nguyễn Thị Nhung (61145)	
558	252PUR30703	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		28/02/2026		Nguyễn Thị Nhung (61145)	
559	252PUR30704	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/04/2026		Nguyễn Thị Nhung (61145)	
560	252PUR30705	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		25/02/2026		Hà Thúc Dũng (04103)	
561	252PUR30706	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		22/04/2026		Hà Thúc Dũng (04103)	
562	252PUR30707	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		25/02/2026		Hà Thúc Dũng (04103)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
563	252PUR30708	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	59	Tiểu luận		22/04/2026		Hà Thúc Dũng (04103)	
564	252PUR30709	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		27/02/2026		Hà Thúc Dũng (04103)	
565	252PUR30710	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		24/04/2026		Hà Thúc Dũng (04103)	
566	252PUR30711	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	58	Tiểu luận		27/02/2026		Tạ Xuân Hoài (04056)	
567	252PUR30712	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	46	Tiểu luận		24/04/2026		Tạ Xuân Hoài (04056)	
568	252PUR30713	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		27/02/2026		Tạ Xuân Hoài (04056)	
569	252PUR30714	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	30	Tiểu luận		24/04/2026		Tạ Xuân Hoài (04056)	
570	252PUR30719	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	79	Tiểu luận		24/03/2026		Nguyễn Duy Hải (04003)	
571	252PUR30720	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		24/03/2026		Nguyễn Duy Hải (04003)	
572	252PUR30721	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	79	Tiểu luận		02/04/2026		Nguyễn Duy Hải (04003)	
573	252PUR30722	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		02/04/2026		Nguyễn Duy Hải (04003)	
574	252PUR30723	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	47	Tiểu luận		01/03/2026		Bùi Thị Phương Hạ (60177)	
575	252PUR30724	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	42	Tiểu luận		26/04/2026		Bùi Thị Phương Hạ (60177)	
576	252PUR30725	Điều tra xã hội học	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	59	Tiểu luận		01/03/2026		Bùi Thị Phương Hạ (60177)	
577	252HUR40501	Định mức và tổ chức lao động khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	43	Tiểu luận		08/05/2026		Đỗ Minh Khoa (61174)	
578	252HUR40502	Định mức và tổ chức lao động khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	35	Tiểu luận		08/05/2026		Đỗ Minh Khoa (61174)	
579	252INT441401	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Tổng Minh Đạt (61282)	
580	252INT441402	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Tổng Minh Đạt (61282)	
581	252INT441403	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Đỗ Đình Trang (01011)	
582	252INT441404	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Báo cáo		06/05/2026		Đỗ Đình Trang (01011)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
583	252INT441405	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
584	252INT441406	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
585	252INT41403	Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin	2.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
586	252INT48401	Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính	2.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
587	252INT48402	Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính	2.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
588	252INT48403	Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính	2.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Dương Quang Triết (60165)	
589	252INT48404	Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính	2.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Báo cáo		06/05/2026		Dương Quang Triết (60165)	
590	252INT48405	Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính	2.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Báo cáo		06/05/2026		Phạm Thành Đạt (60515)	
591	252INT48406	Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính	2.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Báo cáo		06/05/2026		Phạm Thành Đạt (60515)	
592	252ELE42202	Đồ án chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Đồ án	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	3	Báo cáo		08/05/2026		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
593	252ELE42204	Đồ án chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Đồ án	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	2	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
594	252INT441701	Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính và truyền thông	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
595	252INT441702	Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính và truyền thông	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
596	252INT441703	Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính và truyền thông	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
597	252INT441704	Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính và truyền thông	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
598	252INT441705	Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính và truyền thông	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		06/05/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
599	252INT441706	Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính và truyền thông	3.00	Đồ án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Báo cáo		06/05/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
600	252ELE30501	Đồ án cơ sở Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Đồ án	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	3	Báo cáo		08/05/2026		Đàm Quốc Việt (60992)	
601	252ELE30502	Đồ án cơ sở Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Đồ án	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	3	Báo cáo		08/05/2026		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
602	252ELE30503	Đồ án cơ sở Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Đồ án	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	3	Báo cáo		08/05/2026		Hồ Quốc Bảo (60932)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
603	252ELE30504	Đồ án cơ sở Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.00	Đồ án	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	3	Báo cáo		08/05/2026		Phan Văn Hiệp (01040)	
604	252MMC42601	Đồ án Công nghệ truyền thông	3.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	15	Báo cáo		10/05/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
605	252MMC42602	Đồ án Công nghệ truyền thông	3.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	15	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)	
606	252MMC42603	Đồ án Công nghệ truyền thông	3.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	15	Báo cáo		10/05/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
607	252MMC41601	Đồ án sản xuất phim và quảng cáo	3.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	22	Báo cáo		10/05/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
608	252MMC41602	Đồ án sản xuất phim và quảng cáo	3.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	22	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)	
609	252MMC41603	Đồ án sản xuất phim và quảng cáo	3.00	Đồ án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	21	Báo cáo		10/05/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
610	252GRA40701	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	74	Bài tập lớn		20/04/2026		Trần văn Tiền (61441)	
611	252GRA40702	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	29			23/03/2026		Trần văn Tiền (61441)	
612	252GRA40703	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	45			23/03/2026		Trần văn Tiền (61441)	
613	252GRA41401	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		20/04/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
614	252GRA41402	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	43			23/03/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
615	252GRA41403	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	37			23/03/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
616	252GRA41404	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
617	252GRA41405	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	42			05/04/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
618	252GRA41406	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	38			05/04/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
619	252GRA41407	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		20/04/2026		Nguyễn Trọng Trường (61081)	
620	252GRA41408	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	31			04/05/2026		Nguyễn Trọng Trường (61081)	
621	252GRA41409	Đồ họa động (After Effects)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	49			04/05/2026		Nguyễn Trọng Trường (61081)	
622	252FRE51201	Đọc - viết nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	13	Tổng hợp	09h40	17/04/2026	BPH010 (13)	Phan Gia Thiên Trúc (61436)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
623	252NUR41301	Dược lý học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	46	Trắc nghiệm	09h40	13/04/2026	DMT018 (46)	Võ Văn Hải (60837)	
624	252NUR41302	Dược lý học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	52	Trắc nghiệm	08h00	14/04/2026	BMT002 (26) ; BMT004 (26)	Võ Văn Hải (60837)	
625	252NUR41303	Dược lý học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	26	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	DPH020 (26)	Nguyễn Minh Tùng (61147)	
626	252MAR40501	E - Marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Phùng Tiến Dũng (61624)	
627	252MAR40502	E - Marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Phùng Tiến Dũng (61624)	
628	252MAR40503	E - Marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Phùng Tiến Dũng (61624)	
629	252MAR40504	E - Marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Phùng Tiến Dũng (61624)	
630	252MAR40505	E - Marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Văn Hữu Quang Nhật (61067)	
631	252MAR40506	E - Marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Văn Hữu Quang Nhật (61067)	
632	252MAR40507	E - Marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Văn Hữu Quang Nhật (61067)	
633	252MAR40508	E - Marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Văn Hữu Quang Nhật (61067)	
634	252MAR40509	E - Marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Văn Hữu Quang Nhật (61067)	
635	252PHT12301	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
636	252PHT12302	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
637	252PHT12303	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
638	252PHT12304	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
639	252PHT12305	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
640	252PHT12307	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
641	252PHT12308	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
642	252PHT12309	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/02/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
643	252PHT12310	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/02/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
644	252PHT12101	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
645	252PHT12102	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
646	252PHT12103	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
647	252PHT12104	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
648	252PHT12105	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
649	252PHT12106	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
650	252PHT12107	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
651	252PHT12108	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		26/02/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
652	252PHT12109	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/02/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
653	252PHT12110	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/02/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
654	252PHT12111	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
655	252PHT12112	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
656	252PHT12113	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
657	252PHT12114	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
658	252PHT12115	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
659	252PHT12116	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		04/02/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
660	252PHT12117	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
661	252PHT12118	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
662	252PHT12119	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/02/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
663	252PHT12120	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/02/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
664	252PHT12121	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/04/2026		Nguyễn An Khang (61014)	
665	252PHT12122	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/04/2026		Nguyễn An Khang (61014)	
666	252PHT12123	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/04/2026		Quách Văn Toàn (60926)	
667	252PHT12124	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/04/2026		Quách Văn Toàn (60926)	
668	252PHT12125	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		05/04/2026		Nguyễn An Khang (61014)	
669	252PHT12126	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		05/04/2026		Nguyễn An Khang (61014)	
670	252PHT12127	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		05/04/2026		Quách Văn Toàn (60926)	
671	252PHT12128	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		05/04/2026		Quách Văn Toàn (60926)	
672	252PHT12129	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		30/03/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
673	252PHT12130	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		30/03/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
674	252PHT12001	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
675	252PHT12002	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
676	252PHT12003	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
677	252PHT12004	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
678	252PHT12005	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
679	252PHT12006	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
680	252PHT12007	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
681	252PHT12008	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
682	252PHT12009	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/02/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
683	252PHT12010	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/02/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
684	252PHT12011	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
685	252PHT12012	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
686	252PHT12013	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
687	252PHT12015	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
688	252PHT12016	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
689	252PHT12017	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
690	252PHT12021	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/04/2026		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
691	252PHT12023	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		05/04/2026		Bùi Huỳnh Tuấn (05043)	
692	252PHT12027	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
693	252PHT12029	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		11/03/2026		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
694	252PHT12030	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/03/2026		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
695	252PHT12201	GDTC 1 - Bóng rổ sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Trần Xuân Quang (60244)	
696	252PHT12202	GDTC 1 - Bóng rổ sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Nguyễn Trương Phương Uyên (61239)	
697	252PHT12205	GDTC 1 - Bóng rổ sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Nguyễn Trương Phương Uyên (61239)	
698	252PHT12209	GDTC 1 - Bóng rổ sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/02/2026		Phạm Xích Nam (61083)	
699	252PHT12501	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		02/03/2026		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	
700	252PHT12502	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/03/2026		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	
701	252PHT12503	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/03/2026		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
702	252PHT12504	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/03/2026		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	
703	252PHT12505	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/03/2026		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	
704	252PHT12506	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/03/2026		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	
705	252PHT12507	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/03/2026		Nguyễn Thị Thanh Trà (60884)	
706	252PHT12508	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/03/2026		Nguyễn Lê Trường Sơn (61232)	
707	252PHT12509	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/03/2026		Nguyễn Lê Trường Sơn (61232)	
708	252PHT12510	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/03/2026		Nguyễn Lê Trường Sơn (61232)	
709	252PHT12511	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/03/2026		Nguyễn Lê Trường Sơn (61232)	
710	252PHT12512	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/03/2026		Nguyễn Lê Trường Sơn (61232)	
711	252PHT12513	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/03/2026		Nguyễn Lê Trường Sơn (61232)	
712	252PHT12514	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/03/2026		Nguyễn Lê Trường Sơn (61232)	
713	252PHT12515	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/03/2026		Nguyễn Thị Phương Trang (61230)	
714	252PHT12516	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		14/03/2026		Nguyễn Thị Phương Trang (61230)	
715	252PHT12517	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		15/03/2026		Nguyễn Thị Phương Trang (61230)	
716	252PHT12518	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		15/03/2026		Nguyễn Thị Phương Trang (61230)	
717	252PHT12519	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		14/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
718	252PHT12520	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		14/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
719	252PHT12521	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		15/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
720	252PHT12522	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		15/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
721	252PHT12401	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
722	252PHT12402	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
723	252PHT12403	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		03/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
724	252PHT12404	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
725	252PHT12405	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
726	252PHT12406	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
727	252PHT12407	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
728	252PHT12408	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
729	252PHT12409	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
730	252PHT12410	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
731	252PHT12411	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		07/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
732	252PHT12412	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		07/02/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
733	252PHT12413	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/03/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
734	252PHT12414	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/03/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
735	252PHT12415	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Lương Phương Bình (60746)	
736	252PHT12416	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Lương Phương Bình (60746)	
737	252PHT12417	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Lương Phương Bình (60746)	
738	252PHT12418	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Lương Phương Bình (60746)	
739	252PHT12419	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		26/02/2026		Lương Phương Bình (60746)	
740	252PHT12420	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		26/02/2026		Lương Phương Bình (60746)	
741	252PHT12421	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/02/2026		Lương Phương Bình (60746)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
742	252PHT12422	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		07/02/2026		Lương Phương Bình (60746)	
743	252PHT12423	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		07/02/2026		Lương Phương Bình (60746)	
744	252PHT12424	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/02/2026		Lương Phương Bình (60746)	
745	252PHT12425	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/02/2026		Lương Phương Bình (60746)	
746	252PHT12426	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
747	252PHT12427	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
748	252PHT12428	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		07/02/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
749	252PHT12429	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		07/02/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
750	252PHT12430	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
751	252PHT10601	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
752	252PHT10602	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
753	252PHT10603	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
754	252PHT10604	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
755	252PHT10605	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
756	252PHT10606	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
757	252PHT10607	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
758	252PHT10608	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		26/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
759	252PHT10609	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
760	252PHT10610	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
761	252PHT10611	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		28/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
762	252PHT10612	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		07/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
763	252PHT10613	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
764	252PHT10614	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/02/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
765	252PHT10615	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
766	252PHT10616	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
767	252PHT10617	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
768	252PHT10618	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
769	252PHT10619	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
770	252PHT10620	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
771	252PHT10621	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
772	252PHT10622	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		26/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
773	252PHT10623	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		27/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
774	252PHT10624	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		06/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
775	252PHT10626	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		07/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
776	252PHT10628	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		08/02/2026		Phạm Thị Trúc Ly (61411)	
777	252PHT10629	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/02/2026		Nguyễn Hải Ngân (61468)	
778	252PHT10630	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/02/2026		Nguyễn Hải Ngân (61468)	
779	252PHT10801	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		30/03/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
780	252PHT10802	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		30/03/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
781	252PHT10803	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		31/03/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
782	252PHT10804	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	53	Thực hành		31/03/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
783	252PHT10807	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/04/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
784	252PHT10808	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	57	Thực hành		01/04/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
785	252PHT10715	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		01/04/2026		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
786	252PHT10717	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
787	252PHT11201	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/03/2026		Nguyễn Thị Phương Trang (61230)	
788	252PHT11210	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		06/03/2026		Nguyễn Thị Phương Trang (61230)	
789	252PHT11101	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		30/03/2026		Lương Phương Bình (60746)	
790	252PHT11102	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		30/03/2026		Lương Phương Bình (60746)	
791	252PHT11103	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		31/03/2026		Lương Phương Bình (60746)	
792	252PHT11104	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/04/2026		Lương Phương Bình (60746)	
793	252PHT11105	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		09/04/2026		Lương Phương Bình (60746)	
794	252PHT11106	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Lương Phương Bình (60746)	
795	252PHT11107	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/04/2026		Lương Phương Bình (60746)	
796	252PHT11108	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/04/2026		Lương Phương Bình (60746)	
797	252PHT11109	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/04/2026		Lương Phương Bình (60746)	
798	252PHT11110	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		05/04/2026		Lương Phương Bình (60746)	
799	252PHT11111	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		05/04/2026		Lương Phương Bình (60746)	
800	252PHT11112	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		30/03/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
801	252PHT11113	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		30/03/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
802	252PHT11114	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		02/02/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
803	252PHT11901	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/02/2026		Nguyễn Hải Ngân (61468)	
804	252PHT11601	GDTC 3 - Bơi lội nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/04/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
805	252PHT11602	GDTC 3 - Bơi lội nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	45	Thực hành		01/04/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
806	252PHT11603	GDTC 3 - Bơi lội nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
807	252PHT11604	GDTC 3 - Bơi lội nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
808	252PHT11606	GDTC 3 - Bơi lội nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	47	Thực hành		10/04/2026		Ngô Đăng Khoa (60162)	
809	252PHT11401	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/04/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
810	252PHT11402	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/04/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
811	252PHT11403	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
812	252PHT11404	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
813	252PHT11405	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/04/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
814	252PHT11406	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/04/2026		Võ Minh Tuấn (60925)	
815	252PHT11415	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		07/02/2026		Quách Văn Toàn (60926)	
816	252PHT11416	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		07/02/2026		Quách Văn Toàn (60926)	
817	252PHT11427	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
818	252PHT11428	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
819	252PHT11429	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/04/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
820	252PHT11430	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/04/2026		Đoàn Thanh Triền (60521)	
821	252PHT11307	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	54	Thực hành		30/03/2026		Nguyễn Phương Lâm (16011)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
822	252PHT11309	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	42	Thực hành		31/03/2026		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
823	252PHT11315	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/04/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
824	252PHT11317	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
825	252PHT11318	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	58	Thực hành		09/04/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
826	252PHT11319	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/04/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
827	252PHT11320	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	47	Thực hành		03/04/2026		Hoàng Hải Dương (60924)	
828	252PHT11507	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Phạm Xích Nam (61083)	
829	252PHT11509	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		10/04/2026		Phạm Xích Nam (61083)	
830	252PHT11801	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
831	252PHT11802	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		02/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
832	252PHT11803	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
833	252PHT11804	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
834	252PHT11805	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
835	252PHT11806	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
836	252PHT11807	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
837	252PHT11808	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
838	252PHT11809	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
839	252PHT11810	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		13/03/2026		Nguyễn Hương Liên (60853)	
840	252PHT11701	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		30/03/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
841	252PHT11702	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		30/03/2026		Trần Gia Vượng (60922)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
842	252PHT11703	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		31/03/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
843	252PHT11704	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		31/03/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
844	252PHT11705	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/04/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
845	252PHT11706	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		01/04/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
846	252PHT11707	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
847	252PHT11708	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
848	252PHT11709	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		10/04/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
849	252PHT11710	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		03/04/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
850	252PHT11711	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	59	Thực hành		04/04/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
851	252PHT11712	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/04/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
852	252PHT11713	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/04/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
853	252PHT11714	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		12/04/2026		Trần Gia Vượng (60922)	
854	252PHT11715	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
855	252PHT11716	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
856	252PHT11717	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/04/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
857	252PHT11718	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		04/04/2026		Lưu Nguyễn Danh Khoa (61229)	
858	252PHT12601	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		30/03/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
859	252PHT12602	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		30/03/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
860	252PHT12603	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		31/03/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
861	252PHT12605	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/04/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
862	252PHT12606	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		01/04/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
863	252PHT12607	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	60	Thực hành		09/04/2026		Nguyễn Hữu Nhân (60621)	
864	252NUR30301	Giải phẫu	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	68	Trắc nghiệm	13h30	24/04/2026	HEC609 (34) ; HEC709 (34)	Nguyễn Phi Hùng (60340)	
865	252NUR30302	Giải phẫu	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	68	Trắc nghiệm	09h40	23/04/2026	BPH111 (34) ; BPH112 (34)	Nguyễn Phi Hùng (60340)	
866	252NUR30303	Giải phẫu	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	23	Trắc nghiệm	13h30	24/04/2026	HEC703 (23)	Ngô Minh Quân (61393)	
867	252NUR30304	Giải phẫu	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	34	Trắc nghiệm	13h30	24/04/2026	HEC503 (34)	Phạm Trung Chính (61661)	
868	252MAR43801	Giải trí và truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
869	252MAR43802	Giải trí và truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	81	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
870	252PSY41802	Giáo dục gia đình và giáo dục trẻ cá biệt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	10	Tiểu luận		17/04/2026		Đỗ Hoàng Phúc (61079)	
871	252PSY30302	Giáo dục học đại cương	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	2	Tiểu luận		25/03/2026		Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)	
872	252PHT10101	Giáo dục thể chất 1	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	115	Thực hành		06/02/2026		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
873	252PHT10201	Giáo dục thể chất 2	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	105	Thực hành		06/02/2026		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
874	252PHT10301	Giáo dục thể chất 3	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	149	Thực hành		03/04/2026		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
875	252PHT10302	Giáo dục thể chất 3	1.00	Thực hành	Viện Khoa học thể thao	149	Thực hành		03/04/2026		Nguyễn Phương Lâm (16011)	
876	252SOS20502	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	09h40	21/04/2026	BPH007 (37) ; BPH103 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
877	252SOS20503	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	BPH013 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
878	252SOS20504	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	13h30	04/05/2026	BPH013 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
879	252SOS20505	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	13h30	17/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
880	252SOS20506	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Trắc nghiệm	13h30	17/04/2026	BPH014 (30) ; BPH112 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
881	252SOS20507	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	13h30	04/05/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
882	252SOS20509	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Trắc nghiệm	09h40	21/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Thành Đạt (61532)	
883	252SOS20510	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	13h30	17/04/2026	BPH007 (40) ; BPH109 (40) ; BPH110 (35) ; BPH111 (35)	Nguyễn Thành Đạt (61532)	
884	252SOS20511	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	13h30	17/04/2026	BPH013 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37)	Nguyễn Thành Đạt (61532)	
885	252SOS20512	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Lê Quang Đức (61597)	
886	252SOS20513	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	13h30	17/04/2026	BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37)	Lê Quang Đức (61597)	
887	252CHI42305	Giao tiếp thương mại cơ bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	36	Tổng hợp	09h40	20/04/2026	HEC605 (36)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
888	252CHI42306	Giao tiếp thương mại cơ bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	15h10	24/04/2026	KPH103 (39)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
889	252CHI42307	Giao tiếp thương mại cơ bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Tổng hợp	13h30	29/04/2026	KPH105 (41)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
890	252CHI42308	Giao tiếp thương mại cơ bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Tổng hợp	09h40	28/04/2026	HEC705 (41)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
891	252CHI42309	Giao tiếp thương mại cơ bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/04/2026	KPH003 (40)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
892	252CHI42401	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	HEC603 (40)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
893	252CHI42402	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	HEC609 (40)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
894	252CHI42403	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	13h30	20/04/2026	HEC706 (39)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
895	252CHI42404	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	20/04/2026	HEC709 (40)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
896	252CHI42405	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	HEC703 (39)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
897	252CHI42407	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	37	Tổng hợp	09h40	18/04/2026	HEC709 (37)	Âu Tuyền Diệu (60620)	
898	252CHI42408	Giao tiếp thương mại nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	26	Tổng hợp	13h30	06/05/2026	BPH008 (26)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
899	252HOS41502	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	67	Tự luận 90	09h40	15/04/2026	BPH110 (34) ; BPH112 (33)	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
900	252HOS41504	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	56	Tự luận 90	08h00	07/05/2026	BPH008 (28) ; BPH012 (28)	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
901	252TOU41701	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	12	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Ngọc Trinh (03113)	
902	252LIT32501	Hán Nôm cơ bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tổng hợp	15h10	15/04/2026	BPH008 (27) ; DPH022 (33)	Vũ Thị Thanh Trâm (60245)	
903	252LIT32502	Hán Nôm cơ bản	3.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60					Vũ Thị Thanh Trâm (60245)	
904	252LIT32503	Hán Nôm cơ bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	72	Tổng hợp	08h00	15/04/2026	BPH012 (36) ; DPH022 (36)	Vũ Thị Thanh Trâm (60245)	
905	252LIT32504	Hán Nôm cơ bản	3.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	72					Vũ Thị Thanh Trâm (60245)	
906	252LIT32507	Hán Nôm cơ bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	29	Tổng hợp	15h10	28/04/2026	HEC603 (29)	Vũ Thị Thanh Trâm (60245)	
907	252LIT32508	Hán Nôm cơ bản	3.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	29					Vũ Thị Thanh Trâm (60245)	
908	252LIT32509	Hán Nôm cơ bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	45	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	HEC603 (45)	Vũ Thị Thanh Trâm (60245)	
909	252LIT32510	Hán Nôm cơ bản	3.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	45					Vũ Thị Thanh Trâm (60245)	
910	252LIT32511	Hán Nôm cơ bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	54	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	HEC609 (27) ; HEC709 (27)	Vũ Thị Thanh Trâm (60245)	
911	252LIT32512	Hán Nôm cơ bản	3.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	54					Vũ Thị Thanh Trâm (60245)	
912	252ORI30701	Hán tự học tổng hợp	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	57	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	BPH009 (29) ; BPH012 (28)	Nguyễn Công Nguyên (25084)	
913	252ORI30702	Hán tự học tổng hợp	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	57					Nguyễn Công Nguyên (25084)	
914	252ORI30703	Hán tự học tổng hợp	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	45	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	BPH013 (45)	Nguyễn Công Nguyên (25084)	
915	252ORI30704	Hán tự học tổng hợp	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	45					Nguyễn Công Nguyên (25084)	
916	252BUS41601	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	90	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Thanh Quân (60375)	
917	252BUS41602	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	90	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Thanh Quân (60375)	
918	252BUS41603	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	90	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Thanh Quân (60375)	
919	252BUS41604	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	47	Tiểu luận		08/05/2026		Huỳnh Thị Mộng Cẩm (61457)	
920	252BUS41605	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Huỳnh Thị Mộng Cẩm (61457)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
921	252BUS41606	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Huỳnh Thị Mộng Cẩm (61457)	
922	252BUS41607	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Huỳnh Thị Mộng Cẩm (61457)	
923	252BUS41608	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
924	252BUS41609	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
925	252BUS41610	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
926	252BUS41611	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
927	252BUS41612	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
928	252BUS41616	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	74	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
929	252BUS41617	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Hồ Quốc Đức (60968)	
930	252BUS41618	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Hồ Quốc Đức (60968)	
931	252BUS41622	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tiểu luận		08/05/2026		Đỗ Thuận Hải (60967)	
932	252BUS41623	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Đỗ Thuận Hải (60967)	
933	252BUS41624	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tiểu luận		08/05/2026		Đỗ Thuận Hải (60967)	
934	252BUS41629	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Đặng Thị Cẩm Hiệp (61485)	
935	252BUS41630	Hành vi khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tiểu luận		08/05/2026		Đặng Thị Cẩm Hiệp (61485)	
936	252BUS41701	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	89	Tự luận 90	09h40	05/05/2026	HEC503 (45) ; HEC603 (45)	Phạm Phương Mai (02011)	
937	252BUS41702	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Phạm Phương Mai (02011)	
938	252BUS41703	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	HEC510 (45) ; HEC609 (45)	Phạm Phương Mai (02011)	
939	252BUS41704	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	08h00	04/05/2026	BPH008 (20) ; BPH109 (30) ; DPH015 (20) ; DPH022 (20)	Phạm Phương Mai (02011)	
940	252BUS41705	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	HEC703 (45) ; HEC709 (45)	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
941	252BUS41706	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
942	252BUS41707	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	13h30	07/05/2026	HEC510 (45) ; HEC609 (45)	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
943	252BUS41708	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	BPH102 (40) ; BPH103 (40)	Phạm Thị Diễm (07039)	
944	252BUS41709	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	BPH013 (40) ; BPH105 (40)	Phạm Thị Diễm (07039)	
945	252BUS41710	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	BPH007 (40) ; BPH109 (40)	Phạm Thị Diễm (07039)	
946	252BUS41711	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	BPH104 (40) ; BPH106 (40)	Phạm Thị Diễm (07039)	
947	252BUS41712	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Phạm Thị Diễm (07039)	
948	252BUS41713	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Phạm Thị Diễm (07039)	
949	252BUS41714	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	BPH009 (24) ; BPH103 (33) ; BPH107 (33)	Nguyễn Thị Thanh Tâm (61202)	
950	252BUS41715	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	BPH007 (30) ; BPH012 (30) ; BPH110 (30)	Nguyễn Thị Thanh Tâm (61202)	
951	252BUS41716	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	BPH012 (30) ; BPH110 (30) ; DPH022 (30)	Hồ Quốc Đức (60968)	
952	252BUS41717	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Hồ Quốc Đức (60968)	
953	252BUS41718	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	HEC510 (45) ; HEC609 (45)	Hồ Quốc Đức (60968)	
954	252BUS41719	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	BPH105 (33) ; BPH109 (33) ; DPH015 (24)	Hồ Quốc Đức (60968)	
955	252BUS41720	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	BPH013 (30) ; BPH102 (30) ; BPH104 (30)	Hồ Quốc Đức (60968)	
956	252BUS41721	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	BPH008 (30) ; BPH106 (30) ; BPH108 (30)	Hồ Quốc Đức (60968)	
957	252BUS41722	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Lâm Minh Trung (61544)	
958	252BUS41723	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	DPH017 (35) ; DPH020 (35)	Lâm Minh Trung (61544)	
959	252BUS41724	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	HEC503 (70)	Lâm Minh Trung (61544)	
960	252BUS41725	Hành vi tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	HEC603 (70)	Lâm Minh Trung (61544)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
961	252MMC41501	Hậu kỳ kỹ thuật số	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNPKHXH	34	Thực hành		24/04/2026		Nguyễn Trọng Trường (61081)	
962	252MMC41502	Hậu kỳ kỹ thuật số	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNPKHXH	34					Nguyễn Trọng Trường (61081)	
963	252INT41601	Hệ điều hành	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 60	15h10	17/04/2026	BPH108 (40) ; BPH110 (40)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
964	252INT41602	Hệ điều hành	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	46	Tự luận 60	08h00	16/04/2026	BPH013 (46)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
965	252INT41603	Hệ điều hành	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	30	Tự luận 60	15h10	17/04/2026	HEC603 (30)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
966	252INT41604	Hệ điều hành	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	47	Tự luận 60	15h10	17/04/2026	BPH109 (47)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
967	252INT41605	Hệ điều hành	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tự luận 60	13h30	18/04/2026	HEC609 (50)	Trần Trung Tín (61258)	
968	252INT440301	Hệ điều hành Linux	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	08h00	04/05/2026	BPH007 (30) ; BPH009 (25) ; BPH012 (25)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
969	252INT440302	Hệ điều hành Linux	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	33			05/04/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
970	252INT440303	Hệ điều hành Linux	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	47			05/04/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
971	252INT440304	Hệ điều hành Linux	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	68	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	HEC609 (34) ; HEC709 (34)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
972	252INT440305	Hệ điều hành Linux	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			23/03/2026		Nguyễn Đức Thụy (60964)	
973	252INT440306	Hệ điều hành Linux	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			23/03/2026		Nguyễn Đức Thụy (60964)	
974	252INT440307	Hệ điều hành Linux	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	68	Trắc nghiệm	09h40	04/05/2026	BPH008 (34) ; BPH012 (34)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
975	252INT440308	Hệ điều hành Linux	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			05/04/2026		Nguyễn Đức Thụy (60964)	
976	252INT440309	Hệ điều hành Linux	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			05/04/2026		Nguyễn Đức Thụy (60964)	
977	252INT440310	Hệ điều hành Linux	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	50	Trắc nghiệm	08h00	08/05/2026	DMT019 (50)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
978	252INT440311	Hệ điều hành Linux	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Nguyễn Đức Thụy (60964)	
979	252INT440801	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	35	Tự luận 90	09h40	24/04/2026	BPH012 (35)	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
980	252INT440802	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	35			05/04/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
981	252INT440804	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	41	Tự luận 90	09h40	24/04/2026	DHT001 (41)	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
982	252INT440805	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	41			05/04/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
983	252ACC40401	Hệ thống thông tin kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	48	Tiểu luận		27/04/2026		Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
984	252LOG41601	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	60	Tổng hợp	08h00	06/05/2026	KPH102 (30) ; KPH105 (30)	Nguyễn Thái Bình (61546)	
985	252LOG41602	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	38	Tổng hợp	09h40	29/04/2026	KPH101 (38)	Phạm Cao Văn (61541)	
986	252LOG41603	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	42	Tổng hợp	08h00	06/05/2026	KPH004 (42)	Phạm Cao Văn (61541)	
987	252LOG41605	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	38	Tổng hợp	08h00	06/05/2026	KPH101 (38)	Nguyễn Thái Bình (61546)	
988	252INT493101	Hệ thống tìm kiếm, phát hiện và ngăn ngừa xâm nhập	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	41	Tiểu luận		20/04/2026		Tổng Minh Đạt (61282)	
989	252INT493102	Hệ thống tìm kiếm, phát hiện và ngăn ngừa xâm nhập	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	41			05/04/2026		Tổng Minh Đạt (61282)	
990	252GRA41801	Hình họa	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
991	252GRA41802	Hình họa	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
992	252GRA41803	Hình họa	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			23/03/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
993	252GRA41804	Hình họa	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	81	Bài tập lớn		10/05/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
994	252GRA41805	Hình họa	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	47			23/03/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
995	252GRA41806	Hình họa	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			23/03/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
996	252ENG34103	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 60	13h30	05/05/2026	HEC503 (40)	Nguyễn Thanh Hải (60704)	
997	252ENG34104	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thanh Hải (60704)	
998	252ENG34105	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 60	13h30	20/04/2026	KPH001 (40)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
999	252ENG34106	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
1000	252ENG34109	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 60	13h30	20/04/2026	KPH004 (40)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1001	252ENG34110	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
1002	252ENG34111	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 60	09h40	18/04/2026	HEC603 (40)	Hồ THỊ Ngọc Thúy (61287)	
1003	252ENG34112	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Hồ THỊ Ngọc Thúy (61287)	
1004	252ENG34113	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	38	Tự luận 60	09h40	24/04/2026	HEC706 (38)	Nguyễn Thị Tấn (25151)	
1005	252ENG34114	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	38					Nguyễn Thị Tấn (25151)	
1006	252ENG34115	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	33	Tự luận 60	15h10	05/05/2026	HEC605 (33)	Nguyễn Thị Tấn (25151)	
1007	252ENG34116	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	33					Nguyễn Thị Tấn (25151)	
1008	252ENG34119	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 60	13h30	05/05/2026	HEC603 (40)	Nguyễn Thanh Hải (60704)	
1009	252ENG34120	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thanh Hải (60704)	
1010	252ENG34121	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tự luận 60	13h30	05/05/2026	HEC705 (20) ; HEC706 (20)	Nguyễn Thanh Hải (60704)	
1011	252ENG34122	Hình thái - Cú pháp học	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Nguyễn Thanh Hải (60704)	
1012	252ART37301	Hòa âm 2	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	36	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	HEC706 (36)	Đặng Thanh Liêm (26016)	
1013	252ART37302	Hòa âm 2	2.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	36					Đặng Thanh Liêm (26016)	
1014	252NAS20501	Hóa học đại cương	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	60	Trắc nghiệm	08h00	22/04/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
1015	252NAS20503	Hóa học đại cương	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	60	Trắc nghiệm	13h30	22/04/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
1016	252FOT31701	Hóa sinh thực phẩm và ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	60	Trắc nghiệm	09h40	23/04/2026	DMT010 (30) ; DMT011 (30)	Lâm Đức Cường (60226)	
1017	252FOT31702	Hóa sinh thực phẩm và ứng dụng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	30					Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
1018	252FOT31703	Hóa sinh thực phẩm và ứng dụng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	30					Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
1019	252HUR40601	Hoạch định và tuyển dụng nhân viên	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	43	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thị Thúy Mai (61078)	
1020	252TRA41501	Hoạt náo	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Vấn đáp	08h00	15/04/2026	HEC508 (30) ; HEC509 (30)	Tạ Đức Thụy (61530)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1021	252TRA41502	Hoạt náo	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLK	80	Vấn đáp	13h30	15/04/2026	HEC508 (40) ; HEC606 (40)	Tạ Đức Thụy (61530)	
1022	252SOS30401	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	80	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	BPH007 (40) ; DPH016 (40)	Phan Thị Hải Yến (60888)	
1023	252SOS30402	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	80	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Phan Thị Hải Yến (60888)	
1024	252SOS30403	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	80	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	HEC703 (40) ; HEC706 (40)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
1025	252SOS30410	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	60	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Lê Quang Thái (61367)	
1026	252SOS30411	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	80	Tự luận 90	09h40	09/05/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Lê Quang Thái (61367)	
1027	252SOS30412	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	60	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Lê Trần Quang Khang (61421)	
1028	252SOS30413	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	80	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Lê Trần Quang Khang (61421)	
1029	252SOS30414	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	80	Tự luận 90	09h40	09/05/2026	BPH102 (40) ; BPH103 (40)	Lê Trần Quang Khang (61421)	
1030	252SOS30415	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	70	Tự luận 90	08h00	20/04/2026	HEC503 (70)	Nguyễn Thị Vân (60933)	
1031	252SOS30416	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	70	Tự luận 90	08h00	22/04/2026	BPH110 (35) ; DPH022 (35)	Nguyễn Thị Vân (60933)	
1032	252SOS30417	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	72	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	BPH007 (37) ; BPH014 (35)	Trần Hùng Minh Phương (60465)	
1033	252SOS30418	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	67	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	BPH111 (34) ; BPH112 (34)	Trần Hùng Minh Phương (60465)	
1034	252SOS30419	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	60	Tự luận 90	08h00	22/04/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Trần Hùng Minh Phương (60465)	
1035	252SOS30420	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	60	Tự luận 90	09h40	22/04/2026	BPH008 (30) ; BPH110 (30)	Trần Hùng Minh Phương (60465)	
1036	252FRE51301	Hội nhập nghề nghiệp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	13	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Minh Thắng (60553)	
1037	252PSY41901	Hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	3	Tiểu luận		04/04/2026		Phạm Đình Khanh (60468)	
1038	252MAR43102	Kế hoạch truyền thông Marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	48	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Lê Đình Hiếu (61484)	
1039	252ACC43801	Kế toán chi phí	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	09h40	20/04/2026	HEC609 (40) ; HEC709 (40)	Vũ Thanh Long (02007), Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
1040	252ACC43802	Kế toán chi phí	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	80					Vũ Thanh Long (02007), Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1041	252LAW50701	Kế toán doanh nghiệp và pháp luật về chứng từ kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Bài tập lớn		17/04/2026		Ngô Thị Mỹ Thúy (61163)	
1042	252LAW50702	Kế toán doanh nghiệp và pháp luật về chứng từ kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	35	Bài tập lớn		17/04/2026		Ngô Thị Mỹ Thúy (61163)	
1043	252LAW50703	Kế toán doanh nghiệp và pháp luật về chứng từ kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	32	Bài tập lớn		18/04/2026		Nguyễn Thị Kim Trọng (61566)	
1044	252ACC40601	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	15h10	15/04/2026	BPH012 (30) ; DHT001 (50)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1045	252ACC40602	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	15h10	15/04/2026	HEC609 (40) ; HEC709 (40)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1046	252ACC40603	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tổng hợp	15h10	17/04/2026	HEC510 (30) ; HEC706 (30)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1047	252ACC40604	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tổng hợp	15h10	17/04/2026	HEC703 (30) ; HEC709 (30)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1048	252ACC40606	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tổng hợp	15h10	04/05/2026	DPH017 (33) ; DPH020 (32)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1049	252ACC40607	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tổng hợp	15h10	15/04/2026	HEC603 (50)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1050	252ACC40608	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tổng hợp	15h10	15/04/2026	HEC703 (50)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1051	252ACC40701	Kế toán Mỹ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	2	Bài tập lớn		15/04/2026		Võ Tấn Liêm (60142)	
1052	252ACC42501	Kế toán ngân hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	53	Tự luận 90	13h30	18/04/2026	HEC603 (53)	Phan Thị Lan Phương (60519)	
1053	252ACC42502	Kế toán ngân hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	67	Tự luận 90	13h30	18/04/2026	BPH012 (33) ; BPH014 (34)	Phan Thị Lan Phương (60519)	
1054	252ACC42503	Kế toán ngân hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	KPH004 (50)	Nguyễn Thành Long (02038)	
1055	252ACC42504	Kế toán ngân hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	47	Tự luận 90	13h30	18/04/2026	HEC503 (47)	Nguyễn Thành Long (02038)	
1056	252ACC42505	Kế toán ngân hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	13h30	18/04/2026	DHT001 (50)	Nguyễn Thành Long (02038)	
1057	252ACC42506	Kế toán ngân hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	13h30	18/04/2026	HEC703 (50)	Nguyễn Thành Long (02038)	
1058	252ACC42507	Kế toán ngân hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	37	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	HEC510 (37)	Phan Thị Lan Phương (60519)	
1059	252ACC42508	Kế toán ngân hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	HEC703 (50)	Phan Thị Lan Phương (60519)	
1060	252ACC42510	Kế toán ngân hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	35	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	HEC709 (35)	Phan Thị Lan Phương (60519)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1061	252ACC40901	Kế toán quản trị	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	BPH108 (39) ; BPH109 (40)	Nguyễn Đức Hải (06003)	
1062	252ACC40906	Kế toán quản trị	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	36	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	BPH102 (36)	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
1063	252ACC40907	Kế toán quản trị	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	39	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	BPH106 (39)	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
1064	252ACC40908	Kế toán quản trị	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	HEC603 (70)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1065	252ACC43501	Kế toán tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	09h40	07/05/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1066	252ACC43502	Kế toán tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	60					Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1067	252ACC43503	Kế toán tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	KPH101 (30) ; KPH104 (30)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1068	252ACC43504	Kế toán tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	60					Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1069	252ACC43505	Kế toán tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	38	Tự luận 90	15h10	09/05/2026	KPH103 (38)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1070	252ACC43506	Kế toán tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	38					Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1071	252ACC43507	Kế toán tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	41	Tự luận 90	09h40	07/05/2026	KPH001 (41)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1072	252ACC43508	Kế toán tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	41					Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1073	252ACC43701	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	69	Tự luận 90	09h40	21/04/2026	BPH108 (39) ; BPH110 (30)	Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1074	252ACC43702	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	69					Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
1075	252ACC43703	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	56	Tự luận 90	09h40	21/04/2026	BPH008 (26) ; BPH111 (30)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1076	252ACC43704	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	56					Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1077	252ACC43705	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Tự luận 90	15h10	21/04/2026	KPH003 (30)	Vũ Thanh Long (02007)	
1078	252ACC43706	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	30					Vũ Thanh Long (02007)	
1079	252ACC43601	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	61	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	KPH103 (31) ; KPH104 (30)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1080	252ACC43602	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	61					Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1081	252ACC43603	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	09h40	23/04/2026	BPH007 (30) ; BPH110 (30)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1082	252ACC43604	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	60					Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1083	252ACC43605	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	08h00	09/05/2026	KPH001 (35) ; KPH003 (35)	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1084	252ACC43606	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	70					Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
1085	252ACC43611	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	KPH103 (35) ; KPH104 (35)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1086	252ACC43612	Kế toán tài chính nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	70					Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
1087	252ACC43101	Kế toán xuất nhập khẩu	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	38	Tự luận 90	09h40	23/04/2026	HEC510 (38)	Nguyễn Thị Ánh Linh (61475)	
1088	252LOG41902	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	68	Tổng hợp	09h40	21/04/2026	HEC609 (38) ; HEC705 (30)	Nguyễn Thái Bình (61546)	
1089	252LOG41903	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	70	Tổng hợp	15h10	08/05/2026	HEC703 (70)	Trần Thị Bích Hồng (61323)	
1090	252LOG41904	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	64	Tổng hợp	15h10	08/05/2026	BPH008 (23) ; BPH009 (20) ; DPH015 (21)	Trần Thị Bích Hồng (61323)	
1091	252LOG41905	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	52	Tổng hợp	09h40	07/05/2026	BPH009 (26) ; DPH015 (26)	Trần Thị Bích Hồng (61323)	
1092	252ECO50601	Kho dữ liệu và OLAP	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	64	Tiểu luận		08/05/2026		Lê Hồng Danh (28007)	
1093	252ECO50602	Kho dữ liệu và OLAP	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	61	Tiểu luận		08/05/2026		Lê Hồng Danh (28007)	
1094	252KOR54501	Khóa luận tốt nghiệp	12.00	Luận án	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	1	Khóa luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
1095	252BUS41903	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Ngọc Lan (61449)	
1096	252BUS41904	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Ngọc Lan (61449)	
1097	252BUS41905	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	78	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
1098	252BUS41906	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	78	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
1099	252BUS41907	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	78	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1100	252BUS41908	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Luru Huy (02116)	
1101	252BUS41909	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Luru Huy (02116)	
1102	252BUS41910	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	78	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Luru Huy (02116)	
1103	252BUS41911	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	68	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Thanh Quân (60375)	
1104	252BUS41912	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Thanh Quân (60375)	
1105	252BUS41913	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tiểu luận		08/05/2026		Đình Ngọc Long (61405)	
1106	252BUS41914	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tiểu luận				Đình Ngọc Long (61405)	
1107	252BUS41915	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tiểu luận		08/05/2026		Đình Ngọc Long (61405)	
1108	252BUS41916	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Đình Ngọc Long (61405)	
1109	252BUS41917	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	78	Tiểu luận		08/05/2026		Đình Ngọc Long (61405)	
1110	252BUS41918	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tiểu luận		08/05/2026		Đình Ngọc Long (61405)	
1111	252BUS41919	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tiểu luận		08/05/2026		Đình Ngọc Long (61405)	
1112	252BUS41920	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	76	Tiểu luận		08/05/2026		Đình Ngọc Long (61405)	
1113	252BUS41921	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	51	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Hữu Quý (61559)	
1114	252BUS41922	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Hữu Quý (61559)	
1115	252BUS41923	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	37	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Hữu Quý (61559)	
1116	252BUS41924	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	48	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Hữu Quý (61559)	
1117	252BUS41925	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	56	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Hữu Quý (61559)	
1118	252BUS41927	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	78	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Hữu Quý (61559)	
1119	252BUS41928	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Hữu Quý (61559)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1120	252FOT45401	Kiểm nghiệm vi sinh thực phẩm	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	52	Trắc nghiệm	09h40	23/04/2026	BMT002 (27) ; BMT004 (26)	Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
1121	252FOT45402	Kiểm nghiệm vi sinh thực phẩm	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	29					Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
1122	252FOT45403	Kiểm nghiệm vi sinh thực phẩm	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	23					Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
1123	252NUR43201	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLISK	38	Trắc nghiệm	09h40	24/04/2026	HEC705 (38)	Lê Thị Kim Chi (60403)	
1124	252NUR43202	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLISK	43	Trắc nghiệm	08h00	17/04/2026	HEC709 (43)	Nguyễn Thị Sáu (61319)	
1125	252ACC44001	Kiểm soát nội bộ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	41	Tiểu luận		10/04/2026		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
1126	252ACC44002	Kiểm soát nội bộ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	44	Tiểu luận		10/04/2026		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
1127	252ACC44005	Kiểm soát nội bộ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	58	Tiểu luận		25/04/2026		Đào Văn Hào (60784)	
1128	252ACC44006	Kiểm soát nội bộ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		25/04/2026		Đào Văn Hào (60784)	
1129	252ACC44007	Kiểm soát nội bộ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		25/04/2026		Đào Văn Hào (60784)	
1130	252ACC44008	Kiểm soát nội bộ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	63	Tiểu luận		10/04/2026		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
1131	252ACC44101	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		05/05/2026		Đào Văn Hào (60784)	
1132	252ACC44102	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Đào Văn Hào (60784)	
1133	252ACC44103	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		05/05/2026		Đào Văn Hào (60784)	
1134	252ACC44104	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Đào Văn Hào (60784)	
1135	252ACC44105	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	38	Tiểu luận		21/04/2026		Đỗ Thị Hằng (61649)	
1136	252ACC44106	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	38					Đỗ Thị Hằng (61649)	
1137	252ACC44107	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	45	Tiểu luận		21/04/2026		Đỗ Thị Hằng (61649)	
1138	252ACC44108	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	45					Đỗ Thị Hằng (61649)	
1139	252ACC44113	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	43	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Tấn Quang (60783)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1140	252ACC44114	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	43					Nguyễn Tấn Quang (60783)	
1141	252ACC44115	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Tấn Quang (60783)	
1142	252ACC44116	Kiểm toán báo cáo tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Nguyễn Tấn Quang (60783)	
1143	252ACC41201	Kiểm toán căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tổng hợp	08h00	06/05/2026	BPH012 (35) ; DPH015 (30)	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
1144	252ACC41202	Kiểm toán căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	77	Tổng hợp	08h00	07/05/2026	DHT001 (77)	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
1145	252ACC41204	Kiểm toán căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	26	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	BPH009 (26)	Bùi Thị Trúc Quy (61480)	
1146	252ACC41205	Kiểm toán căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	43	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	HEC510 (43)	Nguyễn Tấn Quang (60783)	
1147	252ACC41206	Kiểm toán căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	38	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	HEC510 (38)	Nguyễn Tấn Quang (60783)	
1148	252ACC41301	Kiểm toán nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	49	Tổng hợp	13h30	14/04/2026	HEC709 (49)	Tăng Thị Thanh Thủy (61654)	
1149	252AUD40201	Kiểm toán thực hành	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	16	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Tấn Quang (60783)	
1150	252ENG49701	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tiểu luận		05/02/2026		Trần Công Nguyên (60081)	
1151	252ENG49703	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		04/02/2026		La Thị Hồng Loan (25106)	
1152	252ACC42101	Kiểm tập chuyên ngành kế toán	1.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Báo cáo		05/05/2026		Nguyễn Thành Long (02038)	
1153	252AUD30301	Kiểm tập chuyên ngành Kiểm toán	1.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	11	Báo cáo		17/04/2026		Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
1154	252PSY44301	Kiểm tập nghề nghiệp	1.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	2	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
1155	252COE31101	Kiểm trúc công trình	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	40	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	HEC703 (40)	Lê Văn Đờn Em (61372)	
1156	252INT30401	Kiểm trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	60	Trắc nghiệm	13h30	16/04/2026	DMT010 (30) ; DMT011 (30)	Đỗ Đình Trang (01011)	
1157	252INT30402	Kiểm trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	55	Trắc nghiệm	13h30	16/04/2026	DMT012 (28) ; DMT018 (27)	Đỗ Đình Trang (01011)	
1158	252INT30403	Kiểm trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	16/04/2026	DMT010 (40) ; DMT011 (40)	Đỗ Đình Trang (01011)	
1159	252INT30404	Kiểm trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Trắc nghiệm	15h10	16/04/2026	DMT012 (40) ; DMT018 (40)	Đỗ Đình Trang (01011)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1160	252INT30405	Kiến trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	68	Trắc nghiệm	15h10	16/04/2026	BMT002 (30) ; DMT019 (38)	Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1161	252INT30406	Kiến trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	54	Trắc nghiệm	13h30	16/04/2026	BMT002 (27) ; BMT004 (27)	Lê Công Hiếu (60834)	
1162	252INT30408	Kiến trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	68	Trắc nghiệm	09h40	16/04/2026	DMT011 (34) ; DMT012 (34)	Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1163	252INT30409	Kiến trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	40	Trắc nghiệm	08h00	23/04/2026	DMT018 (40)	Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1164	252INT30410	Kiến trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	42	Trắc nghiệm	09h40	16/04/2026	DMT018 (42)	Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1165	252INT30412	Kiến trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	55	Trắc nghiệm	09h40	16/04/2026	BMT002 (28) ; BMT004 (27)	Tổng Minh Đạt (61282)	
1166	252INT30414	Kiến trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	37	Trắc nghiệm	08h00	14/04/2026	DMT018 (38)	Tổng Minh Đạt (61282)	
1167	252INT30416	Kiến trúc máy tính	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	54	Trắc nghiệm	08h00	16/04/2026	BMT004 (24) ; DMT019 (30)	Tổng Minh Đạt (61282)	
1168	252TRA41601	Kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	55	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	HEC603 (55)	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
1169	252BUS41801	Kinh doanh quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	43	Tiểu luận		08/05/2026		Võ Hoàng Bắc (02136)	
1170	252BUS41803	Kinh doanh quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tiểu luận		08/05/2026		Lưu Thị Ngọc Quỳnh (61614)	
1171	252BUS41804	Kinh doanh quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Xuân Hoàng Hải (61419)	
1172	252BUS41805	Kinh doanh quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Xuân Hoàng Hải (61419)	
1173	252BUS41806	Kinh doanh quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tiểu luận		08/05/2026		Lưu Thị Ngọc Quỳnh (61614)	
1174	252POL10601	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	09h40	04/05/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Võ Thị Kim Loan (61053)	
1175	252POL10602	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	148	Trắc nghiệm	13h30	04/05/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (49)	Võ Thị Kim Loan (61053)	
1176	252POL10603	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	15h10	06/05/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Võ Thị Kim Loan (61053)	
1177	252POL10604	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	15h10	06/05/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Võ Thị Kim Loan (61053)	
1178	252POL10605	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
1179	252POL10606	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	149	Trắc nghiệm	13h30	06/05/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1180	252POL10607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	128	Trắc nghiệm	13h30	04/05/2026	BMT002 (31) ; DMT018 (48) ; DMT019 (49)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
1181	252POL10608	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	128	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	BMT002 (32) ; DMT010 (48) ; DMT011 (48)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
1182	252POL10610	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	128	Trắc nghiệm	08h00	09/05/2026	BMT004 (32) ; DMT012 (48) ; DMT018 (48)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
1183	252POL10611	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	09h40	05/05/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
1184	252POL10612	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
1185	252POL10613	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	09h40	07/05/2026	BMT002 (30) ; DMT010 (45) ; DMT011 (45)	Hồ Ngọc Khương (60311)	
1186	252POL10614	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	09h40	07/05/2026	BMT004 (30) ; DMT012 (45) ; DMT018 (45)	Hồ Ngọc Khương (60311)	
1187	252POL10615	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	09h40	09/05/2026	BMT002 (30) ; DMT010 (45) ; DMT011 (45)	Hồ Ngọc Khương (60311)	
1188	252POL10616	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	09h40	09/05/2026	BMT004 (30) ; DMT012 (45) ; DMT018 (45)	Hồ Ngọc Khương (60311)	
1189	252POL10617	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	13h30	07/05/2026	BMT002 (30) ; DMT010 (45) ; DMT011 (45)	Hồ Ngọc Khương (60311)	
1190	252POL10618	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	13h30	08/05/2026	BMT004 (30) ; DMT012 (45) ; DMT018 (45)	Hồ Ngọc Khương (60311)	
1191	252POL10619	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	15h10	18/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
1192	252POL10620	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	13h30	06/05/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
1193	252POL10621	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	128	Trắc nghiệm	08h00	04/05/2026	BMT002 (30) ; DMT010 (49) ; DMT011 (49)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
1194	252POL10622	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	128	Trắc nghiệm	13h30	08/05/2026	BMT002 (32) ; DMT010 (48) ; DMT011 (48)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
1195	252POL10623	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	127	Trắc nghiệm	15h10	18/04/2026	BMT002 (32) ; DMT018 (48) ; DMT019 (48)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
1196	252POL10624	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	128	Trắc nghiệm	09h40	08/05/2026	BMT004 (32) ; DMT012 (48) ; DMT018 (48)	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
1197	252POL10625	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	13h30	07/05/2026	BMT004 (30) ; DMT012 (45) ; DMT018 (45)	Đoàn Xuân Toàn (60808)	
1198	252POL10626	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	15h10	07/05/2026	BMT002 (30) ; DMT010 (45) ; DMT011 (45)	Đoàn Xuân Toàn (60808)	
1199	252POL10627	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	119	Trắc nghiệm	15h10	07/05/2026	BMT004 (30) ; DMT012 (45) ; DMT018 (45)	Đoàn Xuân Toàn (60808)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1200	252POL10628	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	08h00	08/05/2026	BMT002 (30) ; DMT010 (45) ; DMT011 (45)	Đoàn Xuân Toàn (60808)	
1201	252POL10629	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	15h10	08/05/2026	BMT002 (30) ; DMT010 (45) ; DMT011 (45)	Đoàn Xuân Toàn (60808)	
1202	252POL10630	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	15h10	08/05/2026	BMT004 (30) ; DMT012 (45) ; DMT018 (45)	Đoàn Xuân Toàn (60808)	
1203	252POL10631	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	13h30	09/05/2026	BMT002 (30) ; DMT010 (45) ; DMT011 (45)	Đoàn Xuân Toàn (60808)	
1204	252POL10633	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	09h40	04/05/2026	BMT002 (30) ; DMT010 (45) ; DMT011 (45)	Tô Thanh My (60497)	
1205	252POL10634	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Trắc nghiệm	08h00	09/05/2026	BMT002 (30) ; DMT010 (45) ; DMT011 (45)	Tô Thanh My (60497)	
1206	252POL10635	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Nguyễn Thúy Duy (60770)	
1207	252POL10636	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	08h00	05/05/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thúy Duy (60770)	
1208	252POL10637	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	13h30	05/05/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thúy Duy (60770)	
1209	252POL10638	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	13h30	05/05/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thúy Duy (60770)	
1210	252POL10639	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	15h10	05/05/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Nguyễn Thúy Duy (60770)	
1211	252POL10640	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	08h00	06/05/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Thúy Duy (60770)	
1212	252POL10641	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	08h00	05/05/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Phạm Việt Em (61045)	
1213	252POL10642	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	15h10	05/05/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Phạm Việt Em (61045)	
1214	252POL10643	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	08h00	06/05/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Phạm Việt Em (61045)	
1215	252POL10644	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	13h30	18/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Trần Thị Huyền Trang (60786)	
1216	252POL10645	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	08h00	04/05/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Trần Thị Huyền Trang (60786)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1217	252POL10646	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	08h00	07/05/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Trần Thị Huyền Trang (60786)	
1218	252POL10647	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	08h00	07/05/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Trần Thị Huyền Trang (60786)	
1219	252POL10648	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Trắc nghiệm	09h40	05/05/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Trần Thị Huyền Trang (60786)	
1220	252POL10649	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	128	Trắc nghiệm	08h00	08/05/2026	BMT004 (32) ; DMT012 (48) ; DMT018 (48)	Trần Thị Huyền Trang (60786)	
1221	252POL10650	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	128	Trắc nghiệm	09h40	08/05/2026	BMT002 (32) ; DMT010 (48) ; DMT011 (48)	Trần Thị Huyền Trang (60786)	
1222	252HOS41604	Kinh tế du lịch khách sạn	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	61	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	HEC510 (30) ; HEC609 (31)	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
1223	252ECO20101	Kinh tế học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Hồ Cao Việt (02035)	
1224	252ECO20102	Kinh tế học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	68	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	BPH109 (38) ; BPH112 (30)	Hồ Cao Việt (02035)	
1225	252ECO20107	Kinh tế học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	71	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	BPH007 (40) ; BPH014 (31)	Nguyễn Tuấn Việt (61554)	
1226	252ECO30201	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	35	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	DPH017 (35)	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
1227	252ECO30204	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	42	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	BPH109 (42)	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
1228	252ECO30205	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	BPH104 (39) ; BPH105 (40)	Võ Thái Hiệp (61444)	
1229	252ECO30206	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	62	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	BPH008 (31) ; BPH009 (31)	Võ Thái Hiệp (61444)	
1230	252ECO30207	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Võ Thái Hiệp (61444)	
1231	252ECO30208	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Võ Thái Hiệp (61444)	
1232	252ECO30209	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	BPH102 (30) ; BPH110 (30)	Tô Thị Kim Hồng (02085)	
1233	252ECO30210	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	HEC703 (72)	Tô Thị Kim Hồng (02085)	
1234	252ECO30213	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	DPH006 (70)	Huỳnh Đạt Hùng (61212)	
1235	252ECO30214	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	HEC503 (70)	Huỳnh Đạt Hùng (61212)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1236	252ECO30215	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	HEC603 (70)	Huỳnh Đạt Hùng (61212)	
1237	252ECO30216	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	HEC703 (70)	Huỳnh Đạt Hùng (61212)	
1238	252ECO30217	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	49	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	BPH107 (49)	Đoàn Việt Hùng (61195)	
1239	252ECO30218	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	68	Tự luận 90	13h30	07/05/2026	BPH007 (34) ; BPH110 (34)	Đoàn Việt Hùng (61195)	
1240	252ECO30221	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Trần Quốc Khánh Cường (61176)	
1241	252ECO30222	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Trần Quốc Khánh Cường (61176)	
1242	252ECO30223	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	59	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	HEC510 (30) ; HEC609 (29)	Trần Quốc Khánh Cường (61176)	
1243	252ECO30224	Kinh tế lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	BPH106 (30) ; BPH108 (30)	Trần Quốc Khánh Cường (61176)	
1244	252ECO31901	Kinh tế phát triển	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	26	Tiểu luận		10/05/2026		Đỗ Gioan Hào (61557)	
1245	252ECO30301	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	117	Tự luận 90	09h40	17/04/2026	BPH106 (40) ; BPH108 (37) ; BPH109 (40)	Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
1246	252ECO30302	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	116	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (37) ; BPH107 (40)	Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
1247	252ECO30303	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	53	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	DHT001 (54)	Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
1248	252ECO30304	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	39	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	HEC510 (39)	Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
1249	252ECO30305	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	52	Tự luận 90	13h30	13/04/2026	DPH017 (26) ; DPH020 (26)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1250	252ECO30306	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	66	Tự luận 90	08h00	15/04/2026	DPH017 (33) ; DPH020 (33)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1251	252ECO30307	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	44	Tự luận 90	08h00	15/04/2026	HEC510 (44)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1252	252ECO30308	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	82	Tự luận 90	08h00	15/04/2026	BPH103 (41) ; BPH105 (41)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1253	252ECO30309	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	87	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	BPH107 (44) ; BPH109 (44)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1254	252ECO30310	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	88	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	BPH106 (44) ; BPH108 (44)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1255	252ECO30311	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	78	Tự luận 90	08h00	15/04/2026	BPH107 (39) ; BPH109 (39)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1256	252ECO30312	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	BPH014 (30) ; BPH111 (30)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1257	252ECO30313	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	42	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	BPH109 (42)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1258	252ECO30314	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	48	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	HEC503 (48)	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
1259	252ECO30315	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	DPH006 (70)	Dương Thế Duy (61062)	
1260	252ECO30316	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	HEC703 (70)	Dương Thế Duy (61062)	
1261	252ECO30317	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	09h40	17/04/2026	HEC703 (70)	Dương Thế Duy (61062)	
1262	252ECO30318	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	08h00	15/04/2026	BPH102 (35) ; BPH104 (35)	Dương Thế Duy (61062)	
1263	252ECO30319	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	08h00	15/04/2026	BPH106 (35) ; BPH108 (35)	Dương Thế Duy (61062)	
1264	252ECO30320	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	09h40	17/04/2026	DPH006 (70)	Dương Thế Duy (61062)	
1265	252ECO30321	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	BPH108 (38) ; BPH110 (32)	Dương Thế Duy (61062)	
1266	252ECO30322	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	BPH106 (40) ; BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Đoàn Thị Vân (27003)	
1267	252ECO30323	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	BPH007 (40) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Đoàn Thị Vân (27003)	
1268	252ECO30324	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	13h30	17/04/2026	HEC510 (45) ; HEC703 (75)	Đoàn Thị Vân (27003)	
1269	252ECO30325	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	119	Tự luận 90	09h40	17/04/2026	BPH103 (40) ; BPH104 (40) ; BPH105 (39)	Đoàn Thị Vân (27003)	
1270	252ECO30326	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	128	Tự luận 90	09h40	17/04/2026	BPH111 (32) ; DPH017 (32) ; DPH020 (32) ; DPH022 (32)	Đoàn Thị Vân (27003)	
1271	252ECO30327	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	13h30	13/04/2026	BPH013 (40) ; BPH102 (40)	Võ Tấn Liêm (60142)	
1272	252ECO30328	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	69	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	BPH102 (35) ; BPH104 (35)	Phạm Tiến Thành (61556)	
1273	252ECO30329	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	13h30	17/04/2026	HEC603 (70)	Phạm Tiến Thành (61556)	
1274	252ECO30330	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	09h40	17/04/2026	BPH007 (35) ; BPH102 (35)	Phạm Tiến Thành (61556)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1275	252ECO30331	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	BPH110 (35) ; BPH112 (35)	Phạm Tiến Thành (61556)	
1276	252ECO30333	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	39	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	BPH103 (39)	Nguyễn Phương Nam (61627)	
1277	252ECO30338	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	BPH105 (40) ; BPH109 (40)	Bùi Thị Mai Phương (61629)	
1278	252ECO30339	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	09h40	17/04/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Bùi Thị Mai Phương (61629)	
1279	252ECO30340	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	96	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	DPH017 (32) ; DPH020 (32) ; DPH022 (32)	Lữ Xuân Trang (61628)	
1280	252ECO30341	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	HEC609 (40) ; HEC709 (40)	Lữ Xuân Trang (61628)	
1281	252ECO30342	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	08h00	15/04/2026	BPH007 (40) ; DPH016 (40)	Lữ Xuân Trang (61628)	
1282	252ECO30343	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	48	Tự luận 90	13h30	13/04/2026	HEC510 (48)	Lữ Xuân Trang (61628)	
1283	252ECO30344	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	68	Tự luận 90	09h40	17/04/2026	BPH107 (38) ; BPH112 (30)	Nguyễn Phúc Khánh (61591)	
1284	252ECO30345	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	BPH012 (30) ; BPH111 (30)	Nguyễn Phúc Khánh (61591)	
1285	252ECO30346	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Nguyễn Thanh Nhân (61664)	
1286	252ECO30347	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	57	Tự luận 90	09h40	17/04/2026	HEC510 (29) ; HEC709 (28)	Nguyễn Thanh Nhân (61664)	
1287	252ECO30348	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tự luận 90	13h30	13/04/2026	BPH007 (40)	Võ Hoàng Bắc (02136)	
1288	252ECO30349	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	35	Tự luận 90	08h00	15/04/2026	BPH013 (35)	Nguyễn Việt Thắng (60778)	
1289	252ECO30351	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	52	Tự luận 90	13h30	17/04/2026	HEC709 (52)	Võ Hoàng Bắc (02136)	
1290	252ECO30352	Kinh tế vi mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	75	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	BPH013 (37) ; BPH103 (38)	Nguyễn Việt Thắng (60778)	
1291	252ECO30401	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	78	Tự luận 90	09h40	05/05/2026	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Hồ Cao Việt (02035)	
1292	252ECO30402	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Hồ Cao Việt (02035)	
1293	252ECO30403	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	15h10	05/05/2026	DPH006 (70)	Hồ Cao Việt (02035)	
1294	252ECO30404	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	15h10	13/04/2026	BPH106 (35) ; BPH110 (35)	Nguyễn Thái Dung (60530)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1295	252ECO30405	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	15h10	13/04/2026	DPH017 (35) ; DPH022 (35)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
1296	252ECO30406	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	13h30	28/04/2026	HEC503 (70)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
1297	252ECO30407	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	69	Tự luận 90	09h40	28/04/2026	HEC503 (70)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
1298	252ECO30408	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	09h40	28/04/2026	BPH104 (35) ; BPH108 (35)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
1299	252ECO30409	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	DPH006 (70)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
1300	252ECO30410	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	09h40	28/04/2026	KPH101 (70)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
1301	252ECO30411	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	09h40	28/04/2026	DHT001 (70)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
1302	252ECO30412	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	15h10	05/05/2026	HEC503 (70)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
1303	252ECO30413	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
1304	252ECO30414	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	09h40	28/04/2026	BPH105 (40) ; BPH107 (40)	Nguyễn Thái Dung (60530)	
1305	252ECO30415	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	09h40	28/04/2026	BPH014 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Đoàn Thị Vân (27003)	
1306	252ECO30416	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	HEC510 (30) ; HEC605 (30) ; HEC609 (30) ; HEC709 (30)	Đoàn Thị Vân (27003)	
1307	252ECO30417	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	BPH104 (40) ; BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Đoàn Thị Vân (27003)	
1308	252ECO30418	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	BPH103 (40) ; BPH107 (40) ; BPH109 (40)	Đoàn Thị Vân (27003)	
1309	252ECO30419	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	09h40	29/04/2026	BPH103 (40) ; BPH105 (40)	Đoàn Thị Vân (27003)	
1310	252ECO30420	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	48	Tự luận 90	08h00	14/04/2026	BPH103 (48)	Lê Thành Trung (61620)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1311	252ECO30421	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	44	Tự luận 90	09h40	28/04/2026	BPH103 (44)	Lê Thành Trung (61620)	
1312	252ECO30423	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	49	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	BPH007 (49)	Lê Thành Trung (61620)	
1313	252ECO30426	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	09h40	29/04/2026	BPH111 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Thị Bích Vi (61615)	
1314	252ECO30427	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	BPH013 (40) ; BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Nguyễn Thị Bích Vi (61615)	
1315	252ECO30428	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	BPH014 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Thị Bích Vi (61615)	
1316	252ECO30429	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	BPH013 (35) ; BPH102 (35)	Nguyễn Thị Bích Vi (61615)	
1317	252ECO30430	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	68	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	BPH014 (34) ; BPH110 (34)	Nguyễn Thị Bích Vi (61615)	
1318	252ECO30432	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	09h40	29/04/2026	BPH107 (40) ; BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)	
1319	252ECO30433	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tự luận 90	09h40	28/04/2026	BPH013 (36) ; BPH102 (36)	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)	
1320	252ECO30434	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tự luận 90	09h40	29/04/2026	BPH013 (36) ; BPH102 (36)	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)	
1321	252ECO30435	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tự luận 90	08h00	14/04/2026	DPH014 (36) ; DPH016 (36)	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)	
1322	252ECO30436	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	120	Tự luận 90	13h30	28/04/2026	BPH012 (30) ; BPH109 (30) ; BPH110 (30) ; DPH017 (30)	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)	
1323	252ECO30437	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tự luận 90	09h40	29/04/2026	BPH104 (36) ; BPH110 (36)	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)	
1324	252ECO30438	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	55	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	BPH111 (27) ; BPH112 (28)	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)	
1325	252ECO30439	Kinh tế vĩ mô	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	HEC703 (50)	Nguyễn Thị Thu Thủy (61616)	
1326	252ECO31601	Kinh tế vi mô nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	34	Tiểu luận		08/05/2026		Trương Ngọc Hào (61278)	
1327	252ECO31602	Kinh tế vi mô nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	37	Tiểu luận		08/05/2026		Trương Ngọc Hào (61278)	
1328	252ECO31604	Kinh tế vi mô nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	37	Tiểu luận		08/05/2026		Trương Ngọc Hào (61278)	
1329	252SOS10101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	150	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
1330	252SOS10102	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	150	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1331	252SOS10103	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	119	Tổng hợp	13h30	24/04/2026	BPH013 (40) ; BPH102 (39) ; BPH103 (40)	Phạm Thu Phương (25049)	
1332	252SOS10104	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	86	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	BPH107 (43) ; BPH109 (43)	Phạm Thu Phương (25049)	
1333	252SOS10105	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	94	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	BPH007 (32) ; BPH108 (32) ; BPH112 (30)	Phạm Thu Phương (25049)	
1334	252SOS10109	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	86	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	BPH103 (43) ; BPH105 (43)	Phạm Thu Phương (25049)	
1335	252SOS10110	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	144	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	BPH013 (37) ; BPH102 (36) ; BPH104 (36) ; BPH106 (36)	Phạm Thu Phương (25049)	
1336	252SOS10111	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	106	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	BPH109 (40) ; BPH110 (34) ; BPH111 (32)	Phạm Thu Phương (25049)	
1337	252SOS10116	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	64	Tổng hợp	13h30	24/04/2026	DPH017 (32) ; DPH020 (32)	Lê Thị Nam Phương (60436)	
1338	252SOS10121	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	79	Tổng hợp	13h30	24/04/2026	DPH014 (39) ; DPH016 (40)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
1339	252SOS10122	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	57	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	BPH111 (28) ; BPH112 (29)	Phan Thị Hải Yến (60888)	
1340	252BIO50202	KLTN Công nghệ sinh học	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	1	Khóa luận		08/05/2026		Nguyễn Thành Vũ (60325)	
1341	252INT58702	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
1342	252INT58703	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Đỗ Đình Trang (01011)	
1343	252INT58704	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Tổng Minh Đạt (61282)	
1344	252INT58707	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Lê Thanh Phong (60650)	
1345	252INT58708	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
1346	252INT58709	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Khóa luận		06/05/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
1347	252INT58710	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
1348	252INT58712	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Khóa luận		06/05/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
1349	252INT58714	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
1350	252INT58715	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Khóa luận		06/05/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1351	252INT58717	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		06/05/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
1352	252INT58718	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		06/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
1353	252INT58719	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
1354	252INT58720	KLTN Công nghệ thông tin	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
1355	252ORI50201	KLTN Đông phương học	12.00	Luận án	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	1	Khóa luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
1356	252ORI50202	KLTN Đông phương học	12.00	Luận án	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	1	Khóa luận		10/05/2026		Cao Thúy Oanh (25004)	
1357	252ORI50203	KLTN Đông phương học	12.00	Luận án	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	1	Khóa luận		10/05/2026		Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
1358	252ORI50204	KLTN Đông phương học	12.00	Luận án	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	1	Khóa luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
1359	252ORI50205	KLTN Đông phương học	12.00	Luận án	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	1	Khóa luận		10/05/2026		Phạm Thu Phương (25049)	
1360	252ORI50206	KLTN Đông phương học	12.00	Luận án	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	1	Khóa luận		10/05/2026		Phạm Thu Phương (25049)	
1361	252ORI50207	KLTN Đông phương học	12.00	Luận án	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	1	Khóa luận		10/05/2026		Phạm Thu Phương (25049)	
1362	252TOU50404	KLTN Du lịch	12.00	Luận án	Khoa Du lịch_TDLSK	1	Khóa luận		10/05/2026		Ngô An (03111)	
1363	252TOU50405	KLTN Du lịch	12.00	Luận án	Khoa Du lịch_TDLSK	1	Khóa luận		10/05/2026		Du Quốc Đạo (60734)	
1364	252INT58801	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
1365	252INT58802	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
1366	252INT58803	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		06/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
1367	252INT58806	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Dương Quang Triết (60165)	
1368	252INT58807	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
1369	252INT58808	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	3	Khóa luận		06/05/2026		Lương Thái Hiền (01005)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1370	252INT58809	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	2	Khóa luận		06/05/2026		Phạm Thành Đạt (60515)	
1371	252INT58810	KLTN Khoa học máy tính	12.00	Luận án	Khoa Công nghệ thông tin	1	Khóa luận		06/05/2026		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
1372	252LOG50201	KLTN Logistics và QLCCU	12.00	Luận án	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	1	Khóa luận		08/05/2026		Vũ Ngọc Bích (61328)	
1373	252LOG50202	KLTN Logistics và QLCCU	12.00	Luận án	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	1	Khóa luận		08/05/2026		Đặng Thành Luân (61025)	
1374	252LOG50205	KLTN Logistics và QLCCU	12.00	Luận án	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	1	Khóa luận		08/05/2026		Vũ Ngọc Bích (61328)	
1375	252LAW50201	KLTN Luật	12.00	Luận án	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Khóa luận		10/05/2026		Vũ Thị Nga (60542)	
1376	252LAW50203	KLTN Luật	12.00	Luận án	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Khóa luận		10/05/2026		Bùi Thanh Vũ (60848)	
1377	252LAW50204	KLTN Luật	12.00	Luận án	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Khóa luận		10/05/2026		Chu Mạnh Hiển (60357)	
1378	252MAR52902	KLTN Marketing	12.00	Luận án	Khoa Kinh tế_TKD	1	Khóa luận		10/05/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
1379	252MAR52905	KLTN Marketing	12.00	Luận án	Khoa Kinh tế_TKD	1	Khóa luận		10/05/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
1380	252MAR52906	KLTN Marketing	12.00	Luận án	Khoa Kinh tế_TKD	3	Khóa luận		10/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1381	252ENG51501	KLTN Ngôn ngữ Anh	12.00	Luận án	Khoa Ngoại ngữ	1	Khóa luận		10/05/2026		Nguyễn Trường Giang (60976)	
1382	252ENG51503	KLTN Ngôn ngữ Anh	12.00	Luận án	Khoa Ngoại ngữ	1	Khóa luận		10/05/2026		Nguyễn Châu Long (60817)	
1383	252ENG51504	KLTN Ngôn ngữ Anh	12.00	Luận án	Khoa Ngoại ngữ	1	Khóa luận		10/05/2026		Nguyễn Thanh Hải (60704)	
1384	252JAP59001	KLTN Ngôn ngữ Nhật	12.00	Luận án	Khoa Ngoại ngữ	1	Khóa luận		08/05/2026		Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
1385	252JAP59002	KLTN Ngôn ngữ Nhật	12.00	Luận án	Khoa Ngoại ngữ	1	Khóa luận		08/05/2026		Cao Thị Phương Thảo (25042)	
1386	252JAP59003	KLTN Ngôn ngữ Nhật	12.00	Luận án	Khoa Ngoại ngữ	1	Khóa luận		08/05/2026		Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
1387	252JAP59004	KLTN Ngôn ngữ Nhật	12.00	Luận án	Khoa Ngoại ngữ	1	Khóa luận		08/05/2026		Cao Thị Phương Thảo (25042)	
1388	252FRE50201	KLTN Ngôn ngữ Pháp	12.00	Luận án	Khoa Ngoại ngữ	1	Khóa luận		10/05/2026		Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1389	252PUR52101	KLTN Quan hệ công chúng	12.00	Luận án	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	1	Khóa luận		10/05/2026		Phạm Thị Hương (04042)	
1390	252HOS53610	KLTN Quản trị khách sạn	12.00	Luận án	Khoa Du lịch_TDLSK	1	Khóa luận		10/05/2026		Tô Hồng Gấm (60506)	
1391	252MAN52701	KLTN Quản trị kinh doanh	12.00	Luận án	Khoa Quản trị_TKD	1	Khóa luận		10/05/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
1392	252MAN52702	KLTN Quản trị kinh doanh	12.00	Luận án	Khoa Quản trị_TKD	1	Khóa luận		10/05/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
1393	252MAN52703	KLTN Quản trị kinh doanh	12.00	Luận án	Khoa Quản trị_TKD	1	Khóa luận		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
1394	252FIN53801	KLTN Tài chính - Ngân hàng	12.00	Luận án	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Khóa luận		28/04/2026		Nguyễn Văn Thầy (61310)	
1395	252ECO50901	KLTN Thương mại điện tử	12.00	Luận án	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	1	Khóa luận		10/05/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
1396	252ECO50902	KLTN Thương mại điện tử	12.00	Luận án	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	1	Khóa luận		10/05/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
1397	252LAW41701	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	15h10	29/04/2026	HEC705 (30) ; HEC706 (30)	Tạ Thúc Hoàng (61294)	
1398	252LAW41702	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tự luận 90	09h40	29/04/2026	HEC503 (40)	Tạ Thúc Hoàng (61294)	
1399	252LAW41703	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	46	Tự luận 90	09h40	06/05/2026	HEC603 (46)	Tạ Thúc Hoàng (61294)	
1400	252LAW41704	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	41	Tự luận 90	09h40	29/04/2026	HEC510 (41)	Võ Thị Bích Nhung (61360)	
1401	252ICHI32501	Kỹ năng đọc 2	3.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	33	Tổng hợp	09h40	13/04/2026	HEC706 (33)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
1402	252ICHI33101	Kỹ năng Đọc 4	3.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	46	Tổng hợp	09h40	14/04/2026	HEC510 (46)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
1403	252ENG48401	Kỹ năng đối ngoại	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	36	Tiểu luận		15/04/2026		Hồ Thị Hiếu (61354)	
1404	252ENG48402	Kỹ năng đối ngoại	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	36			15/04/2026		Hồ Thị Hiếu (61354)	
1405	252SKL20207	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		14/04/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
1406	252SKL20208	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		14/04/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
1407	252SKL20209	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		14/04/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
1408	252SKL20210	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		13/04/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1409	252SKL20211	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		13/04/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
1410	252SKL20212	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		23/04/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
1411	252SKL20215	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	78	Tiểu luận		13/04/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)	
1412	252SKL20216	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		14/04/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)	
1413	252SKL20217	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		23/04/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)	
1414	252SKL20218	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		17/04/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)	
1415	252SKL20221	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		13/04/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
1416	252SKL20222	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		14/04/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
1417	252SKL20223	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		23/04/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
1418	252SKL20224	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		23/04/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
1419	252SKL20233	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tiểu luận		12/04/2026		Nguyễn Thị Hưng Thanh (60260)	
1420	252SKL20234	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Tiểu luận		05/04/2026		Nguyễn Thị Hưng Thanh (60260)	
1421	252SKL20235	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	120	Tiểu luận		05/04/2026		Trần Đình Huy (60767)	
1422	252SKL20236	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	120	Tiểu luận		12/04/2026		Trần Đình Huy (60767)	
1423	252LIT42901	Kỹ năng lễ tân	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	1	Tiểu luận		24/03/2026		Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
1424	252CHI33101	Kỹ năng nghe - nói 5	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	7	Vấn đáp	08h00	13/04/2026	HEC705 (5)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
1425	252ICHI32801	Kỹ năng Nghe 2	3.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	33	Trắc nghiệm	09h40	15/04/2026	HEC605 (33)	Lê Thị Thanh Thảo (61646)	
1426	252ICHI33001	kỹ năng Nghe 4	3.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	45	Trắc nghiệm	09h40	13/04/2026	HEC603 (45)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
1427	252ICHI42801	Kỹ năng Nói 2	3.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	33	Vấn đáp	13h30	15/04/2026	HEC605 (33)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
1428	252ICHI43001	Kỹ năng Nói 4	3.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	47	Vấn đáp	13h30	28/04/2026	HEC508 (47)	Huỳnh Thị Hoa (61122)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1429	252VIE20105	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	81	Tiểu luận		15/04/2026		Hồ Văn Quốc (04129)	
1430	252VIE20106	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		15/04/2026		Hồ Văn Quốc (04129)	
1431	252VIE20107	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		23/04/2026		Hồ Văn Quốc (04129)	
1432	252VIE20108	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		23/04/2026		Hồ Văn Quốc (04129)	
1433	252VIE20109	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		17/04/2026		Hồ Văn Quốc (04129)	
1434	252VIE20110	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		17/04/2026		Hồ Văn Quốc (04129)	
1435	252VIE20111	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/04/2026		Hồ Văn Quốc (04129)	
1436	252VIE20112	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/04/2026		Hồ Văn Quốc (04129)	
1437	252VIE20115	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	96	Tiểu luận		15/04/2026		Nguyễn A Say (11006)	
1438	252VIE20116	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	71	Tiểu luận		11/04/2026		Trương Thị Thủy Hằng (04041)	
1439	252VIE20117	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		14/04/2026		Đặng Thị Lệ Thương (61464)	
1440	252VIE20118	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		23/04/2026		Đặng Thị Lệ Thương (61464)	
1441	252VIE20119	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		15/04/2026		Đặng Thị Lệ Thương (61464)	
1442	252VIE20120	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		24/04/2026		Đặng Thị Lệ Thương (61464)	
1443	252VIE20124	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/04/2026		Lê Thị Thúy Hằng (60906)	
1444	252VIE20125	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/04/2026		Lê Thị Thúy Hằng (60906)	
1445	252VIE20126	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		26/04/2026		Lê Thị Thúy Hằng (60906)	
1446	252MMC41801	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		12/04/2026		Nguyễn Ngọc Thúy Quỳnh (60493)	
1447	252MMC41802	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		19/04/2026		Nguyễn Thị Phước (60765)	
1448	252MMC41803	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	59	Tiểu luận		26/04/2026		Nguyễn Thị Phước (60765)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1449	252ART42601	Kỹ năng thị xướng	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	4	Thực hành		07/05/2026		Hồ Duy Trường (60188)	
1450	252CHI42701	Kỹ năng thuyết trình	1.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	24	Báo cáo		28/04/2026		Lê Thanh Thu (60457)	
1451	252LAW41801	Kỹ năng tư vấn luật thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	HEC503 (30) ; HEC609 (30)	Trần Tấn Hùng (61680)	
1452	252LAW50602	Kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	26	Tự luận 90	13h30	18/04/2026	HEC705 (26)	Võ Thị Hồng Vy (61267)	
1453	252LAW50603	Kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	37	Tự luận 90	15h10	18/04/2026	BPH012 (37)	Võ Thị Hồng Vy (61267)	
1454	252LAW50604	Kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	78	Tự luận 90	15h10	18/04/2026	BPH008 (27) ; BPH009 (26) ; BPH011 (25)	Võ Thị Hồng Vy (61267)	
1455	252ICHI42501	Kỹ năng Viết 2	3.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	33	Tổng hợp	15h10	16/04/2026	BPH102 (33)	Phan Thành Nhật (60751)	
1456	252ICHI43101	Kỹ năng Viết 4	3.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	45	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	HEC609 (45)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
1457	252MMC40701	Kỹ thuật Audio Video	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Thực hành		15/04/2026		Huỳnh Văn Minh (61099)	
1458	252MMC40702	Kỹ thuật Audio Video	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	75	Thực hành		17/04/2026		Huỳnh Văn Minh (61099)	
1459	252MMC40901	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Thực hành		22/03/2026		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1460	252MMC40902	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60					Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1461	252MMC40903	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Thực hành		22/03/2026		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1462	252MMC40904	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60					Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1463	252MMC40905	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Thực hành		23/02/2026		Huỳnh Văn Minh (61099)	
1464	252MMC40906	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60					Huỳnh Văn Minh (61099)	
1465	252MMC40907	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Thực hành		21/03/2026		Huỳnh Văn Minh (61099)	
1466	252MMC40908	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72					Huỳnh Văn Minh (61099)	
1467	252MMC40909	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Thực hành		01/03/2026		Huỳnh Văn Minh (61099)	
1468	252MMC40910	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72					Huỳnh Văn Minh (61099)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1469	252MMC40911	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Thực hành		28/02/2026		Nguyễn Trọng Trường (61081)	
1470	252MMC40912	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72					Nguyễn Trọng Trường (61081)	
1471	252MMC40913	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61	Thực hành		25/02/2026		Huỳnh Văn Minh (61099)	
1472	252MMC40914	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61					Huỳnh Văn Minh (61099)	
1473	252MMC40915	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Thực hành		25/03/2026		Nguyễn Trọng Trường (61081)	
1474	252MMC40916	Kỹ thuật dựng phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60					Nguyễn Trọng Trường (61081)	
1475	252CTE40401	Kỹ thuật dựng phim 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	10	Thực hành		05/05/2026		Lê Hữu Phước Thành (61515)	
1476	252CTE40402	Kỹ thuật dựng phim 1	2.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	10					Lê Hữu Phước Thành (61515)	
1477	252ELE44501	Kỹ thuật lập trình cho hệ thống nhúng	4.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	59	Tự luận 90	09h40	23/04/2026	DPH020 (29) ; DPH022 (30)	Đàm Quốc Việt (60992)	
1478	252ELE44502	Kỹ thuật lập trình cho hệ thống nhúng	4.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Đàm Quốc Việt (60992)	
1479	252ELE44503	Kỹ thuật lập trình cho hệ thống nhúng	4.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	29					Đàm Quốc Việt (60992)	
1480	252CHI35102	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	36	Trắc nghiệm	08h00	15/04/2026	HEC503 (36)	Hoàng Văn Cường (25128)	
1481	252CHI35103	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	21/04/2026	KPH003 (40)	Hoàng Văn Cường (25128)	
1482	252CHI35104	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	21/04/2026	KPH002 (40)	Hoàng Văn Cường (25128)	
1483	252CHI35105	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	15/04/2026	KPH002 (40)	Hoàng Văn Cường (25128)	
1484	252CHI35106	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	15/04/2026	KPH102 (40)	Hoàng Văn Cường (25128)	
1485	252MMC40801	Kỹ thuật quay phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61	Thực hành		27/02/2026		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1486	252MMC40802	Kỹ thuật quay phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61					Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1487	252MMC40803	Kỹ thuật quay phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	74	Thực hành		27/02/2026		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1488	252MMC40804	Kỹ thuật quay phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	74					Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1489	252MMC40805	Kỹ thuật quay phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	63	Thực hành		21/03/2026		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1490	252MMC40806	Kỹ thuật quay phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	63					Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1491	252MMC40807	Kỹ thuật quay phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	68	Thực hành		28/02/2026		Trần Minh Hùng (60567)	
1492	252MMC40808	Kỹ thuật quay phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	68					Trần Minh Hùng (60567)	
1493	252MMC40809	Kỹ thuật quay phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	62	Thực hành		21/03/2026		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1494	252MMC40810	Kỹ thuật quay phim	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	62					Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
1495	252MAR43401	Kỹ thuật SEO	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Ngọc Chiêu Đăng (61636)	
1496	252MAR43402	Kỹ thuật SEO	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Ngọc Chiêu Đăng (61636)	
1497	252MAR43403	Kỹ thuật SEO	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	67	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Ngọc Chiêu Đăng (61636)	
1498	252MAR43404	Kỹ thuật SEO	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Ngọc Chiêu Đăng (61636)	
1499	252FOT31601	Kỹ thuật thực phẩm 2	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	60	Tự luận 90	15h10	04/05/2026	HEC510 (30) ; HEC709 (30)	Nguyễn Bùi Hữu Tuấn (61521)	
1500	252FOT31602	Kỹ thuật thực phẩm 2	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	60						
1501	252MMC41401	Kỹ thuật trường quay	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	45	Thực hành		25/04/2026		Huỳnh Văn Minh (61099)	
1502	252ART31801	Kỹ xương âm 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	30	Thực hành		24/04/2026		Hồ Duy Trường (60188)	
1503	252ART31802	Kỹ xương âm 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	34	Thực hành		24/04/2026		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
1504	252ART37201	Kỹ xương âm 4	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	28	Thực hành		06/05/2026		Hồ Duy Trường (60188)	
1505	252ART37202	Kỹ xương âm 4	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	25	Thực hành		22/04/2026		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
1506	252ART35101	Kỹ xương âm 5	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Thực hành		22/04/2026		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
1507	252ART36201	Kỹ xương âm 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Thực hành		22/04/2026		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
1508	252BUS42105	Lập kế hoạch kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	58	Tiểu luận		24/04/2026		Ngô Tấn Hiệp (25098)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1509	252BUS42109	Lập kế hoạch kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	50	Tiểu luận		24/04/2026		Đinh Hoàng Anh Tuấn (60201)	
1510	252BUS42110	Lập kế hoạch kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	42	Tiểu luận		24/04/2026		Đinh Hoàng Anh Tuấn (60201)	
1511	252INT32401	Lập trình C++	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	13h30	16/04/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Quách Anh Dũng (01014)	
1512	252INT32402	Lập trình C++	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	48			23/03/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
1513	252INT32403	Lập trình C++	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	32			23/03/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
1514	252INT32404	Lập trình C++	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	09h40	16/04/2026	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Quách Anh Dũng (01014)	
1515	252INT32405	Lập trình C++	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	36			05/04/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
1516	252INT32406	Lập trình C++	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	44			05/04/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
1517	252INT32407	Lập trình C++	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	49	Tự luận 90	08h00	14/04/2026	DHT001 (49)	Phạm Trọng Huynh (60773)	
1518	252INT32408	Lập trình C++	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	49			23/03/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
1519	252INT32410	Lập trình C++	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	30	Tự luận 90	13h30	16/04/2026	BPH111 (30)	Đỗ Đình Trang (01011)	
1520	252INT32411	Lập trình C++	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			17/04/2026		Trần Văn Ngân (61155)	
1521	252INT32413	Lập trình C++	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tự luận 90	09h40	13/04/2026	BPH012 (25) ; BPH104 (25)	Đỗ Đình Trang (01011)	
1522	252INT32415	Lập trình C++	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			05/04/2026		Đặng Ngọc Thơm (61158)	
1523	252INT32416	Lập trình C++	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	34	Tự luận 90	09h40	13/04/2026	HEC609 (34)	Đỗ Đình Trang (01011)	
1524	252INT32417	Lập trình C++	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			23/03/2026		Trần Văn Ngân (61155)	
1525	252INT32419	Lập trình C++	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	30	Tự luận 90	09h40	16/04/2026	BPH111 (30)	Đỗ Đình Trang (01011)	
1526	252INT32421	Lập trình C++	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			23/03/2026		Đặng Ngọc Thơm (61158)	
1527	252INT440401	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	76	Tự luận 90	08h00	23/04/2026	BPH110 (26) ; BPH111 (25) ; BPH112 (25)	Đỗ Đình Trang (01011)	
1528	252INT440402	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	26			05/04/2026		Bùi Thị Hoàng Anh (61076)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1529	252INT440403	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Bùi Thị Hoàng Anh (61076)	
1530	252INT440404	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	08h00	23/04/2026	BPH013 (40) ; DHT001 (40)	Đỗ Đình Trang (01011)	
1531	252INT440405	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	45			23/03/2026		Đinh Thị Tâm (01045)	
1532	252INT440406	Lập trình C++ nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	35			04/05/2026		Trần Trung Tín (61258)	
1533	252INT440601	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	47	Trắc nghiệm	09h40	23/04/2026	DMT012 (47)	Lê Thanh Phong (60650)	
1534	252INT440602	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	47			23/03/2026		Lê Thanh Phong (60650)	
1535	252INT440604	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	27	Trắc nghiệm	13h30	09/05/2026	BPH012 (27)	Lê Thanh Phong (60650)	
1536	252INT440606	Lập trình hướng đối tượng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	27			23/03/2026		Lê Thanh Phong (60650)	
1537	252INT32201	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	15h10	05/05/2026	BPH008 (27) ; BPH009 (26) ; BPH012 (27)	Đặng Ngọc Thom (61158)	
1538	252INT32202	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
1539	252INT32203	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			23/03/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
1540	252INT32204	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	08h00	29/04/2026	DHT001 (80)	Đặng Văn Lực (60719)	
1541	252INT32205	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	33			05/04/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
1542	252INT32206	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	47			05/04/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
1543	252INT32207	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	13h30	15/04/2026	BPH012 (30) ; DHT001 (50)	Đặng Văn Lực (60719)	
1544	252INT32208	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	42			23/03/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
1545	252INT32209	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	38			23/03/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
1546	252INT32210	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	72	Tự luận 90	13h30	07/05/2026	DHT001 (72)	Đặng Văn Lực (60719)	
1547	252INT32211	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	39			04/05/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
1548	252INT32212	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	33			04/05/2026		Đặng Văn Lực (60719)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1549	252INT32213	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	73	Tự luận 90	13h30	07/05/2026	BPH008 (36) ; BPH012 (37)	Đặng Văn Lực (60719)	
1550	252INT32214	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	45			05/04/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
1551	252INT32215	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	28			05/04/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
1552	252INT32216	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	15h10	21/04/2026	DHT001 (80)	Dương Quang Triết (60165)	
1553	252INT32217	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	44			05/04/2026		Dương Quang Triết (60165)	
1554	252INT32218	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	36			05/04/2026		Dương Quang Triết (60165)	
1555	252INT32219	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	09h40	28/04/2026	BPH008 (27) ; BPH009 (26) ; BPH012 (27)	Tô Hồ Hải (60893)	
1556	252INT32220	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	48			05/04/2026		Tô Hồ Hải (60893)	
1557	252INT32221	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	32			05/04/2026		Tô Hồ Hải (60893)	
1558	252INT32222	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	15h10	28/04/2026	BPH008 (27) ; BPH009 (26) ; BPH012 (27)	Tô Hồ Hải (60893)	
1559	252INT32223	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	42			05/04/2026		Tô Hồ Hải (60893)	
1560	252INT32224	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	38			05/04/2026		Tô Hồ Hải (60893)	
1561	252INT32225	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	68	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	BPH008 (34) ; BPH012 (34)	Dương Thái Bảo (60940)	
1562	252INT32226	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			05/04/2026		Dương Thái Bảo (60940)	
1563	252INT32227	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			05/04/2026		Dương Thái Bảo (60940)	
1564	252INT32228	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	68	Tự luận 90	13h30	28/04/2026	BPH008 (34) ; BPH009 (34)	Dương Thái Bảo (60940)	
1565	252INT32229	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			05/04/2026		Dương Thái Bảo (60940)	
1566	252INT32230	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			05/04/2026		Dương Thái Bảo (60940)	
1567	252INT32231	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	68	Tự luận 90	13h30	17/04/2026	BPH009 (34) ; BPH012 (34)	Tạ Chí Qui Nhơn (60556)	
1568	252INT32232	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			05/04/2026		Tạ Chí Qui Nhơn (60556)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1569	252INT32233	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			23/03/2026		Tạ Chí Qui Nhon (60556)	
1570	252INT32234	Lập trình Java	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	68	Tự luận 90	09h40	28/04/2026	BPH007 (38) ; BPH011 (30)	Tạ Chí Qui Nhon (60556)	
1571	252INT32235	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			04/05/2026		Tạ Chí Qui Nhon (60556)	
1572	252INT32236	Lập trình Java	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			05/04/2026		Tạ Chí Qui Nhon (60556)	
1573	252INT486101	Lập trình mạng	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		20/04/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
1574	252INT486102	Lập trình mạng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
1575	252INT486103	Lập trình mạng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			23/03/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
1576	252INT486104	Lập trình mạng	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tiểu luận		20/04/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
1577	252INT486105	Lập trình mạng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			23/03/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
1578	252INT486106	Lập trình mạng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
1579	252INT486107	Lập trình mạng	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	43	Tiểu luận		20/04/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
1580	252INT486108	Lập trình mạng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	43			23/03/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
1581	252INT421101	Lập trình trên các thiết bị di động	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		20/04/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
1582	252INT421102	Lập trình trên các thiết bị di động	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	38			15/04/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
1583	252INT421103	Lập trình trên các thiết bị di động	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	42			15/04/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
1584	252INT440701	Lập trình web	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Lê Thanh Phong (60650)	
1585	252INT440702	Lập trình web	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	49			04/05/2026		Lê Thanh Phong (60650)	
1586	252INT440703	Lập trình web	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	31			04/05/2026		Lê Thanh Phong (60650)	
1587	252INT440704	Lập trình web	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	72	Bài tập lớn		20/04/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1588	252INT440705	Lập trình web	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	37			23/03/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1589	252INT440706	Lập trình web	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	35			23/03/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1590	252INT440707	Lập trình web	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	72	Bài tập lớn		10/05/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1591	252INT440708	Lập trình web	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	31			05/04/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1592	252INT440709	Lập trình web	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	41			05/04/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1593	252INT440710	Lập trình web	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	68	Bài tập lớn		20/04/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1594	252INT440711	Lập trình web	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			23/03/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1595	252INT440712	Lập trình web	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			23/03/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
1596	252INT424101	Lập trình web nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	72	Bài tập lớn		10/05/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
1597	252INT424102	Lập trình web nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	37			05/04/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
1598	252INT424103	Lập trình web nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	35			05/04/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
1599	252LAW42101	Lập và quản lý dự án đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	56	Tiểu luận		08/04/2026		Lê Phan Thanh Hòa (61356)	
1600	252HOS30101	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Tự luận 90	15h10	14/04/2026	HEC503 (34)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
1601	252HOS30102	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Tự luận 90	15h10	05/05/2026	BPH014 (34)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
1602	252HOS30104	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	79	Tự luận 90	15h10	14/04/2026	HEC706 (39) ; HEC709 (40)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
1603	252HOS30105	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	15h10	14/04/2026	BPH012 (30) ; DHT001 (50)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
1604	252HOS30106	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	78	Tự luận 90	15h10	05/05/2026	DHT001 (78)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
1605	252HOS30107	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	77	Tự luận 90	15h10	05/05/2026	BPH106 (37) ; BPH107 (40)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
1606	252HOS30108	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	15h10	05/05/2026	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
1607	252ART37401	Lịch sử âm nhạc phương Tây	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	54	Bài tập lớn		23/04/2026		Hồ Duy Trường (60188)	
1608	252ART37402	Lịch sử âm nhạc phương Tây	2.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	54					Hồ Duy Trường (60188)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1609	252ART22701	Lịch sử âm nhạc phương Tây 2	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	6	Bài tập lớn		07/05/2026		Hồ Duy Trường (60188)	
1610	252ART22801	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	24	Tự luận 60	15h10	20/04/2026	HEC705 (24)	Đặng Thanh Liêm (26016)	
1611	252POL10801	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	13/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1612	252POL10802	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	15/04/2026	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Vũ Thị Hằng (61369)	
1613	252POL10803	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	15/04/2026	BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1614	252POL10804	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	18/04/2026	BPH007 (37) ; BPH105 (38) ; BPH107 (38) ; DPH014 (37)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
1615	252POL10805	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	09/05/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)	
1616	252POL10806	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	15/04/2026	BPH103 (38) ; BPH102 (37) ; BPH104 (37)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
1617	252POL10807	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	15/04/2026	BPH103 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH109 (38)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
1618	252POL10808	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	13/04/2026	BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37) ; BPH109 (38)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
1619	252POL10819	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	147	Trắc nghiệm	13h30	18/04/2026	BPH102 (35) ; BPH103 (38) ; BPH104 (36) ; BPH105 (38)	Ngô Thị Hân (61218)	
1620	252POL10820	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	135	Trắc nghiệm	15h10	18/04/2026	BPH102 (32) ; BPH103 (36) ; BPH104 (34) ; BPH106 (33)	Ngô Thị Hân (61218)	
1621	252POL10823	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	124	Trắc nghiệm	08h00	22/04/2026	BPH007 (40) ; BPH109 (42) ; DPH016 (42)	Phạm Thị Hồng Nhung (61638)	
1622	252POL10826	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	95	Trắc nghiệm	13h30	15/04/2026	BPH110 (32) ; BPH111 (31) ; BPH112 (32)	Đặng Thị Minh Phượng (61050)	
1623	252POL10827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	100	Trắc nghiệm	15h10	15/04/2026	BPH007 (40) ; BPH110 (30) ; DPH020 (30)	Phạm Thị Hồng Nhung (61638)	
1624	252POL10828	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	08h00	22/04/2026	BPH102 (36) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH105 (38)	Nguyễn Minh Quân (61003)	
1625	252POL10829	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	92	Trắc nghiệm	13h30	15/04/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (31) ; DPH022 (31)	Nguyễn Minh Quân (61003)	
1626	252POL10830	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	94	Trắc nghiệm	08h00	21/04/2026	BPH110 (34) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Nguyễn Minh Quân (61003)	
1627	252POL10832	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	75	Trắc nghiệm	08h00	21/04/2026	BPH102 (37) ; BPH103 (38)	Ngô Thị Hân (61218)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1628	252POL10838	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	89	Trắc nghiệm	09h40	22/04/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (29)	Trần Đình Ánh (60931)	
1629	252POL10840	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	118	Trắc nghiệm	13h30	13/04/2026	BPH103 (40) ; BPH104 (38) ; BPH105 (40)	Trần Đình Ánh (60931)	
1630	252POL10842	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	76	Trắc nghiệm	13h30	15/04/2026	BPH007 (38) ; BPH109 (38)	Trần Đình Ánh (60931)	
1631	252POL10844	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	09h40	22/04/2026	BPH013 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37)	Ngô Thị Hân (61218)	
1632	252POL10845	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	08h00	22/04/2026	BPH013 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37)	Ngô Thị Hân (61218)	
1633	252POL10846	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	95	Trắc nghiệm	15h10	15/04/2026	BPH014 (30) ; BPH102 (35) ; BPH111 (30)	Nguyễn Trọng Minh (61550)	
1634	252POL10847	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	96	Trắc nghiệm	09h40	04/05/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (36)	Nguyễn Trọng Minh (61550)	
1635	252POL10848	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	106	Trắc nghiệm	15h10	18/04/2026	BPH108 (36) ; BPH109 (40) ; BPH110 (30)	Trần Cường (60955)	
1636	252POL10850	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	98	Trắc nghiệm	15h10	15/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (28)	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)	
1637	252POL10851	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	112	Trắc nghiệm	13h30	18/04/2026	BPH107 (40) ; BPH108 (32) ; BPH109 (40)	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)	
1638	252POL10852	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	09/05/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Vũ Thị Hằng (61369)	
1639	252POL10853	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	15/04/2026	BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37)	Vũ Thị Hằng (61369)	
1640	252POL10854	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	09/05/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Vũ Thị Hằng (61369)	
1641	252CTE30601	Lịch sử điện ảnh, truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	36	Báo cáo		05/05/2026		Lê Hữu Phước Thành (61515)	
1642	252CTE30602	Lịch sử điện ảnh, truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	22	Báo cáo		05/05/2026		Lê Hữu Phước Thành (61515)	
1643	252ART42901	Lịch sử nghệ thuật chuyên ngành (Thanh nhạc)	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	4	Báo cáo		06/05/2026		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
1644	252JAP42701	Lịch sử Nhật Bản	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	2	Tiểu luận		10/05/2026		Trương Thanh Tùng (60283)	
1645	252INR30401	Lịch sử quan hệ quốc tế	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Tiểu luận		29/04/2026		Phan Thị Hải Yến (60888)	
1646	252INR30402	Lịch sử quan hệ quốc tế	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Phan Thị Hải Yến (60888)	
1647	252SOS30105	Lịch sử văn minh thế giới	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	80	Tự luận 60	13h30	18/04/2026	KPH102 (40) ; KPH105 (40)	Phạm Quốc Hưng (05002)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1648	252SOS30106	Lịch sử văn minh thế giới	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	18/04/2026	KPH002 (40) ; KPH003 (40)	Phạm Quốc Hưng (05002)	
1649	252SOS30107	Lịch sử văn minh thế giới	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	79	Tự luận 60	13h30	23/04/2026	KPH003 (39) ; KPH004 (40)	Nguyễn Trọng Minh (61550)	
1650	252SOS30108	Lịch sử văn minh thế giới	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	72	Tự luận 60	13h30	22/04/2026	KPH002 (36) ; KPH003 (36)	Nguyễn Trọng Minh (61550)	
1651	252VIE43101	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	25	Tiểu luận		04/05/2026		Trịnh Văn Vinh (61018)	
1652	252SOC30201	Lịch sử xã hội học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tự luận 90	13h30	18/04/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Hà Thúc Dũng (04103)	
1653	252SOC30202	Lịch sử xã hội học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	48	Tự luận 90	13h30	18/04/2026	KPH101 (48)	Hà Thúc Dũng (04103)	
1654	252SOC30203	Lịch sử xã hội học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	31	Tự luận 90	09h40	18/04/2026	HEC503 (31)	Hà Thúc Dũng (04103)	
1655	252ELE32601	Linh kiện điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	60	Tự luận 60	09h40	22/04/2026	KPH101 (30) ; KPH102 (30)	Phan Văn Hiệp (01040)	
1656	252ELE32602	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Phan Văn Hiệp (01040)	
1657	252ELE32603	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Phan Văn Hiệp (01040)	
1658	252ELE32604	Linh kiện điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	33	Tự luận 60	09h40	22/04/2026	KPH105 (33)	Đình Thị Khả Hân (60974)	
1659	252ELE32605	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	33					Phan Văn Hiệp (01040)	
1660	252ELE32607	Linh kiện điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	60	Tự luận 60	15h10	22/04/2026	KPH101 (30) ; KPH102 (30)	Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
1661	252ELE32608	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
1662	252ELE32609	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
1663	252ELE32613	Linh kiện điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	60	Tự luận 60	08h00	24/04/2026	KPH102 (30) ; KPH105 (30)	Phan Văn Hiệp (01040)	
1664	252ELE32614	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Phan Văn Hiệp (01040)	
1665	252ELE32615	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Phan Văn Hiệp (01040)	
1666	252ELE32616	Linh kiện điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	59	Tự luận 60	08h00	04/05/2026	KPH101 (59)	Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
1667	252ELE32617	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1668	252ELE32618	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	29					Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
1669	252ELE32619	Linh kiện điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	60	Tự luận 60	09h40	29/04/2026	KPH102 (30) ; KPH104 (30)	Hồ Quốc Bảo (60932)	
1670	252ELE32620	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Hồ Quốc Bảo (60932)	
1671	252ELE32621	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Hồ Quốc Bảo (60932)	
1672	252ELE32622	Linh kiện điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	60	Tự luận 60	15h10	04/05/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Hồ Quốc Bảo (60932)	
1673	252ELE32623	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Hồ Quốc Bảo (60932)	
1674	252ELE32624	Linh kiện điện tử	3.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	30					Hồ Quốc Bảo (60932)	
1675	252PUR30901	Logic học và tư duy phân biện	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	67	Tự luận 60	08h00	24/04/2026	KPH002 (34) ; KPH003 (33)	Nguyễn Kỳ Trung (60199)	
1676	252PUR30902	Logic học và tư duy phân biện	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	68	Tự luận 60	08h00	24/04/2026	KPH103 (34) ; KPH104 (34)	Nguyễn Kỳ Trung (60199)	
1677	252PUR30903	Logic học và tư duy phân biện	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	68	Tự luận 60	09h40	24/04/2026	KPH002 (34) ; KPH003 (34)	Nguyễn Kỳ Trung (60199)	
1678	252PUR30904	Logic học và tư duy phân biện	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	67	Tự luận 60	09h40	24/04/2026	KPH103 (34) ; KPH104 (33)	Nguyễn Kỳ Trung (60199)	
1679	252CHI45501	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	24/04/2026	KPH101 (40)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
1680	252CHI45502	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	29/04/2026	HEC503 (40)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
1681	252CHI45503	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	09h40	24/04/2026	KPH102 (41)	Diệp Tuyết Vân (60342)	
1682	252LAW50301	Luật an sinh xã hội	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	59	Tự luận 60	15h10	17/04/2026	BPH009 (28) ; BPH111 (31)	Tạ Thúc Hoàng (61294)	
1683	252LAW50302	Luật an sinh xã hội	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	27	Tự luận 60	09h40	09/05/2026	BPH012 (27)	Tạ Thúc Hoàng (61294)	
1684	252LAW50303	Luật an sinh xã hội	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 60	15h10	17/04/2026	HEC508 (30) ; HEC605 (30)	Tạ Thúc Hoàng (61294)	
1685	252LAW30501	Luật công chứng và chứng thực	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	09h40	21/04/2026	BPH012 (26) ; BPH014 (27) ; BPH112 (27)	Nguyễn Vinh Huy (61359)	
1686	252LAW43001	Luật dân sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	41	Tổng hợp	08h00	29/04/2026	HEC510 (41)	Phan Văn Thụy (61353)	
1687	252LAW42401	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	08h00	29/04/2026	HEC603 (50)	Phan Văn Thụy (61353)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1688	252LAW41301	Luật đất đai	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	51	Tổng hợp	09h40	20/04/2026	HEC703 (51)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1689	252LAW41302	Luật đất đai	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	51	Tổng hợp	09h40	20/04/2026	HEC705 (25) ; HEC706 (26)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1690	252LAW41303	Luật đất đai	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	49	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	HEC503 (49)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1691	252LAW41304	Luật đất đai	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	HEC603 (50)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1692	252LAW41305	Luật đất đai	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tổng hợp	15h10	04/05/2026	BPH014 (25) ; BPH112 (25)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1693	252LAW41306	Luật đất đai	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tổng hợp	15h10	04/05/2026	HEC503 (25) ; HEC705 (25)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1694	252LAW40401	Luật đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		15/04/2026		Nguyễn Viết Tú (60355)	
1695	252LAW40402	Luật đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		15/04/2026		Nguyễn Viết Tú (60355)	
1696	252LAW40403	Luật đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	48	Tiểu luận		15/04/2026		Trần Văn Bình (60988)	
1697	252LAW40404	Luật đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	43	Tiểu luận		15/04/2026		Trần Kiều Nhi (61019)	
1698	252LAW40405	Luật đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	52	Tiểu luận		15/04/2026		Trần Kiều Nhi (61019)	
1699	252LAW40501	Luật doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tổng hợp	13h30	13/04/2026	HEC705 (30) ; HEC706 (30)	Chu Mạnh Hiên (60357)	
1700	252LAW40502	Luật doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tổng hợp	13h30	13/04/2026	HEC609 (30) ; HEC709 (30)	Chu Mạnh Hiên (60357)	
1701	252LAW40503	Luật doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	38	Tổng hợp	08h00	04/05/2026	HEC609 (38)	Võ Đông Hiếu (61486)	
1702	252LAW40505	Luật doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	35	Tổng hợp	08h00	04/05/2026	HEC510 (35)	Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1703	252LAW40506	Luật doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tổng hợp	15h10	13/04/2026	HEC508 (35) ; HEC605 (35)	Nguyễn Viết Tú (60355)	
1704	252TOU30901	Luật du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	54	Tổng hợp	13h30	05/05/2026	KPH002 (54)	Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1705	252TOU30902	Luật du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	54	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	KPH002 (54)	Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1706	252TOU30903	Luật du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	52	Tổng hợp	13h30	05/05/2026	KPH003 (52)	Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1707	252TOU30904	Luật du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	52	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	KPH001 (52)	Trịnh Tường Khiêm (60996)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1708	252TOU30905	Luật du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	54	Tổng hợp	09h40	07/05/2026	KPH002 (54)	Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1709	252TOU30906	Luật du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	09h40	07/05/2026	KPH003 (40) ; KPH004 (40)	Trịnh Tường Khiêm (60996)	
1710	252TOU30907	Luật du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	54	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	KPH004 (54)	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)	
1711	252LAW40301	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	59	Tự luận 90	15h10	05/05/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (29)	Vũ Thị Nga (60542)	
1712	252LAW40302	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	08h00	06/05/2026	HEC706 (35) ; HEC709 (45)	Vũ Thị Nga (60542)	
1713	252LAW40303	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	66	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	KPH103 (33) ; KPH104 (33)	Vũ Thị Nga (60542)	
1714	252LAW40304	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tự luận 90	09h40	06/05/2026	HEC706 (40)	Trần Võ Hữu Chánh (61302)	
1715	252LAW40305	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	42	Tự luận 90	09h40	06/05/2026	HEC605 (42)	Trần Võ Hữu Chánh (61302)	
1716	252LAW40306	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	37	Tự luận 90	08h00	07/05/2026	KPH002 (37)	Trần Võ Hữu Chánh (61302)	
1717	252LAW30401	Luật hiến pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	KPH001 (40) ; KPH002 (40)	Vũ Thị Nga (60542)	
1718	252LAW30402	Luật hiến pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Tổng hợp	08h00	07/05/2026	KPH001 (40) ; KPH003 (39)	Vũ Thị Nga (60542)	
1719	252LAW30403	Luật hiến pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	15h10	08/05/2026	KPH001 (40) ; KPH002 (40)	Vũ Thị Nga (60542)	
1720	252LAW40101	Luật hình sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	09h40	08/05/2026	KPH001 (40) ; KPH002 (40)	Nguyễn Thuận An (60356)	
1721	252LAW40102	Luật hình sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Tổng hợp	13h30	08/05/2026	KPH001 (40) ; KPH004 (39)	Nguyễn Thuận An (60356)	
1722	252LAW40103	Luật hình sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	13h30	08/05/2026	KPH101 (40) ; KPH102 (40)	Nguyễn Thị Cẩm Thu (61110)	
1723	252LAW40104	Luật hình sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	09h40	08/05/2026	KPH003 (40) ; KPH004 (40)	Nguyễn Thị Cẩm Thu (61110)	
1724	252LAW40105	Luật hình sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tổng hợp	09h40	08/05/2026	KPH101 (36) ; KPH102 (36)	Nguyễn Thuận An (60356)	
1725	252LAW40106	Luật hình sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tổng hợp	09h40	08/05/2026	KPH103 (35) ; KPH104 (35)	Nguyễn Thuận An (60356)	
1726	252LAW43201	Luật hôn nhân gia đình	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	37	Tổng hợp	08h00	20/04/2026	HEC709 (37)	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)	
1727	252LAW41401	Luật hợp đồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	13h30	07/05/2026	KPH001 (50)	Phạm Hoàng Phúc (60806)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1728	252LAW41402	Luật hợp đồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	13h30	07/05/2026	KPH002 (50)	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)	
1729	252LAW41403	Luật hợp đồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	49	Tự luận 90	13h30	07/05/2026	KPH003 (49)	Phạm Hoàng Phúc (60806)	
1730	252LAW41404	Luật hợp đồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	13h30	07/05/2026	KPH004 (50)	Nguyễn Minh Đức 2 (60956)	
1731	252LAW41405	Luật hợp đồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	13h30	07/05/2026	KPH101 (50)	Huỳnh Minh (61647)	
1732	252LAW41406	Luật hợp đồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	13h30	07/05/2026	KPH102 (50)	Huỳnh Minh (61647)	
1733	252LAW42601	Luật kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Tiểu luận		08/05/2026		Võ Nguyễn Khánh Huyền (61109)	
1734	252PSY45001	Luật lao động	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	08h00	28/04/2026	KPH001 (40) ; KPH004 (40)	Chu Mạnh Hiển (60357)	
1735	252PSY45002	Luật lao động	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	08h00	28/04/2026	KPH101 (40) ; KPH102 (40)	Chu Mạnh Hiển (60357)	
1736	252PSY45003	Luật lao động	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	KPH004 (40) ; KPH101 (40)	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
1737	252LAW40801	Luật môi trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tiểu luận		15/04/2026		Nguyễn Minh Đức 2 (60956)	
1738	252LAW43301	Luật tài sản	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	HEC603 (40)	Lê Nhật Bảo (61365)	
1739	252LAW42301	Luật thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tổng hợp	13h30	29/04/2026	HEC609 (40) ; HEC709 (40)	Nguyễn Thuận An (60356)	
1740	252LAW40901	Luật thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	81	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	KPH004 (41) ; KPH102 (40)	Nguyễn Việt Tú (60355)	
1741	252LAW40902	Luật thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	HEC603 (70)	Trần Kiều Nhi (61019)	
1742	252LAW40903	Luật thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	09h40	05/05/2026	KPH103 (35) ; KPH104 (35)	Trần Kiều Nhi (61019)	
1743	252LAW40904	Luật thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	KPH105 (60)	Trần Kiều Nhi (61019)	
1744	252LAW43101	Luật tổ tụng dân sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	35	Tổng hợp	13h30	14/04/2026	DHT001 (35)	Chu Mạnh Hiển (60357)	
1745	252LAW40201	Luật tổ tụng hình sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	56	Tổng hợp	15h10	22/04/2026	BPH008 (28) ; BPH009 (28)	Trần Hoàng Hải Phong (61051)	
1746	252ENG41101	Luyện dịch 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	13	Tự luận 90	08h00	13/04/2026	BPH008 (13)	Phạm Minh Toàn 2 (61311)	
1747	252ENG30201	Luyện dịch cơ bản	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	27	Tiểu luận		10/05/2026		Phạm Minh Toàn 2 (61311)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1748	252LAW43602	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	61	Tiểu luận		15/04/2026		Vũ Thị Nga (60542)	
1749	252LAW43603	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	42	Tiểu luận		15/04/2026		Vũ Thị Nga (60542)	
1750	252LAW43604	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	38	Tiểu luận		15/04/2026		Vũ Thị Nga (60542)	
1751	252CHI44203	Lý thuyết dịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	21/04/2026	HEC706 (40)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
1752	252CHI44204	Lý thuyết dịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	HEC603 (40)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
1753	252CHI44205	Lý thuyết dịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Tổng hợp	09h40	21/04/2026	HEC709 (41)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
1754	252CHI44208	Lý thuyết dịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	21/04/2026	HEC706 (40)	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
1755	252ENG46401	Lý thuyết dịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	37	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Xuân Trang (60913)	
1756	252ENG46403	Lý thuyết dịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	43	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Xuân Trang (60913)	
1757	252FIN30101	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	15h10	29/04/2026	BPH109 (44) ; BPH110 (36)	Đào Ngọc Thọ (61017)	
1758	252FIN30103	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	HEC503 (70)	Nguyễn Thị Ngọc Quý (61552)	
1759	252FIN30104	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	BPH108 (35) ; BPH110 (35)	Nguyễn Thị Ngọc Quý (61552)	
1760	252FIN30105	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	BPH102 (39) ; BPH103 (40)	Trần Mạnh Trí (60424)	
1761	252FIN30106	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	29/04/2026	BPH007 (40) ; DPH014 (40)	Trần Mạnh Trí (60424)	
1762	252FIN30107	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	BPH107 (40) ; BPH109 (40)	Trần Mạnh Trí (60424)	
1763	252FIN30108	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	15h10	05/05/2026	DPH014 (39) ; DPH016 (40)	Trần Mạnh Trí (60424)	
1764	252FIN30109	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	69	Trắc nghiệm	15h10	29/04/2026	BPH014 (35) ; BPH111 (34)	Trần Mạnh Trí (60424)	
1765	252FIN30110	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	69	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	HEC706 (34) ; HEC709 (35)	Nguyễn Huỳnh Phước Tín (61668)	
1766	252FIN30111	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	71	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	BPH104 (40) ; BPH111 (31)	Võ Tiến Lộc (60423)	
1767	252FIN30112	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	13h30	23/04/2026	BPH102 (39) ; BPH103 (40)	Trần Tuấn Anh (60292)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1768	252FIN30113	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	52	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	DPH020 (26) ; DPH022 (26)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
1769	252FIN30114	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	58	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	BPH014 (29) ; DPH017 (29)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
1770	252FIN30115	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	58	Trắc nghiệm	15h10	05/05/2026	BPH111 (29) ; BPH112 (29)	Võ Tiến Lộc (60423)	
1771	252FIN30116	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	63	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	BPH008 (30) ; BPH112 (33)	Võ Tiến Lộc (60423)	
1772	252FIN30117	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	44	Trắc nghiệm	13h30	16/04/2026	DMT019 (44)	Nguyễn Thị Ngọc Quý (61552)	
1773	252FIN30118	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (39)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
1774	252FIN30119	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	29/04/2026	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
1775	252FIN30120	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	HEC603 (70)	Nguyễn Văn Thầy (61310)	
1776	252FIN30121	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	HEC703 (70)	Trương Trung Hiếu (61344)	
1777	252FIN30122	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	68	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	HEC510 (34) ; HEC609 (34)	Trương Trung Hiếu (61344)	
1778	252SOC30301	Lý thuyết xã hội học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	50	Tự luận 90	13h30	16/04/2026	HEC703 (50)	Bùi Thị Phương Hạ (60177)	
1779	252SOC30303	Lý thuyết xã hội học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	61	Tự luận 90	13h30	16/04/2026	HEC609 (31) ; HEC709 (30)	Bùi Thị Phương Hạ (60177)	
1780	252INT440101	Mạng máy tính	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	84	Tự luận 90	08h00	05/05/2026	KPH001 (42) ; KPH002 (42)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
1781	252INT440102	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	36			23/03/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
1782	252INT440103	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	48			23/03/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
1783	252INT440104	Mạng máy tính	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	08h00	05/05/2026	KPH003 (40) ; KPH004 (40)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
1784	252INT440105	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	49			23/03/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
1785	252INT440106	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	31			23/03/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
1786	252INT440107	Mạng máy tính	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	08h00	05/05/2026	KPH101 (40) ; KPH102 (40)	Hồ Văn Ngọc (01028)	
1787	252INT440108	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	40			05/04/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1788	252INT440109	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	40			05/04/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
1789	252INT440110	Mạng máy tính	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	96	Tự luận 90	09h40	06/05/2026	KPH001 (32) ; KPH002 (32) ; KPH003 (32)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
1790	252INT440111	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Dương Đình Dũng (60056)	
1791	252INT440112	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	46			23/03/2026		Đặng Ngọc Thom (61158)	
1792	252INT440113	Mạng máy tính	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	47	Tự luận 90	08h00	05/05/2026	KPH105 (47)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
1793	252INT440115	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	47			04/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
1794	252INT440116	Mạng máy tính	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	96	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	KPH002 (32) ; KPH003 (32) ; KPH103 (32)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
1795	252INT440117	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	46			23/03/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
1796	252INT440118	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
1797	252INT440119	Mạng máy tính	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	50	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	KPH001 (50)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
1798	252INT440121	Mạng máy tính	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			04/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
1799	252MAR40701	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Minh Trường (61387)	
1800	252MAR40702	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Minh Trường (61387)	
1801	252MAR40703	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1802	252MAR40704	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1803	252MAR40705	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1804	252MAR40706	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	69	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1805	252MAR40707	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	55	Tiểu luận		08/05/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1806	252MAR40708	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	46	Tiểu luận		08/05/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1807	252MAR20103	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1808	252MAR20104	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
1809	252MAR20105	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		21/04/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
1810	252MAR20106	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		21/04/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
1811	252MAR20107	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
1812	252MAR20108	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
1813	252MAR20109	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
1814	252MAR20110	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	149	Tiểu luận		10/04/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
1815	252MAR201100	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		10/04/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
1816	252MAR20115	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Trần Huy Cường (02023)	
1817	252MAR20116	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	149	Tiểu luận		10/04/2026		Trần Huy Cường (02023)	
1818	252MAR20117	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	149	Tiểu luận		10/04/2026		Trần Huy Cường (02023)	
1819	252MAR20118	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Trần Huy Cường (02023)	
1820	252MAR20120	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
1821	252MAR20121	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	149	Tiểu luận		20/04/2026		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
1822	252MAR20123	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		31/03/2026		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
1823	252MAR20124	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	76	Tiểu luận		10/04/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
1824	252MAR20125	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	86	Tiểu luận		10/04/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
1825	252MAR20126	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	91	Tiểu luận		20/04/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
1826	252MAR20127	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	73	Tiểu luận		20/04/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
1827	252MAR20130	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	71	Tiểu luận		17/04/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1828	252MAR20133	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		17/04/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1829	252MAR20134	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	149	Tiểu luận		17/04/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1830	252MAR20136	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	104	Tiểu luận		17/04/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1831	252MAR20137	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	85	Tiểu luận		17/04/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1832	252MAR20139	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	96	Tiểu luận		21/04/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1833	252MAR20140	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	107	Tiểu luận		21/04/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
1834	252MAR20141	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	147	Tiểu luận		10/04/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1835	252MAR20144	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	56	Tiểu luận		10/04/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1836	252MAR20155	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1837	252MAR20156	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	96	Tiểu luận		10/04/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1838	252MAR20158	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	91	Tiểu luận		11/04/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1839	252MAR20159	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	57	Tiểu luận		11/04/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
1840	252MAR20163	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	76	Tiểu luận		21/04/2026		Lại Doãn Anh Tuấn (60959)	
1841	252MAR20164	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	55	Tiểu luận		14/04/2026		Lại Doãn Anh Tuấn (60959)	
1842	252MAR20165	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	125	Tiểu luận		17/04/2026		Lại Doãn Anh Tuấn (60959)	
1843	252MAR20166	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		17/04/2026		Lại Doãn Anh Tuấn (60959)	
1844	252MAR20168	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	75	Tiểu luận		17/04/2026		Lại Doãn Anh Tuấn (60959)	
1845	252MAR20169	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	105	Tiểu luận		20/04/2026		Lại Doãn Anh Tuấn (60959)	
1846	252MAR20170	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		13/04/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
1847	252MAR20171	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	149	Tiểu luận		20/04/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1848	252MAR20172	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	148	Tiểu luận		20/04/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
1849	252MAR20173	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	148	Tiểu luận		21/04/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
1850	252MAR20174	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	149	Tiểu luận		21/04/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
1851	252MAR20175	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	131	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Thị Kiều Diễm (61091)	
1852	252MAR20177	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Phan Quang Vũ (61426)	
1853	252MAR20178	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Phan Quang Vũ (61426)	
1854	252MAR20179	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	72	Tiểu luận		13/04/2026		Phan Quang Vũ (61426)	
1855	252MAR20180	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	66	Tiểu luận		13/04/2026		Phan Quang Vũ (61426)	
1856	252MAR20182	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	79	Tiểu luận		13/04/2026		Đinh Thị Mừng (61069)	
1857	252MAR20183	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	92	Tiểu luận		13/04/2026		Đinh Thị Mừng (61069)	
1858	252MAR20185	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		13/04/2026		Nguyễn Minh Tâm (61607)	
1859	252MAR20186	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		22/04/2026		Nguyễn Minh Tâm (61607)	
1860	252MAR20195	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	106	Tiểu luận		21/04/2026		Nguyễn Thị Bích Nguyên (61564)	
1861	252MAR20198	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	149	Tiểu luận		13/04/2026		Nguyễn Khánh Duy (61573)	
1862	252MAR20199	Marketing căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	149	Tiểu luận		20/04/2026		Phan Thắng Đạt (61565)	
1863	252ECO32601	Marketing địa phương	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	34	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Hoài Đan (61588)	
1864	252ECO32602	Marketing địa phương	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	35	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Hoài Đan (61588)	
1865	252ECO32603	Marketing địa phương	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	44	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Hoài Đan (61588)	
1866	252MAR40901	Marketing dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Lê Thị Kiều Anh (61063)	
1867	252MAR40902	Marketing dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Lê Thị Kiều Anh (61063)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1868	252MAR41001	Marketing dịch vụ - logistics	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	79	Tiểu luận		08/05/2026		Lê Thị Kiều Anh (61063)	
1869	252MAR41002	Marketing dịch vụ - logistics	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	80	Tiểu luận		08/05/2026		Lê Thị Kiều Anh (61063)	
1870	252MAR41003	Marketing dịch vụ - logistics	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	80	Tiểu luận		08/05/2026		Lê Thị Kiều Anh (61063)	
1871	252MAR41101	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Tôn Thất Hoài (61098)	
1872	252MAR41102	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Tôn Thất Hoài (61098)	
1873	252MAR41103	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Tôn Thất Hoài (61098)	
1874	252MAR41104	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	33	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Anh Tú (60857)	
1875	252MAR41106	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Quảng Thị Phương (61389)	
1876	252MAR41107	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tiểu luận		08/05/2026		Quảng Thị Phương (61389)	
1877	252MAR41108	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tiểu luận		08/05/2026		Quảng Thị Phương (61389)	
1878	252MAR41109	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tiểu luận		08/05/2026		Quảng Thị Phương (61389)	
1879	252MAR41110	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	69	Tiểu luận		08/05/2026		Quảng Thị Phương (61389)	
1880	252MAR41111	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Quảng Thị Phương (61389)	
1881	252MAR41118	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	77	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1882	252MAR41119	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1883	252MAR41120	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1884	252MAR41121	Marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
1885	252MMC40101	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		01/04/2026		Văn Đức Chí Vũ (61043)	
1886	252MMC40102	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		01/04/2026		Văn Đức Chí Vũ (61043)	
1887	252MMC40103	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		10/04/2026		Văn Đức Chí Vũ (61043)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1888	252MMC40104	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		03/04/2026		Văn Đức Chí Vũ (61043)	
1889	252MMC40105	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	55	Tiểu luận		06/04/2026		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
1890	252MMC40106	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	52	Tiểu luận		30/03/2026		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
1891	252MMC40107	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	46	Tiểu luận		31/03/2026		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
1892	252MMC40108	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	46	Tiểu luận		31/03/2026		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
1893	252MMC40109	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		30/03/2026		Lương Quý Ngọc (61059)	
1894	252MMC40110	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		13/04/2026		Lương Quý Ngọc (61059)	
1895	252MMC40111	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		11/04/2026		Lương Quý Ngọc (61059)	
1896	252MMC40112	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		04/04/2026		Lương Quý Ngọc (61059)	
1897	252MMC40113	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		12/04/2026		Lương Quý Ngọc (61059)	
1898	252MMC40114	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		12/04/2026		Lương Quý Ngọc (61059)	
1899	252MMC40115	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	53	Tiểu luận		31/03/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
1900	252MMC40116	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tiểu luận		01/04/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
1901	252MAR41201	Marketing mối quan hệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	91	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
1902	252MAR41401	Marketing quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Hoài Đan (61588)	
1903	252MAR41402	Marketing quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Bùi Thị Thảo Hiền (61501)	
1904	252MAR41602	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tự luận 90	09h40	16/04/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
1905	252NUR41101	Miễn dịch học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	46	Trắc nghiệm	09h40	14/04/2026	DMT011 (46)	Lê Thị Kim Chi (60403)	
1906	252NUR41102	Miễn dịch học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	39	Trắc nghiệm	09h40	14/04/2026	DMT010 (39)	Lê Thị Kim Chi (60403)	
1907	252NUR41103	Miễn dịch học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	45	Trắc nghiệm	09h40	14/04/2026	DMT012 (45)	Lê Thị Kim Chi (60403)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1908	252NAS10101	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		04/05/2026		Võ Đình Thuật (61030)	
1909	252NAS10102	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		04/05/2026		Võ Đình Thuật (61030)	
1910	252NAS10103	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Phúc Thiện (60583)	
1911	252NAS10105	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	147	Tiểu luận		10/05/2026		Lý Liệt Thanh (60747)	
1912	252NAS10107	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	119	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
1913	252NAS10109	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	148	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
1914	252NAS10110	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	91	Tiểu luận		10/05/2026		Võ Nhật Luân (61034)	
1915	252NAS10115	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	86	Tiểu luận		10/05/2026		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
1916	252NAS10137	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	107	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Thu Đoan (61395)	
1917	252NAS10138	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	105	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Thu Đoan (61395)	
1918	252NAS10139	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	140	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Ngọc Phương (60795)	
1919	252NAS10145	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Tấn Thông (61461)	
1920	252NAS10146	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Tấn Thông (61461)	
1921	252NAS10147	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Tiểu luận		10/05/2026		Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
1922	252NAS10148	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	128	Tiểu luận		10/05/2026		Phạm Thị Thanh Hòa (60250)	
1923	252NAS10153	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	97	Tiểu luận		10/05/2026		Võ Nhật Luân (61034)	
1924	252NAS10155	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	91	Tiểu luận		10/05/2026		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
1925	252NAS10156	Môi trường và con người	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	115	Tiểu luận		10/05/2026		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
1926	252SOS20603	Mỹ học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tự luận 90	08h00	28/04/2026	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Đoàn Trọng Thiệu (04002)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1927	252SOS20604	Mỹ học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	147	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (37) ; DPH016 (40)	Đoàn Trọng Thiệu (04002)	
1928	252SOS20605	Mỹ học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	146	Tự luận 90	13h30	28/04/2026	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30) ; DPH020 (28) ; DPH022 (28)	Đoàn Trọng Thiệu (04002)	
1929	252SOS20606	Mỹ học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Tự luận 90	09h40	28/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (39) ; DPH016 (40)	Đoàn Trọng Thiệu (04002)	
1930	252SOS20607	Mỹ học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH105 (37)	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
1931	252SOS20608	Mỹ học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	147	Tự luận 90	15h10	23/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (37) ; DPH016 (40)	Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)	
1932	252LIT40201	Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	1	Tiểu luận		11/02/2026		Trần Huy Cường (02023)	
1933	252FRE30801	Nghe - nói 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	14	Vấn đáp	08h00	21/04/2026	BPH009 (14)	Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
1934	252FRE51101	Nghe - nói nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	13	Vấn đáp	08h00	23/04/2026	BPH012 (13)	Phan Gia Thiên Trúc (61436)	
1935	252ENG33101	Nghe - nói trong thương mại 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Vấn đáp	13h30	20/04/2026	BPH011 (41)	Nguyễn Đài Trang (61285)	
1936	252ENG33102	Nghe - nói trong thương mại 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	41					Nguyễn Đài Trang (61285)	
1937	252ENG33105	Nghe - nói trong thương mại 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	20/04/2026	HEC508 (40)	Nguyễn Tiến Huy (60655)	
1938	252ENG33106	Nghe - nói trong thương mại 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Tiến Huy (60655)	
1939	252ENG33301	Nghe - nói trong thương mại 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Vấn đáp	13h30	17/04/2026	HEC708 (41)	Lê Công Minh Tuấn (60419)	
1940	252ENG33302	Nghe - nói trong thương mại 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	41					Lê Công Minh Tuấn (60419)	
1941	252ENG33303	Nghe - nói trong thương mại 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	08h00	17/04/2026	HEC708 (40)	Lê Công Minh Tuấn (60419)	
1942	252ENG33304	Nghe - nói trong thương mại 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Lê Công Minh Tuấn (60419)	
1943	252GRA41901	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
1944	252GRA41902	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	47			05/04/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
1945	252GRA41903	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	33			05/04/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1946	252GRA41904	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	70	Bài tập lớn		10/05/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
1947	252GRA41905	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	27			05/04/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
1948	252GRA41906	Nghệ thuật chữ và trang trí	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	43			05/04/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
1949	252ENG49801	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Phan Thị Miên Thảo (60693)	
1950	252ENG49802	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Phan Thị Miên Thảo (60693)	
1951	252ENG49803	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		23/04/2026		Châu Thị Khánh Linh (25045)	
1952	252ENG49804	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		23/04/2026		Nguyễn Tiến Huy (60655)	
1953	252ENG49805	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Tiểu luận		10/05/2026		Trịnh Thủy Ngân (61519)	
1954	252ENG49806	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		23/04/2026		Châu Thị Khánh Linh (25045)	
1955	252MAN40501	Nghệ thuật lãnh đạo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	67	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
1956	252MAN40502	Nghệ thuật lãnh đạo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
1957	252MMC40601	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Thực hành		23/02/2026		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1958	252MMC40602	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1959	252MMC40603	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	66	Thực hành		24/02/2026		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1960	252MMC40604	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	66					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1961	252MMC40605	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Thực hành		24/02/2026		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1962	252MMC40606	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1963	252MMC40607	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Thực hành		25/02/2026		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1964	252MMC40608	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1965	252MMC40609	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61	Thực hành		25/02/2026		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1966	252MMC40610	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1967	252MMC40611	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Thực hành		19/03/2026		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1968	252MMC40612	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1969	252MMC40613	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Thực hành		19/03/2026		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1970	252MMC40614	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1971	252MMC40615	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Thực hành		27/02/2026		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1972	252MMC40616	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1973	252MMC40617	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61	Thực hành		27/02/2026		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1974	252MMC40618	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1975	252MMC40619	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	73	Thực hành		21/03/2026		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1976	252MMC40620	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	73					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1977	252MMC40621	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	73	Thực hành		22/03/2026		Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1978	252MMC40622	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3.00	Thực hành	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	73					Nguyễn Vũ Thành Đạt (60771)	
1979	252ENG49901	Nghệ thuật nói trước công chúng	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	28	Vấn đáp	09h40	10/05/2026	BPH011 (28)	Lê Thụy Trang (25057), Phạm Nguyễn Anh Huy (61700)	
1980	252PUR43901	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61	Tiểu luận		30/03/2026		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
1981	252PUR43902	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		31/03/2026		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
1982	252PUR43903	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		31/03/2026		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
1983	252PUR43904	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		03/04/2026		Nguyễn Thị Bưởi (60768)	
1984	252PUR43905	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		03/04/2026		Nguyễn Thị Bưởi (60768)	
1985	252PUR43906	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		04/04/2026		Nguyễn Thị Bưởi (60768)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1986	252PUR43907	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		04/04/2026		Nguyễn Thị Bưởi (60768)	
1987	252PUR43908	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		13/04/2026		Nguyễn Thị Bưởi (60768)	
1988	252PUR43909	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		14/04/2026		Nguyễn Thị Bưởi (60768)	
1989	252PUR43910	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		01/04/2026		Nguyễn Thị Nhung (61145)	
1990	252PUR43911	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		01/04/2026		Nguyễn Thị Nhung (61145)	
1991	252PUR43912	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Thị Nhung (61145)	
1992	252PUR43913	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		03/04/2026		Nguyễn Thị Nhung (61145)	
1993	252PUR43914	Nghiên cứu thị trường	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		17/04/2026		Nguyễn Thị Bưởi (60768)	
1994	252LIT43507	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		30/03/2026		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1995	252LIT43508	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		30/03/2026		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1996	252LIT43509	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		31/03/2026		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1997	252LIT43510	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		31/03/2026		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1998	252LIT43511	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		01/04/2026		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
1999	252LIT43512	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		01/04/2026		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
2000	252LIT43513	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		09/04/2026		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
2001	252LIT43514	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		09/04/2026		Nguyễn Thị Mai Thu (61143)	
2002	252HOS40801	Nghiệp vụ buồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Tự luận 90	08h00	17/04/2026	HEC705 (34)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
2003	252HOS40802	Nghiệp vụ buồng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Tự luận 90	09h40	17/04/2026	BPH012 (34)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
2004	252MMC41301	Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	34	Thực hành		15/04/2026		Lê Hữu Phước Thành (61515)	
2005	252FIN44301	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	57	Trắc nghiệm	15h10	18/04/2026	KPH103 (28) ; KPH104 (29)	Nguyễn Văn Thầy (61310)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2006	252FIN44302	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	57					Nguyễn Văn Thầy (61310)	
2007	252FIN44303	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	38	Trắc nghiệm	09h40	04/05/2026	KPH004 (38)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2008	252FIN44304	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	38					Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2009	252FIN44305	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	78	Trắc nghiệm	09h40	04/05/2026	HEC706 (38) ; HEC709 (40)	Nguyễn Văn Thầy (61310)	
2010	252FIN44306	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	78					Nguyễn Văn Thầy (61310)	
2011	252FIN44307	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	HEC703 (45) ; HEC706 (35)	Nguyễn Văn Thầy (61310)	
2012	252FIN44308	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	80					Nguyễn Văn Thầy (61310)	
2013	252FIN44311	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	46	Trắc nghiệm	09h40	05/05/2026	KPH004 (46)	Nguyễn Văn Thầy (61310)	
2014	252FIN44312	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	46					Nguyễn Văn Thầy (61310)	
2015	252FIN44313	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	08h00	06/05/2026	KPH002 (30) ; KPH003 (30)	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2016	252FIN44314	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	60					Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2017	252FIN44315	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	37	Trắc nghiệm	15h10	18/04/2026	KPH001 (37)	Huỳnh Thị Thanh Trúc (61309)	
2018	252FIN44316	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	37					Huỳnh Thị Thanh Trúc (61309)	
2019	252FIN44317	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	54	Trắc nghiệm	15h10	18/04/2026	KPH004 (54)	Lê Hữu Nghị (61527)	
2020	252FIN44318	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	54					Lê Hữu Nghị (61527)	
2021	252PUR43701	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	79	Tiểu luận		23/02/2026		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
2022	252PUR43702	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		20/04/2026		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
2023	252PUR43703	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Tiểu luận		27/02/2026		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
2024	252PUR43704	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
2025	252PUR43705	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	79	Tiểu luận		28/02/2026		Trần Hùng Minh Phương (60465)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2026	252PUR43706	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	37	Tiểu luận		25/04/2026		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
2027	252PUR43707	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	42	Tiểu luận		28/02/2026		Trần Hùng Minh Phương (60465)	
2028	252PUR43711	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	119	Tiểu luận		23/02/2026		Phạm Quốc Hưng (05002)	
2029	252PUR43712	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	41	Tiểu luận		20/04/2026		Phạm Quốc Hưng (05002)	
2030	252PUR43713	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	62	Tiểu luận		23/03/2026		Phạm Quốc Hưng (05002)	
2031	252PUR43716	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	79	Tiểu luận		25/02/2026		Phạm Quốc Hưng (05002)	
2032	252PUR43717	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Tiểu luận		22/04/2026		Phạm Quốc Hưng (05002)	
2033	252PUR43718	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	36	Tiểu luận		25/03/2026		Phạm Quốc Hưng (05002)	
2034	252PUR43719	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	79	Tiểu luận		24/02/2026		Phạm Quốc Hưng (05002)	
2035	252PUR43720	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	41	Tiểu luận		21/04/2026		Phạm Quốc Hưng (05002)	
2036	252PUR43721	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		22/04/2026		Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2037	252PUR43722	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Tiểu luận		21/04/2026		Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2038	252PUR43723	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		30/04/2026		Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2039	252PUR43724	Nghiệp vụ ngoại giao	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	68	Tiểu luận		25/04/2026		Nguyễn Quốc Huy (02069)	
2040	252FIN41101	Nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	08h00	29/04/2026	KPH102 (35) ; KPH105 (35)	Trần Thị Diễm Nga (60890)	
2041	252FIN41102	Nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	08h00	29/04/2026	KPH004 (35) ; KPH101 (35)	Trần Thị Diễm Nga (60890)	
2042	252FIN41103	Nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	18/04/2026	KPH101 (35) ; KPH102 (35)	Trần Thị Diễm Nga (60890)	
2043	252FIN41104	Nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Trắc nghiệm	13h30	18/04/2026	KPH001 (36) ; KPH004 (36)	Trần Thị Diễm Nga (60890)	
2044	252FIN41105	Nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	KPH101 (40) ; KPH102 (40)	Đặng Thị Thanh Mai (60854)	
2045	252FIN41106	Nghiệp vụ ngoại thương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	13h30	08/05/2026	KPH103 (40) ; KPH104 (39)	Đặng Thị Thanh Mai (60854)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2046	252HOS41701	Nghiệp vụ nhà hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tự luận 90	09h40	06/05/2026	KPH004 (46)	Lý Liệt Thanh (60747)	
2047	252HOS41704	Nghiệp vụ nhà hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	61	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	KPH002 (30) ; KPH003 (31)	Lý Liệt Thanh (60747)	
2048	252HOS41706	Nghiệp vụ nhà hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	73	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	KPH002 (36) ; KPH003 (37)	Tô Hồng Gắm (60506)	
2049	252HOS41707	Nghiệp vụ nhà hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	68	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	KPH103 (34) ; KPH104 (34)	Tô Hồng Gắm (60506)	
2050	252HOS40701	Nghiệp vụ pha chế	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Trắc nghiệm	09h40	17/04/2026	HEC705 (34)	Lý Liệt Thanh (60747)	
2051	252HOS40702	Nghiệp vụ pha chế	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Trắc nghiệm	15h10	17/04/2026	DPH017 (34)	Lý Liệt Thanh (60747)	
2052	252HOS40703	Nghiệp vụ pha chế	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Trắc nghiệm	15h10	17/04/2026	DPH020 (34)	Lý Liệt Thanh (60747)	
2053	252HOS40704	Nghiệp vụ pha chế	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Trắc nghiệm	13h30	16/04/2026	HEC510 (34)	Lý Liệt Thanh (60747)	
2054	252HOS40705	Nghiệp vụ pha chế	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Trắc nghiệm	13h30	13/04/2026	BPH008 (34)	Lý Liệt Thanh (60747)	
2055	252HOS40706	Nghiệp vụ pha chế	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	BPH014 (34)	Lý Liệt Thanh (60747)	
2056	252HOS40707	Nghiệp vụ pha chế	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Trắc nghiệm	15h10	17/04/2026	DPH022 (34)	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
2057	252HOS40708	Nghiệp vụ pha chế	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	33	Trắc nghiệm	15h10	17/04/2026	BPH012 (33)	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
2058	252HOS40709	Nghiệp vụ pha chế	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Trắc nghiệm	13h30	16/04/2026	DPH020 (34)	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
2059	252HOS40710	Nghiệp vụ pha chế	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Trắc nghiệm	15h10	17/04/2026	BPH112 (34)	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
2060	252PSY42101	Nghiệp vụ quản trị nhân sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	35	Tự luận 90	09h40	14/04/2026	BPH007 (35)	Bùi Anh Thư (61660)	
2061	252CTE41301	Nghiệp vụ quay phim 2	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	9	Thực hành		22/04/2026		Lý Anh Tâm (61505)	
2062	252CTE41302	Nghiệp vụ quay phim 2	2.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	9					Lý Anh Tâm (61505)	
2063	252LIT40101	Nghiệp vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	1	Tiểu luận		11/02/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)	
2064	252ENG40901	Ngoại giao đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	27	Vấn đáp	08h00	04/05/2026	HEC605 (27)	Nguyễn Đức Huy (61708)	
2065	252CUL30101	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thu Hà (25052)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2066	252CUL30102	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thu Hà (25052)	
2067	252CUL30103	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thu Hà (25052)	
2068	252CUL30104	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thu Hà (25052)	
2069	252CUL30105	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thu Hà (25052)	
2070	252CUL30106	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		10/05/2026		Hồ THỊ Ngọc Thúy (61287)	
2071	252CUL30107	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		10/05/2026		Hồ THỊ Ngọc Thúy (61287)	
2072	252CUL30108	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Vương Phương Dung (60384)	
2073	252CUL30109	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Vương Phương Dung (60384)	
2074	252CUL30110	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Châu Long (60817)	
2075	252CUL30111	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Đỗ Huy Liêm (61435)	
2076	252CUL30112	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Đỗ Huy Liêm (61435)	
2077	252CUL30113	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		10/05/2026		Đỗ Huy Liêm (61435)	
2078	252CUL30114	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		10/05/2026		Hồ THỊ Ngọc Thúy (61287)	
2079	252CUL30115	Ngoại giao văn hóa	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Nguyễn Thùy Tiên (61697)	
2080	252SOS30202	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thu Hà (25052)	
2081	252SOS30203	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thu Hà (25052)	
2082	252SOS30204	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	60	Tiểu luận		10/05/2026		Phạm Văn Thò (61437)	
2083	252SOS30205	Ngôn ngữ học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thu Hà (25052)	
2084	252ENG48201	Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Thanh Hòa (61027)	
2085	252ENG48203	Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Thanh Hòa (61027)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2086	252JAP42901	Ngôn ngữ học tiếng Nhật	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	5	Bài tập lớn		13/04/2026		Nguyễn Công Nguyên (25084)	
2087	252FRE40101	Ngữ âm	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	14	Tự luận 90	08h00	16/04/2026	HEC511 (14)	Nguyễn Thị Bình Minh (60937)	
2088	252CHI44901	Ngữ âm học	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	BPH008 (20) ; BPH009 (20)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
2089	252LIT32601	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNPKHXH	46	Tự luận 90	09h40	23/04/2026	BPH109 (46)	Nguyễn Trần Quý (61700)	
2090	252LIT32602	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNPKHXH	46					Nguyễn Trần Quý (61700)	
2091	252LIT32603	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNPKHXH	46	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	BPH103 (46)	Nguyễn Trần Quý (61700)	
2092	252LIT32604	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNPKHXH	46					Nguyễn Trần Quý (61700)	
2093	252JAP43104	Ngữ pháp học tiếng Nhật	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Bài tập lớn		13/04/2026		Nguyễn Công Nguyên (25084)	
2094	252ACC20201	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	08h00	21/04/2026	HEC510 (30) ; HEC609 (30)	Trần Thị Thu Thương (61304)	
2095	252ACC20202	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tự luận 90	08h00	21/04/2026	BPH013 (32) ; BPH106 (33)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
2096	252ACC20203	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	BPH007 (35) ; DPH022 (30)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
2097	252ACC20204	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	DPH017 (32) ; DPH020 (33)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
2098	252ACC20205	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	08h00	21/04/2026	HEC703 (70)	Nguyễn Đức Hải (06003)	
2099	252ACC20206	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	64	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	BPH014 (30) ; BPH102 (35)	Dương Thị Huyền Trân (60698)	
2100	252ACC20207	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tự luận 90	08h00	21/04/2026	BPH012 (30) ; BPH108 (35)	Dương Thị Huyền Trân (60698)	
2101	252ACC20208	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	BPH110 (33) ; BPH111 (32)	Dương Thị Huyền Trân (60698)	
2102	252ACC20209	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	08h00	21/04/2026	BPH014 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Thị Nhật Linh (61553)	
2103	252ACC20210	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	63	Tự luận 90	08h00	21/04/2026	BPH008 (30) ; BPH107 (35)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
2104	252ACC20211	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	BPH013 (35) ; BPH112 (30)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
2105	252ACC20212	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	08h00	21/04/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Võ Tấn Liêm (60142)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2106	252ACC20213	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	08h00	21/04/2026	HEC605 (30) ; HEC706 (30)	Võ Tấn Liêm (60142)	
2107	252ACC20214	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	08h00	21/04/2026	HEC705 (30) ; HEC709 (30)	Võ Tấn Liêm (60142)	
2108	252ACC20215	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	64	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	BPH108 (32) ; BPH109 (33)	Dương Thị Huyền Trân (60698)	
2109	252ACC20216	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	64	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	BPH105 (33) ; BPH107 (32)	Dương Thị Huyền Trân (60698)	
2110	252ACC20217	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	DPH017 (33) ; DPH020 (32)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
2111	252ACC20218	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	DPH014 (35) ; DPH022 (30)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
2112	252ACC20219	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	BPH104 (32) ; BPH106 (33)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
2113	252ACC20220	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
2114	252ACC20221	Nguyên lý kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	DPH006 (70)	Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
2115	252ENG48001	Nguyên lý và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Đỗ Phát Lợi (25109)	
2116	252ENG48004	Nguyên lý và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tiểu luận		10/05/2026		Đỗ Phát Lợi (25109)	
2117	252CTE41101	Nhạc phim	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	10	Thực hành		23/04/2026		Nguyễn Công Tích (60793)	
2118	252CTE41102	Nhạc phim	2.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	10					Nguyễn Công Tích (60793)	
2119	252KOR32601	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	28	Thực hành		02/04/2026		Phan Thị Hạnh (60144)	
2120	252KOR32602	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	28					Phan Thị Hạnh (60144)	
2121	252INT30601	Nhập môn ngành	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	28	Tiểu luận		10/05/2026		Tổng Minh Đạt (61282)	
2122	252PSY44902	Nhập môn trị liệu tâm lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	68	Tiểu luận		03/04/2026		Trần Thị Thu Vân (04115)	
2123	252PSY44903	Nhập môn trị liệu tâm lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	59	Tiểu luận		31/03/2026		Trần Thị Thu Vân (04115)	
2124	252PSY44904	Nhập môn trị liệu tâm lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	61	Tiểu luận		11/04/2026		Trần Thị Thu Vân (04115)	
2125	252PUR31001	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/02/2026		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2126	252PUR31002	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		22/04/2026		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
2127	252PUR31003	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/02/2026		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
2128	252PUR31004	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		22/04/2026		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
2129	252PUR31009	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		27/02/2026		Hồ Xuân Mai (04110)	
2130	252PUR31010	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		24/04/2026		Hồ Xuân Mai (04110)	
2131	252PUR31011	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		27/02/2026		Hồ Xuân Mai (04110)	
2132	252PUR31012	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		24/04/2026		Hồ Xuân Mai (04110)	
2133	252PUR31017	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		19/03/2026		Nguyễn Bảo Trang (60766)	
2134	252PUR31018	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		30/04/2026		Nguyễn Bảo Trang (60766)	
2135	252PUR31019	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	67	Tiểu luận		27/02/2026		Nguyễn Bảo Trang (60766)	
2136	252PUR31020	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	68	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Bảo Trang (60766)	
2137	252GRA31001	Nhiếp ảnh & Quay phim	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	79	Bài tập lớn		10/05/2026		Tôn Thất Hoài (61098)	
2138	252GRA31002	Nhiếp ảnh & Quay phim	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	49			23/03/2026		Tôn Thất Hoài (61098)	
2139	252GRA31003	Nhiếp ảnh & Quay phim	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			23/03/2026		Tôn Thất Hoài (61098)	
2140	252HOS41802	Nhượng quyền thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	32	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	BPH012 (32)	Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
2141	252FIN41201	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		20/04/2026		Đào Văn Hào (60784)	
2142	252FIN41202	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		20/04/2026		Đào Văn Hào (60784)	
2143	252FIN41203	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		20/04/2026		Đào Văn Hào (60784)	
2144	252FIN41204	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		20/04/2026		Đào Văn Hào (60784)	
2145	252FIN41205	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		20/04/2026		Đào Văn Hào (60784)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2146	252FIN41206	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		20/04/2026		Đào Văn Hào (60784)	
2147	252FIN41207	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	81	Tiểu luận		22/04/2026		Phạm Tạ Thu Thảo (61650)	
2148	252FIN41208	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		22/04/2026		Phạm Tạ Thu Thảo (61650)	
2149	252FIN41209	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		01/04/2026		Nguyễn Thị Kim Oanh (61446)	
2150	252FIN41210	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		01/04/2026		Nguyễn Thị Kim Oanh (61446)	
2151	252FIN41211	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		16/04/2026		Lý Phát Cường (61671)	
2152	252FIN41212	Phân tích báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		16/04/2026		Lý Phát Cường (61671)	
2153	252ECO42001	Phân tích dữ liệu cho marketing điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	40	Tiểu luận		29/04/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
2154	252BUS42501	Phân tích hoạt động kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	19	Tiểu luận		16/04/2026		Ngô Thị Mỹ Thúy (61163)	
2155	252CTE40601	Phân tích phim điện ảnh, truyền hình 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	38	Báo cáo		06/05/2026		Phạm Thuận Hải Thảo (61410)	
2156	252CTE40602	Phân tích phim điện ảnh, truyền hình 1	2.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	38					Phạm Thuận Hải Thảo (61410)	
2157	252CTE40603	Phân tích phim điện ảnh, truyền hình 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	10	Báo cáo		06/05/2026		Phạm Thuận Hải Thảo (61410)	
2158	252CTE40604	Phân tích phim điện ảnh, truyền hình 1	2.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	10					Phạm Thuận Hải Thảo (61410)	
2159	252CTE30801	Phân tích tâm lý khán giả	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	20	Báo cáo		06/05/2026		Nguyễn Hồng Ân (61216)	
2160	252CTE30802	Phân tích tâm lý khán giả	2.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	20					Nguyễn Hồng Ân (61216)	
2161	252CTE30803	Phân tích tâm lý khán giả	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	40	Báo cáo		06/05/2026		Phạm Thuận Hải Thảo (61410)	
2162	252CTE30804	Phân tích tâm lý khán giả	2.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	40					Phạm Thuận Hải Thảo (61410)	
2163	252INT427101	Phân tích thiết kế hệ thống	5.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	44	Bài tập lớn		10/05/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
2164	252INT427102	Phân tích thiết kế hệ thống	5.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	44			16/04/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
2165	252INT427104	Phân tích thiết kế hệ thống	5.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	50	Bài tập lớn		10/05/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2166	252INT427105	Phân tích thiết kế hệ thống	5.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	22			24/04/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
2167	252INT427106	Phân tích thiết kế hệ thống	5.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	28			24/04/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
2168	252FOT31201	Phân tích thực phẩm	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	41	Tổng hợp	15h10	24/04/2026	HEC703 (41)	Nguyễn Bùi Hữu Tuấn (61521)	
2169	252ECO42202	Phân tích và thiết kế hệ thống TMĐT	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	34	Tiểu luận		10/04/2026		Võ Văn Tiên (61107)	
2170	252LAW10101	Pháp luật đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	13h30	23/04/2026	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Bùi Thanh Vũ (60848)	
2171	252LAW10102	Pháp luật đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	08h00	06/05/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Bùi Thanh Vũ (60848)	
2172	252LAW10103	Pháp luật đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	17/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Lý Văn Toán (60804)	
2173	252LAW10104	Pháp luật đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	08h00	18/04/2026	BPH013 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH105 (38)	Lý Văn Toán (60804)	
2174	252LAW10105	Pháp luật đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	13h30	18/04/2026	BPH007 (40) ; DPH006 (70) ; DPH014 (40)	Cao Thành Đạt (61295)	
2175	252LAW10106	Pháp luật đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	13h30	23/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Bùi Thanh Vũ (60848)	
2176	252LAW10107	Pháp luật đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	08h00	18/04/2026	BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37) ; BPH109 (38)	Cao Thành Đạt (61295)	
2177	252LAW10108	Pháp luật đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	18/04/2026	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Vương Quốc (61322)	
2178	252LAW10109	Pháp luật đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	09h40	29/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Bùi Thanh Vũ (60848)	
2179	252LAW10110	Pháp luật đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	BPH013 (30) ; BPH014 (30) ; BPH110 (30) ; BPH111 (30) ; DPH020 (30)	Nguyễn Vương Quốc (61322)	
2180	252LAW50501	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	57	Tự luận 60	08h00	07/05/2026	KPH004 (57)	Nguyễn Đình Luân (61503)	
2181	252LAW50503	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tự luận 60	08h00	07/05/2026	KPH103 (40)	Nguyễn Đình Luân (61503)	
2182	252LAW50505	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	42	Tự luận 60	08h00	07/05/2026	KPH104 (42)	Nguyễn Đình Luân (61503)	
2183	252LAW42001	Pháp luật về cạnh tranh	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Tiểu luận		15/04/2026		Nguyễn Thuận An (60356)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2184	252LAW43501	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tự luận 60	13h30	23/04/2026	BPH008 (20) ; BPH009 (20)	Nguyễn Chí Thân (61265)	
2185	252LAW42201	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	45	Tự luận 90	15h10	04/05/2026	HEC603 (45)	Đỗ Trọng Hiền (60545)	
2186	252LAW40601	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	HEC703 (50)	Phạm Hoàng Phúc (60806)	
2187	252LAW41201	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	81	Tự luận 60	08h00	08/05/2026	KPH001 (41) ; KPH002 (40)	Nguyễn Lê Thành Minh (60684)	
2188	252LAW41202	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 60	08h00	08/05/2026	KPH003 (40) ; KPH004 (40)	Nguyễn Lê Thành Minh (60684)	
2189	252LAW41203	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Tự luận 60	08h00	08/05/2026	KPH101 (40) ; KPH102 (39)	Nguyễn Lê Thành Minh (60684)	
2190	252LAW41204	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	81	Tự luận 60	08h00	09/05/2026	KPH102 (41) ; KPH103 (40)	Nguyễn Lê Thành Minh (60684)	
2191	252LAW41205	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 60	08h00	09/05/2026	KPH104 (30) ; KPH105 (30)	Phạm Hoàng Phúc (60806)	
2192	252LAW41206	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 60	09h40	09/05/2026	KPH004 (50)	Phạm Hoàng Phúc (60806)	
2193	252LAW50401	Pháp luật về thi hành án	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 60	15h10	08/05/2026	KPH003 (35) ; KPH104 (35)	Lê Vũ Minh Thuận (60869)	
2194	252LAW50402	Pháp luật về thi hành án	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Tự luận 60	13h30	08/05/2026	KPH105 (30)	Lê Vũ Minh Thuận (60869)	
2195	252LAW50403	Pháp luật về thi hành án	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 60	15h10	08/05/2026	KPH102 (30) ; KPH103 (30)	Lê Vũ Minh Thuận (60869)	
2196	252LAW43401	Pháp luật về thừa kế	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	48	Tự luận 60	15h10	15/04/2026	HEC605 (24) ; HEC705 (24)	Lê Nhật Bảo (61365)	
2197	252LAW41001	Pháp luật về thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		08/05/2026		Bùi Thanh Vũ (60848)	
2198	252LAW41002	Pháp luật về thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thị Kim Trọng (61566)	
2199	252LAW41003	Pháp luật về thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	59	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Trí Xuân (61250)	
2200	252LAW41004	Pháp luật về thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Trí Xuân (61250)	
2201	252LAW41005	Pháp luật về thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Trí Xuân (61250)	
2202	252LAW41006	Pháp luật về thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	58	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Trí Xuân (61250)	
2203	252PUR42101	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 60	15h10	17/04/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Trần Thanh Hà (61284)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2204	252PUR42102	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 60	09h40	18/04/2026	BPH110 (28) ; BPH112 (26) ; DPH017 (26)	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)	
2205	252PUR42103	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tự luận 60	13h30	16/04/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Trần Thanh Hà (61284)	
2206	252PUR42105	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	69	Tự luận 60	08h00	16/04/2026	BPH106 (38) ; BPH110 (31)	Lê Trung Hậu (61488)	
2207	252PUR42111	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 60	13h30	17/04/2026	DHT001 (70)	Lê Trung Hậu (61488)	
2208	252PUR42112	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 60	08h00	23/04/2026	KPH101 (35) ; KPH104 (35)	Lê Trung Hậu (61488)	
2209	252PUR42113	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	71	Tự luận 60	15h10	17/04/2026	BPH013 (36) ; BPH102 (35)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
2210	252PUR42114	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tự luận 60	13h30	13/04/2026	DHT001 (72)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
2211	252PUR42115	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tự luận 60	13h30	16/04/2026	BPH109 (36) ; DHT001 (36)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
2212	252PUR42116	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Tự luận 60	08h00	16/04/2026	DHT001 (72)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
2213	252PUR42117	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 60	13h30	23/04/2026	HEC503 (70)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
2214	252PUR42118	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Tự luận 60	15h10	17/04/2026	BPH008 (30) ; DHT001 (40)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
2215	252PUR42119	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	75	Tự luận 60	13h30	23/04/2026	BPH108 (37) ; BPH109 (38)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
2216	252PUR42120	Pháp luật về truyền thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	68	Tự luận 60	15h10	17/04/2026	BPH007 (38) ; BPH014 (30)	Nguyễn Thành Nhất (60543)	
2217	252ENG41901	Phát âm	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	22/04/2026	BPH009 (40)	Phạm Nguyễn Anh Huy (61709)	
2218	252ENG41902	Phát âm	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Vấn đáp	08h00	05/05/2026	HEC708 (41)	Võ Huyền Trinh (61247)	
2219	252ENG41903	Phát âm	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	05/05/2026	HEC708 (40)	Võ Huyền Trinh (61247)	
2220	252ENG41904	Phát âm	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	20/04/2026	BPH012 (40)	Đào Thị Trường Xuân (60919)	
2221	252ENG41905	Phát âm	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	21/04/2026	DPH015 (40)	Đào Thị Trường Xuân (60919)	
2222	252ENG41906	Phát âm	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	18/04/2026	BPH010 (40)	Đào Thị Trường Xuân (60919)	
2223	252ENG41907	Phát âm	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	21/04/2026	BPH011 (40)	Nguyễn Thị Mơ (60472)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2224	252ART44201	Phát âm ngôn ngữ Pháp, Ý, Đức, Nga	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Thực hành		24/04/2026		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2225	252TOU30201	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 60	15h10	04/05/2026	KPH002 (40) ; KPH003 (40)	Nguyễn Thị Thúy ngân (61399)	
2226	252TOU30203	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tự luận 60	13h30	08/05/2026	KPH002 (30) ; KPH003 (30)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
2227	252TOU30204	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 60	08h00	04/05/2026	KPH103 (40) ; KPH104 (40)	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
2228	252TOU30205	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tự luận 60	13h30	05/05/2026	KPH001 (50)	Trịnh Minh Chánh (61599)	
2229	252TOU30206	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	68	Tự luận 60	08h00	04/05/2026	KPH003 (34) ; KPH004 (34)	Trịnh Minh Chánh (61599)	
2230	252TOU30207	Phát triển du lịch bền vững	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tự luận 60	15h10	04/05/2026	KPH001 (50)	Trịnh Minh Chánh (61599)	
2231	252ENG40802	Phát triển tài liệu trong việc dạy ngôn ngữ	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	42	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	
2232	252ENG40803	Phát triển tài liệu trong việc dạy ngôn ngữ	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	
2233	252GRA42604	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	81	Bài tập lớn		10/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
2234	252GRA42605	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	
2235	252GRA42606	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	31			05/04/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
2236	252ENG42001	Phiên dịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	10	Vấn đáp	09h40	16/04/2026	BPH008 (11)	Lê Thanh Hòa (61027)	
2237	252ENG40703	Phiên dịch nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	08h00	13/04/2026	HEC511 (39)	Đỗ Huy Liêm (61435)	
2238	252JAP48901	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	1	Vấn đáp	08h00	07/05/2026	BPH011 (1)	Võ Thị Minh Diễm (61539)	
2239	252JAP43501	Phiên dịch thương mại Nhật Việt - Việt Nhật	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	36	Vấn đáp	13h30	13/04/2026	HEC708 (36)	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
2240	252TRA40601	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	45	Tự luận 90	09h40	04/05/2026	KPH001 (45)	Vũ Thị Thu Hương (03112)	
2241	252TRA40602	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	09h40	04/05/2026	KPH002 (40) ; KPH003 (40)	Vũ Thị Thu Hương (03112)	
2242	252TRA40603	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	13h30	04/05/2026	KPH002 (40) ; KPH003 (40)	Vũ Thị Thu Hương (03112)	
2243	252LIT40301	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	44	Tiểu luận		13/02/2026		Trần Thị Lợi (10006)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2244	252LIT40302	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	44					Trần Thị Lợi (10006)	
2245	252LIT40303	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	44	Tiểu luận		13/02/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
2246	252LIT40304	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	44					Trần Thị Lợi (10006)	
2247	252JAP48001	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	31	Báo cáo		10/05/2026		Cao Thị Phương Thảo (25042)	
2248	252SKL10101	Phương pháp học đại học	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	150	Tiểu luận		31/03/2026		Lê Ngọc Phương (60795)	
2249	252SKL10102	Phương pháp học đại học	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	119	Tiểu luận		14/04/2026		Lê Ngọc Phương (60795)	
2250	252SKL10103	Phương pháp học đại học	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	150	Tiểu luận		09/04/2026		Lê Ngọc Phương (60795)	
2251	252SKL10104	Phương pháp học đại học	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	120	Tiểu luận		23/04/2026		Lê Ngọc Phương (60795)	
2252	252SKL10105	Phương pháp học đại học	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	150	Tiểu luận		31/03/2026		Phan Thị Thu Thảo (10004)	
2253	252SKL10106	Phương pháp học đại học	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	150	Tiểu luận		31/03/2026		Phan Thị Thu Thảo (10004)	
2254	252SKL10107	Phương pháp học đại học	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	150	Tiểu luận		05/04/2026		Nguyễn Thị Hóa (19001)	
2255	252SKL10108	Phương pháp học đại học	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		05/04/2026		Nguyễn Thị Hóa (19001)	
2256	252SKL10109	Phương pháp học đại học	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	150	Tiểu luận		04/04/2026		Phạm Thị Bích Thùy (25022)	
2257	252SKL10110	Phương pháp học đại học	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	150	Tiểu luận		26/04/2026		Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
2258	252SKL10111	Phương pháp học đại học	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	148	Tiểu luận		04/04/2026		Trịnh Thị Trâm Anh (61551)	
2259	252TOU41201	Phương pháp luận & phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	47	Tự luận 90	08h00	04/05/2026	KPH002 (47)	Nguyễn Hoài Thân (61600)	
2260	252TOU41202	Phương pháp luận & phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	47	Tự luận 90	08h00	04/05/2026	KPH001 (47)	Nguyễn Hoài Thân (61600)	
2261	252SOC45201	Phương pháp nghiên cứu định lượng	4.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	54	Tiểu luận		10/04/2026		Đào Quang Bình (04111)	
2262	252SOC45202	Phương pháp nghiên cứu định lượng	4.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	54					Đào Quang Bình (04111)	
2263	252SOS30301	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tiểu luận		30/03/2026		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2264	252SOS30302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tiểu luận		30/03/2026		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
2265	252SOS30303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	61	Tiểu luận		04/05/2026		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
2266	252SOS30304	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	81	Tiểu luận		17/04/2026		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
2267	252SOS30305	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	128	Tiểu luận		31/03/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2268	252SOS30306	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	128	Tiểu luận		31/03/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2269	252SOS30307	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	128	Tiểu luận		05/05/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2270	252SOS30308	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	128	Tiểu luận		01/04/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2271	252SOS30309	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	128	Tiểu luận		01/04/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2272	252SOS30310	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	128	Tiểu luận		06/05/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
2273	252BUS30502	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	59	Tiểu luận		26/03/2026		Tăng Mỹ Sang (61621)	
2274	252BUS30504	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	55	Tiểu luận		26/03/2026		Tăng Mỹ Sang (61621)	
2275	252BUS30901	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	79	Tiểu luận		27/03/2026		Hồ Cao Việt (02035)	
2276	252BUS30902	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		27/03/2026		Hồ Cao Việt (02035)	
2277	252BUS30903	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	55	Tiểu luận		29/04/2026		Hồ Cao Việt (02035)	
2278	252BUS30904	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	32	Tiểu luận		27/03/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
2279	252BUS30906	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	37	Tiểu luận		07/04/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2280	252BUS30907	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	40	Tiểu luận		07/04/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2281	252BUS30909	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	78	Tiểu luận		26/03/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2282	252BUS30910	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		26/03/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2283	252BUS30911	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	79	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2284	252BUS30912	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	59	Tiểu luận		29/04/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2285	252BUS30913	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	46	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2286	252BUS30914	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	37	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
2287	252BUS30916	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	78	Tiểu luận		22/04/2026		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2288	252BUS30917	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	76	Tiểu luận		11/04/2026		Tăng Mỹ Sang (61621)	
2289	252BUS30918	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	44	Tiểu luận		11/04/2026		Tăng Mỹ Sang (61621)	
2290	252BUS30920	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	57	Tiểu luận		27/03/2026		Nguyễn Phúc Khánh (61591)	
2291	252BUS30922	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	72	Tiểu luận		27/03/2026		Nguyễn Phúc Khánh (61591)	
2292	252BUS30923	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	47	Tiểu luận		27/03/2026		Nguyễn Phúc Khánh (61591)	
2293	252BUS30924	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	70	Tiểu luận		27/03/2026		Nguyễn Phúc Khánh (61591)	
2294	252BUS30925	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	36	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Phúc Khánh (61591)	
2295	252BUS30926	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	70	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Phúc Khánh (61591)	
2296	252BUS30927	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	59	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Phúc Khánh (61591)	
2297	252BUS30928	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	30	Tiểu luận		08/04/2026		Thảm Đức Hiếu (61631)	
2298	252BIO31001	Phương pháp nghiên cứu, thống kê sinh học	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	60	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	BPH008 (30) ; BPH012 (30)	Đinh Thị Thủy (02162)	
2299	252BIO31002	Phương pháp nghiên cứu, thống kê sinh học	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	60	Trắc nghiệm	08h00	18/04/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Đinh Thị Thủy (02162)	
2300	252ART30101	Phương pháp sáng tác âm nhạc ứng dụng	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	54	Thực hành		13/04/2026		Nông Văn Hiếu (60986)	
2301	252ART44301	Phương pháp sư phạm chuyên ngành (Piano)	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	21	Báo cáo		06/05/2026		Hà Mai Hương (60792)	
2302	252ART44401	Phương pháp sư phạm chuyên ngành (Thanh nhạc)	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	26	Báo cáo		06/05/2026		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2303	252ART46401	Phương pháp sư phạm chuyên ngành 2 (Thanh nhạc)	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	4	Báo cáo		06/05/2026		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2304	252HOS41901	Phương pháp xây dựng khâu phần thực đơn	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	45	Tự luận 90	09h40	21/04/2026	HEC603 (45)	Võ Đình Thuật (61030)	
2305	252HOS41902	Phương pháp xây dựng khâu phần thực đơn	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	48	Tự luận 90	09h40	21/04/2026	HEC703 (48)	Võ Đình Thuật (61030)	
2306	252ART43101	Piano 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Trần Mai Hồng (26007)	
2307	252ART43102	Piano 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Mai Hồng (26007)	
2308	252ART43103	Piano 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2309	252ART43104	Piano 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2310	252ART43105	Piano 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Nông Văn Hiếu (60986)	
2311	252ART43106	Piano 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Nông Văn Hiếu (60986)	
2312	252ART43107	Piano 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2313	252ART43108	Piano 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2314	252ART43109	Piano 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Phạm Ca Dao (61089)	
2315	252ART43110	Piano 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Phạm Ca Dao (61089)	
2316	252ART43111	Piano 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn		05/05/2026		Đào Nguyên Bảo (60790)	
2317	252ART43112	Piano 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	2					Đào Nguyên Bảo (60790)	
2318	252ART43113	Piano 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Trần Minh Ngọc (60850)	
2319	252ART43114	Piano 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Minh Ngọc (60850)	
2320	252ART43115	Piano 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Trần Minh Ngọc (60850)	
2321	252ART43116	Piano 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Minh Ngọc (60850)	
2322	252ART43301	Piano 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Trần Mai Hồng (26007)	
2323	252ART43302	Piano 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Mai Hồng (26007)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2324	252ART43303	Piano 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2325	252ART43304	Piano 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2326	252ART43305	Piano 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Nông Văn Hiếu (60986)	
2327	252ART43306	Piano 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Nông Văn Hiếu (60986)	
2328	252ART43307	Piano 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2329	252ART43308	Piano 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2330	252ART43309	Piano 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Phạm Ca Dao (61089)	
2331	252ART43310	Piano 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Phạm Ca Dao (61089)	
2332	252ART43311	Piano 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Đào Nguyên Bảo (60790)	
2333	252ART43312	Piano 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Đào Nguyên Bảo (60790)	
2334	252ART43313	Piano 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Đào Nguyên Bảo (60790)	
2335	252ART43314	Piano 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Đào Nguyên Bảo (60790)	
2336	252ART43501	Piano 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Trần Mai Hồng (26007)	
2337	252ART43502	Piano 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Mai Hồng (26007)	
2338	252ART43503	Piano 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2339	252ART43504	Piano 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
2340	252ART43505	Piano 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		07/05/2026		Nông Văn Hiếu (60986)	
2341	252ART43506	Piano 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	4					Nông Văn Hiếu (60986)	
2342	252ART43507	Piano 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2343	252ART43508	Piano 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2344	252ART43509	Piano 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2345	252ART43510	Piano 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
2346	252ART43513	Piano 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Trần Minh Ngọc (60850)	
2347	252ART43514	Piano 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Minh Ngọc (60850)	
2348	252ART47401	Piano phổ thông 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	20	Biểu diễn		07/05/2026		Nguyễn Điền Dạ Thảo (60791)	
2349	252ART47402	Piano phổ thông 1	2.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	20					Nguyễn Điền Dạ Thảo (60791)	
2350	252ART47403	Piano phổ thông 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	11	Biểu diễn		07/05/2026		Trần Xuân Trường (60738)	
2351	252ART47404	Piano phổ thông 1	2.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	11					Trần Xuân Trường (60738)	
2352	252ART44001	Piano phổ thông 3	1.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Nguyễn Điền Dạ Thảo (60791)	
2353	252ART44101	Piano phổ thông 4	1.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	6	Biểu diễn		07/05/2026		Nguyễn Điền Dạ Thảo (60791)	
2354	252PUR44501	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/02/2026		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	
2355	252PUR44502	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		22/04/2026		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	
2356	252PUR44503	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/02/2026		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	
2357	252PUR44504	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		22/04/2026		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	
2358	252PUR44505	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		27/02/2026		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	
2359	252PUR44506	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	
2360	252PUR44507	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		27/02/2026		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	
2361	252PUR44508	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	79	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thị Như Quỳnh (61308)	
2362	252PUR44509	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	68	Tiểu luận		19/03/2026		Nguyễn Thị Diễm Phương (60763)	
2363	252PUR44510	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	68	Tiểu luận		30/04/2026		Nguyễn Thị Diễm Phương (60763)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2364	252PUR44511	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		28/02/2026		Nguyễn Thị Diễm Phương (60763)	
2365	252PUR44512	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/04/2026		Nguyễn Thị Diễm Phương (60763)	
2366	252PUR44513	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		28/02/2026		Nguyễn Thị Diễm Phương (60763)	
2367	252PUR44514	PR nội bộ và PR cộng đồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		25/04/2026		Nguyễn Thị Diễm Phương (60763)	
2368	252TOU42401	PR và truyền thông cho sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	71	Tiểu luận		10/05/2026		Dương Văn Bình (61321)	
2369	252PUR41001	Quan hệ công chúng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	117	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
2370	252PUR41002	Quan hệ công chúng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	118	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
2371	252PUR41003	Quan hệ công chúng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	52	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
2372	252PUR41004	Quan hệ công chúng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Hoài Đan (61588)	
2373	252PUR41005	Quan hệ công chúng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	59	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Hoài Đan (61588)	
2374	252PUR41006	Quan hệ công chúng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	59	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
2375	252BUS42601	Quan hệ kinh tế quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	1	Tiểu luận		09/02/2026		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
2376	252SOS30501	Quan hệ quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	61	Tự luận 90	09h40	29/04/2026	KPH002 (31) ; KPH003 (30)	Phan Thị Hải Yến (60888)	
2377	252SOS30502	Quan hệ quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	60	Tự luận 90	09h40	29/04/2026	KPH001 (30) ; KPH004 (30)	Phan Thị Hải Yến (60888)	
2378	252SOS30503	Quan hệ quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	118	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	KPH004 (40) ; KPH101 (40) ; KPH105 (38)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
2379	252SOS30504	Quan hệ quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	118	Tự luận 90	15h10	05/05/2026	HEC609 (40) ; HEC706 (38) ; HEC709 (40)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
2380	252SOS30505	Quan hệ quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	119	Tự luận 90	09h40	10/05/2026	BPH107 (40) ; BPH108 (39) ; BPH109 (40)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
2381	252SOS30506	Quan hệ quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	68	Tự luận 90	08h00	24/04/2026	HEC510 (38) ; HEC605 (30)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2382	252SOS30507	Quan hệ quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	68	Tự luận 90	08h00	20/04/2026	KPH103 (34) ; KPH104 (34)	Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
2383	252TOU30301	Quản lý chất lượng dịch vụ	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	53	Tự luận 60	15h10	28/04/2026	DHT001 (53)	Tô Hồng Gắm (60506)	
2384	252TOU30302	Quản lý chất lượng dịch vụ	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	54	Tự luận 60	15h10	28/04/2026	BPH011 (26) ; DPH015 (28)	Tô Hồng Gắm (60506)	
2385	252TOU30303	Quản lý chất lượng dịch vụ	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	43	Tự luận 60	08h00	07/05/2026	BPH102 (43)	Tô Hồng Gắm (60506)	
2386	252TRA44501	Quản lý điểm đến du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	12	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Văn Hợp (61506)	
2387	252INT477101	Quản lý dự án phát triển phần mềm	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	42	Tự luận 90	08h00	16/04/2026	BPH007 (42)	Nguyễn Ngọc Bích Nga (61097)	
2388	252INT477102	Quản lý dự án phát triển phần mềm	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	42			05/04/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
2389	252MAR30401	Quản lý sáng tạo	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	52	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Phúc Khánh (61591)	
2390	252MAR30403	Quản lý sáng tạo	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	46	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Phúc Khánh (61591)	
2391	252MAR30412	Quản lý sáng tạo	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	46	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
2392	252MAN40601	Quản trị bán hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	69	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
2393	252MAN40602	Quản trị bán hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	68	Tiểu luận		08/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
2394	252MAN40603	Quản trị bán hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	50	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
2395	252HOS44101	Quản trị bếp	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	11	Tự luận 90	15h10	13/04/2026	BPH008 (11)	Võ Đình Thuật (61030)	
2396	252MAN40703	Quản trị chăm sóc khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thị Thu Hà (61534)	
2397	252MAN40704	Quản trị chăm sóc khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	78	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thị Thu Hà (61534)	
2398	252MAN40801	Quản trị chất lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	79	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Ngọc Ánh (61471)	
2399	252MAN40802	Quản trị chất lượng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	52	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Ngọc Ánh (61471)	
2400	252LOG41701	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	76	Tổng hợp	08h00	22/04/2026	KPH001 (38) ; KPH004 (38)	Vũ Ngọc Bích (61328)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2401	252LOG41702	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	80	Tổng hợp	13h30	22/04/2026	KPH001 (40) ; KPH004 (40)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2402	252LOG41703	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	42	Tổng hợp	09h40	28/04/2026	HEC709 (42)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2403	252LOG41704	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	78	Tổng hợp	13h30	24/04/2026	KPH102 (39) ; KPH105 (39)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2404	252LOG41705	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	64	Tổng hợp	08h00	22/04/2026	KPH101 (32) ; KPH102 (32)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2405	252MAN40901	Quản trị chiến lược	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
2406	252MAN40902	Quản trị chiến lược	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
2407	252MAN40903	Quản trị chiến lược	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	96	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
2408	252MAN40904	Quản trị chiến lược	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	84	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
2409	252MAN40905	Quản trị chiến lược	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	88	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
2410	252MAN40906	Quản trị chiến lược	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	87	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Thị Giáng My (61585)	
2411	252MAN40907	Quản trị chiến lược	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	88	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Thị Giáng My (61585)	
2412	252MAN40909	Quản trị chiến lược	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	79	Tiểu luận		10/05/2026		Hồ Cao Việt (02035)	
2413	252MAN40910	Quản trị chiến lược	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Hồ Cao Việt (02035)	
2414	252MAN40911	Quản trị chiến lược	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Anh Dũng (60396)	
2415	252MAN40912	Quản trị chiến lược	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	88	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
2416	252HOS42201	Quản trị chiến lược kinh doanh trong khách sạn - nhà hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Tự luận 90	08h00	13/04/2026	HEC703 (34)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
2417	252HOS42202	Quản trị chiến lược kinh doanh trong khách sạn - nhà hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Tự luận 90	08h00	13/04/2026	HEC709 (34)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
2418	252HOS42204	Quản trị chiến lược kinh doanh trong khách sạn - nhà hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tự luận 90	08h00	13/04/2026	HEC603 (50)	Lê Quốc Hồng Thi (61517)	
2419	252SUC40801	Quản trị chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	59	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	KPH101 (59)	Đặng Thành Luân (61025)	
2420	252SUC40802	Quản trị chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	60	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Đặng Thành Luân (61025)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2421	252SUC40803	Quản trị chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	57	Tổng hợp	09h40	24/04/2026	KPH004 (57)	Đặng Thành Luân (61025)	
2422	252SUC40806	Quản trị chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	73	Tổng hợp	09h40	10/05/2026	BPH007 (36) ; BPH013 (37)	Trần Thị Bích Hồng (61323)	
2423	252SUC40807	Quản trị chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	55	Tổng hợp	09h40	24/04/2026	KPH001 (55)	Lâm Minh Trung (61544)	
2424	252SUC40812	Quản trị chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	44	Tổng hợp	08h00	24/04/2026	KPH101 (44)	Nguyễn Tiến Dũng (61696)	
2425	252ECO42301	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	74	Tổng hợp	13h30	20/04/2026	KPH002 (37) ; KPH003 (37)	Nguyễn Thị Bích Triều (61561)	
2426	252ECO42302	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	36	Tổng hợp	13h30	20/04/2026	KPH103 (36)	Nguyễn Thị Bích Triều (61561)	
2427	252ECO42304	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	42	Tổng hợp	15h10	18/04/2026	KPH105 (42)	Nguyễn Vinh Phước (60616)	
2428	252ECO42306	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	26	Tổng hợp	08h00	20/04/2026	HEC605 (26)	Nguyễn Vinh Phước (60616)	
2429	252ECO42307	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	34	Tổng hợp	13h30	20/04/2026	KPH104 (34)	Nguyễn Vinh Phước (60616)	
2430	252ECO42308	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	34	Tổng hợp	13h30	20/04/2026	KPH105 (34)	Nguyễn Vinh Phước (60616)	
2431	252HOS45001	Quản trị đầu tư dự án khách sạn	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	30	Tự luận 90	15h10	18/04/2026	HEC709 (30)	Nguyễn Thị Thùy My (61595)	
2432	252MAN41006	Quản trị dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	81	Tiểu luận		08/05/2026		Phạm Thị Phương Dung (61273)	
2433	252MAN41007	Quản trị dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	79	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
2434	252HOS30307	Quản trị dịch vụ buồng	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	61	Tự luận 60	13h30	05/05/2026	BPH008 (31) ; BPH009 (30)	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
2435	252HOS42301	Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí và chăm sóc sức khỏe	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	39	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	HEC609 (39)	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
2436	252TRA42101	Quản trị điểm đến	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	71	Tự luận 90	15h10	21/04/2026	HEC603 (71)	Võ Sơn Đông (61500)	
2437	252TRA42102	Quản trị điểm đến	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	81	Tự luận 90	15h10	06/05/2026	HEC503 (41) ; HEC603 (40)	Võ Sơn Đông (61500)	
2438	252TOU41301	Quản trị doanh nghiệp du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	17	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Văn Hợp (61506)	
2439	252MAN41202	Quản trị dự án đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	52	Tiểu luận		24/04/2026		Võ Văn Tiên (61107)	
2440	252TOU42601	Quản trị dự án sự kiện du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	55	Tiểu luận		10/05/2026		Võ Sơn Đông (61500)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2441	252ECO42101	Quản trị dự án truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	54	Tiểu luận		13/04/2026		Trần Thị Phương Tâm (61604)	
2442	252ECO42102	Quản trị dự án truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	59	Tiểu luận		22/04/2026		Trần Thị Phương Tâm (61604)	
2443	252ECO42103	Quản trị dự án truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	56	Tiểu luận		13/04/2026		Trần Thị Phương Tâm (61604)	
2444	252MMC42401	Quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		31/03/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
2445	252MMC42402	Quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	88	Tiểu luận		09/04/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
2446	252MMC42403	Quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	88	Tiểu luận		09/04/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
2447	252TRA41901	Quản trị du lịch di sản	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	61	Tự luận 60	15h10	16/04/2026	HEC510 (31) ; HEC705 (30)	Trần Thanh Tuấn (61167)	
2448	252INT32701	Quản trị hệ thống mạng	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	59	Tiểu luận		20/04/2026		Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
2449	252INT32702	Quản trị hệ thống mạng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	29			23/03/2026		Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
2450	252INT32703	Quản trị hệ thống mạng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			23/03/2026		Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
2451	252MAN20101	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	148	Tiểu luận		21/04/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
2452	252MAN20102	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		21/04/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
2453	252MAN20103	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
2454	252MAN20104	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
2455	252MAN20105	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
2456	252MAN20107	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	118	Tiểu luận		26/03/2026		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
2457	252MAN20108	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	117	Tiểu luận		26/03/2026		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
2458	252MAN20113	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		22/04/2026		Lê Thị Nam Phương (60436)	
2459	252MAN20116	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	117	Tiểu luận		10/04/2026		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
2460	252MAN20126	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	52	Tiểu luận		31/03/2026		Văn Thế Hiển (60473)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2461	252MAN20128	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		10/04/2026		Phan Công Thanh (10007)	
2462	252MAN20129	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	149	Tiểu luận		13/04/2026		Phan Công Thanh (10007)	
2463	252MAN20130	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	56	Tiểu luận		31/03/2026		Lê Uy Chinh (61192)	
2464	252MAN20131	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	64	Tiểu luận		09/04/2026		Lê Uy Chinh (61192)	
2465	252MAN20132	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	71	Tiểu luận		22/04/2026		Lê Hoàng Minh (61082)	
2466	252MAN20136	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	71	Tiểu luận		13/04/2026		Lê Hoàng Minh (61082)	
2467	252MAN20141	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	68	Tiểu luận		13/04/2026		Nguyễn Đức Trung (61568)	
2468	252MAN20142	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	70	Tiểu luận		13/04/2026		Huỳnh Lương Tâm (61605)	
2469	252MAN20143	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	123	Tiểu luận		13/04/2026		Huỳnh Lương Tâm (61605)	
2470	252MAN20148	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		13/04/2026		Lê Quốc Thắng (61406)	
2471	252MAN20149	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tiểu luận		13/04/2026		Lê Quốc Thắng (61406)	
2472	252MAN20152	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		13/04/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
2473	252MAN20153	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		20/04/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
2474	252MAN20154	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	94	Tiểu luận		10/04/2026		Lê Thị Nam Phương (60436)	
2475	252MAN20155	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	67	Tiểu luận		10/04/2026		Lê Thị Nam Phương (60436)	
2476	252MAN20156	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	118	Tiểu luận		27/03/2026		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
2477	252MAN20159	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	115	Tiểu luận		31/03/2026		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
2478	252MAN20161	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	78	Tiểu luận		10/04/2026		Lưu Thị Thanh Mai (60813)	
2479	252MAN20163	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	58	Tiểu luận		11/04/2026		Lưu Thị Thanh Mai (60813)	
2480	252MAN20166	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	128	Tiểu luận		11/04/2026		Văn Nguyễn Loan Quỳnh (60788)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2481	252MAN20167	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	128	Tiểu luận		11/04/2026		Văn Nguyễn Loan Quỳnh (60788)	
2482	252MAN20175	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	105	Tiểu luận		21/04/2026		Lưu Xuân Danh (61569)	
2483	252MAN20176	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	139	Tiểu luận		11/04/2026		Lâm Phạm Như An (61219)	
2484	252MAN20177	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	147	Tiểu luận		11/04/2026		Lâm Phạm Như An (61219)	
2485	252MAN20179	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	95	Tiểu luận		20/04/2026		Lâm Phạm Như An (61219)	
2486	252MAN20180	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	118	Tiểu luận		08/04/2026		Trần Minh Châu (61563)	
2487	252MAN20181	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	118	Tiểu luận		08/04/2026		Trần Minh Châu (61563)	
2488	252MAN20182	Quản trị học	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	150	Tiểu luận		08/04/2026		Trần Thanh Quân (60375)	
2489	252SUC40901	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tiểu luận		08/04/2026		Phạm Xuân Thu (61639)	
2490	252SUC40902	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tiểu luận		16/04/2026		Phạm Xuân Thu (61639)	
2491	252SUC40903	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	56	Tiểu luận		16/04/2026		Phạm Xuân Thu (61639)	
2492	252SUC40904	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	52	Tiểu luận		06/04/2026		Trương Thanh Tú (61618)	
2493	252SUC40905	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	37	Tiểu luận		06/04/2026		Trương Thanh Tú (61618)	
2494	252SUC40906	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	54	Tiểu luận		08/04/2026		Huỳnh Duy Bách (61589)	
2495	252SUC40907	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tiểu luận		16/04/2026		Phạm Tuấn Anh (61397)	
2496	252SUC40908	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	66	Tiểu luận		28/03/2026		Trương Thanh Tú (61618)	
2497	252SUC40909	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	43	Tiểu luận		28/03/2026		Trương Thanh Tú (61618)	
2498	252SUC40912	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	68	Tiểu luận		24/03/2026		Lê Đăng Minh (61622)	
2499	252SUC40913	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tiểu luận		24/03/2026		Lê Đăng Minh (61622)	
2500	252SUC40914	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	71	Tiểu luận		25/03/2026		Lê Đăng Minh (61622)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2501	252SUC40915	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	72	Tiểu luận		25/03/2026		Lê Đăng Minh (61622)	
2502	252SUC40916	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	31	Tiểu luận		06/04/2026		Vũ Anh Minh (61637)	
2503	252SUC40918	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	32	Tiểu luận		08/04/2026		Vũ Anh Minh (61637)	
2504	252SUC40919	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tiểu luận		16/04/2026		Vũ Anh Minh (61637)	
2505	252SUC40920	Quản trị kênh phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	54	Tiểu luận		17/04/2026		Vũ Anh Minh (61637)	
2506	252HOS42401	Quản trị Khu du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	79	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	DMT010 (40) ; DMT011 (40)	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
2507	252TRA44301	Quản trị kinh doanh lữ hành	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tự luận 60	08h00	06/05/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Nguyễn Văn Hợp (61506)	
2508	252TRA44302	Quản trị kinh doanh lữ hành	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tự luận 60	13h30	04/05/2026	KPH001 (30) ; KPH004 (30)	Nguyễn Văn Hợp (61506)	
2509	252TRA44303	Quản trị kinh doanh lữ hành	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tự luận 60	08h00	29/04/2026	KPH002 (35) ; KPH003 (35)	Nguyễn Văn Hợp (61506)	
2510	252TRA44304	Quản trị kinh doanh lữ hành	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tự luận 60	08h00	29/04/2026	KPH103 (35) ; KPH104 (35)	Nguyễn Văn Hợp (61506)	
2511	252TRA44307	Quản trị kinh doanh lữ hành	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	42	Tự luận 60	08h00	29/04/2026	KPH001 (42)	Nguyễn Văn Hợp (61506)	
2512	252LOG40101	Quản trị Logistics	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	43	Tổng hợp	08h00	21/04/2026	KPH004 (43)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2513	252LOG40102	Quản trị Logistics	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	68	Tổng hợp	08h00	24/04/2026	DPH020 (34) ; DPH022 (34)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2514	252SUC41001	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	69	Tổng hợp	15h10	22/04/2026	KPH103 (35) ; KPH104 (34)	Huỳnh Duy Bách (61589)	
2515	252SUC41002	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	79	Tổng hợp	13h30	24/04/2026	KPH004 (40) ; KPH101 (39)	Huỳnh Duy Bách (61589)	
2516	252SUC41003	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	78	Tổng hợp	13h30	04/05/2026	KPH101 (39) ; KPH102 (39)	Huỳnh Duy Bách (61589)	
2517	252SUC41004	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	71	Tổng hợp	13h30	24/04/2026	KPH103 (36) ; KPH104 (35)	Huỳnh Duy Bách (61589)	
2518	252SUC41005	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tổng hợp	15h10	22/04/2026	KPH003 (40) ; KPH004 (40)	Huỳnh Duy Bách (61589)	
2519	252SUC41006	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	64	Tổng hợp	13h30	24/04/2026	KPH002 (32) ; KPH003 (32)	Huỳnh Duy Bách (61589)	
2520	252SUC41013	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	52	Tổng hợp	15h10	22/04/2026	KPH001 (52)	Vương Tấn Đức (61626)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2521	252SUC41014	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	51	Tổng hợp	13h30	24/04/2026	KPH001 (51)	Vương Tấn Đức (61626)	
2522	252SUC41015	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	40	Tổng hợp	15h10	24/04/2026	KPH002 (40)	Vương Tấn Đức (61626)	
2523	252SUC41016	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	39	Tổng hợp	15h10	22/04/2026	KPH002 (39)	Vương Tấn Đức (61626)	
2524	252MAR41801	Quản trị marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thế Ngọc Linh (61642)	
2525	252MAR41802	Quản trị marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thế Ngọc Linh (61642)	
2526	252MAR41803	Quản trị marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	79	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thế Ngọc Linh (61642)	
2527	252MAR41804	Quản trị marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thế Ngọc Linh (61642)	
2528	252MAR41805	Quản trị marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thế Ngọc Linh (61642)	
2529	252MAR41806	Quản trị marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thế Ngọc Linh (61642)	
2530	252MAR41807	Quản trị marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	69	Tiểu luận		08/05/2026		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2531	252MAR41808	Quản trị marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	67	Tiểu luận		08/05/2026		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2532	252MAR41809	Quản trị marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
2533	252MAR41810	Quản trị marketing	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
2534	252MAR41901	Quản trị marketing dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	79	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
2535	252MAR41902	Quản trị marketing dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
2536	252MAR41903	Quản trị marketing dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		24/04/2026		Tạ Văn Thành (60947)	
2537	252MAR41904	Quản trị marketing dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		24/04/2026		Lê Đăng Minh (61622)	
2538	252MAR41905	Quản trị marketing dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	68	Tiểu luận		24/04/2026		Lê Đăng Minh (61622)	
2539	252MAR41906	Quản trị marketing dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		24/04/2026		Tạ Văn Thành (60947)	
2540	252MAR41907	Quản trị marketing dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		24/04/2026		Tạ Văn Thành (60947)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2541	252MAR41908	Quản trị marketing dịch vụ	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	68	Tiểu luận		24/04/2026		Tạ Văn Thành (60947)	
2542	252ECO31501	Quản trị marketing trong thương mại điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	60	Tiểu luận		02/05/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
2543	252FIN41401	Quản trị ngân hàng thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tự luận 90	15h10	21/04/2026	HEC609 (50)	Phạm Hoàng Ân (02130)	
2544	252ENG40603	Quản trị nguồn nhân lực	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Công Minh Tuấn (60419)	
2545	252ENG40604	Quản trị nguồn nhân lực	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
2546	252ENG40605	Quản trị nguồn nhân lực	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
2547	252HOS42501	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	51	Tự luận 60	09h40	28/04/2026	KPH001 (51)	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
2548	252HOS42502	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	65	Tự luận 60	09h40	28/04/2026	KPH002 (33) ; KPH003 (32)	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
2549	252HOS42505	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	61	Tự luận 60	09h40	28/04/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (31)	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
2550	252HUR40801	Quản trị nhân sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Tú Kỳ (61060)	
2551	252HUR40802	Quản trị nhân sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Thị Mỹ Xuyên (61603)	
2552	252HUR40803	Quản trị nhân sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	90	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Thị Mỹ Xuyên (61603)	
2553	252ECO42701	Quản trị nhân sự quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	39	Tiểu luận		10/05/2026		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
2554	252LOG40501	Quản trị phân phối	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	8	Tiểu luận		08/05/2026		Vũ Ngọc Bích (61328)	
2555	252MAN41301	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	60	Tiểu luận		24/04/2026		Đặng Thị Thanh Cúc (60958)	
2556	252MAN41302	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	60	Tiểu luận		24/04/2026		Đặng Thị Thanh Cúc (60958)	
2557	252MAN41303	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thị Thu Hà (61534)	
2558	252MAN41304	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thị Thu Hà (61534)	
2559	252MAN41305	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thị Thu Hà (61534)	
2560	252MAN41306	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Đặng Thị Thanh Cúc (60958)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2561	252MAN41307	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2562	252MAN41308	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2563	252MAN41309	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	79	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2564	252MAN41310	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2565	252MAN41311	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	46	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Phương Tâm (61686)	
2566	252MAN41312	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Phương Tâm (61686)	
2567	252MAN41313	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	52	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Thanh Trâm (60740)	
2568	252MAN41314	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Đặng Thị Thanh Cúc (60958)	
2569	252MAN41315	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		24/04/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
2570	252MAN41316	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		24/04/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
2571	252MAN41317	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		24/04/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
2572	252MAN41318	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		24/04/2026		Lê Nguyễn Trung Kiên (61191)	
2573	252MAN41319	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Đặng Thị Thanh Cúc (60958)	
2574	252MAN41320	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Đặng Thị Thanh Cúc (60958)	
2575	252MAN41321	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Phạm Xuân Thu (61639)	
2576	252MAN41322	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	68	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Thị Như Nguyệt (60372)	
2577	252MAN41323	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	68	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Thị Như Nguyệt (60372)	
2578	252MAN41330	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Đặng Thanh Liêm (02014)	
2579	252MAN41331	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Đặng Thanh Liêm (02014)	
2580	252FIN41501	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	09/05/2026	BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Trần Tuấn Anh (60292)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2581	252FIN41502	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	09/05/2026	BPH007 (40) ; BPH102 (40)	Trần Tuấn Anh (60292)	
2582	252FIN41503	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	09h40	09/05/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (39)	Trần Tuấn Anh (60292)	
2583	252FIN41504	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	08h00	09/05/2026	BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Trần Mạnh Trí (60424)	
2584	252FIN41505	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	57	Trắc nghiệm	08h00	09/05/2026	DPH017 (28) ; DPH022 (29)	Đoàn Việt Hùng (61195)	
2585	252FIN41506	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	09/05/2026	BPH013 (40) ; BPH104 (40)	Đoàn Việt Hùng (61195)	
2586	252FIN41507	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	63	Trắc nghiệm	09h40	09/05/2026	BPH111 (32) ; BPH112 (31)	Đoàn Việt Hùng (61195)	
2587	252FIN41508	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	09h40	09/05/2026	BPH107 (40) ; BPH108 (39)	Đoàn Việt Hùng (61195)	
2588	252MAN41401	Quản trị sản phẩm	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		27/03/2026		Trần Thanh Trâm (60740)	
2589	252MAN41402	Quản trị sản phẩm	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	29	Tiểu luận		05/05/2026		Trần Thanh Trâm (60740)	
2590	252MAN41403	Quản trị sản phẩm	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	33	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Thanh Trâm (60740)	
2591	252TRA31201	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Du Quốc Đạo (60734)	
2592	252TRA31202	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Du Quốc Đạo (60734)	
2593	252TRA31203	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Lê Minh Hiếu (61125)	
2594	252TRA31204	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Dương Văn Bình (61321)	
2595	252TRA31205	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Du Quốc Đạo (60734)	
2596	252TRA31206	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Du Quốc Đạo (60734)	
2597	252TRA31207	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Du Quốc Đạo (60734)	
2598	252TRA31208	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	88	Tiểu luận		10/05/2026		Du Quốc Đạo (60734)	
2599	252TRA31209	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	81	Tiểu luận		10/05/2026		Dương Văn Bình (61321)	
2600	252TRA31210	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	79	Tiểu luận		10/05/2026		Dương Văn Bình (61321)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2601	252TRA31211	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Dương Văn Bình (61321)	
2602	252TRA31212	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Lê Minh Hiếu (61125)	
2603	252TRA31213	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Lê Minh Hiếu (61125)	
2604	252TRA31214	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Lê Minh Hiếu (61125)	
2605	252TRA31215	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Hoàng Vũ (61214)	
2606	252TRA31216	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Hoàng Vũ (61214)	
2607	252TRA31217	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Tấn Công (61402)	
2608	252TRA31218	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Tấn Công (61402)	
2609	252TRA31219	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Đông An (60609)	
2610	252TRA31220	Quản trị sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	49	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Đông An (60609)	
2611	252BUS10201	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2612	252BUS10202	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2613	252BUS10203	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	118	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Văn (61203)	
2614	252BUS10204	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	118	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Văn (61203)	
2615	252BUS10205	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		06/05/2026		Tô Hồng Gấm (60506)	
2616	252BUS10206	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		06/05/2026		Tô Hồng Gấm (60506)	
2617	252BUS10207	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	128	Tiểu luận		10/05/2026		Lưu Xuân Danh (61594)	
2618	252BUS10208	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		20/04/2026		Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
2619	252BUS10209	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	118	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Thị Bích Hào (61070)	
2620	252BUS10210	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	118	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Thị Bích Hào (61070)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2621	252BUS10211	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	118	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Thị Bích Hào (61070)	
2622	252BUS10212	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	118	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Thị Bích Hào (61070)	
2623	252BUS10213	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	128	Tiểu luận		10/05/2026		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2624	252BUS10214	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	128	Tiểu luận		10/05/2026		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2625	252BUS10215	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	118	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Văn (61203)	
2626	252BUS10216	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	118	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Văn (61203)	
2627	252BUS10217	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Xuân Quỳnh (61073)	
2628	252BUS10218	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Xuân Quỳnh (61073)	
2629	252BUS10219	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Kiều Ngọc Dũng (61068)	
2630	252BUS10220	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Kiều Ngọc Dũng (61068)	
2631	252BUS10221	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Đinh Thị Mừng (61198)	
2632	252BUS10222	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Đinh Thị Mừng (61198)	
2633	252BUS10223	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Đức Tài (61065)	
2634	252BUS10224	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Vũ Minh Hiếu (61071)	
2635	252BUS10225	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Đinh Thị Mừng (61198)	
2636	252BUS10226	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Đinh Thị Mừng (61198)	
2637	252BUS10227	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	128	Tiểu luận		10/05/2026		Lưu Xuân Danh (61594)	
2638	252BUS10228	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	128	Tiểu luận		10/05/2026		Lưu Xuân Danh (61594)	
2639	252BUS10229	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Đức Liêm (60544)	
2640	252BUS10230	Quản trị sự thay đổi	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Đức Liêm (60544)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2641	252FIN41701	Quản trị tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Trắc nghiệm	15h10	07/05/2026	DMT019 (50)	Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
2642	252SUC41101	Quản trị thu mua	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	60	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	KPH101 (30) ; KPH102 (30)	Đặng Thành Luân (61025)	
2643	252SUC41102	Quản trị thu mua	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	59	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	KPH101 (59)	Đặng Thành Luân (61025)	
2644	252SUC41103	Quản trị thu mua	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	69	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	KPH102 (35) ; KPH105 (34)	Đặng Thành Luân (61025)	
2645	252SUC41104	Quản trị thu mua	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	40	Tổng hợp	15h10	06/05/2026	KPH001 (40)	Đặng Thành Luân (61025)	
2646	252SUC41105	Quản trị thu mua	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	41	Tổng hợp	15h10	24/04/2026	KPH001 (41)	Trần Thị Bích Hồng (61323)	
2647	252MAR42001	Quản trị thương hiệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	60	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
2648	252MAR42002	Quản trị thương hiệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	60	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
2649	252MAR42003	Quản trị thương hiệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	60	Tiểu luận		24/04/2026		Đặng Thanh Vũ (03095)	
2650	252MAR42004	Quản trị thương hiệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	34	Tiểu luận		24/04/2026		Khổng Thị Tuyết (61625)	
2651	252MAR42006	Quản trị thương hiệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	50	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
2652	252MAR42007	Quản trị thương hiệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	50	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
2653	252MAR42008	Quản trị thương hiệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	49	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
2654	252MAR42009	Quản trị thương hiệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	50	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
2655	252MAN41602	Quản trị thương mại điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	42	Tiểu luận		24/04/2026		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
2656	252HOS31101	Quản trị tiệc	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	9	Tự luận 90	09h40	16/04/2026	HEC607 (9)	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
2657	252PUR41205	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	60	Tiểu luận		08/05/2026		Hồ Vĩnh Hòa (61613)	
2658	252PUR41206	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	77	Tiểu luận		08/05/2026		Đỗ Công Minh Đức (61632)	
2659	252PUR41207	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	44	Tiểu luận		08/05/2026		Đỗ Công Minh Đức (61632)	
2660	252PUR41208	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	82	Tiểu luận		08/05/2026		Đỗ Công Minh Đức (61632)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2661	252MAR42101	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Anh Tú (60857)	
2662	252MAN41801	Quản trị vận hành	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	81	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Hữu Ái (02032)	
2663	252MAN41802	Quản trị vận hành	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Hữu Ái (02032)	
2664	252MAN41803	Quản trị vận hành	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Trần Hữu Ái (02032)	
2665	252MAN41804	Quản trị vận hành	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Hữu Ái (02032)	
2666	252LOG41301	Quản trị xếp dỡ	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	49	Tổng hợp	15h10	20/04/2026	HEC706 (49)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2667	252LOG41302	Quản trị xếp dỡ	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	51	Tổng hợp	15h10	20/04/2026	BPH009 (26) ; BPH011 (25)	Vũ Ngọc Bích (61328)	
2668	252MAR42201	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	60	Tiểu luận		08/05/2026		Lương Quý Ngọc (61059)	
2669	252MAR42202	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	60	Tiểu luận		08/05/2026		Lương Quý Ngọc (61059)	
2670	252MAR42203	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	60	Tiểu luận		08/05/2026		Lương Quý Ngọc (61059)	
2671	252MAR42204	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Lương Quý Ngọc (61059)	
2672	252MAR42205	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Lương Quý Ngọc (61059)	
2673	252MAR42206	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Đặng Thị Bích Ngọc (61416)	
2674	252MAR42207	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Đặng Thị Bích Ngọc (61416)	
2675	252MAR42208	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Đặng Thị Bích Ngọc (61416)	
2676	252MAR42209	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	50	Tiểu luận		08/05/2026		Đặng Thị Bích Ngọc (61416)	
2677	252MAR42210	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	70	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
2678	252MAR42211	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	88	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
2679	252MAR42212	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	88	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
2680	252MAR42213	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2681	252MAR42214	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
2682	252MAR40301	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		24/02/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2683	252MAR40302	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		21/04/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2684	252MAR40303	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		24/02/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2685	252MAR40304	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		21/04/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2686	252MAR40305	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		19/03/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2687	252MAR40306	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		30/04/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2688	252MAR40307	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		19/03/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2689	252MAR40308	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		30/04/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2690	252MAR40309	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		28/02/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2691	252MAR40310	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		25/04/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2692	252MAR40311	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		28/02/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2693	252MAR40312	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		25/04/2026		Vũ Thanh Danh (61020)	
2694	252MAR40313	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61	Tiểu luận		28/02/2026		Vũ Cao Vân Anh (60533)	
2695	252MAR40314	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	59	Tiểu luận		25/04/2026		Vũ Cao Vân Anh (60533)	
2696	252MAR40315	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		28/02/2026		Vũ Cao Vân Anh (60533)	
2697	252MAR40316	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		25/04/2026		Vũ Cao Vân Anh (60533)	
2698	252MAR40317	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		01/03/2026		Vũ Cao Vân Anh (60533)	
2699	252MAR40318	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		26/04/2026		Vũ Cao Vân Anh (60533)	
2700	252MAR40319	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61	Tiểu luận		01/03/2026		Vũ Cao Vân Anh (60533)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2701	252MAR40320	Quảng cáo	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61	Tiểu luận		26/04/2026		Vũ Cao Vân Anh (60533)	
2702	252TRA42401	Quy hoạch du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	51	Tự luận 90	15h10	15/04/2026	HEC503 (51)	Nguyễn Viết Phan (61602)	
2703	252TRA42402	Quy hoạch du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tự luận 90	09h40	13/04/2026	HEC703 (50)	Nguyễn Viết Phan (61602)	
2704	252TRA42403	Quy hoạch du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	34	Tự luận 90	15h10	15/04/2026	HEC510 (34)	Nguyễn Viết Phan (61602)	
2705	252TRA42404	Quy hoạch du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	40	Tự luận 90	15h10	14/04/2026	HEC705 (40)	Nguyễn Viết Phan (61602)	
2706	252KOR45401	Quy tắc giao tiếp tiếng Hàn	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Bài tập lớn		30/03/2026		Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
2707	252KOR45402	Quy tắc giao tiếp tiếng Hàn	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
2708	252KOR45403	Quy tắc giao tiếp tiếng Hàn	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	44	Bài tập lớn		01/04/2026		Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
2709	252KOR45404	Quy tắc giao tiếp tiếng Hàn	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	44					Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
2710	252MMC41701	Sản xuất quảng cáo TVC và New media	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	59	Thực hành		13/04/2026		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
2711	252MMC41702	Sản xuất quảng cáo TVC và New media	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	59	Thực hành		14/04/2026		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
2712	252MMC41703	Sản xuất quảng cáo TVC và New media	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Thực hành		15/04/2026		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
2713	252MMC41704	Sản xuất quảng cáo TVC và New media	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	54	Thực hành		23/04/2026		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
2714	252MMC41705	Sản xuất quảng cáo TVC và New media	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	34	Thực hành		17/04/2026		Lê Thị Hồng Ngọc (60794)	
2715	252MMC41706	Sản xuất quảng cáo TVC và New media	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Thực hành		01/04/2026		Lê Quang Huê (61415)	
2716	252MMC41707	Sản xuất quảng cáo TVC và New media	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Thực hành		01/04/2026		Lê Quang Huê (61415)	
2717	252AQA40301	Sinh học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	69	Bài tập lớn		30/03/2026		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
2718	252AQA40302	Sinh học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	45	Bài tập lớn		30/03/2026		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
2719	252AQA40303	Sinh học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	23	Bài tập lớn		09/04/2026		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
2720	252NUR20601	Sinh học và di truyền	3.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	60	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30)	Trần Thị Huyền (60682)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2721	252NUR20602	Sinh học và di truyền	3.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLK	55	Trắc nghiệm	08h00	23/04/2026	BMT002 (28) ; BMT004 (27)	Trần Thị Huyền (60682)	
2722	252NUR20603	Sinh học và di truyền	3.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLK	36	Trắc nghiệm	09h40	16/04/2026	DMT019 (36)	Lê Thị Kim Phụng (61538)	
2723	252NUR20604	Sinh học và di truyền	3.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLK	47	Trắc nghiệm	08h00	15/04/2026	DMT019 (47)	Lê Thị Kim Phụng (61538)	
2724	252NUR30501	Sinh lý học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLK	37	Trắc nghiệm	08h00	14/04/2026	DMT012 (37)	Nguyễn Thị Kim Xuyên (61481)	
2725	252NUR30502	Sinh lý học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLK	53	Trắc nghiệm	13h30	15/04/2026	BMT002 (27) ; BMT004 (26)	Võ Văn Hải (60837)	
2726	252NUR30503	Sinh lý học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLK	33	Trắc nghiệm	09h40	13/04/2026	BMT004 (33)	Hà Trần Nhật Linh (61703)	
2727	252NUR30504	Sinh lý học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLK	46	Trắc nghiệm	08h00	14/04/2026	DMT011 (46)	Lê Hoàng Thiên (61669)	
2728	252NUR30505	Sinh lý học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLK	29	Trắc nghiệm	09h40	13/04/2026	BMT002 (29)	Lưu Sanh (60785)	
2729	252PSY30601	Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	81	Tiểu luận		17/04/2026		Nguyễn Thị Thương Huyền (04048)	
2730	252PSY30602	Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tiểu luận		11/04/2026		Nguyễn Thị Thương Huyền (04048)	
2731	252PSY30603	Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		21/04/2026		Phạm Lê Bửu Trúc (61567)	
2732	252PSY30604	Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tiểu luận		23/04/2026		Phạm Lê Bửu Trúc (61567)	
2733	252ACC44201	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Bài tập lớn		15/04/2026		Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2734	252ACC44202	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2735	252ACC44203	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	26	Bài tập lớn		05/05/2026		Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2736	252ACC44204	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	26					Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
2737	252PSY42501	Stress và cách ứng phó	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	40	Vấn đáp	13h30	22/04/2026	HEC608 (40)	Nguyễn Thị Nhật Khánh (60733)	
2738	252PSY42502	Stress và cách ứng phó	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	38	Vấn đáp	08h00	24/04/2026	HEC608 (38)	Nguyễn Thị Nhật Khánh (60733)	
2739	252COE30801	Sức bền vật liệu	4.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	44	Tự luận 90	15h10	18/04/2026	HEC703 (44)	Dương Ngọc Châu (61542)	
2740	252COE30802	Sức bền vật liệu	4.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	44					Dương Ngọc Châu (61542)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2741	252NUR50301	Sức khỏe tâm thần trẻ em và trẻ vị thành niên	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLK	31	Trắc nghiệm	09h40	13/04/2026	HEC709 (31)	Lê Thị Uyên Ly (60876)	
2742	252LIT31001	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tiểu luận		01/04/2026		Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
2743	252LIT31003	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	51	Tiểu luận		10/04/2026		Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
2744	252LIT31004	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	53	Tiểu luận		10/04/2026		Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
2745	252FIN41801	Tài chính cá nhân	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	07/05/2026	KPH101 (40) ; KPH102 (40)	Trương Trung Hiếu (61344)	
2746	252FIN41802	Tài chính cá nhân	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	07/05/2026	KPH101 (40) ; KPH102 (40)	Trương Trung Hiếu (61344)	
2747	252FIN41803	Tài chính cá nhân	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	KPH101 (40) ; KPH102 (40)	Lê Hữu Nghị (61527)	
2748	252FIN41805	Tài chính cá nhân	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	KPH103 (40) ; KPH104 (40)	Lê Hữu Nghị (61527)	
2749	252FIN41806	Tài chính cá nhân	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	61	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	KPH105 (61)	Trần Tuấn Anh (60292)	
2750	252FIN43501	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	KPH001 (30) ; KPH003 (30)	Phạm Hoàng Ân (02130)	
2751	252FIN43502	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	KPH004 (30) ; KPH101 (30)	Phạm Hoàng Ân (02130)	
2752	252FIN43503	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Dương Trọng Đoàn (60546)	
2753	252FIN43504	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	KPH102 (30) ; KPH105 (30)	Dương Trọng Đoàn (60546)	
2754	252FIN43505	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	09h40	23/04/2026	BPH102 (30) ; DPH104 (30)	Hà Lâm Oanh (61478)	
2755	252FIN43507	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	08h00	24/04/2026	DHT001 (70)	Bùi Minh Tiết (61029)	
2756	252FIN43508	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	69	Trắc nghiệm	13h30	07/05/2026	KPH103 (35) ; KPH104 (34)	Nguyễn Thị Hồng Nhiên (61652)	
2757	252FIN43509	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	28/04/2026	KPH103 (35) ; KPH104 (35)	Nguyễn Thị Hồng Nhiên (61652)	
2758	252FIN43510	Tài chính doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	57	Trắc nghiệm	15h10	20/04/2026	KPH004 (57)	Nguyễn Thị Hồng Nhiên (61652)	
2759	252FIN44901	Tài chính hành vi	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	69	Tiểu luận		27/04/2026		Nguyễn Thị Ngọc Quý (61552)	
2760	252FIN44902	Tài chính hành vi	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	55	Tiểu luận		27/04/2026		Nguyễn Thị Ngọc Quý (61552)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2761	252FIN44903	Tài chính hành vi	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		27/04/2026		Trần Nguyễn Kim Ngân (61682)	
2762	252FIN44904	Tài chính hành vi	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		27/04/2026		Trần Nguyễn Kim Ngân (61682)	
2763	252FIN44905	Tài chính hành vi	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tiểu luận		27/04/2026		Phạm Thị Thái Hòa (61651)	
2764	252FIN44906	Tài chính hành vi	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		27/04/2026		Phạm Thị Thái Hòa (61651)	
2765	252FIN42201	Tài chính quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	40	Tự luận 90	15h10	29/04/2026	KPH004 (40)	Nguyễn Thị Anh (60422)	
2766	252FIN42202	Tài chính quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	44	Tự luận 90	15h10	29/04/2026	KPH101 (44)	Nguyễn Thị Anh (60422)	
2767	252FIN42203	Tài chính quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	47	Tự luận 90	15h10	29/04/2026	KPH102 (47)	Nguyễn Thị Anh (60422)	
2768	252PSY42601	Tâm bệnh học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	59	Tiểu luận		09/04/2026		Vũ Thị Duyên (61522)	
2769	252PSY42602	Tâm bệnh học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tiểu luận		09/04/2026		Vũ Thị Duyên (61522)	
2770	252PSY42603	Tâm bệnh học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	31	Tiểu luận		23/04/2026		Vũ Thị Duyên (61522)	
2771	252TOU30401	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)	
2772	252TOU30402	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)	
2773	252TOU30403	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thành Đạt (61532)	
2774	252TOU30404	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	48	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thành Đạt (61532)	
2775	252TOU30405	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	48	Tiểu luận		15/04/2026		Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)	
2776	252TOU30406	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tiểu luận		15/04/2026		Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)	
2777	252TOU30407	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tiểu luận		15/04/2026		Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)	
2778	252TOU30408	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	45	Tiểu luận		11/04/2026		Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)	
2779	252TOU30409	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tiểu luận		18/03/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
2780	252TOU30410	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2781	252TOU30411	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tiểu luận		27/03/2026		Bùi Thị Ngọc Phương (61598)	
2782	252TOU30414	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	59	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
2783	252TOU30415	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)	
2784	252TOU30416	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)	
2785	252TOU30417	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Hoài Thân (61600)	
2786	252TOU30418	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Hoài Thân (61600)	
2787	252TOU30419	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	58	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Hoài Thân (61600)	
2788	252TOU30420	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tiểu luận		26/02/2026		Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)	
2789	252TOU30421	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	71	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Ngọc Trinh (03113)	
2790	252TOU30422	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	72	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Ngọc Trinh (03113)	
2791	252TOU30423	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	72	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Ngọc Trinh (03113)	
2792	252TOU30424	Tâm lý du khách	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	72	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Ngọc Trinh (03113)	
2793	252NUR42101	Tâm lý học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	53	Trắc nghiệm	09h40	15/04/2026	BMT002 (23) ; DMT019 (30)	Nguyễn Dục Anh (60914)	
2794	252NUR42102	Tâm lý học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	41	Trắc nghiệm	09h40	15/04/2026	DMT012 (41)	Nguyễn Dục Anh (60914)	
2795	252NUR42103	Tâm lý học	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	34	Trắc nghiệm	09h40	15/04/2026	DMT018 (34)	Nguyễn Dục Anh (60914)	
2796	252PSY20101	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tự luận 90	09h40	08/05/2026	BPH111 (30) ; BPH112 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
2797	252PSY20102	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Tự luận 90	09h40	08/05/2026	BPH013 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (36)	Nguyễn Thị Đỗ Quyền (60961)	
2798	252PSY20103	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	100	Tự luận 90	09h40	07/05/2026	BPH109 (30) ; DHT001 (70)	Hoàng Minh Phú (61033)	
2799	252PSY20105	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tự luận 90	09h40	07/05/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2800	252PSY20106	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Tự luận 90	09h40	07/05/2026	BPH007 (37) ; BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38)	Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)	
2801	252PSY20108	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	BPH102 (30) ; BPH110 (30)	Đỗ Hoàng Phúc (61079)	
2802	252PSY20109	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Đỗ Hoàng Phúc (61079)	
2803	252PSY20110	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Đỗ Hoàng Phúc (61079)	
2804	252PSY20111	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tự luận 90	13h30	08/05/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Thị Đỗ Quyên (60961)	
2805	252PSY20113	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Tự luận 90	08h00	07/05/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (39) ; DPH016 (40)	Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)	
2806	252PSY20114	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tự luận 90	09h40	07/05/2026	BPH111 (30) ; BPH112 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)	
2807	252PSY20115	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tự luận 90	09h40	08/05/2026	BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37)	Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)	
2808	252PSY20116	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	BPH014 (30) ; DPH022 (30)	Đỗ Hoàng Phúc (61079)	
2809	252PSY20117	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	96	Tự luận 90	08h00	07/05/2026	DPH017 (32) ; DPH020 (32) ; DPH022 (32)	Vũ Thị Duyên (61522)	
2810	252PSY20118	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	91	Tự luận 90	13h30	08/05/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (31)	Vũ Thị Duyên (61522)	
2811	252PSY20119	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Tự luận 90	09h40	07/05/2026	BPH013 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37)	Vũ Thị Duyên (61522)	
2812	252PSY20120	Tâm lý học đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	148	Tự luận 90	09h40	08/05/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (38) ; DPH016 (40)	Vũ Thị Duyên (61522)	
2813	252PSY30801	Tâm lý học gia đình	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	70	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	KPH002 (35) ; KPH003 (35)	Hoàng Minh Phú (61033)	
2814	252PSY30802	Tâm lý học gia đình	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	70	Tự luận 90	08h00	22/04/2026	KPH002 (35) ; KPH003 (35)	Hoàng Minh Phú (61033)	
2815	252PSY30803	Tâm lý học gia đình	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	69	Tự luận 90	09h40	20/04/2026	KPH103 (35) ; KPH104 (34)	Nguyễn Anh Khoa (61706)	
2816	252PSY30804	Tâm lý học gia đình	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	70	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	KPH001 (35) ; KPH004 (35)	Hoàng Minh Phú (61033)	
2817	252PSY30805	Tâm lý học gia đình	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Nguyễn Thị Ngọc (60392)	
2818	252PSY30807	Tâm lý học gia đình	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	70	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	KPH101 (35) ; KPH102 (35)	Nguyễn Thị Ngọc (60392)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2819	252PSY42802	Tâm lý học lâm sàng	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	3	Tiểu luận		24/04/2026		Vũ Thị Duyên (61522)	
2820	252PSY31101	Tâm lý học nhân cách	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	72	Tiểu luận		31/03/2026		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2821	252PSY31102	Tâm lý học nhân cách	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	72	Tiểu luận		09/04/2026		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2822	252PSY31103	Tâm lý học nhân cách	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	71	Tiểu luận		05/05/2026		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2823	252PSY31104	Tâm lý học nhân cách	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	72	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2824	252PSY31105	Tâm lý học nhân cách	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	66	Tiểu luận		30/03/2026		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2825	252PSY31106	Tâm lý học nhân cách	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	70	Tiểu luận		30/03/2026		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2826	252PSY31107	Tâm lý học nhân cách	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	34	Tiểu luận		04/05/2026		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
2827	252PSY42901	Tâm lý học quản lý	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	56	Tự luận 90	15h10	05/05/2026	HEC703 (56)	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
2828	252PSY44401	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	31	Tiểu luận		08/04/2026		Nguyễn Văn Phương (04078)	
2829	252PSY43101	Tâm lý học quản trị nhân sự	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	27	Tự luận 90	13h30	24/04/2026	HEC510 (27)	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
2830	252ENG48101	Tâm lý học sư phạm	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		09/05/2026		Nguyễn Trường Giang (60976)	
2831	252ENG48102	Tâm lý học sư phạm	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	30					Nguyễn Trường Giang (60976)	
2832	252ENG48103	Tâm lý học sư phạm	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		09/05/2026		Nguyễn Trường Giang (60976)	
2833	252ENG48104	Tâm lý học sư phạm	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Trường Giang (60976)	
2834	252ENG48105	Tâm lý học sư phạm	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		09/05/2026		Nguyễn Trường Giang (60976)	
2835	252ENG48106	Tâm lý học sư phạm	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Trường Giang (60976)	
2836	252PSY44801	Tâm lý học thần kinh	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	33	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	BPH012 (33)	Nguyễn Tấn Đạt (61451)	
2837	252INT30801	TH Cơ sở dữ liệu	1.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	37	Thực hành		21/04/2026		Trần Văn Ngân (61155)	
2838	252INT30802	TH Cơ sở dữ liệu	1.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30	Thực hành		21/04/2026		Phạm Thành Đạt (60515)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2839	252INT48201	TH Công nghệ .NET	1.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	15	Thực hành		05/04/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
2840	252FOT44401	TH Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	1.00	Thực hành	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	4	Thực hành		09/02/2026		Lâm Đức Cường (60226)	
2841	252NUR43101	TH Điều dưỡng cơ bản 2	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	20	Thực hành		10/05/2026		Trần Thị Huyền (60682)	
2842	252NUR43102	TH Điều dưỡng cơ bản 2	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	19	Thực hành		10/05/2026		Trần Thị Huyền (60682)	
2843	252NUR43103	TH Điều dưỡng cơ bản 2	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	20	Thực hành		10/05/2026		Nhữ Thị Thúy (61317)	
2844	252NUR43104	TH Điều dưỡng cơ bản 2	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	20	Thực hành		10/05/2026		Nhữ Thị Thúy (61317)	
2845	252NUR41401	TH Dược lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Võ Văn Hải (60837)	
2846	252NUR41402	TH Dược lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	26	Thực hành		10/05/2026		Võ Văn Hải (60837)	
2847	252NUR41403	TH Dược lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2848	252NUR41404	TH Dược lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2849	252NUR41405	TH Dược lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2850	252NUR30401	TH Giải phẫu	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	26	Thực hành		10/05/2026		Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2851	252NUR30402	TH Giải phẫu	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Nguyễn Phi Hùng (60340)	
2852	252NUR30403	TH Giải phẫu	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Nguyễn Phi Hùng (60340)	
2853	252NUR30404	TH Giải phẫu	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2854	252NUR30405	TH Giải phẫu	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Nguyễn Minh Tùng (61147)	
2855	252NUR30407	TH Giải phẫu	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Ngô Minh Quân (61393)	
2856	252NUR30409	TH Giải phẫu	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Phạm Trung Chính (61661)	
2857	252NUR43301	TH Kiểm soát nhiễm khuẩn	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Lê Thị Kim Chi (60403)	
2858	252NUR43302	TH Kiểm soát nhiễm khuẩn	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	23	Thực hành		10/05/2026		Lê Thị Kim Chi (60403)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2859	252NUR43303	TH Kiểm soát nhiễm khuẩn	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	21	Thực hành		10/05/2026		Nguyễn Thị Sáu (61319)	
2860	252NUR43304	TH Kiểm soát nhiễm khuẩn	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	17	Thực hành		10/05/2026		Nguyễn Thị Sáu (61319)	
2861	252INT30901	TH Kỹ thuật lập trình	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	40	Thực hành		09/05/2026		Nguyễn Quốc Thuận (60895)	
2862	252INT30902	TH Kỹ thuật lập trình	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30	Thực hành		28/04/2026		TRẦN THỊ THU NGA (61685)	
2863	252INT43706	TH Lập trình trên các thiết bị di động	1.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	11	Thực hành		23/03/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
2864	252ELE31501	TH Linh kiện điện tử	1.00	Thực hành	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	24	Thực hành		21/04/2026		Nguyễn Khắc Hoàng (60865)	
2865	252NUR41201	TH Miễn dịch học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	23	Thực hành		10/05/2026		Hà Trần Nhật Linh (61703)	
2866	252NUR41202	TH Miễn dịch học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Lê Thị Kim Chi (60403)	
2867	252NUR41203	TH Miễn dịch học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Lê Thị Kim Chi (60403)	
2868	252NUR41204	TH Miễn dịch học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Lê Thị Kim Chi (60403)	
2869	252NUR41205	TH Miễn dịch học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Lê Thị Kim Chi (60403)	
2870	252NUR30601	TH Sinh lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Lê Hoàng Thiên (61669)	
2871	252NUR30602	TH Sinh lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Võ Văn Hải (60837)	
2872	252NUR30603	TH Sinh lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Lê Hoàng Thiên (61669)	
2873	252NUR30604	TH Sinh lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	25	Thực hành		10/05/2026		Võ Văn Hải (60837)	
2874	252NUR30605	TH Sinh lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	20	Thực hành		10/05/2026		Võ Văn Hải (60837)	
2875	252NUR30606	TH Sinh lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	21	Thực hành		09/05/2026		Nguyễn Thị Kim Xuyên (61481)	
2876	252NUR30607	TH Sinh lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	20	Thực hành		10/05/2026		Nguyễn Thị Kim Xuyên (61481)	
2877	252NUR30609	TH Sinh lý học	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	22	Thực hành		10/05/2026		Võ Văn Hải (60837)	
2878	252NUR50402	TH Sức khỏe tâm thần trẻ em và trẻ vị thành niên	1.00	Thực hành	Khoa Y Dược_TDLSK	28	Thực hành		10/05/2026		Đào Thị Ngân (61074)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2879	252MMC40401	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	51	Thực hành		14/04/2026		Lê Công Hiếu (60834)	
2880	252MMC40402	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	51	Thực hành		14/04/2026		Phạm Thành Đạt (60515)	
2881	252MMC40403	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	51	Thực hành		15/04/2026		Phạm Trọng Huynh (60773)	
2882	252MMC40404	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	51	Thực hành		15/04/2026		Phạm Thành Đạt (60515)	
2883	252MMC40405	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	51	Thực hành		16/04/2026		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
2884	252MMC40406	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	51	Thực hành		16/04/2026		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
2885	252MMC40407	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	51	Thực hành		17/04/2026		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
2886	252MMC40408	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		17/04/2026		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
2887	252MMC40413	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	35	Thực hành		17/04/2026		Nguyễn Quốc Thuận (60895)	
2888	252MMC40414	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	35	Thực hành		18/04/2026		Nguyễn Quốc Thuận (60895)	
2889	252MMC40419	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		14/04/2026		Lê Thị Thu Thảo (60965)	
2890	252MMC40420	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		14/04/2026		Lê Thị Thu Thảo (60965)	
2891	252MMC40421	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		15/04/2026		Nguyễn Thanh Phong (60516)	
2892	252MMC40422	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		15/04/2026		Tô Hồ Hải (60893)	
2893	252MMC40423	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		16/04/2026		Lê Thị Thu Thảo (60965)	
2894	252MMC40424	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		16/04/2026		Lê Thị Thu Thảo (60965)	
2895	252MMC40425	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		17/04/2026		Lê Thị Thu Thảo (60965)	
2896	252MMC40426	TH Thiết kế web	2.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50	Thực hành		17/04/2026		Lê Thị Thu Thảo (60965)	
2897	252NAS30701	TH Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	1.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	42	Thực hành		05/04/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
2898	252NAS30704	TH Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	1.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	54	Thực hành		23/03/2026		Nguyễn Thị Thu (61240)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2899	252ECO32701	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	49	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	KPH004 (49)	Phạm Tuấn Anh (61397)	
2900	252ECO32704	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	37	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	KPH003 (37)	Phạm Tuấn Anh (61397)	
2901	252ECO32706	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	48	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	KPH001 (48)	Lê Minh Phương Mai (61623)	
2902	252ECO32707	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	33	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	KPH002 (33)	Lê Minh Phương Mai (61623)	
2903	252ECO32708	Thẩm định giá bất động sản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	70	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	KPH103 (35) ; KPH104 (35)	Lê Minh Phương Mai (61623)	
2904	252FIN42501	Thẩm định tín dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	44	Trắc nghiệm	13h30	07/05/2026	DMT019 (44)	Đào Ngọc Thọ (61017)	
2905	252PSY45301	Tham vấn học đường	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	45	Tiểu luận		05/04/2026		Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)	
2906	252PSY45402	Tham vấn tình yêu, hôn nhân, gia đình	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	35	Tiểu luận		31/03/2026		Vương Nguyễn Toàn Thiện (61006)	
2907	252ART44601	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2908	252ART44602	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2909	252ART44603	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2910	252ART44604	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2911	252ART44605	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2912	252ART44606	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2913	252ART44607	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Bùi Thái Hòa (61150)	
2914	252ART44608	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Bùi Thái Hòa (61150)	
2915	252ART44609	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Bùi Thái Hòa (61150)	
2916	252ART44610	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Bùi Thái Hòa (61150)	
2917	252ART44611	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Đoàn Thanh Minh (26017)	
2918	252ART44612	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Đoàn Thanh Minh (26017)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2919	252ART44613	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Đặng Hồng Quang (60418)	
2920	252ART44614	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Đặng Hồng Quang (60418)	
2921	252ART44615	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2922	252ART44616	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2923	252ART44617	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Trần Thị Hòa (60569)	
2924	252ART44618	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Thị Hòa (60569)	
2925	252ART44619	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		05/05/2026		Đỗ Hồng Ân (60397)	
2926	252ART44620	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Đỗ Hồng Ân (60397)	
2927	252ART44621	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	2	Biểu diễn		05/05/2026		Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2928	252ART44622	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	2					Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2929	252ART44625	Thanh nhạc 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	4	Biểu diễn		05/05/2026		Nguyễn Thái Thụy Tường Vy (60187)	
2930	252ART44626	Thanh nhạc 2	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	4					Nguyễn Thái Thụy Tường Vy (60187)	
2931	252ART45901	Thanh nhạc 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2932	252ART45902	Thanh nhạc 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2933	252ART45903	Thanh nhạc 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2934	252ART45904	Thanh nhạc 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2935	252ART45905	Thanh nhạc 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Bùi Thái Hòa (61150)	
2936	252ART45906	Thanh nhạc 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Bùi Thái Hòa (61150)	
2937	252ART45907	Thanh nhạc 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Bùi Thái Hòa (61150)	
2938	252ART45908	Thanh nhạc 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Bùi Thái Hòa (61150)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2939	252ART45909	Thanh nhạc 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Đoàn Thanh Minh (26017)	
2940	252ART45910	Thanh nhạc 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Đoàn Thanh Minh (26017)	
2941	252ART45911	Thanh nhạc 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Đặng Hồng Quang (60418)	
2942	252ART45912	Thanh nhạc 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Đặng Hồng Quang (60418)	
2943	252ART45913	Thanh nhạc 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2944	252ART45914	Thanh nhạc 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2945	252ART45915	Thanh nhạc 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Nguyễn Lê Phương Duy (61222)	
2946	252ART45916	Thanh nhạc 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Nguyễn Lê Phương Duy (61222)	
2947	252ART45917	Thanh nhạc 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Đỗ Hồng Ân (60397)	
2948	252ART45918	Thanh nhạc 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Đỗ Hồng Ân (60397)	
2949	252ART45919	Thanh nhạc 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		06/05/2026		Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2950	252ART45920	Thanh nhạc 4	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2951	252ART46101	Thanh nhạc 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2952	252ART46102	Thanh nhạc 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2953	252ART46103	Thanh nhạc 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2954	252ART46104	Thanh nhạc 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
2955	252ART46105	Thanh nhạc 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2956	252ART46106	Thanh nhạc 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Lê Thị Như Ngọc (60285)	
2957	252ART46107	Thanh nhạc 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Đoàn Thanh Minh (26017)	
2958	252ART46108	Thanh nhạc 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Đoàn Thanh Minh (26017)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2959	252ART46109	Thanh nhạc 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2960	252ART46110	Thanh nhạc 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
2961	252ART46111	Thanh nhạc 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Trần Thị Kim Anh (60845)	
2962	252ART46112	Thanh nhạc 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Thị Kim Anh (60845)	
2963	252ART46113	Thanh nhạc 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Trần Thị Kim Anh (60845)	
2964	252ART46114	Thanh nhạc 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Trần Thị Kim Anh (60845)	
2965	252ART46115	Thanh nhạc 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2966	252ART46116	Thanh nhạc 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2967	252ART46117	Thanh nhạc 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Biểu diễn		07/05/2026		Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2968	252ART46118	Thanh nhạc 6	3.00	Thực hành	Khoa Nghệ thuật	3					Âu Nguyễn Thanh Nguyên (60844)	
2969	252FIN42401	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	13h30	22/04/2026	DHT001 (70)	Trương Thị Thanh Nga (60891)	
2970	252FIN42402	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	DHT001 (70)	Trương Thị Thanh Nga (60891)	
2971	252FIN42403	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	29/04/2026	BPH009 (26) ; BPH012 (27) ; BPH112 (27)	Trương Thị Thanh Nga (60891)	
2972	252FIN42404	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	24/04/2026	DPH017 (27) ; DPH020 (27) ; DPH022 (26)	Trương Thị Thanh Nga (60891)	
2973	252FIN42405	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	24/04/2026	BPH110 (27) ; BPH111 (27) ; BPH112 (26)	Trương Thị Thanh Nga (60891)	
2974	252FIN42406	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	20/04/2026	HEC510 (40) ; HEC603 (40)	Trương Thị Thanh Nga (60891)	
2975	252FIN42407	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	DHT001 (70)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
2976	252FIN42408	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	15h10	13/04/2026	HEC503 (70)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
2977	252FIN42409	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	05/05/2026	DPH017 (27) ; DPH020 (27) ; DPH022 (26)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
2978	252FIN42410	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	05/05/2026	BPH008 (26) ; BPH012 (27) ; BPH111 (27)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2979	252FIN42411	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	15h10	07/05/2026	BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
2980	252FIN42412	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	07/05/2026	BPH007 (40) ; BPH112 (40)	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
2981	252FIN42413	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	05/05/2026	BPH007 (40) ; DHT001 (40)	Phan Thị Phương Linh (60938)	
2982	252FIN42414	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	05/05/2026	BPH109 (45) ; BPH110 (35)	Phan Thị Phương Linh (60938)	
2983	252FIN42415	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	09h40	29/04/2026	BPH007 (33) ; BPH008 (27) ; DPH015 (20)	Phan Thị Phương Linh (60938)	
2984	252FIN42416	Thanh toán quốc tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	05/05/2026	BPH007 (40) ; DHT001 (40)	Đặng Thị Thanh Mai (60854)	
2985	252ECO41601	Thanh toán trong thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	49	Tiểu luận		20/03/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2986	252ECO41603	Thanh toán trong thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	96	Tiểu luận		28/04/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2987	252ECO41604	Thanh toán trong thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	45	Tiểu luận		28/04/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
2988	252ECO41605	Thanh toán trong thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	50	Tiểu luận		20/04/2026		Đỗ Việt Nam (61617)	
2989	252ECO41606	Thanh toán trong thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	50	Tiểu luận		20/04/2026		Đỗ Việt Nam (61617)	
2990	252ECO41607	Thanh toán trong thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	50	Tiểu luận		25/02/2026		Đỗ Việt Nam (61617)	
2991	252ECO41608	Thanh toán trong thương mại điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	50	Tiểu luận		25/02/2026		Đỗ Việt Nam (61617)	
2992	252GRA42301	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
2993	252GRA42302	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	48			23/03/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
2994	252GRA42303	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	32			23/03/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
2995	252GRA42304	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	32	Bài tập lớn		10/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
2996	252GRA42306	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	32			05/04/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
2997	252ENG34201	Thiết kế chương trình dạy học	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	
2998	252ENG34202	Thiết kế chương trình dạy học	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
2999	252ENG34203	Thiết kế chương trình dạy học	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Đỗ Phát Lợi (25109)	
3000	252ENG34204	Thiết kế chương trình dạy học	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đỗ Phát Lợi (25109)	
3001	252GRA42401	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	51	Bài tập lớn		10/05/2026		Lê Ngọc Hiếu (60824)	
3002	252GRA42403	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	51			16/04/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
3003	252GRA42404	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	40	Bài tập lớn		10/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
3004	252GRA42406	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	40			15/04/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
3005	252GRA40301	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	72	Trắc nghiệm	08h00	17/04/2026	BMT004 (27) ; DMT019 (45)	Nguyễn Quang Vinh (60476)	
3006	252GRA40302	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			23/03/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
3007	252GRA40303	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	22			23/03/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
3008	252GRA40401	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	32	Bài tập lớn		20/04/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
3009	252GRA40403	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	32			23/03/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
3010	252MMC42301	Thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	73	Tiểu luận		25/02/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
3011	252MMC42303	Thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	79	Tiểu luận		25/02/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
3012	252GRA42501	Thiết kế hiệu ứng Game 2D	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	36	Bài tập lớn		10/05/2026		Trần Văn Tiền (61441)	
3013	252GRA42503	Thiết kế hiệu ứng Game 2D	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	36			23/03/2026		Trần Văn Tiền (61441)	
3014	252TRA30701	Thiết kế tour	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	79	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	KPH002 (40) ; KPH003 (39)	Du Quốc Đạo (60734)	
3015	252TRA30702	Thiết kế tour	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	15h10	29/04/2026	KPH103 (40) ; KPH104 (40)	Du Quốc Đạo (60734)	
3016	252MMC40301	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	70	Bài tập lớn		20/04/2026		Phạm Văn Thi (61298)	
3017	252MMC40302	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	61	Bài tập lớn		20/04/2026		Nguyễn Thanh Phong (60516)	
3018	252MMC40303	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		20/04/2026		Trần Trung Tín (61258)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3019	252MMC40304	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Trần Trung Tín (61258)	
3020	252MMC40305	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		20/04/2026		Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
3021	252MMC40306	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	72	Bài tập lớn		20/04/2026		Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
3022	252MMC40308	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	73	Bài tập lớn		10/05/2026		Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
3023	252MMC40309	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Nguyễn Thị Phương Trang (60386)	
3024	252MMC40310	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		20/04/2026		Dương Thái Bảo (60940)	
3025	252MMC40311	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Dương Thái Bảo (60940)	
3026	252MMC40312	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		20/04/2026		Trần Phong Vũ (60645)	
3027	252MMC40313	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		20/04/2026		Trần Phong Vũ (60645)	
3028	252MMC40314	Thiết kế web	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Trần Phong Vũ (60645)	
3029	252PRO41801	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	82	Tiểu luận		27/04/2026		Huỳnh Văn Quý (61476)	
3030	252PRO41802	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	81	Tiểu luận		27/04/2026		Huỳnh Văn Quý (61476)	
3031	252PRO41803	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		27/04/2026		Lê Phan Thanh Hòa (61356)	
3032	252PRO41804	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Tiểu luận		27/04/2026		Lê Phan Thanh Hòa (61356)	
3033	252PRO41807	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		27/04/2026		Bùi Minh Tiết (61029)	
3034	252PRO41808	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	42	Tiểu luận		27/04/2026		Bùi Minh Tiết (61029)	
3035	252PRO41809	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		27/04/2026		Tô Thị Kim Hồng (02085)	
3036	252PRO41810	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận		27/04/2026		Tô Thị Kim Hồng (02085)	
3037	252ECO50401	Thông kê kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	80	Tiểu luận		08/05/2026		Võ Thái Hiệp (61444)	
3038	252NAS20301	Thông kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	96	Tự luận 90	13h30	21/04/2026	BPH105 (32) ; BPH107 (32) ; BPH109 (32)	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3039	252NAS20302	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	96	Tự luận 90	15h10	21/04/2026	HEC510 (48) ; HEC703 (48)	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
3040	252NAS20303	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	BPH007 (40) ; BPH109 (40) ; DPH014 (40)	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
3041	252NAS20304	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	BPH014 (30) ; BPH111 (30) ; DPH017 (30) ; DPH022 (30)	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
3042	252NAS20305	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	BPH102 (40) ; BPH106 (40) ; DHT001 (40)	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
3043	252NAS20306	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Tự luận 90	08h00	20/04/2026	BPH007 (33) ; BPH008 (27) ; BPH110 (30) ; BPH112 (30)	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
3044	252NAS20307	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Tự luận 90	13h30	08/05/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (40) ; BPH107 (40)	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
3045	252NAS20308	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Tự luận 90	09h40	20/04/2026	BPH007 (30) ; BPH008 (27) ; BPH109 (34) ; BPH110 (29)	Phan Thanh Mỹ (61329)	
3046	252NAS20309	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	120	Tự luận 90	13h30	08/05/2026	BPH013 (40) ; BPH104 (40) ; BPH108 (40)	Phan Thanh Mỹ (61329)	
3047	252NAS20310	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	13h30	08/05/2026	BPH014 (30) ; DHT001 (50)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3048	252NAS20311	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	BPH110 (35) ; DPH006 (45)	Phan Thanh Mỹ (61329)	
3049	252NAS20312	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3050	252NAS20313	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	88	Tự luận 90	09h40	21/04/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (29) ; DPH022 (29)	Trương Nhã Bình (61575)	
3051	252NAS20314	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	88	Tự luận 90	13h30	08/05/2026	BPH110 (30) ; BPH111 (29) ; BPH112 (29)	Trương Nhã Bình (61575)	
3052	252NAS20315	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	BPH107 (40) ; BPH108 (40)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
3053	252NAS20319	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	70	Tự luận 90	13h30	20/04/2026	DHT001 (70)	Lưu Hoàng Giang (02020)	
3054	252NAS20320	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	70	Tự luận 90	09h40	20/04/2026	HEC503 (70)	Lưu Hoàng Giang (02020)	
3055	252NAS20321	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	15h10	21/04/2026	BPH009 (25) ; BPH012 (25) ; BPH109 (30)	Trương Phi Cường (60971)	
3056	252NAS20322	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	13h30	18/04/2026	DPH017 (27) ; DPH020 (27) ; DPH022 (26)	Trương Phi Cường (60971)	
3057	252NAS20323	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	09h40	21/04/2026	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Trương Phi Cường (60971)	
3058	252NAS20324	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	118	Tự luận 90	08h00	08/05/2026	BPH107 (40) ; BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Trương Phi Cường (60971)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3059	252NAS20325	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	13h30	20/04/2026	BPH007 (45) ; BPH012 (35)	Trương Phi Cường (60971)	
3060	252NAS20326	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	13h30	21/04/2026	BPH012 (35) ; DHT001 (45)	Trương Phi Cường (60971)	
3061	252NAS20327	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	08h00	20/04/2026	HEC510 (40) ; HEC609 (40)	Trương Phi Cường (60971)	
3062	252NAS20328	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	96	Tự luận 90	08h00	13/04/2026	BPH111 (32) ; DPH017 (32) ; DPH022 (32)	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như (61275)	
3063	252NAS20329	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	96	Tự luận 90	13h30	21/04/2026	DPH017 (32) ; DPH020 (32) ; DPH022 (32)	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như (61275)	
3064	252NAS20330	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	96	Tự luận 90	15h10	21/04/2026	BPH110 (32) ; BPH111 (32) ; BPH112 (32)	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như (61275)	
3065	252NAS20331	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	96	Tự luận 90	13h30	21/04/2026	BPH014 (30) ; BPH108 (36) ; BPH110 (30)	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như (61275)	
3066	252NAS20332	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	96	Tự luận 90	09h40	08/05/2026	BPH012 (30) ; BPH109 (36) ; BPH110 (30)	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như (61275)	
3067	252NAS20333	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	09h40	20/04/2026	BPH012 (30) ; DHT001 (50)	Trương Anh Tuấn (61023)	
3068	252NAS20334	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	09h40	08/05/2026	BPH007 (30) ; BPH008 (25) ; BPH009 (25)	Trương Anh Tuấn (61023)	
3069	252NAS20335	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	09h40	08/05/2026	HEC510 (40) ; HEC609 (40)	Trương Anh Tuấn (61023)	
3070	252NAS20336	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	08h00	13/04/2026	BPH110 (35) ; DHT001 (45)	Trương Anh Tuấn (61023)	
3071	252NAS20337	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	BPH007 (40) ; DPH014 (40)	Trương Anh Tuấn (61023)	
3072	252NAS20338	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	09h40	08/05/2026	BPH011 (25) ; DHT001 (55)	Trương Anh Tuấn (61023)	
3073	252NAS20339	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	80	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	DHT001 (40) ; DPH016 (40)	Trương Anh Tuấn (61023)	
3074	252NAS20340	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	70	Tự luận 90	15h10	21/04/2026	KPH004 (70)	Lê Văn Thắng (60189)	
3075	252NAS20341	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	70	Tự luận 90	13h30	08/05/2026	BPH007 (35) ; BPH102 (35)	Lê Văn Thắng (60189)	
3076	252NAS20342	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	69	Tự luận 90	09h40	21/04/2026	BPH107 (35) ; BPH109 (35)	Lê Văn Thắng (60189)	
3077	252NAS20343	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	70	Tự luận 90	15h10	18/04/2026	DHT001 (70)	Lê Văn Thắng (60189)	
3078	252NAS20344	Thống kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	118	Tự luận 90	13h30	18/04/2026	BPH106 (30) ; BPH110 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (28)	Trịnh Minh Quang (61690)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3079	252NAS20345	Thông kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	87	Tự luận 90	13h30	08/05/2026	BPH103 (44) ; BPH109 (44)	Nguyễn Xuân Phương (61630)	
3080	252NAS20346	Thông kê ứng dụng	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	88	Tự luận 90	09h40	20/04/2026	DPH017 (29) ; DPH020 (29) ; DPH022 (30)	Nguyễn Xuân Phương (61630)	
3081	252ELE42901	Thông tin quang	2.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	31	Tiểu luận		17/04/2026		Đinh Thị Khả Hân (60974)	
3082	252CHI43003	Thư tín thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	KPH103 (25)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
3083	252CHI43007	Thư tín thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	KPH101 (40)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
3084	252CHI43008	Thư tín thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	43	Tự luận 90	13h30	05/05/2026	KPH104 (27)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
3085	252CHI43009	Thư tín thương mại	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	33	Tự luận 90	13h30	09/05/2026	KPH003 (33)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
3086	252ART47801	Thực hành dàn dựng và biểu diễn âm nhạc	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	51	Thực hành		15/04/2026		Phạm Ngọc Hiền (60522)	
3087	252ART45401	Thực nghiệm chuyên ngành 2 (Piano)	2.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Thực hành		16/04/2026		Thạch Thái Đỗ Quyên (60843)	
3088	252FOT45501	Thực tập cơ sở	1.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	6	Báo cáo		08/05/2026		Huỳnh Thành Đạt (60724)	
3089	252INT45001	Thực tập cơ sở CNTT	4.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	8	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
3090	252INT45002	Thực tập cơ sở CNTT	4.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	2	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Quang Tấn (60749)	
3091	252INT45004	Thực tập cơ sở CNTT	4.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	4	Báo cáo		08/05/2026		Quách Anh Dũng (01014)	
3092	252INT45009	Thực tập cơ sở CNTT	4.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
3093	252INT45010	Thực tập cơ sở CNTT	4.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	2	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
3094	252ORI40201	Thực tập cơ sở Đông phương học	2.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3095	252ORI40202	Thực tập cơ sở Đông phương học	2.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Cao Thúy Oanh (25004)	
3096	252ORI40203	Thực tập cơ sở Đông phương học	2.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3097	252ORI40204	Thực tập cơ sở Đông phương học	2.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
3098	252ORI40205	Thực tập cơ sở Đông phương học	2.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Hạnh (60144)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3099	252ORI40206	Thực tập cơ sở Đông phương học	2.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3100	252ORI40207	Thực tập cơ sở Đông phương học	2.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	7	Báo cáo		10/05/2026		Lê Đặng Tường Vy (60466)	
3101	252ORI40208	Thực tập cơ sở Đông phương học	2.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	5	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3102	252ORI40209	Thực tập cơ sở Đông phương học	2.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3103	252ORI40210	Thực tập cơ sở Đông phương học	2.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	28	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
3104	252ACC43301	Thực tập cơ sở kế toán	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Báo cáo		25/04/2026		Phan Thị Lan Phương (60519)	
3105	252ACC43302	Thực tập cơ sở kế toán	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	4	Báo cáo		17/04/2026		Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
3106	252ACC43303	Thực tập cơ sở kế toán	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	15	Báo cáo		18/04/2026		Nguyễn Thành Long (02038)	
3107	252ACC43304	Thực tập cơ sở kế toán	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	3	Báo cáo		18/04/2026		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
3108	252ACC43305	Thực tập cơ sở kế toán	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	5	Báo cáo		27/04/2026		Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
3109	252MAN42601	Thực tập cơ sở Kinh doanh thương mại	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
3110	252ECO32401	Thực tập cơ sở Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	12	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
3111	252ECO32402	Thực tập cơ sở Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	10	Báo cáo		10/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
3112	252ECO32403	Thực tập cơ sở Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Thị Vân (27003)	
3113	252ECO32404	Thực tập cơ sở Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
3114	252ECO32405	Thực tập cơ sở Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	1	Báo cáo		10/05/2026		Hồ Cao Việt (02035)	
3115	252ECO32406	Thực tập cơ sở Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
3116	252ECO32407	Thực tập cơ sở Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	12	Báo cáo		10/05/2026		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
3117	252ECO32408	Thực tập cơ sở Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	21	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
3118	252ECO32409	Thực tập cơ sở Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3119	252ECO32410	Thực tập cơ sở Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	1	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
3120	252ECO32412	Thực tập cơ sở Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	4	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
3121	252LOG40801	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	30	Báo cáo		08/05/2026		Phạm Thị Hải Hà (61524)	
3122	252LOG40802	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	29	Báo cáo		08/05/2026		Vũ Ngọc Bích (61328)	
3123	252MAR42602	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
3124	252MAR42603	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
3125	252MAR42604	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Anh Tú (60857)	
3126	252MAR42606	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Thị Diễm (07039)	
3127	252MAR42607	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
3128	252MAR42608	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
3129	252MAR42609	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	29	Báo cáo		10/05/2026		Ngô Tấn Hiệp (25098)	
3130	252MAR42610	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
3131	252MAR42611	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
3132	252MAR42612	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Võ Hoàng Bắc (02136)	
3133	252MAR42613	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Văn Chắc (61152)	
3134	252MAR42614	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
3135	252MAR42615	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
3136	252MAR42616	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Huy Cường (02023)	
3137	252MAR42617	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
3138	252MAR42618	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3139	252MAR42619	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	19	Báo cáo		10/05/2026		Lê Thị Nam Phương (60436)	
3140	252MAR42620	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
3141	252MAR42621	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
3142	252MAR42622	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
3143	252MAR42623	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
3144	252MAR42624	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
3145	252MAR42625	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Đặng Thanh Vũ (03095)	
3146	252MAR42626	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
3147	252MAR42627	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thanh Trâm (60740)	
3148	252MAR42628	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	21	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
3149	252MAR42629	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
3150	252MAR42630	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
3151	252MAR42631	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	22	Báo cáo		10/05/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
3152	252MAR42632	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	8	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
3153	252MAR42633	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Thị Vân (27003)	
3154	252MAR42634	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	29	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
3155	252MAR42635	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	10	Báo cáo		10/05/2026		Hồ Cao Việt (02035)	
3156	252MAR42636	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
3157	252MAR42637	Thực tập cơ sở Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
3158	252ENG40501	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	30	Báo cáo		15/04/2026		Hồ Thị Hiếu (61354)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3159	252ENG40502	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	25	Báo cáo		08/05/2026		Phạm Duy Phương (60717)	
3160	252JAP47701	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	29	Báo cáo		08/05/2026		Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
3161	252JAP47702	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	1	Báo cáo		08/05/2026		Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
3162	252JAP47703	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	10	Báo cáo		08/05/2026		Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3163	252JAP47704	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	2	Báo cáo		08/05/2026		Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3164	252JAP47705	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	7	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Công Nguyên (25084)	
3165	252JAP47706	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	1	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Công Nguyên (25084)	
3166	252CHI45601	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		28/04/2026		Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
3167	252CHI45602	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		28/04/2026		Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
3168	252CHI45603	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	30	Tiểu luận		28/04/2026		Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3169	252JAP47801	Thực tập cơ sở Nhật Bản học	2.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	5	Báo cáo		08/05/2026		Võ Thị Minh Diễm (61539)	
3170	252PUR49101	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
3171	252PUR49102	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
3172	252PUR49103	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Thị Hương (04042)	
3173	252PUR49104	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
3174	252PUR49105	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Thị Huệ (05049)	
3175	252PUR49106	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Quốc Hưng (05002)	
3176	252PUR49107	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	1	Báo cáo		08/05/2026		Hồ Xuân Mai (04110)	
3177	252MAN42401	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
3178	252MAN42402	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3179	252MAN42403	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
3180	252MAN42404	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
3181	252MAN42405	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
3182	252FIN43701	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Báo cáo		27/04/2026		Nguyễn Thị Anh (60422)	
3183	252FIN43702	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Báo cáo		27/04/2026		Huỳnh Thị Thanh Trúc (61309)	
3184	252FIN43703	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Báo cáo		27/04/2026		Trần Tuấn Anh (60292)	
3185	252FIN43704	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Báo cáo		27/04/2026		Bùi Minh Tiết (61029)	
3186	252FIN43705	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	8	Báo cáo		27/04/2026		Trần Nguyễn Kim Ngân (61682)	
3187	252FIN43706	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Báo cáo		27/04/2026		Võ Tiến Lộc (60423)	
3188	252FIN43708	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Báo cáo		27/04/2026		Đào Ngọc Thọ (61017)	
3189	252FIN43709	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	27	Báo cáo		27/04/2026		Phạm Hoàng Ân (02130)	
3190	252FIN43710	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		27/04/2026		Nguyễn Văn Thầy (61310)	
3191	252FIN43711	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Báo cáo		27/04/2026		Nguyễn Quốc Huy (02069)	
3192	252FIN43713	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	20	Báo cáo		27/04/2026		Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
3193	252FIN43714	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	19	Báo cáo		27/04/2026		Trương Trung Hiếu (61344)	
3194	252FIN43715	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	4	Báo cáo		27/04/2026		Lê Hữu Nghị (61527)	
3195	252FIN43716	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	30	Báo cáo		27/04/2026		Trần Mạnh Trí (60424)	
3196	252ART48001	Thực tập cơ sở Thanh nhạc	2.00	Thực tập	Khoa Nghệ thuật	30	Báo cáo		07/05/2026		Lê Thị Như Ngọc (60285)	
3197	252ECO33001	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
3198	252MMC30601	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNPKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3199	252MMC30602	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	10	Báo cáo		10/05/2026		Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3200	252MMC30603	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
3201	252MMC30604	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3202	252MMC30605	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
3203	252MMC30606	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Thị Hương (04042)	
3204	252MMC30607	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	9	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Thị Huệ (05049)	
3205	252PSY45601	Thực tập cơ sở về tham vấn tâm lý tại trường học	2.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
3206	252PSY45602	Thực tập cơ sở về tham vấn tâm lý tại trường học	2.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
3207	252PSY45603	Thực tập cơ sở về tham vấn tâm lý tại trường học	2.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
3208	252PSY45604	Thực tập cơ sở về tham vấn tâm lý tại trường học	2.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Thu Vân (04115)	
3209	252PSY45605	Thực tập cơ sở về tham vấn tâm lý tại trường học	2.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	18	Báo cáo		10/05/2026		Vũ Thị Duyên (61522)	
3210	252PSY45606	Thực tập cơ sở về tham vấn tâm lý tại trường học	2.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	19	Báo cáo		10/05/2026		Hoàng Minh Phú (61033)	
3211	252PSY45608	Thực tập cơ sở về tham vấn tâm lý tại trường học	2.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	19	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Nguyên Thủy Trúc (60503)	
3212	252ART48101	Thực tập cơ sở Piano	2.00	Thực tập	Khoa Nghệ thuật	19	Báo cáo		07/05/2026		Bùi Thái Hòa (61150)	
3213	252ACC42301	Thực tập nghề nghiệp Kế toán	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	10	Báo cáo		28/04/2026		Nguyễn Tấn Quang (60783)	
3214	252MAN42701	Thực tập nghề nghiệp Kinh doanh thương mại	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	21	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
3215	252ECO42501	Thực tập nghề nghiệp Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
3216	252ECO42502	Thực tập nghề nghiệp Kinh tế	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	13	Báo cáo		10/05/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
3217	252LOG40901	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	29	Báo cáo		08/05/2026		Vũ Ngọc Bích (61328)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3218	252LOG40902	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	30	Báo cáo		08/05/2026		Đặng Thành Luân (61025)	
3219	252LOG40903	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	5	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
3220	252LOG40904	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	5	Báo cáo		08/05/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
3221	252LOG40905	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	30	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
3222	252LOG40906	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	15	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
3223	252LOG40907	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	30	Báo cáo		08/05/2026		Lê Thị Nam Phương (60436)	
3224	252LOG40908	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	4	Báo cáo		08/05/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
3225	252LOG40911	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	23	Báo cáo		08/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
3226	252LOG40912	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	15	Báo cáo		08/05/2026		Đoàn Thị Vân (27003)	
3227	252LOG40913	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	30	Báo cáo		08/05/2026		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
3228	252LOG40914	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	30	Báo cáo		08/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
3229	252LOG40915	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	1	Báo cáo		08/05/2026		Hồ Quốc Bảo (60932)	
3230	252LOG40916	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	8	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
3231	252LOG40917	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	6	Báo cáo		08/05/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
3232	252LOG40918	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	13	Báo cáo		08/05/2026		Võ Hoàng Bắc (02136)	
3233	252LOG40919	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	5	Báo cáo		08/05/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
3234	252LOG40920	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	2	Báo cáo		08/05/2026		Phạm Thị Hải Hà (61524)	
3235	252LOG40921	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	30	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
3236	252MAR42702	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
3237	252MAR42703	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	20	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3238	252MAR42704	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	6	Báo cáo		10/05/2026		Trần Anh Tú (60857)	
3239	252MAR42706	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Huy Cường (02023)	
3240	252MAR42707	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	1	Báo cáo		10/05/2026		Trần Lê Ngân Đàm (61454)	
3241	252MAR42708	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
3242	252MAR42710	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
3243	252MAR42711	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	4	Báo cáo		10/05/2026		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
3244	252MAR42712	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	15	Báo cáo		10/05/2026		Võ Hoàng Bắc (02136)	
3245	252MAR42713	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	10	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Văn Chắc (61152)	
3246	252MAR42714	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
3247	252MAR42715	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	18	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
3248	252MAR42716	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	26	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
3249	252MAR42717	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	10	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
3250	252MAR42718	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
3251	252MAR42719	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	29	Báo cáo		10/05/2026		Lê Thị Nam Phương (60436)	
3252	252MAR42720	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
3253	252MAR42721	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	17	Báo cáo		10/05/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
3254	252MAR42722	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
3255	252MAR42723	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
3256	252MAR42724	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3257	252MAR42725	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Đặng Thanh Vũ (03095)	
3258	252MAR42726	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
3259	252MAR42727	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	3	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thanh Trâm (60740)	
3260	252MAR42728	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	17	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
3261	252MAR42729	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	2	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
3262	252MAR42730	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
3263	252MAR42731	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	6	Báo cáo		10/05/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
3264	252MAR42732	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	18	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
3265	252MAR42733	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	28	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Thị Vân (27003)	
3266	252MAR42734	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	7	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
3267	252MAR42736	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
3268	252MAR42737	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	1	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Thị Diễm (07039)	
3269	252MAN42501	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	21	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
3270	252MAN42502	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Huy Cường (02023)	
3271	252MAN42503	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
3272	252MAN42505	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	2	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thanh Trâm (60740)	
3273	252MAN42506	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	24	Báo cáo		10/05/2026		Trần Hữu Ái (02032)	
3274	252MAN42507	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	5	Báo cáo		10/05/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
3275	252MAN42508	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
3276	252MAN42509	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	20	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3277	252MAN42510	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	2	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
3278	252MAN42511	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	29	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
3279	252MAN42512	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	29	Báo cáo		10/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
3280	252MAN42513	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	6	Báo cáo		10/05/2026		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
3281	252MAN42514	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	17	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
3282	252MAN42515	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	5	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
3283	252MAN42516	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
3284	252MAN42517	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	4	Báo cáo		10/05/2026		Trần Anh Tú (60857)	
3285	252MAN42518	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	7	Báo cáo		10/05/2026		Võ Hoàng Bắc (02136)	
3286	252MAN42519	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	6	Báo cáo		10/05/2026		Đình Nguyệt Bích (02147)	
3287	252MAN42520	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	23	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
3288	252MAN42521	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
3289	252MAN42522	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	29	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
3290	252MAN42523	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
3291	252MAN42524	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	6	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
3292	252MAN42525	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	14	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
3293	252FIN43801	Thực tập nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	13	Báo cáo		27/04/2026		Trần Mạnh Trí (60424)	
3294	252ECO42401	Thực tập nghề nghiệp Thương mại điện tử	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
3295	252ECO42402	Thực tập nghề nghiệp Thương mại điện tử	3.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
3296	252SOC45701	Thực tập nghề nghiệp Xã hội học	2.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	30	Báo cáo		10/05/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3297	252SOC45702	Thực tập nghề nghiệp Xã hội học	2.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Duy Hải (04003)	
3298	252FIN42801	Thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Trắc nghiệm	08h00	07/05/2026	HEC503 (72)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
3299	252FIN42802	Thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	71	Trắc nghiệm	08h00	04/05/2026	DHT001 (71)	Phan Hiển Minh (02006)	
3300	252FIN42803	Thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Trắc nghiệm	15h10	24/04/2026	DHT001 (72)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
3301	252FIN42804	Thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	72	Trắc nghiệm	08h00	04/05/2026	HEC503 (72)	Phan Hiển Minh (02006)	
3302	252FIN42805	Thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	09/05/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
3303	252FIN42806	Thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	09/05/2026	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
3304	252FIN42807	Thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	79	Trắc nghiệm	13h30	24/04/2026	BPH104 (40) ; BPH110 (39)	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
3305	252FIN42808	Thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	09/05/2026	BPH104 (40) ; BPH105 (40)	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
3306	252FIN42809	Thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	07/05/2026	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
3307	252FIN42810	Thuế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	80	Trắc nghiệm	08h00	09/05/2026	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	
3308	252BUS30601	Thương mại điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	60	Tiểu luận		17/04/2026		Đình Xuân Thảo (61584)	
3309	252BUS30604	Thương mại điện tử	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	55	Tiểu luận		20/04/2026		Đình Xuân Thảo (61584)	
3310	252ECO31301	Thương mại điện tử căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	40	Tiểu luận		08/04/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
3311	252ECO31302	Thương mại điện tử căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	41	Tiểu luận		31/03/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
3312	252ECO31305	Thương mại điện tử căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	96	Tiểu luận		05/05/2026		Đặng Thanh Vũ (03095)	
3313	252ECO31306	Thương mại điện tử căn bản	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	78	Tiểu luận		10/05/2026		Đặng Thanh Vũ (03095)	
3314	252BIO31501	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ sinh học và thực phẩm	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	40	Tổng hợp	08h00	24/04/2026	HEC706 (40)	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
3315	252BIO31502	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ sinh học và thực phẩm	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	36	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	KPH003 (36)	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
3316	252BIO31504	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ sinh học và thực phẩm	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	40	Tổng hợp	09h40	15/04/2026	KPH002 (40)	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3317	252INT42901	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	40	Trắc nghiệm	08h00	14/04/2026	DMT019 (40)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
3318	252INT42902	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	40	Trắc nghiệm	09h40	14/04/2026	BMT002 (20) ; BMT004 (20)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
3319	252INT42904	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	40	Trắc nghiệm	09h40	14/04/2026	DMT018 (40)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
3320	252INT42905	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	36	Trắc nghiệm	09h40	14/04/2026	DMT019 (36)	Nguyễn Minh Thi (60151)	
3321	252TOU41601	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch khách sạn	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	16	Vấn đáp	08h00	13/04/2026	BPH012 (16)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3322	252BUS42702	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Võ Hoàng Bắc (02136)	
3323	252BUS42707	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
3324	252BUS42708	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	41	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
3325	252BUS42709	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
3326	252BUS42711	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
3327	252BUS42712	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
3328	252BUS42722	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thị Ngọc Vân (61560)	
3329	252BUS42723	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thị Ngọc Vân (61560)	
3330	252BUS42725	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thị Ngọc Vân (61560)	
3331	252BUS42733	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Hoàng Tiểu Nga (60478)	
3332	252BUS42734	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Hoàng Tiểu Nga (60478)	
3333	252BUS42736	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Tiến Huy (60655)	
3334	252BUS42737	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Tiến Huy (60655)	
3335	252BUS42740	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	40	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)	
3336	252ELE42601	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	32	Tiểu luận		20/04/2026		Văn Tấn Lượng (60380)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3337	252LAW41601	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	41	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	HEC603 (41)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
3338	252ART24001	Tiếng Anh chuyên ngành nghệ thuật	3.00	Lý thuyết	Khoa Nghệ thuật	3	Vấn đáp	08h00	23/04/2026	BPH012 (3)	Trần Mai Hồng (26007)	
3339	252PUR42701	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	HEC703 (40)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
3340	252PUR42702	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	HEC510 (40)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
3341	252HOS42701	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị khách sạn và khu du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	40	Tổng hợp	13h30	28/04/2026	KPH103 (40)	Nguyễn Thúy Oanh (03063)	
3342	252HOS42702	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị khách sạn và khu du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	36	Tổng hợp	13h30	29/04/2026	KPH103 (36)	Nguyễn Thúy Oanh (03063)	
3343	252HOS42704	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị khách sạn và khu du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	31	Tổng hợp	13h30	28/04/2026	KPH002 (31)	Nguyễn Thúy Oanh (03063)	
3344	252HOS42708	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị khách sạn và khu du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	32	Tổng hợp	13h30	28/04/2026	KPH104 (32)	TRỊNH MAI PHƯƠNG (60275)	
3345	252HOS42801	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	HEC709 (46)	Hoàng Tiểu Nga (60478)	
3346	252PSY45801	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	06/05/2026	BPH008 (20) ; BPH009 (20)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
3347	252PSY45802	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	38	Tổng hợp	09h40	06/05/2026	DPH015 (38)	Hoàng Minh Phú (61033)	
3348	252ECO31101	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	40	Tiểu luận		14/04/2026		Phan Thị Miên Thảo (60693)	
3349	252MMC40201	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	08h00	20/04/2026	KPH004 (40)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
3350	252MMC40202	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	08h00	20/04/2026	KPH101 (40)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
3351	252MMC40203	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	08h00	20/04/2026	KPH102 (40)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
3352	252MMC40204	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	08h00	20/04/2026	KPH002 (40)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
3353	252MMC40205	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	39	Tổng hợp	08h00	20/04/2026	KPH105 (39)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
3354	252MMC40206	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	20/04/2026	KPH001 (40)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
3355	252MMC40207	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	20/04/2026	KPH101 (40)	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
3356	252MMC40208	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	20/04/2026	KPH002 (40)	Lê Huỳnh Hà Vân (61120)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3357	252MMC40209	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	20/04/2026	KPH003 (40)	Lê Huỳnh Hà Vân (61120)	
3358	252MMC40210	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	08h00	20/04/2026	KPH003 (40)	Lê Huỳnh Hà Vân (61120)	
3359	252MMC40211	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	08h00	20/04/2026	KPH001 (40)	Lê Huỳnh Hà Vân (61120)	
3360	252MMC40212	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	20/04/2026	KPH004 (40)	Lê Huỳnh Hà Vân (61120)	
3361	252MMC40213	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	44	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	KPH001 (44)	Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3362	252LIT40601	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	39	Tổng hợp	09h40	23/04/2026	DPH016 (39)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3363	252LIT40602	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	39					Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3364	252LIT40603	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	23/04/2026	BPH105 (40)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3365	252LIT40604	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	40					Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3366	252LIT40605	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	38	Tổng hợp	15h10	21/04/2026	HEC503 (38)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3367	252LIT40606	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	38					Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3368	252ENG32601	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	42	Trắc nghiệm	08h00	23/04/2026	DMT010 (42)	Hồ Chí Dũng (60575)	
3369	252ENG32602	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	42					Hồ Chí Dũng (60575)	
3370	252ENG32603	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	08h00	16/04/2026	DMT010 (40)	Lê Công Minh Tuấn (60419)	
3371	252ENG32604	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Lê Công Minh Tuấn (60419)	
3372	252ENG32605	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	13/04/2026	DMT010 (40)	Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3373	252ENG32606	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3374	252ENG32607	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	13/04/2026	DMT011 (40)	Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3375	252ENG32608	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3376	252ENG32609	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	37	Trắc nghiệm	08h00	13/04/2026	DMT019 (37)	Phạm Duy Phương (60717)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3377	252ENG32610	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	37					Phạm Duy Phương (60717)	
3378	252ENG32611	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	23/04/2026	DMT011 (40)	Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3379	252ENG32612	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3380	252ENG32613	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	08h00	23/04/2026	DMT012 (39)	Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3381	252ENG32614	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3382	252ENG32615	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	13/04/2026	DMT018 (40)	Nguyễn Châu Long (60817)	
3383	252ENG32616	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Châu Long (60817)	
3384	252ENG32617	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	13/04/2026	DMT012 (40)	Nguyễn Thị Vân (25141)	
3385	252ENG32618	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thị Vân (25141)	
3386	252ENG32619	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	14/04/2026	DMT010 (40)	Phạm Duy Phương (60717)	
3387	252ENG32620	Tiếng Anh đọc 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Duy Phương (60717)	
3388	252ENG42701	Tiếng Anh đọc 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	13	Trắc nghiệm	17h50	09/05/2026	BPH007 (13)	La Thị Hồng Loan (25106)	
3389	252ENG42702	Tiếng Anh đọc 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	6	Trắc nghiệm	17h50	09/05/2026	BPH011 (6)	Nguyễn Vũ Anh Duy (60096)	
3390	252ENG42703	Tiếng Anh đọc 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	7	Trắc nghiệm	17h50	09/05/2026	BPH010 (7)	Nguyễn Vũ Anh Duy (60096)	
3391	252ENG32701	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	09h40	16/04/2026	DMT010 (41)	Đinh Thị Triều Giang (60882)	
3392	252ENG32702	Tiếng Anh đọc 2	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	41					Đinh Thị Triều Giang (60882)	
3393	252ENG32801	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	09h40	28/04/2026	HEC603 (40)	Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3394	252ENG32802	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3395	252ENG32803	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	27	Trắc nghiệm	09h40	23/04/2026	DPH015 (27)	Phạm Duy Phương (60717)	
3396	252ENG32804	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	27					Phạm Duy Phương (60717)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3397	252ENG32807	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	35	Trắc nghiệm	09h40	28/04/2026	HEC510 (35)	Phan Văn Quang (61688)	
3398	252ENG32808	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	35					Phan Văn Quang (61688)	
3399	252ENG32809	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	23/04/2026	BPH108 (40)	Châu Thục Quyên (61658)	
3400	252ENG32810	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Châu Thục Quyên (61658)	
3401	252ENG32811	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	36	Trắc nghiệm	09h40	04/05/2026	KPH104 (36)	Châu Thục Quyên (61658)	
3402	252ENG32812	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	36					Châu Thục Quyên (61658)	
3403	252ENG32815	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	06/05/2026	KPH001 (40)	Nguyễn Thanh Hải (60704)	
3404	252ENG32816	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thanh Hải (60704)	
3405	252ENG32817	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	07/05/2026	KPH105 (40)	Ngô Huệ Nghi (60753)	
3406	252ENG32818	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Ngô Huệ Nghi (60753)	
3407	252ENG32819	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	07/05/2026	KPH105 (40)	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	
3408	252ENG32820	Tiếng Anh đọc 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	
3409	252TRA44701	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	40	Tổng hợp	09h40	29/04/2026	KPH103 (40)	Hồ Thị Phương (03067)	
3410	252TRA44702	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	40	Tổng hợp	08h00	28/04/2026	KPH002 (40)	TRỊNH MAI PHƯƠNG (60275)	
3411	252TRA44703	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	40	Tổng hợp	08h00	28/04/2026	HEC609 (40)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3412	252TRA44704	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	40	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	KPH002 (40)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3413	252TRA44705	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	40	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	KPH103 (40)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3414	252TRA44707	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	39	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	KPH003 (39)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3415	252TRA44708	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	40	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	KPH001 (40)	Hồ Thị Phương (03067)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3416	252TRA44709	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	41	Tổng hợp	08h00	28/04/2026	KPH003 (41)	Hồ Thị Phương (03067)	
3417	252TRA44710	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	KPH001 (40)	Nguyễn Thủy Oanh (03063)	
3418	252TRA44711	Tiếng Anh du lịch 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	40	Tổng hợp	09h40	23/04/2026	BPH013 (40)	Cao Bá Hoàng (61577)	
3419	252ENG20101	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	05/05/2026	HEC503 (40)	Hồ THỊ Ngọc Thúy (61287)	
3420	252ENG20102	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH107 (40)	Hồ THỊ Ngọc Thúy (61287)	
3421	252ENG20103	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	13h30	29/04/2026	HEC503 (39)	Vương Phương Dung (60384)	
3422	252ENG20104	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH104 (40)	Hà Nam Bình (60942)	
3423	252ENG20105	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH109 (40)	Hà Nam Bình (60942)	
3424	252ENG20106	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	06/05/2026	DPH006 (40)	Hà Nam Bình (60942)	
3425	252ENG20107	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	06/05/2026	DPH006 (40)	Hà Nam Bình (60942)	
3426	252ENG20108	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	BPH109 (40)	Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3427	252ENG20109	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	28/04/2026	DHT001 (40)	Lê Tiến (61656)	
3428	252ENG20110	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	DHT001 (40)	Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3429	252ENG201100	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	BPH007 (40)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
3430	252ENG201101	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	BPH009 (20) ; BPH110 (20)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
3431	252ENG201102	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	DHT001 (40)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
3432	252ENG201103	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	BPH014 (40)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
3433	252ENG201104	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	BPH014 (40)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
3434	252ENG201105	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	DPH017 (40)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3435	252ENG201106	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	15/04/2026	DHT001 (40)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3436	252ENG201107	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	14/04/2026	BPH112 (40)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3437	252ENG201108	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	05/05/2026	BPH112 (40)	Phan Thị Miên Thảo (60693)	
3438	252ENG201109	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	DPH017 (40)	Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)	
3439	252ENG20111	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	DPH006 (40)	Thái Nguyễn Tố Loan (60729)	
3440	252ENG201110	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	07/05/2026	BPH112 (40)	Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)	
3441	252ENG201111	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	HEC603 (40)	Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)	
3442	252ENG201112	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	HEC706 (40)	Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)	
3443	252ENG201113	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	BPH105 (40)	Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)	
3444	252ENG201114	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	06/05/2026	DHT001 (40)	Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)	
3445	252ENG201115	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	BPH108 (40)	Nguyễn Ngọc Uyên Phương (60711)	
3446	252ENG201116	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	DHT001 (40)	Bùi Chí Thuận (61450)	
3447	252ENG201117	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	DPH016 (40)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3448	252ENG201118	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	HEC510 (40)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3449	252ENG201119	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	DPH017 (40)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3450	252ENG20112	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	05/05/2026	BPH110 (40)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3451	252ENG201120	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	06/05/2026	DHT001 (40)	Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3452	252ENG201121	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	29/04/2026	HEC510 (40)	Lê Tiến (61656)	
3453	252ENG201122	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	HEC510 (40)	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
3454	252ENG201123	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	08/05/2026	DPH006 (40)	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3455	252ENG201124	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	BPH102 (40)	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
3456	252ENG201125	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	14/04/2026	BPH013 (40)	Trần Việt Anh (61655)	
3457	252ENG201126	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	07/05/2026	HEC503 (40)	Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3458	252ENG201127	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	08/05/2026	HEC503 (40)	Nim Ngọc Yển (25056)	
3459	252ENG201128	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	HEC605 (40)	Nim Ngọc Yển (25056)	
3460	252ENG201129	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH102 (40)	Nim Ngọc Yển (25056)	
3461	252ENG20113	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	29/04/2026	BPH106 (40)	Lê Tiến (61656)	
3462	252ENG201130	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	DHT001 (40)	Nim Ngọc Yển (25056)	
3463	252ENG201131	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	DHT001 (40)	Đào Thị Trường Xuân (60919)	
3464	252ENG201132	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	BPH109 (40)	La Thị Hồng Loan (25106)	
3465	252ENG201133	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	BPH110 (40)	Trần Việt Anh (61655)	
3466	252ENG201134	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH103 (40)	Lê Tiến (61656)	
3467	252ENG201135	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH105 (40)	Ngô Huệ Nghi (60753)	
3468	252ENG201136	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	05/05/2026	BPH111 (40)	Lê Thùy Trang (25057)	
3469	252ENG201137	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	07/05/2026	BPH111 (40)	Lê Thùy Trang (25057)	
3470	252ENG201138	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	DPH006 (40)	Lê Thùy Trang (25057)	
3471	252ENG201140	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	06/05/2026	DHT001 (40)	Lê Thùy Trang (25057)	
3472	252ENG201141	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	BPH007 (40)	Châu Thị Khánh Linh (25045)	
3473	252ENG201142	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	BPH014 (40)	Ngô Huệ Nghi (60753)	
3474	252ENG201143	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	28/04/2026	BPH109 (40)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3475	252ENG201144	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	BPH112 (40)	Ngô Huệ Nghi (60753)	
3476	252ENG201145	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	09h40	14/04/2026	BPH103 (39)	Thái Nguyễn Tố Loan (60729)	
3477	252ENG201146	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	BPH014 (40)	Trần Thị Ngọc Châu (60920)	
3478	252ENG201147	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	HEC609 (40)	Trần Thị Ngọc Châu (60920)	
3479	252ENG201148	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	28/04/2026	BPH110 (40)	Vương Phương Dung (60384)	
3480	252ENG201149	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH106 (40)	Hoàng Tiểu Nga (60478)	
3481	252ENG201150	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH013 (40)	Nguyễn Tiến Huy (60655)	
3482	252ENG201151	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	DPH020 (40)	Nguyễn Tiến Huy (60655)	
3483	252ENG201152	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	18/04/2026	HEC510 (40)	La Thị Hồng Loan (25106)	
3484	252ENG201153	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	DPH022 (40)	La Thị Hồng Loan (25106)	
3485	252ENG201154	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	DPH014 (40)	Đinh Thị Triều Giang (60882)	
3486	252ENG201155	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH108 (40)	Đinh Thị Triều Giang (60882)	
3487	252ENG201156	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	BPH108 (40)	Nguyễn Tiến Huy (60655)	
3488	252ENG201157	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	DPH017 (40)	Đinh Thị Triều Giang (60882)	
3489	252ENG201158	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	08/05/2026	BPH013 (40)	Nguyễn Tiến Huy (60655)	
3490	252ENG201159	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	BPH110 (40)	Châu Thị Khánh Linh (25045)	
3491	252ENG20116	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH007 (40)	Phạm Văn Thòa (61437)	
3492	252ENG201160	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	DPH006 (40)	Phan Văn Quang (61688)	
3493	252ENG201161	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	08/05/2026	BPH109 (40)	Trần Thị Hải (60673)	
3494	252ENG201162	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	BPH110 (40)	Trần Thị Hải (60673)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3495	252ENG201163	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	28/04/2026	BPH112 (40)	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)	
3496	252ENG201164	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	DPH017 (40)	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)	
3497	252ENG201165	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	14/04/2026	DPH017 (40)	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)	
3498	252ENG201166	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	BPH007 (40)	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)	
3499	252ENG201167	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	BPH102 (40)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3500	252ENG201168	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	DPH022 (40)	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)	
3501	252ENG20117	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	08/05/2026	BPH106 (40)	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)	
3502	252ENG201170	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	HEC605 (40)	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)	
3503	252ENG201171	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	04/05/2026	BPH112 (40)	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)	
3504	252ENG201172	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	HEC703 (40)	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)	
3505	252ENG201173	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	HEC503 (40)	Tạ Ngọc Mai Trâm (61662)	
3506	252ENG201174	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	DPH014 (40)	Phạm Minh Toàn 2 (61311)	
3507	252ENG201175	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	DPH017 (40)	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	
3508	252ENG201176	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	15/04/2026	BPH106 (40)	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	
3509	252ENG201177	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	08/05/2026	HEC510 (40)	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	
3510	252ENG201179	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	BPH103 (40)	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)	
3511	252ENG20118	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	28/04/2026	DHT001 (40)	Phan Thị Miên Thảo (60693)	
3512	252ENG201180	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH102 (40)	Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)	
3513	252ENG201182	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	DPH020 (40)	Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3514	252ENG201183	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	HEC703 (40)	Trần Thị Lệ Ánh (60483)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3515	252ENG201184	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	HEC503 (40)	Nguyễn Thị Tấn (25151)	
3516	252ENG201185	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	15/04/2026	BPH107 (40)	Nguyễn Thị Hồng Thắm (60700)	
3517	252ENG201186	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	04/05/2026	DPH022 (40)	Nguyễn Thị Nhân (61695)	
3518	252ENG201187	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	07/05/2026	BPH109 (40)	Nguyễn Thị Nhân (61695)	
3519	252ENG201189	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH103 (40)	Phan Văn Quang (61688)	
3520	252ENG201190	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH110 (40)	Nguyễn Thị Nhân (61695)	
3521	252ENG201193	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	17/04/2026	BPH103 (40)	Timothy James Rossiter (60565)	
3522	252ENG201194	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	17/04/2026	BPH104 (40)	Timothy James Rossiter (60565)	
3523	252ENG201195	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	07/05/2026	BPH105 (40)	Timothy James Rossiter (60565)	
3524	252ENG201196	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	DPH022 (40)	Timothy James Rossiter (60565)	
3525	252ENG201197	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	BPH110 (40)	Timothy James Rossiter (60565)	
3526	252ENG201198	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	BPH111 (40)	Timothy James Rossiter (60565)	
3527	252ENG201200	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	18/04/2026	HEC609 (40)	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3528	252ENG20121	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH107 (40)	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3529	252ENG20122	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	BPH106 (40)	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3530	252ENG20123	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	DPH020 (40)	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3531	252ENG20124	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	DPH022 (40)	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3532	252ENG20125	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	BPH112 (40)	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3533	252ENG20126	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	16/04/2026	BPH013 (40)	Nguyễn Đài Trang (61285)	
3534	252ENG20127	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	14/04/2026	BPH013 (40)	Nguyễn Thị Hồng Thắm (60700)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3535	252ENG20128	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH014 (40)	Nguyễn Thị Hồng Thắm (60700)	
3536	252ENG20129	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH104 (40)	Nguyễn Thị Hồng Thắm (60700)	
3537	252ENG20130	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	DPH016 (40)	Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3538	252ENG20131	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH013 (40)	Phan Anh Dũng (61021)	
3539	252ENG20132	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	DPH017 (40)	Phan Anh Dũng (61021)	
3540	252ENG20133	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	07/05/2026	BPH108 (40)	Phan Anh Dũng (61021)	
3541	252ENG20134	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH112 (40)	Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3542	252ENG20135	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	HEC510 (40)	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (60716)	
3543	252ENG20136	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH111 (40)	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (60716)	
3544	252ENG20137	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH007 (40)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3545	252ENG20138	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	18/04/2026	HEC503 (40)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3546	252ENG20139	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH112 (40)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3547	252ENG20140	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	DPH020 (40)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3548	252ENG20141	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	16/04/2026	BPH103 (40)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3549	252ENG20142	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	15h10	16/04/2026	DPH016 (39)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3550	252ENG20143	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	HEC709 (40)	Nguyễn Đài Trang (61285)	
3551	252ENG20144	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	14/04/2026	BPH106 (40)	Nguyễn Đài Trang (61285)	
3552	252ENG20145	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	16/04/2026	BPH109 (40)	Nguyễn Đài Trang (61285)	
3553	252ENG20146	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	HEC603 (40)	Mai Thị Thúy Phương (60563)	
3554	252ENG20147	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	DPH022 (40)	Mai Thị Thúy Phương (60563)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3555	252ENG20148	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	14/04/2026	BPH007 (40)	Trần Thị Lệ Ánh (60483)	
3556	252ENG20149	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	HEC503 (40)	Trần Thị Lệ Ánh (60483)	
3557	252ENG20150	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	16/04/2026	BPH108 (40)	Trần Thị Lệ Ánh (60483)	
3558	252ENG20151	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	14/04/2026	BPH109 (40)	Trần Thị Hải (60673)	
3559	252ENG20152	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	HEC503 (40)	Trần Thị Liên Đài (61699)	
3560	252ENG20153	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	BPH111 (40)	Trần Thị Liên Đài (61699)	
3561	252ENG20154	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH110 (40)	Trần Thị Hải (60673)	
3562	252ENG20155	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	DPH020 (40)	Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3563	252ENG20156	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH105 (40)	Hoàng Tiểu Nga (60478)	
3564	252ENG20157	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH014 (40)	Hoàng Tiểu Nga (60478)	
3565	252ENG20158	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	DHT001 (40)	Trần Thị Hải (60673)	
3566	252ENG20159	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	15h10	28/04/2026	BPH112 (39)	Trần Thị Hải (60673)	
3567	252ENG20160	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	16/04/2026	BPH007 (40)	Trần Thị Hải (60673)	
3568	252ENG20161	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	BPH108 (40)	Hồ Như Vy (61288)	
3569	252ENG20162	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	17/04/2026	BPH110 (40)	Hồ Như Vy (61288)	
3570	252ENG20163	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	07/05/2026	BPH013 (40)	Hồ Như Vy (61288)	
3571	252ENG20164	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	08/05/2026	BPH105 (40)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3572	252ENG20165	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	18/04/2026	HEC510 (40)	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
3573	252ENG20166	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	23/04/2026	BPH012 (40)	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)	
3574	252ENG20167	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	15/04/2026	BPH105 (40)	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3575	252ENG20168	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	DPH006 (40)	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)	
3576	252ENG20169	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	BPH111 (40)	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)	
3577	252ENG20170	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	15/04/2026	DPH017 (40)	Nguyễn Đài Trang (61285)	
3578	252ENG20171	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	09/05/2026	BPH008 (20) ; DPH022 (20)	Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
3579	252ENG20172	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	20/04/2026	BPH112 (40)	Nguyễn Đài Trang (61285)	
3580	252ENG20173	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	BPH111 (40)	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)	
3581	252ENG20174	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	BPH013 (40)	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)	
3582	252ENG20175	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	06/05/2026	HEC510 (40)	Nguyễn Thị Thu Quỳnh (61286)	
3583	252ENG20177	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	HEC503 (40)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3584	252ENG20178	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	BPH110 (40)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3585	252ENG20179	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	14/04/2026	BPH110 (40)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3586	252ENG20180	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	08/05/2026	BPH110 (40)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3587	252ENG20181	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	18/04/2026	DPH017 (40)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3588	252ENG20182	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	BPH013 (40)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3589	252ENG20184	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	08/05/2026	BPH008 (20) ; BPH009 (20)	Trần Hoàng Phúc (61507)	
3590	252ENG20185	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	14/04/2026	HEC510 (40)	Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
3591	252ENG20186	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	07/05/2026	BPH109 (40)	Trần Hoàng Phúc (61507)	
3592	252ENG20187	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	14/04/2026	DHT001 (40)	Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
3593	252ENG20188	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH106 (40)	Nguyễn Thị Vân (25141)	
3594	252ENG20189	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	06/05/2026	BPH007 (40)	Lê Tiến (61656)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3595	252ENG20190	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	HEC510 (40)	Nguyễn Thị Vân (25141)	
3596	252ENG20191	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	BPH103 (40)	Nguyễn Thị Vân (25141)	
3597	252ENG20192	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	07/05/2026	BPH108 (40)	Nguyễn Thị Vân (25141)	
3598	252ENG20193	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH109 (40)	Lê Tiến (61656)	
3599	252ENG20194	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	BPH108 (40)	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)	
3600	252ENG20195	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	HEC603 (40)	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)	
3601	252ENG20196	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	09/05/2026	HEC609 (40)	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)	
3602	252ENG20197	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	21/04/2026	BPH109 (40)	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)	
3603	252ENG20198	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	21/04/2026	DHT001 (40)	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)	
3604	252ENG20199	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	29/04/2026	DHT001 (40)	Nguyễn Thị Bích Thảo (60458)	
3605	252ENG20201	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	08h00	22/04/2026	DHT001 (50)	Đình Trần Thúy Liễu (61248)	
3606	252ENG20202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	KPH004 (40)	Thái Nguyễn Tố Loan (60729)	
3607	252ENG20203	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/04/2026	KPH104 (40)	Nguyễn Thị Phương Khanh (61255)	
3608	252ENG20204	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	24/04/2026	KPH105 (40)	Đào Thị Trường Xuân (60919)	
3609	252ENG20205	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	50	Tổng hợp	15h10	14/04/2026	HEC605 (50)	Phạm Duy Phương (60717)	
3610	252ENG20206	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	43	Tổng hợp	15h10	17/04/2026	BPH107 (43)	Phạm Duy Phương (60717)	
3611	252ENG20207	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/04/2026	KPH004 (40)	Nguyễn Thị Bạch Yến (61291)	
3612	252ENG20208	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	29/04/2026	KPH105 (40)	Nguyễn Thị Ngọc Uyên (60943)	
3613	252ENG20209	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	04/05/2026	KPH105 (40)	Phan Thị Miên Thảo (60693)	
3614	252ENG20210	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	22/04/2026	KPH105 (40)	Nguyễn Thị Bạch Yến (61291)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3615	252ENG20211	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	20/04/2026	KPH001 (40)	Phan Anh Dũng (61021)	
3616	252ENG20212	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	DHT001 (40)	Trần Thị Ngọc Châu (60920)	
3617	252ENG20213	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	22/04/2026	KPH105 (40)	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)	
3618	252ENG20214	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	17/04/2026	KPH001 (40)	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)	
3619	252ENG20215	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	15/04/2026	KPH004 (40)	Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)	
3620	252ENG20216	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/04/2026	KPH101 (40)	Trần Thị Ngọc Châu (60920)	
3621	252ENG20217	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	04/05/2026	KPH105 (40)	Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)	
3622	252ENG20218	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	KPH105 (40)	Nguyễn Châu Long (60817)	
3623	252ENG20219	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	KPH105 (40)	Nguyễn Châu Long (60817)	
3624	252ENG20220	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	KPH101 (40)	La Thị Hồng Loan (25106)	
3625	252ENG20221	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	24/04/2026	KPH001 (40)	Nguyễn Đài Trang (61285)	
3626	252ENG20222	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	18/04/2026	KPH102 (40)	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (60716)	
3627	252ENG20224	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	06/05/2026	KPH102 (40)	Võ Huyền Trinh (61247)	
3628	252ENG20225	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	04/05/2026	KPH102 (40)	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)	
3629	252ENG20228	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	KPH102 (40)	Hà Nam Bình (60942)	
3630	252ENG20229	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	08/05/2026	KPH105 (40)	Nim Ngọc Yến (25056)	
3631	252ENG20230	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	KPH105 (40)	Nim Ngọc Yến (25056)	
3632	252ENG20231	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	20/04/2026	KPH101 (40)	Nim Ngọc Yến (25056)	
3633	252ENG20235	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	06/05/2026	KPH004 (40)	Nguyễn Thị Bạch Yến (61291)	
3634	252ENG20244	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	13h30	22/04/2026	KPH105 (40)	Nguyễn Thị Hồng Thắm (60700)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3635	252ENG20245	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	KPH101 (40)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
3636	252ENG20246	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	KPH102 (40)	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)	
3637	252ENG20248	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	KPH105 (40)	Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3638	252ENG20250	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	24/04/2026	KPH004 (40)	Trần Thị Quốc Thanh (60629)	
3639	252ENG20251	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	04/05/2026	KPH105 (40)	Trần Thị Quốc Thanh (60629)	
3640	252ENG20253	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	05/05/2026	KPH102 (40)	Trần Thị Quốc Thanh (60629)	
3641	252ENG20255	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	22/04/2026	KPH101 (40)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3642	252ENG20256	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	15/04/2026	KPH103 (40)	Nguyễn Thanh Hải (60704)	
3643	252ENG20258	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	13h30	22/04/2026	KPH102 (39)	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (60716)	
3644	252ENG20263	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	05/05/2026	KPH105 (40)	Đình Trần Thúy Liễu (61248)	
3645	252ENG20265	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/04/2026	KPH102 (40)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3646	252ENG20267	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	KPH102 (40)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3647	252ENG20268	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	24/04/2026	KPH105 (40)	Hoàng Tiểu Nga (60478)	
3648	252ENG20269	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	06/05/2026	KPH101 (40)	Hoàng Tiểu Nga (60478)	
3649	252ENG20271	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	05/05/2026	KPH101 (40)	Võ Huyền Trinh (61247)	
3650	252ENG20272	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	KPH002 (40)	Lê Thùy Trang (25057)	
3651	252ENG20275	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	17/04/2026	KPH002 (40)	Trần Hoàng Phúc (61507)	
3652	252ENG20277	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	KPH001 (40)	Lê Thị Thanh Tâm (60737)	
3653	252ENG20278	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	23/04/2026	KPH003 (40)	Nguyễn Thị Bạch Yến (61291)	
3654	252ENG20279	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	KPH105 (40)	Phạm Duy Phương (60717)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3655	252ENG20280	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	20/04/2026	KPH102 (40)	Phạm Duy Phương (60717)	
3656	252ENG33501	Tiếng Anh hành chính văn phòng	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Phan Thị Miên Thảo (60693)	
3657	252ENG33502	Tiếng Anh hành chính văn phòng	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Miên Thảo (60693)	
3658	252ENG33503	Tiếng Anh hành chính văn phòng	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Phan Thị Miên Thảo (60693)	
3659	252ENG33504	Tiếng Anh hành chính văn phòng	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Miên Thảo (60693)	
3660	252HOS31301	Tiếng Anh ngành khách sạn	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	21	Vấn đáp	13h30	13/04/2026	BPH011 (21)	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
3661	252ENG32301	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	13/04/2026	DPH015 (40)	Bùi Chí Thuận (61450)	
3662	252ENG32302	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Bùi Chí Thuận (61450)	
3663	252ENG32303	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	42	Vấn đáp	13h30	28/04/2026	HEC708 (42)	Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3664	252ENG32304	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	42					Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3665	252ENG32305	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	08h00	28/04/2026	HEC708 (40)	Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3666	252ENG32306	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3667	252ENG32307	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	29/04/2026	HEC708 (40)	Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3668	252ENG32308	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Thạch Thị Quách Thi (60666)	
3669	252ENG32309	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	08h00	28/04/2026	HEC608 (39)	Thái Nguyễn Tố Loan (60729)	
3670	252ENG32310	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Thái Nguyễn Tố Loan (60729)	
3671	252ENG32311	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	15/04/2026	BPH009 (40)	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
3672	252ENG32312	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
3673	252ENG32313	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	17/04/2026	BPH008 (40)	Ngô Huệ Nghi (60753)	
3674	252ENG32314	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Ngô Huệ Nghi (60753)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3675	252ENG32315	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	18/04/2026	BPH008 (40)	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
3676	252ENG32316	Tiếng Anh nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
3677	252ENG43001	Tiếng Anh nghe - nói 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	13	Vấn đáp	13h30	30/05/2026	DPH016 (11)	Nguyễn Thanh Hải (60704)	Ngày KT: 29/05/2026
3678	252ENG43002	Tiếng Anh nghe - nói 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	6	Vấn đáp	15h10	10/05/2026	BPH010 (6)	Ngô Tấn Hiệp (25098)	
3679	252ENG43003	Tiếng Anh nghe - nói 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	7	Vấn đáp	13h30	10/05/2026	BPH010 (7)	Ngô Tấn Hiệp (25098)	
3680	252ENG32401	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	23	Vấn đáp	13h30	07/05/2026	BPH010 (23)	Nguyễn Đức Huy (61708)	
3681	252ENG32402	Tiếng Anh nghe - nói 2	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	23					Nguyễn Đức Huy (61708)	
3682	252ENG32501	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	32	Vấn đáp	08h00	29/04/2026	HEC605 (32)	Hồ Như Vy (61288)	
3683	252ENG32502	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	32					Hồ Như Vy (61288)	
3684	252ENG32507	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	33	Vấn đáp	15h10	29/04/2026	DPH015 (33)	Đinh Thị Triều Giang (60882)	
3685	252ENG32508	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	33					Đinh Thị Triều Giang (60882)	
3686	252ENG32509	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	08h00	20/04/2026	DPH015 (39)	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3687	252ENG32510	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)	
3688	252ENG32511	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	24	Vấn đáp	15h10	24/04/2026	HEC508 (24)	Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)	
3689	252ENG32512	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	24					Hồ Thị Ngọc Thúy (61287)	
3690	252ENG32513	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	28/04/2026	HEC608 (40)	Timothy James Rossiter (60565)	
3691	252ENG32514	Tiếng Anh nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Timothy James Rossiter (60565)	
3692	252ENG43301	Tiếng Anh nghe - nói 4	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	20	Vấn đáp	08h00	07/05/2026	BPH011 (20)	Ngô Huệ Nghi (60753)	
3693	252ENG32201	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	15/04/2026	KPH102 (40)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3694	252ENG32202	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3695	252ENG32203	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	17/04/2026	KPH001 (40)	Võ Huyền Trinh (61247)	
3696	252ENG32204	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Võ Huyền Trinh (61247)	
3697	252ENG32205	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	15/04/2026	KPH103 (40)	Nguyễn Thanh Hải (60704)	
3698	252ENG32206	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thanh Hải (60704)	
3699	252ENG32207	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	17/04/2026	KPH003 (40)	Đào Thị Trường Xuân (60919)	
3700	252ENG32208	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đào Thị Trường Xuân (60919)	
3701	252ENG32209	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	15/04/2026	KPH001 (40)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3702	252ENG32210	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3703	252ENG32211	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	37	Tổng hợp	13h30	17/04/2026	KPH003 (37)	Phạm Duy Phương (60717)	
3704	252ENG32212	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	37					Phạm Duy Phương (60717)	
3705	252ENG32213	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	09h40	15/04/2026	KPH104 (39)	Nguyễn Thanh Hải (60704)	
3706	252ENG32214	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Nguyễn Thanh Hải (60704)	
3707	252ENG32215	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	17/04/2026	KPH001 (40)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3708	252ENG32216	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3709	252ENG32217	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	17/04/2026	KPH002 (40)	Mai Thị Thủy Phương (60563)	
3710	252ENG32218	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Mai Thị Thủy Phương (60563)	
3711	252ENG32219	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	17/04/2026	KPH003 (40)	Hồ Thị Hiếu (61354)	
3712	252ENG32220	Tiếng Anh ngữ pháp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Hồ Thị Hiếu (61354)	
3713	252ENG43401	Tiếng Anh ngữ pháp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	13	Tổng hợp	15h10	30/05/2026	DPH017 (11)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	NgàyKT: 27/05/2026
3714	252ENG43402	Tiếng Anh ngữ pháp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	6	Tổng hợp	15h10	30/05/2026	BPH010 (6)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	Ngày KT: 08/05/2026

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3715	252ENG43403	Tiếng Anh ngữ pháp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	7	Tổng hợp	15h10	10/05/2026	BPH011 (7)	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
3716	252ENG43501	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	23/04/2026	DMT019 (40)	Bùi Thị Thanh Hương (61266)	
3717	252ENG33601	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	36	Tiểu luận		05/02/2026		Đào Thị Trường Xuân (60919)	
3718	252ENG33602	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	36					Đào Thị Trường Xuân (60919)	
3719	252ENG33401	Tiếng Anh thương mại - Pre-Intermediate	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)	
3720	252ENG33402	Tiếng Anh thương mại - Pre-Intermediate	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Trần Ánh Ngọc (60663)	
3721	252ENG49601	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Trịnh Thủy Ngân (61519)	
3722	252ENG49602	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Trịnh Thủy Ngân (61519)	
3723	252ENG49603	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	27	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
3724	252ENG49604	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	27					Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
3725	252ENG49607	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	21	Tiểu luận		10/05/2026		Phạm Nguyễn Anh Huy (61709)	
3726	252ENG49608	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	21					Phạm Nguyễn Anh Huy (61709)	
3727	252ENG34701	Tiếng Anh viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	15h10	15/04/2026	KPH001 (40)	Trần Thị Thùy Trang (61289)	
3728	252ENG34702	Tiếng Anh viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Trần Thị Thùy Trang (61289)	
3729	252ENG34703	Tiếng Anh viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	15h10	15/04/2026	KPH002 (39)	Trần Thị Thùy Trang (61289)	
3730	252ENG34704	Tiếng Anh viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Trần Thị Thùy Trang (61289)	
3731	252ENG34705	Tiếng Anh viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	23/04/2026	KPH001 (40)	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)	
3732	252ENG34706	Tiếng Anh viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)	
3733	252ENG34707	Tiếng Anh viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	23/04/2026	KPH002 (40)	Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
3734	252ENG34708	Tiếng Anh viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Hữu Hiền (60394)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3735	252ENG34709	Tiếng Anh viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	15/04/2026	KPH003 (40)	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	
3736	252ENG34710	Tiếng Anh viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)	
3737	252ENG34711	Tiếng Anh viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	43	Tổng hợp	13h30	09/05/2026	KPH105 (43)	Nguyễn Thị Mơ (60472)	
3738	252ENG34712	Tiếng Anh viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	43					Nguyễn Thị Mơ (60472)	
3739	252ENG34715	Tiếng Anh viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	15/04/2026	KPH004 (40)	Châu Thị Khánh Linh (25045)	
3740	252ENG34716	Tiếng Anh viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Châu Thị Khánh Linh (25045)	
3741	252ENG34719	Tiếng Anh viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	15/04/2026	KPH101 (40)	Nguyễn Thị Vân (25141)	
3742	252ENG34720	Tiếng Anh viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thị Vân (25141)	
3743	252ENG32901	Tiếng Anh viết 2	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	BPH011 (20) ; BPH012 (21)	Nguyễn Thị Mơ (60472)	
3744	252ENG32902	Tiếng Anh viết 2	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	41					Nguyễn Thị Mơ (60472)	
3745	252ENG33001	Tiếng Anh viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tự luận 90	13h30	15/04/2026	KPH101 (39)	Nim Ngọc Yến (25056)	
3746	252ENG33002	Tiếng Anh viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Nim Ngọc Yến (25056)	
3747	252ENG33005	Tiếng Anh viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	30	Tự luận 90	13h30	15/04/2026	KPH103 (30)	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
3748	252ENG33006	Tiếng Anh viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	30					Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
3749	252ENG33009	Tiếng Anh viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	31	Tự luận 90	13h30	15/04/2026	KPH104 (31)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3750	252ENG33010	Tiếng Anh viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	31					Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3751	252ENG33011	Tiếng Anh viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	37	Tự luận 90	13h30	15/04/2026	KPH102 (37)	Huỳnh Phước Tường (60661)	
3752	252ENG33012	Tiếng Anh viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	37					Huỳnh Phước Tường (60661)	
3753	252ENG33013	Tiếng Anh viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	35	Tự luận 90	13h30	15/04/2026	KPH002 (35)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3754	252ENG33014	Tiếng Anh viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	35					Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3755	252ENG33015	Tiếng Anh viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 90	08h00	23/04/2026	KPH003 (40)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3756	252ENG33016	Tiếng Anh viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3757	252ENG33017	Tiếng Anh viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	38	Tự luận 90	13h30	15/04/2026	KPH003 (38)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3758	252ENG33018	Tiếng Anh viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	38					Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3759	252ENG33019	Tiếng Anh viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tự luận 90	13h30	15/04/2026	KPH004 (40)	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3760	252ENG33020	Tiếng Anh viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)	
3761	252KOR32201	Tiếng Hàn bất động sản	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Trắc nghiệm	08h00	14/04/2026	HEC609 (40)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3762	252KOR32202	Tiếng Hàn bất động sản	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3763	252KOR31601	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	23/04/2026	HEC703 (40)	Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3764	252KOR31602	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3765	252KOR31603	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	23/04/2026	HEC609 (40)	Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3766	252KOR31604	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3767	252KOR31803	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41	Tổng hợp	15h10	28/04/2026	KPH001 (41)	Lê Đặng Tường Vy (60466)	
3768	252KOR31804	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41					Lê Đặng Tường Vy (60466)	
3769	252KOR31805	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Tổng hợp	15h10	28/04/2026	KPH004 (40)	Lê Đặng Tường Vy (60466)	
3770	252KOR31806	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Lê Đặng Tường Vy (60466)	
3771	252KOR31807	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	36	Tổng hợp	15h10	28/04/2026	KPH101 (36)	Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3772	252KOR31808	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	36					Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3773	252KOR32701	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41	Tổng hợp	08h00	28/04/2026	KPH105 (41)	Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
3774	252KOR32702	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41					Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3775	252KOR32703	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	45	Tổng hợp	09h40	28/04/2026	KPH102 (45)	Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
3776	252KOR32704	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	45					Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
3777	252KOR32707	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	28/04/2026	KPH105 (40)	Lê Đặng Tường Vy (60466)	
3778	252KOR32708	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Lê Đặng Tường Vy (60466)	
3779	252KOR32715	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Tổng hợp	09h40	28/04/2026	HEC703 (40)	Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3780	252KOR32716	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Lưu Nhuệ Bang (60587)	
3781	252KOR32801	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	45	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	HEC703 (45)	Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
3782	252KOR32802	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	45					Chênh Cao Ngọc Linh (25003)	
3783	252KOR32101	Tiếng Hàn du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Trắc nghiệm	09h40	14/04/2026	HEC609 (40)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3784	252KOR32102	Tiếng Hàn du lịch	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3785	252KOR20101	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Trắc nghiệm	09h40	14/04/2026	BPH109 (40)	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3786	252KOR20107	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	HEC609 (40)	Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3787	252KOR20205	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Trắc nghiệm	15h10	08/05/2026	DMT019 (40)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3788	252KOR20206	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Trắc nghiệm	09h40	23/04/2026	DMT019 (40)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3789	252KOR20207	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	34	Trắc nghiệm	15h10	18/04/2026	HEC603 (34)	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
3790	252KOR45509	Tiếng Hàn kinh thương	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41	Bài tập lớn		11/02/2026		Phan Thị Hạnh (60144)	
3791	252KOR45510	Tiếng Hàn kinh thương	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41					Phan Thị Hạnh (60144)	
3792	252KOR45511	Tiếng Hàn kinh thương	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41	Bài tập lớn		11/02/2026		Phan Thị Hạnh (60144)	
3793	252KOR45512	Tiếng Hàn kinh thương	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41					Phan Thị Hạnh (60144)	
3794	252KOR45513	Tiếng Hàn kinh thương	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Bài tập lớn		13/02/2026		Phan Thị Hạnh (60144)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3795	252KOR45514	Tiếng Hàn kinh thương	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Phan Thị Hạnh (60144)	
3796	252KOR45515	Tiếng Hàn kinh thương	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Bài tập lớn		13/02/2026		Phan Thị Hạnh (60144)	
3797	252KOR45516	Tiếng Hàn kinh thương	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Phan Thị Hạnh (60144)	
3798	252KOR31301	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Vấn đáp	13h30	23/04/2026	HEC606 (40)	Baek Myeongjin (60471)	
3799	252KOR31302	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Baek Myeongjin (60471)	
3800	252KOR31303	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Vấn đáp	08h00	13/04/2026	HEC608 (40)	Baek Myeongjin (60471)	
3801	252KOR31304	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Baek Myeongjin (60471)	
3802	252KOR31501	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	43	Vấn đáp	13h30	14/04/2026	HEC508 (43)	Jung Hye Gyung (25170)	
3803	252KOR31502	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	43					Jung Hye Gyung (25170)	
3804	252KOR31503	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Vấn đáp	08h00	14/04/2026	HEC708 (40)	Jung Hye Gyung (25170)	
3805	252KOR31504	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Jung Hye Gyung (25170)	
3806	252KOR31505	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Vấn đáp	13h30	29/04/2026	BPH010 (40)	Jung Hye Gyung (25170)	
3807	252KOR31506	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Jung Hye Gyung (25170)	
3808	252KOR32901	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Vấn đáp	13h30	15/04/2026	HEC608 (40)	Kim Dong Seok (25171)	
3809	252KOR32902	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Kim Dong Seok (25171)	
3810	252KOR32905	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41	Vấn đáp	08h00	16/04/2026	HEC508 (41)	Kim Dong Seok (25171)	
3811	252KOR32906	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41					Kim Dong Seok (25171)	
3812	252KOR32909	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	42	Vấn đáp	08h00	05/05/2026	HEC605 (42)	Kim Dong Seok (25171)	
3813	252KOR32910	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	42					Kim Dong Seok (25171)	
3814	252KOR32915	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Vấn đáp	08h00	29/04/2026	BPH009 (40)	Kim Dong Seok (25171)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3815	252KOR32916	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Kim Dong Seok (25171)	
3816	252KOR42501	Tiếng Hàn nghe - nói 8	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	23	Vấn đáp	08h00	13/04/2026	HEC705 (23)	Cao Thúy Oanh (25004)	
3817	252KOR45605	Tiếng Hàn nghe - nói nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Vấn đáp	08h00	04/05/2026	HEC608 (40)	Jung Hye Gyung (25170)	
3818	252KOR45606	Tiếng Hàn nghe - nói nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Jung Hye Gyung (25170)	
3819	252KOR45607	Tiếng Hàn nghe - nói nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	42	Vấn đáp	08h00	08/05/2026	HEC608 (42)	Jung Hye Gyung (25170)	
3820	252KOR45608	Tiếng Hàn nghe - nói nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	42					Jung Hye Gyung (25170)	
3821	252KOR30801	Tiếng Hàn ngữ pháp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	1	Bài tập lớn		24/03/2026		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3822	252KOR43201	Tiếng Hàn ngữ pháp 4	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	14	Trắc nghiệm	15h10	15/04/2026	BPH009 (15)	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3823	252KOR32501	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Bài tập lớn		20/02/2026		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3824	252KOR32502	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3825	252KOR32503	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	30	Bài tập lớn		20/02/2026		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3826	252KOR32504	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	30					Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
3827	252KOR32509	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	39	Bài tập lớn		09/02/2026		Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3828	252KOR32510	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	39					Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3829	252KOR32511	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Bài tập lớn		09/02/2026		Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3830	252KOR32512	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
3831	252KOR32513	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Bài tập lớn		09/02/2026		Phan Thị Hạnh (60144)	
3832	252KOR32514	Tiếng Hàn thư tín	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Phan Thị Hạnh (60144)	
3833	252KOR45701	Tiếng Hàn viết luận nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	33	Bài tập lớn		27/03/2026		Kim Dong Seok (25171)	
3834	252KOR45702	Tiếng Hàn viết luận nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	33					Kim Dong Seok (25171)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3835	252KOR45703	Tiếng Hàn viết luận nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40	Bài tập lớn		27/03/2026		Kim Dong Seok (25171)	
3836	252KOR45704	Tiếng Hàn viết luận nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	40					Kim Dong Seok (25171)	
3837	252KOR45705	Tiếng Hàn viết luận nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	26	Bài tập lớn		02/04/2026		Baek Myeongjin (60471)	
3838	252KOR45706	Tiếng Hàn viết luận nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	26					Baek Myeongjin (60471)	
3839	252JAP34001	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	HEC609 (41)	Thái Phương Thảo (61526)	
3840	252JAP34002	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	41					Thái Phương Thảo (61526)	
3841	252JAP34003	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	45	Tổng hợp	09h40	04/05/2026	HEC703 (45)	Thái Phương Thảo (61526)	
3842	252JAP34004	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	45					Thái Phương Thảo (61526)	
3843	252JAP34201	Tiếng Nhật đọc - viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	42	Tổng hợp	15h10	07/05/2026	BPH008 (21) ; BPH009 (21)	Thái Phương Thảo (61526)	
3844	252JAP34202	Tiếng Nhật đọc - viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	42					Thái Phương Thảo (61526)	
3845	252JAP34203	Tiếng Nhật đọc - viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	16/04/2026	BPH105 (40)	Hồ Lê Thị Xuân Trinh (61520)	
3846	252JAP34204	Tiếng Nhật đọc - viết 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Hồ Lê Thị Xuân Trinh (61520)	
3847	252JAP45101	Tiếng Nhật đọc - viết 6	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	5	Tổng hợp	13h30	05/05/2026	HEC705 (5)	Nguyễn Công Nguyên (25084)	
3848	252JAP45201	Tiếng Nhật đọc - viết 7	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	21	Tổng hợp	08h00	04/05/2026	HEC709 (21)	Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3849	252JAP49401	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	45	Tổng hợp	08h00	07/05/2026	HEC703 (45)	Trương Thanh Tùng (60283)	
3850	252JAP49402	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	45					Trương Thanh Tùng (60283)	
3851	252JAP49403	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	07/05/2026	HEC609 (40)	Trương Thanh Tùng (60283)	
3852	252JAP49404	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Trương Thanh Tùng (60283)	
3853	252JAP49405	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	38	Tổng hợp	09h40	08/05/2026	HEC703 (38)	Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3854	252JAP49406	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	38					Cao Thị Phương Thảo (25042)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3855	252JAP49301	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	28	Tổng hợp	08h00	05/05/2026	HEC510 (28)	Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3856	252JAP49302	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	28					Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3857	252JAP49303	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	05/05/2026	HEC603 (40)	Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3858	252JAP49304	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3859	252JAP49305	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	05/05/2026	HEC703 (40)	Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
3860	252JAP49306	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
3861	252JAP45401	Tiếng Nhật đọc 4	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	1	Tổng hợp	08h00	13/04/2026	HEC709 (1)	Thái Phương Thảo (61526)	
3862	252JAP45501	Tiếng Nhật đọc 5	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	1	Tổng hợp	09h40	05/05/2026	BPH009 (1)	Võ Thị Minh Diễm (61539)	
3863	252JAP45601	Tiếng Nhật đọc 6	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	5	Tổng hợp	09h40	15/04/2026	HEC510 (5)	Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
3864	252JAP45701	Tiếng Nhật đọc 7	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	9	Tổng hợp	15h10	04/05/2026	DPH022 (9)	Trương Thanh Tùng (60283)	
3865	252JAP34301	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	45	Vấn đáp	08h00	04/05/2026	HEC705 (45)	Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3866	252JAP34302	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	45					Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3867	252JAP34303	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	38	Vấn đáp	13h30	04/05/2026	HEC705 (38)	Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3868	252JAP34304	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	38					Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3869	252JAP34501	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	29/04/2026	BPH011 (40)	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3870	252JAP34502	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3871	252JAP34503	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Vấn đáp	08h00	29/04/2026	BPH012 (41)	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3872	252JAP34504	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	41					Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3873	252JAP44201	Tiếng Nhật nghe - nói 6	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	12	Vấn đáp	08h00	14/04/2026	HEC705 (12)	Nguyễn Công Nguyên (25084)	
3874	252JAP44301	Tiếng Nhật nghe - nói 7	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	13h30	18/04/2026	DPH023 (39)	Nguyễn Thị Hoa (61681)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3875	252JAP49603	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	56	Vấn đáp	13h30	15/04/2026	HEC705 (56)	Hồ Lê Thị Xuân Trinh (61520)	
3876	252JAP49604	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	56					Hồ Lê Thị Xuân Trinh (61520)	
3877	252JAP49501	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	23	Vấn đáp	13h30	20/04/2026	HEC606 (23)	Hồ Lê Thị Xuân Trinh (61520)	
3878	252JAP49502	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	23					Hồ Lê Thị Xuân Trinh (61520)	
3879	252JAP49503	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	13h30	20/04/2026	HEC708 (39)	Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
3880	252JAP49504	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
3881	252JAP49505	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	28/04/2026	DPH015 (40)	Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
3882	252JAP49506	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
3883	252JAP34601	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	36	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	DPH014 (36)	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3884	252JAP34602	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	36					Đỗ Thị Thu Hiền (60727)	
3885	252JAP34603	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	BPH011 (40)	Phan Thị Kim Hiền (60461)	
3886	252JAP34604	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Kim Hiền (60461)	
3887	252JAP34801	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	21/04/2026	HEC503 (40)	Võ Thị Minh Diễm (61539)	
3888	252JAP34802	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Võ Thị Minh Diễm (61539)	
3889	252JAP34803	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	15h10	21/04/2026	BPH008 (21) ; BPH011 (20)	Võ Thị Minh Diễm (61539)	
3890	252JAP34804	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	41					Võ Thị Minh Diễm (61539)	
3891	252JAP46401	Tiếng Nhật ngữ pháp 7	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	33	Tổng hợp	09h40	21/04/2026	HEC510 (33)	Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
3892	252JAP49701	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	22/04/2026	HEC703 (40)	Võ Thị Minh Diễm (61539)	
3893	252JAP49702	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Võ Thị Minh Diễm (61539)	
3894	252JAP49703	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	22/04/2026	HEC703 (40)	Võ Thị Minh Diễm (61539)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3895	252JAP49704	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Võ Thị Minh Diễm (61539)	
3896	252JAP49705	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	45	Tổng hợp	13h30	22/04/2026	HEC709 (45)	Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3897	252JAP49706	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	45					Cao Thị Phương Thảo (25042)	
3898	252JAP47301	Tiếng Nhật viết 2	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	7	Tổng hợp	13h30	14/04/2026	HEC706 (7)	Phan Thị Kim Hiện (60461)	
3899	252JAP47401	Tiếng Nhật viết 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	3	Tổng hợp	08h00	13/04/2026	BPH008 (3)	Võ Thị Minh Diễm (61539)	
3900	252FRE30401	Tiếng Pháp tổng hợp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	10	Tổng hợp	09h40	29/04/2026	HEC609 (10)	Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
3901	252FRE30501	Tiếng Pháp tổng hợp 3	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	10	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	HEC510 (10)	Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
3902	252FRE51501	Tiếng Pháp trong đàm phán thương mại	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	13	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	HEC510 (13)	Nguyễn Minh Thắng (60553)	
3903	252FRE51401	Tiếng Pháp trong truyền thông thương mại	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	13	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
3904	252CHI20301	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	09h40	23/04/2026	KPH104 (39)	Nguyễn Cảnh Chương (61645)	
3905	252CHI20302	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	21/04/2026	KPH001 (40)	Nguyễn Cảnh Chương (61645)	
3906	252CHI20303	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	21/04/2026	KPH001 (40)	Nguyễn Cảnh Chương (61645)	
3907	252CHI20304	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	KPH001 (40)	Nguyễn Cảnh Chương (61645)	
3908	252CHI20205	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	21/04/2026	KPH002 (40)	Lê Thị Thanh Thảo (61646)	
3909	252CHI20211	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	KPH002 (39)	Lê Thị Thanh Thảo (61646)	
3910	252CHI20212	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	KPH003 (40)	Lê Thị Thanh Thảo (61646)	
3911	252CHI41801	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	18/04/2026	BPH010 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3912	252CHI41802	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	20/04/2026	HEC608 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3913	252CHI41804	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	20/04/2026	HEC608 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3914	252CHI41805	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	22/04/2026	HEC708 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3915	252CHI41806	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	21/04/2026	HEC708 (40)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
3916	252CHI45701	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	15/04/2026	HEC708 (40)	Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
3917	252CHI45801	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	32	Vấn đáp	08h00	22/04/2026	BPH012 (32)	Phan Thành Nhật (60751)	
3918	252CHI45802	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	22/04/2026	BPH011 (40)	Phan Thành Nhật (60751)	
3919	252CHI45804	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	24	Vấn đáp	13h30	24/04/2026	BPH009 (24)	Phan Thành Nhật (60751)	
3920	252CHI45805	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	24/04/2026	BPH009 (40)	Phan Thành Nhật (60751)	
3921	252CHI42004	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	17/04/2026	KPH004 (40)	Lê Thanh Thu (60457)	
3922	252CHI42006	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	17/04/2026	KPH004 (40)	Lê Thanh Thu (60457)	
3923	252CHI42008	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	17/04/2026	KPH102 (40)	Lê Thanh Thu (60457)	
3924	252CHI42009	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	36	Tổng hợp	13h30	17/04/2026	KPH103 (36)	Lê Thanh Thu (60457)	
3925	252CHI42010	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	13h30	17/04/2026	KPH101 (39)	Lê Thanh Thu (60457)	
3926	252CHI43901	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	HEC703 (41)	Lê Thanh Thu (60457)	
3927	252CHI43902	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	30	Tổng hợp	15h10	29/04/2026	HEC609 (30)	Lê Thanh Thu (60457)	
3928	252CHI45901	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	43	Tổng hợp	13h30	28/04/2026	HEC510 (43)	Phan Thành Nhật (60751)	
3929	252CHI45903	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	28/04/2026	HEC603 (40)	Đoàn Ngọc Sơn (61663)	
3930	252CHI34901	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	09h40	08/05/2026	KPH105 (39)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3931	252CHI34902	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3932	252CHI34903	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	37	Tổng hợp	09h40	17/04/2026	KPH003 (37)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3933	252CHI34904	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	37					Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3934	252CHI34905	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	35	Tổng hợp	08h00	17/04/2026	KPH104 (35)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3935	252CHI34906	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	35					Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3936	252CHI34907	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	35	Tổng hợp	08h00	16/04/2026	HEC705 (35)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3937	252CHI34908	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	35					Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3938	252CHI34911	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	HEC508 (40)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3939	252CHI34912	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3940	252CHI34915	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	30	Tổng hợp	09h40	17/04/2026	KPH104 (30)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3941	252CHI34916	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	30					Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3942	252CHI34921	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	KPH003 (39)	Nguyễn Xuân Long (61687)	
3943	252CHI34922	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Nguyễn Xuân Long (61687)	
3944	252CHI34923	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	17/04/2026	KPH001 (40)	Nguyễn Xuân Long (61687)	
3945	252CHI34924	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Xuân Long (61687)	
3946	252CHI34925	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	17/04/2026	KPH004 (40)	Đoàn Thị Nam Phương (61362)	
3947	252CHI34926	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đoàn Thị Nam Phương (61362)	
3948	252CHI34927	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	16/04/2026	KPH101 (40)	Đoàn Thị Nam Phương (61362)	
3949	252CHI34928	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đoàn Thị Nam Phương (61362)	
3950	252CHI34929	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	17/04/2026	KPH101 (40)	Trương Tư Triền (60286)	
3951	252CHI34930	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Trương Tư Triền (60286)	
3952	252CHI34931	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	17/04/2026	KPH102 (40)	Trương Tư Triền (60286)	
3953	252CHI34932	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Trương Tư Triền (60286)	
3954	252CHI34933	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	21/04/2026	KPH001 (40)	Trương Tư Triền (60286)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3955	252CHI34934	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Trương Tư Triển (60286)	
3956	252CHI34937	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	16/04/2026	HEC709 (40)	Trương Tư Triển (60286)	
3957	252CHI34938	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Trương Tư Triển (60286)	
3958	252CHI34939	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	09h40	23/04/2026	HEC709 (40)	Trương Tư Triển (60286)	
3959	252CHI34940	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Trương Tư Triển (60286)	
3960	252CHI34941	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	17/04/2026	KPH101 (40)	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3961	252CHI34942	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
3962	252CHI34945	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	21/04/2026	KPH004 (40)	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
3963	252CHI34946	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
3964	252CHI34947	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	21/04/2026	KPH101 (40)	Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
3965	252CHI34948	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Ngọc Phương Thảo (61116)	
3966	252CHI46201	Tiếng Trung Quốc đọc căn bản	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	23	Tổng hợp	15h10	15/04/2026	BPH011 (23)	Khuất Thị Tú Anh (61251)	
3967	252CHI46202	Tiếng Trung Quốc đọc căn bản	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	23					Khuất Thị Tú Anh (61251)	
3968	252CHI34501	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	13/04/2026	HEC605 (40)	Phan Thị Hà (60686)	
3969	252CHI34502	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Hà (60686)	
3970	252CHI34503	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	13/04/2026	HEC606 (40)	Phan Thị Hà (60686)	
3971	252CHI34504	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Hà (60686)	
3972	252CHI34505	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	16/04/2026	HEC608 (40)	Phan Thị Hà (60686)	
3973	252CHI34506	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Hà (60686)	
3974	252CHI34507	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	13h30	16/04/2026	HEC608 (39)	Phan Thị Hà (60686)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3975	252CHI34508	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Phan Thị Hà (60686)	
3976	252CHI34509	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	24/04/2026	HEC708 (40)	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3977	252CHI34510	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3978	252CHI34511	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	24/04/2026	HEC708 (40)	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3979	252CHI34512	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
3980	252CHI34513	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	20/04/2026	HEC708 (40)	Phan Thị Hà (60686)	
3981	252CHI34514	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Hà (60686)	
3982	252CHI34515	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	21/04/2026	BPH011 (40)	Phan Thị Hà (60686)	
3983	252CHI34516	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phan Thị Hà (60686)	
3984	252CHI34517	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	13h30	15/04/2026	BPH008 (40)	Nguyễn Cảnh Chương (61645)	
3985	252CHI34518	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Nguyễn Cảnh Chương (61645)	
3986	252CHI34519	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	14/04/2026	BPH009 (40)	Nguyễn Cảnh Chương (61645)	
3987	252CHI34520	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Cảnh Chương (61645)	
3988	252CHI34521	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	24/04/2026	BPH011 (40)	Xiong Lan Ying (61474)	
3989	252CHI34522	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Xiong Lan Ying (61474)	
3990	252CHI34523	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	23/04/2026	HEC608 (40)	Xiong Lan Ying (61474)	
3991	252CHI34524	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Xiong Lan Ying (61474)	
3992	252CHI34525	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	08/05/2026	DPH023 (40)	Xiong Lan Ying (61474)	
3993	252CHI34526	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Xiong Lan Ying (61474)	
3994	252CHI34527	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	13h30	24/04/2026	BPH011 (39)	Xiong Lan Ying (61474)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
3995	252CHI34528	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	39					Xiong Lan Ying (61474)	
3996	252CHI34701	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	28/04/2026	HEC508 (40)	Xiong Lan Ying (61474)	
3997	252CHI34702	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Xiong Lan Ying (61474)	
3998	252CHI34703	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	29/04/2026	BPH008 (40)	Xiong Lan Ying (61474)	
3999	252CHI34704	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Xiong Lan Ying (61474)	
4000	252CHI34705	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	14/04/2026	HEC608 (40)	Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4001	252CHI34706	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4002	252CHI34707	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	16/04/2026	HEC708 (40)	Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4003	252CHI34708	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4004	252CHI34709	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	15/04/2026	DPH014 (40)	Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4005	252CHI34710	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4006	252CHI34711	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	16/04/2026	HEC708 (40)	Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4007	252CHI34712	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4008	252CHI34713	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	09/05/2026	BPH009 (40)	Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4009	252CHI34714	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4010	252CHI34715	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	17/04/2026	DPH015 (40)	Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4011	252CHI34716	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4012	252CHI34717	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	31	Vấn đáp	08h00	18/04/2026	BPH012 (31)	Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4013	252CHI34718	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	31					Huỳnh Khánh Linh (61576)	
4014	252CHI34725	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	24/04/2026	BPH008 (40)	Trần Tuyết Khanh (60631)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4015	252CHI34726	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Trần Tuyết Khanh (60631)	
4016	252CHI34727	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	24/04/2026	BPH010 (40)	Trần Tuyết Khanh (60631)	
4017	252CHI34728	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Trần Tuyết Khanh (60631)	
4018	252CHI34731	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	14/04/2026	BPH008 (40)	Đoàn Ngọc Sơn (61663)	
4019	252CHI34732	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đoàn Ngọc Sơn (61663)	
4020	252CHI34733	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	16/04/2026	BPH008 (40)	Đoàn Ngọc Sơn (61663)	
4021	252CHI34734	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Đoàn Ngọc Sơn (61663)	
4022	252CHI34735	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	23/04/2026	HEC708 (40)	Nguyễn Xuân Long (61687)	
4023	252CHI34736	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Xuân Long (61687)	
4024	252CHI34737	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	08h00	23/04/2026	HEC708 (40)	Nguyễn Xuân Long (61687)	
4025	252CHI34738	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Xuân Long (61687)	
4026	252CHI34745	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	14/04/2026	HEC708 (40)	Huỳnh Thị Hoa (61122)	
4027	252CHI34746	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Thị Hoa (61122)	
4028	252CHI34801	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	31	Vấn đáp	08h00	21/04/2026	HEC508 (31)	Ji Xiang Hua (25121)	
4029	252CHI34802	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	31					Ji Xiang Hua (25121)	
4030	252CHI34101	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	17/04/2026	KPH102 (40)	Ji Xiang Hua (25121)	
4031	252CHI34102	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Ji Xiang Hua (25121)	
4032	252CHI34103	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	17/04/2026	KPH104 (40)	Quách Thị Diệu Hằng (61574)	
4033	252CHI34104	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Quách Thị Diệu Hằng (61574)	
4034	252CHI34105	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	17/04/2026	KPH004 (40)	Quách Thị Diệu Hằng (61574)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4035	252CHI34106	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Quách Thị Diệu Hằng (61574)	
4036	252CHI34107	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	15h10	17/04/2026	KPH103 (41)	Bùi Thị Mận (61572)	
4037	252CHI34108	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	41					Bùi Thị Mận (61572)	
4038	252CHI34109	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	17/04/2026	KPH104 (40)	Bùi Thị Mận (61572)	
4039	252CHI34110	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Bùi Thị Mận (61572)	
4040	252CHI34111	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	17/04/2026	KPH101 (40)	Bùi Thị Mận (61572)	
4041	252CHI34112	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Bùi Thị Mận (61572)	
4042	252CHI34113	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	17/04/2026	KPH102 (40)	Nguyễn Thị Anh Thu (61581)	
4043	252CHI34114	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thị Anh Thu (61581)	
4044	252CHI34115	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	15h10	21/04/2026	KPH002 (41)	Nguyễn Thị Anh Thu (61581)	
4045	252CHI34116	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	41					Nguyễn Thị Anh Thu (61581)	
4046	252CHI34117	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	16/04/2026	HEC705 (40)	Nguyễn Thị Anh Thu (61581)	
4047	252CHI34118	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thị Anh Thu (61581)	
4048	252CHI34119	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	21/04/2026	KPH003 (40)	Nguyễn Thị Anh Thu (61581)	
4049	252CHI34120	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Nguyễn Thị Anh Thu (61581)	
4050	252CHI34121	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	21/04/2026	KPH004 (40)	Huỳnh Thị Hoa (61122)	
4051	252CHI34122	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Thị Hoa (61122)	
4052	2521CHI33301	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	3.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	1	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	DPH016 (1)	Nguyễn Thị Anh Thu (61581)	
4053	2521CHI33801	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	3.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	31	Trắc nghiệm	09h40	16/04/2026	BPH112 (31)	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4054	252CHI34301	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	06/05/2026	KPH001 (40)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4055	252CHI34302	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4056	252CHI34303	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	09/05/2026	KPH003 (40)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4057	252CHI34304	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4058	252CHI34305	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	10/05/2026	BPH106 (40)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4059	252CHI34306	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4060	252CHI34307	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	06/05/2026	KPH004 (40)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4061	252CHI34308	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4062	252CHI34309	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	10/05/2026	BPH109 (40)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4063	252CHI34310	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4064	252CHI34311	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	38	Trắc nghiệm	08h00	10/05/2026	BPH108 (38)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4065	252CHI34312	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	38					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4066	252CHI34313	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	05/05/2026	BPH102 (40)	Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4067	252CHI34314	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Huỳnh Trần Hồng Phấn (61118)	
4068	252CHI34315	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	05/05/2026	BPH012 (40)	Lê Ngọc Hiếu (60824)	
4069	252CHI34316	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Ngọc Hiếu (60824)	
4070	252CHI34317	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	09/05/2026	KPH004 (40)	Lê Ngọc Hiếu (60824)	
4071	252CHI34318	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Lê Ngọc Hiếu (60824)	
4072	252CHI34325	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	09/05/2026	KPH101 (40)	Phạm Thành Anh (60571)	
4073	252CHI34326	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Thành Anh (60571)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4074	252CHI34327	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	09/05/2026	KPH102 (40)	Phạm Thành Anh (60571)	
4075	252CHI34328	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Phạm Thành Anh (60571)	
4076	252CHI34331	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	09/05/2026	KPH105 (40)	NGUYỄN MAI TRINH (61215)	
4077	252CHI34332	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					NGUYỄN MAI TRINH (61215)	
4078	252CHI34333	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	09/05/2026	KPH104 (40)	HỨA PHẠM CẨM TÚ (61049)	
4079	252CHI34334	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					HỨA PHẠM CẨM TÚ (61049)	
4080	252CHI34341	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	HEC605 (40)	Hoàng Tố Nguyên (60572)	
4081	252CHI34342	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Hoàng Tố Nguyên (60572)	
4082	252CHI34343	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	15/04/2026	KPH102 (40)	Hoàng Tố Nguyên (60572)	
4083	252CHI34344	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Hoàng Tố Nguyên (60572)	
4084	252CHI34345	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	10/05/2026	BPH104 (40)	Hoàng Tố Nguyên (60572)	
4085	252CHI34346	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Hoàng Tố Nguyên (60572)	
4086	252CHI34347	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	HEC705 (40)	Hoàng Tố Nguyên (60572)	
4087	252CHI34348	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	40					Hoàng Tố Nguyên (60572)	
4088	252CHI34401	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Tổng hợp	15h10	28/04/2026	HEC703 (41)	Đoàn Ngọc Sơn (61663)	
4089	252CHI34402	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	41					Đoàn Ngọc Sơn (61663)	
4090	252ICI33601	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	3.00	Lý thuyết	Viện Đào tạo Quốc tế	46	Tổng hợp	08h00	20/04/2026	HEC703 (46)	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
4091	252CHI33709	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	42	Tổng hợp	15h10	20/04/2026	HEC708 (42)	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
4092	252CHI33711	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	13h30	16/04/2026	HEC706 (40)	Ji Xiang Hua (25121)	
4093	252CHI33712	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	16/04/2026	HEC508 (40)	Ji Xiang Hua (25121)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4094	252CHI33713	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	16/04/2026	HEC706 (40)	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
4095	252CHI33714	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	08h00	16/04/2026	KPH003 (40)	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
4096	252CHI33715	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	16/04/2026	KPH101 (40)	Phạm Thành Anh (60571)	
4097	252CHI33716	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	16/04/2026	KPH104 (40)	Phạm Thành Anh (60571)	
4098	252CHI33717	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	20/04/2026	HEC508 (40)	Phạm Thành Anh (60571)	
4099	252CHI33718	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	16/04/2026	KPH003 (40)	Phạm Thành Anh (60571)	
4100	252CHI46601	Tiếng Trung Quốc viết căn bản	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	24	Tổng hợp	13h30	06/05/2026	KPH101 (24)	Trịnh Văn Vinh (61018)	
4101	252CHI46602	Tiếng Trung Quốc viết căn bản	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	24					Trịnh Văn Vinh (61018)	
4102	252PUR44301	Tiếp thị sự kiện	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	81	Tiểu luận		02/04/2026		Nguyễn Quốc Bảo (60873)	
4103	252ENG44001	Tiếp thị và tổ chức sự kiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	23	Tiểu luận		10/05/2026		La Thị Hồng Loan (25106)	
4104	252TRA42701	Tín ngưỡng phong tục và lễ hội Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tự luận 90	15h10	28/04/2026	HEC510 (30) ; HEC609 (30)	Trần Thanh Tuấn (61167)	
4105	252LOG41802	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	70	Tổng hợp	13h30	23/04/2026	KPH001 (35) ; KPH002 (35)	Nguyễn Thị Phương Thư (61412)	
4106	252LOG41803	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	70	Tổng hợp	15h10	28/04/2026	HEC503 (70)	Nguyễn Thị Phương Thư (61412)	
4107	252LOG41805	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3.00	Lý thuyết	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	70	Tổng hợp	08h00	15/04/2026	KPH004 (35) ; KPH104 (35)	Nguyễn Thị Phương Thư (61412)	
4108	252BUS10101	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	149	Tiểu luận		19/04/2026		Trịnh Hoàng Sơn (60928)	
4109	252BUS10102	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		19/04/2026		Nguyễn Tấn Trung (03006)	
4110	252BUS10103	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		19/04/2026		Lê Đức Liêm (60544)	
4111	252BUS10104	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		19/04/2026		Lê Đức Liêm (60544)	
4112	252BUS10105	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		10/04/2026		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
4113	252BUS10106	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		10/04/2026		Dương Thị Huyền Trân (60698)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4114	252BUS10107	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		10/04/2026		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
4115	252BUS10108	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	149	Tiểu luận		10/04/2026		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
4116	252BUS10109	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		10/04/2026		Bùi Minh Tiết (61029)	
4117	252BUS10110	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận		10/04/2026		Bùi Minh Tiết (61029)	
4118	252MMC41201	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	73	Tiểu luận		22/03/2026		Nguyễn Ngọc Thúy Quỳnh (60493)	
4119	252MMC41202	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	73	Tiểu luận		03/05/2026		Nguyễn Ngọc Thúy Quỳnh (60493)	
4120	252MMC41203	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Tiểu luận		01/03/2026		Nguyễn Trọng Trường (61081)	
4121	252MMC41204	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Tiểu luận		26/04/2026		Nguyễn Trọng Trường (61081)	
4122	252MMC41205	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		24/02/2026		Nguyễn Linh Có (60294)	
4123	252MMC41206	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	61	Tiểu luận		21/04/2026		Nguyễn Linh Có (60294)	
4124	252MMC41207	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		28/02/2026		Nguyễn Linh Có (60294)	
4125	252MMC41208	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		25/04/2026		Nguyễn Linh Có (60294)	
4126	252MMC41209	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		22/03/2026		Nguyễn Linh Có (60294)	
4127	252MMC41210	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	60	Tiểu luận		03/05/2026		Nguyễn Linh Có (60294)	
4128	252INT430101	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	34	Tiểu luận		20/04/2026		Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
4129	252INT430102	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	34			23/03/2026		Nguyễn Thanh Truyền (60980)	
4130	252NAS20201	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	96	Tự luận 90	09h40	22/04/2026	BPH007 (32) ; BPH106 (32) ; BPH108 (32)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
4131	252NAS20202	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	95	Tự luận 90	08h00	23/04/2026	DPH017 (32) ; DPH020 (32) ; DPH022 (31)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
4132	252NAS20203	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	96	Tự luận 90	13h30	22/04/2026	HEC503 (32) ; HEC510 (32) ; HEC609 (32)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
4133	252NAS20204	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	96	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	HEC503 (48) ; HEC510 (48)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4134	252NAS20205	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	96	Tự luận 90	13h30	24/04/2026	BPH014 (32) ; BPH111 (32) ; BPH112 (32)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
4135	252NAS20206	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	96	Tự luận 90	13h30	23/04/2026	BPH013 (32) ; BPH104 (32) ; BPH106 (32)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
4136	252NAS20207	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	96	Tự luận 90	13h30	23/04/2026	BPH007 (36) ; BPH110 (30) ; BPH112 (30)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
4137	252NAS20208	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	96	Tự luận 90	13h30	24/04/2026	BPH007 (32) ; BPH107 (32) ; DPH022 (32)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
4138	252NAS20209	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	79	Tự luận 90	13h30	24/04/2026	BPH108 (39) ; BPH109 (40)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
4139	252NAS20210	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	78	Tự luận 90	13h30	24/04/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (38)	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
4140	252NAS20211	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	09h40	20/04/2026	BPH106 (40) ; BPH108 (40)	Đặng Văn Lực (60719)	
4141	252NAS20212	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Tự luận 90	13h30	22/04/2026	BPH014 (28) ; BPH111 (26) ; BPH112 (26)	Đặng Văn Lực (60719)	
4142	252NAS20214	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	71	Tự luận 90	13h30	24/04/2026	DPH006 (71)	Lê Thị Minh Tâm (61610)	
4143	252NAS20215	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	60	Tự luận 90	13h30	22/04/2026	DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Phạm Kim Thùy (60617)	
4144	252NAS20216	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	96	Tự luận 90	09h40	22/04/2026	BPH105 (32) ; BPH107 (32) ; BPH109 (32)	Phạm Kim Thùy (60617)	
4145	252NAS20217	Toán cao cấp	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	70	Tự luận 90	15h10	24/04/2026	DPH006 (70)	Phạm Kim Thùy (60617)	
4146	252NAS30601	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	59	Tự luận 60	08h00	09/05/2026	BPH008 (29) ; BPH012 (30)	Lương Thái Hiền (01005)	
4147	252NAS30602	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	72	Tự luận 60	09h40	23/04/2026	DHT001 (72)	Lương Thái Hiền (01005)	
4148	252NAS30603	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	64	Tự luận 60	09h40	09/05/2026	KPH002 (32) ; KPH003 (32)	Lương Thái Hiền (01005)	
4149	252NAS30604	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	51	Tự luận 60	13h30	09/05/2026	KPH001 (51)	Lương Thái Hiền (01005)	
4150	252NAS30605	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	47	Tự luận 60	08h00	09/05/2026	KPH002 (47)	Lương Thái Hiền (01005)	
4151	252TOU30501	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	59	Tự luận 60	09h40	14/04/2026	DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Mai lý Hiền (61529)	
4152	252TOU30502	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	50	Tự luận 60	13h30	15/04/2026	HEC709 (50)	Mai lý Hiền (61529)	
4153	252TOU30503	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tự luận 60	13h30	13/04/2026	BPH014 (35) ; BPH110 (35)	Mai lý Hiền (61529)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4154	252TOU30504	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tự luận 60	13h30	15/04/2026	HEC703 (70)	Mai lý Hiền (61529)	
4155	252TOU30505	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tự luận 60	13h30	13/04/2026	HEC703 (70)	Mai lý Hiền (61529)	
4156	252TOU30506	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tự luận 60	13h30	13/04/2026	HEC603 (70)	Mai lý Hiền (61529)	
4157	252TOU30507	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	52	Tự luận 60	13h30	13/04/2026	BPH111 (26) ; BPH112 (26)	Nguyễn Thị Diễm Tuyết (03009)	
4158	252TOU30508	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	52	Tự luận 60	09h40	20/04/2026	BPH111 (26) ; BPH112 (26)	Nguyễn Thị Diễm Tuyết (03009)	
4159	252TOU30509	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 60	08h00	22/04/2026	DPH006 (40) ; DPH014 (40)	Mai lý Hiền (61529)	
4160	252TOU30510	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 60	08h00	22/04/2026	HEC609 (40) ; HEC709 (40)	Mai lý Hiền (61529)	
4161	252TOU30511	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tự luận 60	08h00	22/04/2026	HEC503 (46)	Phan Trần Tuyên (60059)	
4162	252TOU30512	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tự luận 60	08h00	22/04/2026	HEC603 (46)	Phan Trần Tuyên (60059)	
4163	252TOU30513	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tự luận 60	15h10	13/04/2026	BPH105 (30) ; BPH107 (30)	Phan Trần Tuyên (60059)	
4164	252TOU30514	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tự luận 60	08h00	22/04/2026	BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Phan Trần Tuyên (60059)	
4165	252TOU30515	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tự luận 60	09h40	20/04/2026	BPH105 (46)	Ngô Xuân Hào (03005)	
4166	252TOU30516	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	46	Tự luận 60	09h40	20/04/2026	BPH107 (46)	Ngô Xuân Hào (03005)	
4167	252TOU30517	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	32	Tự luận 60	13h30	13/04/2026	DPH022 (32)	Ngô Xuân Hào (03005)	
4168	252TOU30519	Tổng quan du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	65	Tự luận 60	15h10	13/04/2026	BPH111 (33) ; BPH112 (32)	Ngô Xuân Hào (03005)	
4169	252BIO31201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	13	Báo cáo		08/05/2026		Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
4170	252FOT44601	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	30	Báo cáo		08/05/2026		Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
4171	252FOT44602	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	30	Báo cáo		08/05/2026		Huỳnh Thành Đạt (60724)	
4172	252FOT44603	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	30	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Phúc Thiện (60583)	
4173	252FOT44604	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	30	Báo cáo		08/05/2026		Trần Thị Thu Ngân (60584)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4174	252JAP31601	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	5	Báo cáo		08/05/2026		Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
4175	252MAN30301	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	32	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
4176	252MAR30301	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	34	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
4177	252HOS30901	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	30	Báo cáo		10/05/2026		Lý Liệt Thanh (60747)	
4178	252HOS30902	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	30	Báo cáo		10/05/2026		Võ Đình Thuật (61030)	
4179	252HOS30903	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	1	Báo cáo		10/05/2026		Mai lý Hiền (61529)	
4180	252HOS43001	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	30	Báo cáo		10/05/2026		Mai lý Hiền (61529)	
4181	252HOS43002	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	30	Báo cáo		10/05/2026		Tạ Đức Thụy (61530)	
4182	252HOS43003	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	30	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Như Quỳnh (61384)	
4183	252HOS43004	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	2	Báo cáo		10/05/2026		Lý Liệt Thanh (60747)	
4184	252HOS44601	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTNH & DVAU	2.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	11	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thành Đạt (61532)	
4185	252HOS43402	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	31	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
4186	252HOS43406	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	30	Báo cáo		10/05/2026		Tô Hồng Gấm (60506)	
4187	252HOS43407	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	27	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
4188	252HOS43408	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	30	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
4189	252HOS43410	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	24	Báo cáo		10/05/2026		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
4190	252HOS43412	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	30	Báo cáo		10/05/2026		Lý Liệt Thanh (60747)	
4191	252HOS44701	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTNH & DVAU	2.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	10	Báo cáo		10/05/2026		Mai lý Hiền (61529)	
4192	252PSY44201	Trị liệu hệ thống	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	63	Tiểu luận		30/03/2026		Trần Thị Thu Vân (04115)	
4193	252CHI45101	Trích giảng văn học Trung Quốc	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	35	Tổng hợp	13h30	08/05/2026	HEC603 (36)	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4194	252CHI45102	Trích giảng văn học Trung Quốc	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	35					Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
4195	252ECO41701	Triển khai và ứng dụng TMĐT	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	40	Tiểu luận		29/04/2026		Phạm Trinh Hồng Phi (60730)	
4196	252POL10501	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Lại Quang Ngọc (60600)	
4197	252POL10502	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	HEC609 (40) ; HEC703 (70) ; HEC709 (40)	Lại Quang Ngọc (60600)	
4198	252POL10503	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	09h40	20/04/2026	BPH013 (37) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (38)	Nguyễn Thị Ngọc (61004)	
4199	252POL10504	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	09h40	20/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Nguyễn Thị Ngọc (61004)	
4200	252POL10505	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	131	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	BPH007 (36) ; BPH106 (36) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30)	Nguyễn Thị Ngọc (61004)	
4201	252POL10507	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	67	Trắc nghiệm	08h00	20/04/2026	BPH109 (37) ; BPH111 (30)	Mai Thị Hồng Hà (60597)	
4202	252POL10511	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	137	Trắc nghiệm	15h10	21/04/2026	BPH007 (35) ; BPH014 (32) ; DPH016 (40) ; DPH020 (30)	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)	
4203	252POL10512	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	08h00	20/04/2026	BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37)	Trần Thị Huyền Trang (60786)	
4204	252POL10513	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	14/04/2026	BPH013 (37) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (38)	Phạm Thị Thùy (60849)	
4205	252POL10514	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	78	Trắc nghiệm	15h10	14/04/2026	HEC510 (40) ; HEC609 (38)	Phạm Thị Thùy (60849)	
4206	252POL10515	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	95	Trắc nghiệm	08h00	20/04/2026	DPH017 (32) ; DPH020 (32) ; DPH022 (31)	Phạm Thị Thùy (60849)	
4207	252POL10518	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	13h30	20/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (39) ; DPH016 (40)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
4208	252POL10519	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	111	Trắc nghiệm	13h30	20/04/2026	BPH013 (38) ; BPH102 (35) ; BPH103 (38)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
4209	252POL10520	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	89	Trắc nghiệm	08h00	21/04/2026	DPH006 (49) ; DPH016 (40)	Hồ Ngọc Vinh (60899)	
4210	252POL10521	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	14/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Đoàn Thị Huệ (05049)	
4211	252POL10522	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	13h30	20/04/2026	HEC503 (75) ; HEC603 (75)	Đoàn Thị Huệ (05049)	
4212	252POL10523	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	13h30	20/04/2026	HEC510 (40) ; HEC609 (40) ; HEC703 (70)	Đoàn Thị Huệ (05049)	
4213	252POL10524	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	20/04/2026	BPH104 (37) ; BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38)	Đoàn Thị Huệ (05049)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4214	252POL10525	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	21/04/2026	BPH013 (37) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (38)	Đoàn Thị Huế (05049)	
4215	252POL10534	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	08h00	20/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
4216	252POL10535	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	15h10	20/04/2026	BPH013 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37) ; BPH105 (37)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
4217	252POL10536	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	21/04/2026	BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
4218	252POL10537	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
4219	252POL10538	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	BPH013 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
4220	252POL10539	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Trắc nghiệm	13h30	20/04/2026	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
4221	252POL10548	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	14/04/2026	HEC603 (75) ; HEC703 (75)	Đình Công Thanh Tùng (60581)	
4222	252POL10549	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	14/04/2026	HEC603 (75) ; HEC703 (75)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
4223	252POL10550	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	14/04/2026	BPH110 (30) ; BPH111 (30) ; BPH112 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
4224	252POL10551	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	08h00	20/04/2026	BPH013 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37)	Nguyễn Văn Ý (61102)	
4225	252POL10552	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	13h30	14/04/2026	BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (37) ; BPH108 (37)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
4226	252POL10553	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	14/04/2026	HEC503 (70) ; HEC510 (40) ; HEC609 (40)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
4227	252POL10554	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	20/04/2026	BPH102 (37) ; BPH106 (38) ; BPH107 (38) ; BPH108 (37)	Phạm Huy Bình (61679)	
4228	252POL10555	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	117	Trắc nghiệm	15h10	14/04/2026	BPH007 (37) ; BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
4229	252POL10560	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	68	Trắc nghiệm	13h30	14/04/2026	BPH007 (38) ; BPH014 (30)	Nguyễn Thị Hồng Phương (61458)	
4230	252POL10566	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	119	Trắc nghiệm	15h10	14/04/2026	BPH013 (40) ; BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Đoàn Thị May (61493)	
4231	252POL10567	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	96	Trắc nghiệm	15h10	14/04/2026	BPH110 (32) ; BPH111 (32) ; BPH112 (32)	Đoàn Thị May (61493)	
4232	252POL10568	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	96	Trắc nghiệm	08h00	08/05/2026	BPH010 (24) ; BPH011 (24) ; DPH015 (24) ; DPH023 (24)	Đoàn Thị May (61493)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4233	252POL10569	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	120	Trắc nghiệm	13h30	20/04/2026	BPH014 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Đoàn Thị May (61493)	
4234	252POL10587	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	15h10	14/04/2026	BPH107 (39) ; DPH006 (70) ; DPH014 (40)	Nguyễn Thị Ngọc Giàu (60930)	
4235	252POL10588	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	14/04/2026	BPH014 (30) ; BPH108 (30) ; BPH109 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30)	Nguyễn Thị Ngọc Giàu (60930)	
4236	252POL10589	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	08h00	21/04/2026	BPH007 (37) ; BPH104 (37) ; BPH105 (38) ; DPH014 (37)	Nguyễn Thị Ngọc Giàu (60930)	
4237	252POL10590	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Trắc nghiệm	13h30	21/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30)	Nguyễn Thị Hồng Hoa (60594)	
4238	252POL10594	Triết học Mác - Lênin	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	133	Trắc nghiệm	15h10	21/04/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (33) ; DPH017 (30)	Nguyễn Thị Hồng Hoa (60594)	
4239	252PUR49001	Trình bày sản phẩm truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Tiểu luận		31/03/2026		Lê Cường (61548)	
4240	252PUR49002	Trình bày sản phẩm truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		23/04/2026		Phan Thị Kim Loan (61404)	
4241	252PUR49003	Trình bày sản phẩm truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	62	Tiểu luận		10/04/2026		Lê Cường (61548)	
4242	252PUR49004	Trình bày sản phẩm truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	71	Tiểu luận		08/04/2026		Huỳnh Thị Hoàng Lan (61547)	
4243	252PUR49005	Trình bày sản phẩm truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		01/04/2026		Huỳnh Thị Hoàng Lan (61547)	
4244	252MAR43312	Truyền thông đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	33	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Văn Chắc (61152)	
4245	252PUR44101	Truyền thông doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	51	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
4246	252PUR44102	Truyền thông doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Tiểu luận		10/04/2026		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
4247	252PUR44103	Truyền thông doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Tiểu luận		04/04/2026		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
4248	252PUR44104	Truyền thông doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Tiểu luận		04/04/2026		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
4249	252PUR44105	Truyền thông doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	59	Tiểu luận		05/04/2026		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
4250	252PUR44106	Truyền thông doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	50	Tiểu luận		12/04/2026		Nguyễn Lê Thị Anh Như (60954)	
4251	252MMC30701	Truyền thông số	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		04/04/2026		Hồ Thị Ngọc Giàu (61235)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4252	252MMC30702	Truyền thông số	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		04/04/2026		Hồ Thị Ngọc Giàu (61235)	
4253	252MMC30703	Truyền thông số	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Tiểu luận		13/04/2026		Phan Thị Kim Loan (61404)	
4254	252MMC30704	Truyền thông số	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Tiểu luận		14/04/2026		Phan Thị Kim Loan (61404)	
4255	252MMC30707	Truyền thông số	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		11/04/2026		Trần Thanh Hùng (61234)	
4256	252MMC30708	Truyền thông số	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		11/04/2026		Trần Thanh Hùng (61234)	
4257	252MMC30709	Truyền thông số	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Tiểu luận		12/04/2026		Trần Thanh Hùng (61234)	
4258	252MMC30710	Truyền thông số	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	72	Tiểu luận		30/03/2026		Trần Thanh Hùng (61234)	
4259	252MMC30711	Truyền thông số	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		05/04/2026		Tô Phú Khương (61208)	
4260	252MMC30712	Truyền thông số	3.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	70	Tiểu luận		12/04/2026		Tô Phú Khương (61208)	
4261	252PUR44001	Truyền thông số	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	88	Tiểu luận		27/02/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
4262	252PUR44002	Truyền thông số	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	88	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
4263	252PUR44003	Truyền thông số	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	88	Tiểu luận		27/02/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
4264	252PUR44004	Truyền thông số	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	88	Tiểu luận		24/04/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
4265	252PUR44005	Truyền thông số	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	88	Tiểu luận		30/04/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
4266	252PUR44006	Truyền thông số	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tiểu luận		28/04/2026		Trần Xuân Tiến (11007)	
4267	252INR41401	Truyền thông số trong quan hệ quốc tế	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	27	Tự luận 60	13h30	16/04/2026	BPH102 (27)	Nguyễn Thanh Tinh (61666)	
4268	252INR41402	Truyền thông số trong quan hệ quốc tế	2.00	Thực hành	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	27					Nguyễn Thanh Tinh (61666)	
4269	252BIO50101	TTTTN Công nghệ sinh học	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	2	Báo cáo		08/05/2026		Trần Thị Thu Ngân (60584)	
4270	252BIO50102	TTTTN Công nghệ sinh học	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	21	Báo cáo		08/05/2026		Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
4271	252INT55101	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	12	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4272	252INT55102	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
4273	252INT55104	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
4274	252INT55105	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	18	Báo cáo		08/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
4275	252INT55107	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	1	Báo cáo		08/05/2026		Đỗ Đình Trang (01011)	
4276	252INT55108	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	25	Báo cáo		08/05/2026		Lê Thanh Phong (60650)	
4277	252INT55110	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	1	Báo cáo		08/05/2026		Tổng Mỹ Thanh (60051)	
4278	252INT55111	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	1	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Hoàng Minh Nhật (61281)	
4279	252INT55112	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	1	Báo cáo		08/05/2026		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
4280	252INT55113	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	2	Báo cáo		08/05/2026		Trần Thanh Tú (60674)	
4281	252INT55114	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	2	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4282	252INT55115	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	25	Báo cáo		08/05/2026		Huỳnh Quốc Tuấn (60512)	
4283	252INT55116	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	7	Báo cáo		08/05/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
4284	252INT55117	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	14	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Minh Thi (60151)	
4285	252INT55118	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	25	Báo cáo		08/05/2026		Hồ Văn Ngọc (01028)	
4286	252INT55123	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	6	Báo cáo		08/05/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
4287	252INT55124	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	3	Báo cáo		08/05/2026		Phạm Thành Đạt (60515)	
4288	252INT55128	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	14	Báo cáo		08/05/2026		Đặng Văn Lực (60719)	
4289	252INT55131	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	25	Báo cáo		08/05/2026		Lê Thanh Phong (60650)	
4290	252INT55132	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	1	Báo cáo		08/05/2026		Đỗ Minh Trung (60885)	
4291	252INT55133	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	10	Báo cáo		08/05/2026		Trần Quốc Toàn (60754)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4292	252INT55134	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	1	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
4293	252INT55135	TTTTN Công nghệ thông tin	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	15	Báo cáo		08/05/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
4294	252FOT50102	TTTTN Công nghệ thực phẩm	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	8	Báo cáo		08/05/2026		Phạm Thị Hồng Loan (60723)	
4295	252FOT50103	TTTTN Công nghệ thực phẩm	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	25	Báo cáo		08/05/2026		Huỳnh Thành Đạt (60724)	
4296	252FOT50104	TTTTN Công nghệ thực phẩm	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	1	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Phúc Thiện (60583)	
4297	252FOT50106	TTTTN Công nghệ thực phẩm	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	25	Báo cáo		08/05/2026		Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
4298	252ORI50301	TTTTN Đông phương học	5.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	22	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Hạnh (60144)	
4299	252ORI50302	TTTTN Đông phương học	5.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	24	Báo cáo		10/05/2026		Cao Thúy Oanh (25004)	
4300	252ORI50304	TTTTN Đông phương học	5.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	7	Báo cáo		10/05/2026		Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
4301	252ORI50306	TTTTN Đông phương học	5.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	2	Báo cáo		10/05/2026		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
4302	252ORI50308	TTTTN Đông phương học	5.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	10	Báo cáo		10/05/2026		Lê Đặng Tường Vy (60466)	
4303	252ORI50309	TTTTN Đông phương học	5.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	2	Báo cáo		10/05/2026		Lưu Nhuệ Bang (60587)	
4304	252ORI50310	TTTTN Đông phương học	5.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	10	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Hải Yến (60888)	
4305	252TOU50301	TTTTN Du lịch	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	25	Báo cáo		10/05/2026		Du Quốc Đạo (60734)	
4306	252TOU50303	TTTTN Du lịch	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	18	Báo cáo		10/05/2026		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
4307	252TOU50305	TTTTN Du lịch	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	6	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
4308	252TOU50306	TTTTN Du lịch	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	15	Báo cáo		10/05/2026		Dương Văn Bình (61321)	
4309	252KOR54401	TTTTN Hàn Quốc học	5.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)	
4310	252KOR54402	TTTTN Hàn Quốc học	5.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	2	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Hồng Nhung 2 (60820)	
4311	252ACC52301	TTTTN Kế toán	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		24/04/2026		Nguyễn Trần Phương Giang (60871)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4312	252ACC52302	TTTN Kế toán	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		28/04/2026		Nguyễn Tấn Quang (60783)	
4313	252ACC52303	TTTN Kế toán	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		25/04/2026		Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
4314	252ACC52304	TTTN Kế toán	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	24	Báo cáo		25/04/2026		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4315	252ACC52305	TTTN Kế toán	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		27/04/2026		Lê Thị Ngọc Thương (60695)	
4316	252ACC52306	TTTN Kế toán	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	10	Báo cáo		25/04/2026		Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
4317	252ACC52307	TTTN Kế toán	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	12	Báo cáo		25/04/2026		Doanh Thị Ngân Hà (60776)	
4318	252ACC52308	TTTN Kế toán	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	19	Báo cáo		25/04/2026		Đào Văn Hào (60784)	
4319	252ACC52310	TTTN Kế toán	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	3	Báo cáo		25/04/2026		Dương Thị Huyền Trân (60698)	
4320	252INT58201	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	4	Báo cáo		08/05/2026		Cao Hoàng Khải (61279)	
4321	252INT58204	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	1	Báo cáo		08/05/2026		Tống Mỹ Thanh (60051)	
4322	252INT58205	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	25	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
4323	252INT58206	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	24	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
4324	252INT58207	TTTN Khoa học máy tính	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	22	Báo cáo		08/05/2026		Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
4325	252BUS53701	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	1	Báo cáo		10/05/2026		Ngô Tấn Hiệp (25098)	
4326	252BUS53702	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	1	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
4327	252BUS53704	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	5	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
4328	252BUS53705	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
4329	252BUS53706	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	6	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Tri 2 (61257)	
4330	252BUS53707	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	4	Báo cáo		10/05/2026		Lê Thị Nam Phương (60436)	
4331	252BUS53708	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	19	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4332	252BUS53709	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	2	Báo cáo		10/05/2026		Võ Hoàng Bắc (02136)	
4333	252BUS53710	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	5	Báo cáo		10/05/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
4334	252ECO51001	TTTN Kinh tế	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	12	Báo cáo		10/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
4335	252ECO51002	TTTN Kinh tế	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	24	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
4336	252ECO51003	TTTN Kinh tế	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	6	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
4337	252ECO51004	TTTN Kinh tế	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Thị Vân (27003)	
4338	252ELE43901	TTTN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	5.00	Thực tập	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	1	Báo cáo		08/05/2026		Đàm Quốc Việt (60992)	
4339	252ELE43902	TTTN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	5.00	Thực tập	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	13	Báo cáo		08/05/2026		Đình Thị Khả Hân (60974)	
4340	252INT50301	TTTN Kỹ thuật phần mềm	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	1	Báo cáo		08/05/2026		Lương Thái Hiền (01005)	
4341	252INT50302	TTTN Kỹ thuật phần mềm	5.00	Thực tập	Khoa Công nghệ thông tin	1	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)	
4342	252LOG50101	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	25	Báo cáo		08/05/2026		Vũ Ngọc Bích (61328)	
4343	252LOG50102	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	25	Báo cáo		08/05/2026		Đặng Thành Luân (61025)	
4344	252LOG50104	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	5	Báo cáo		08/05/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
4345	252LOG50105	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	1	Báo cáo		08/05/2026		Võ Nhật Luân (61034)	
4346	252LOG50106	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	7	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
4347	252LOG50107	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	25	Báo cáo		08/05/2026		Lê Thị Nam Phương (60436)	
4348	252LOG50108	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	4	Báo cáo		08/05/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
4349	252LOG50109	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	3	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
4350	252LOG50112	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	24	Báo cáo		08/05/2026		Đoàn Thị Vân (27003)	
4351	252LOG50114	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	25	Báo cáo		08/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4352	252LOG50117	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	12	Báo cáo		08/05/2026		Võ Hoàng Bắc (02136)	
4353	252LOG50118	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	2	Báo cáo		08/05/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
4354	252LOG50119	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	2	Báo cáo		08/05/2026		Phạm Thị Hải Hà (61524)	
4355	252LOG50120	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	24	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
4356	252LOG50121	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	25	Báo cáo		08/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
4357	252LAW50101	TTTN Luật	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		31/03/2026		Nguyễn Hữu Thành (60341)	
4358	252LAW50102	TTTN Luật	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	23	Báo cáo		08/05/2026		Trịnh Tường Khiêm (60996)	
4359	252LAW50103	TTTN Luật	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	3	Báo cáo		15/04/2026		Nguyễn Thanh Việt (61331)	
4360	252LAW50104	TTTN Luật	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	4	Báo cáo		27/03/2026		Chu Mạnh Hiển (60357)	
4361	252LAW50106	TTTN Luật	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	3	Báo cáo		15/04/2026		Bùi Thanh Vũ (60848)	
4362	252LAW50108	TTTN Luật	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	10	Báo cáo		15/04/2026		Nguyễn Viết Tú (60355)	
4363	252LAW50109	TTTN Luật	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		15/04/2026		Nguyễn Thuận An (60356)	
4364	252LAW50112	TTTN Luật	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	16	Báo cáo		15/04/2026		Vũ Thị Nga (60542)	
4365	252LAW50116	TTTN Luật	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	3	Báo cáo		27/03/2026		Chu Mạnh Hiển (60357)	
4366	252MAR52801	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	12	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
4367	252MAR52802	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
4368	252MAR52803	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	12	Báo cáo		10/05/2026		Trần Anh Tú (60857)	
4369	252MAR52804	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	11	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
4370	252MAR52806	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
4371	252MAR52808	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4372	252MAR52811	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	19	Báo cáo		10/05/2026		Võ Hoàng Bắc (02136)	
4373	252MAR52812	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	1	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
4374	252MAR52813	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Đinh Nguyệt Bích (02147)	
4375	252MAR52814	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	5	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
4376	252MAR52815	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Trần Huy Cường (02023)	
4377	252MAR52816	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	10	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
4378	252MAR52817	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
4379	252MAR52818	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	3	Báo cáo		10/05/2026		Lê Thị Nam Phương (60436)	
4380	252MAR52819	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	13	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
4381	252MAR52821	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
4382	252MAR52822	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	11	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
4383	252MAR52823	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
4384	252MAR52824	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	9	Báo cáo		10/05/2026		Đặng Thanh Vũ (03095)	
4385	252MAR52825	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
4386	252MAR52826	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	13	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thanh Trâm (60740)	
4387	252MAR52827	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	22	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
4388	252MAR52829	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
4389	252MAR52830	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	7	Báo cáo		10/05/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
4390	252MAR52831	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	6	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
4391	252MAR52832	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Thị Vân (27003)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4392	252MAR52834	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	3	Báo cáo		10/05/2026		Hồ Cao Việt (02035)	
4393	252MAR52835	TTTN Marketing	5.00	Thực tập	Khoa Kinh tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
4394	252ENG51401	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	25	Báo cáo		10/05/2026		Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	
4395	252ENG51402	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	23	Báo cáo		10/05/2026		Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
4396	252ENG51403	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	16	Báo cáo		02/05/2026		Đào Thị Trường Xuân (60919)	
4397	252ENG51404	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	25	Báo cáo		10/05/2026		Ngô Huệ Nghi (60753)	
4398	252ENG51405	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	15	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Mơ (60472)	
4399	252ENG51406	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	24	Báo cáo		09/05/2026		Châu Thị Khánh Linh (25045)	
4400	252ENG51407	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	9	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
4401	252ENG51408	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	25	Báo cáo		29/04/2026		Nim Ngọc Yến (25056)	
4402	252ENG51409	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	2	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
4403	252ENG51410	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	18	Báo cáo		08/05/2026		Phạm Duy Phương (60717)	
4404	252ENG51411	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	13	Báo cáo		10/05/2026		Thái Nguyễn Tố Loan (60729)	
4405	252ENG51412	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	8	Báo cáo		10/05/2026		La Thị Hồng Loan (25106)	
4406	252ENG51413	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	2	Báo cáo		10/05/2026		La Thị Hồng Loan (25106)	
4407	252ENG51414	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	10	Báo cáo		10/05/2026		Đinh Thị Triều Giang (60882)	
4408	252ENG51415	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	6	Báo cáo		09/05/2026		Lê Thùy Trang (25057)	
4409	252ENG51416	TTTN Ngôn ngữ Anh	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	18	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)	
4410	252JAP59101	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	4	Báo cáo		08/05/2026		Hồ Thị Minh Hiền (60679)	
4411	252JAP59102	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	1	Báo cáo		08/05/2026		Hồ Thị Minh Hiền (60679)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4412	252JAP59103	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	24	Báo cáo		08/05/2026		Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
4413	252JAP59104	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	6	Báo cáo		08/05/2026		Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
4414	252JAP59105	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	23	Báo cáo		08/05/2026		Phan Thị Kim Hiện (60461)	
4415	252JAP59106	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	3	Báo cáo		08/05/2026		Phan Thị Kim Hiện (60461)	
4416	252JAP59107	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	9	Báo cáo		08/05/2026		Trương Thanh Tùng (60283)	
4417	252JAP59108	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	1	Báo cáo		08/05/2026		Trương Thanh Tùng (60283)	
4418	252FRE50101	TTTN Ngôn ngữ Pháp	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	14	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Hà Minh Thanh (60741)	
4419	252CHI53506	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	13	Tiểu luận		28/04/2026		Phan Thành Nhật (60751)	
4420	252CHI53507	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	4	Tiểu luận		28/04/2026		Phan Thành Nhật (60751)	
4421	252CHI53508	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	2	Tiểu luận		28/04/2026		Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
4422	252CHI53512	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	5	Tiểu luận		28/04/2026		Diệp Tuyết Vân (60342)	
4423	252CHI53514	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	25	Tiểu luận		28/04/2026		Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
4424	252CHI53515	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	24	Tiểu luận		28/04/2026		Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)	
4425	252CHI53516	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	4	Tiểu luận		28/04/2026		Huỳnh Thị Hoa (61122)	
4426	252CHI53517	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	25	Tiểu luận		28/04/2026		Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
4427	252CHI53518	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	15	Tiểu luận		28/04/2026		Lê Thanh Thu (60457)	
4428	252CHI53519	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	8	Tiểu luận		28/04/2026		Lê Thanh Thu (60457)	
4429	252CHI53520	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	4	Tiểu luận		28/04/2026		Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)	
4430	252CHI53522	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	14	Tiểu luận		28/04/2026		Phạm Thành Anh (60571)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4431	252CHI53523	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	3	Tiểu luận		28/04/2026		Phạm Thành Anh (60571)	
4432	252CHI53524	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	24	Tiểu luận		28/04/2026		Hoàng Văn Cường (25128)	
4433	252CHI53525	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	14	Tiểu luận		28/04/2026		Hoàng Văn Cường (25128)	
4434	252CHI53526	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	24	Tiểu luận		28/04/2026		Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
4435	252CHI53527	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	2	Tiểu luận		28/04/2026		Ngô Thị Minh Thùy (61172)	
4436	252CHI53528	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	7	Tiểu luận		10/05/2026		Trương Tư Triển (60286)	
4437	252CHI53529	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	3	Tiểu luận		10/05/2026		Trương Tư Triển (60286)	
4438	252CHI53530	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	25	Tiểu luận		28/04/2026		Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
4439	252CHI53531	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	24	Tiểu luận		28/04/2026		Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
4440	252CHI53533	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	1	Tiểu luận		28/04/2026		Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)	
4441	252CHI53534	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	24	Tiểu luận		28/04/2026		Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
4442	252CHI53535	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	4	Tiểu luận		28/04/2026		Diệp Tuyết Vân (60342)	
4443	252CHI53536	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Thực tập	Khoa Ngoại ngữ	2	Tiểu luận		28/04/2026		Diệp Tuyết Vân (60342)	
4444	252JAP58901	TTTN Nhật Bản học	5.00	Thực tập	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	10	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Công Nguyên (25084)	
4445	252ART50201	TTTN Piano	5.00	Thực tập	Khoa Nghệ thuật	12	Báo cáo		07/05/2026		Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
4446	252PUR52001	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
4447	252PUR52002	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
4448	252PUR52003	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Thị Hương (04042)	
4449	252PUR52004	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
4450	252PUR52005	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	24	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Thị Huế (05049)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4451	252PUR52006	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Quốc Hưng (05002)	
4452	252PUR52007	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Hồ Xuân Mai (04110)	
4453	252PUR52008	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Lê Đặng Tường Vy (60466)	
4454	252PUR52009	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Hoàng Minh Phú (61033)	
4455	252PUR52010	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	
4456	252PUR52011	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	17	Báo cáo		10/05/2026		Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
4457	252TRA53601	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	25	Báo cáo		10/05/2026		Du Quốc Đạo (60734)	
4458	252TRA53602	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	9	Báo cáo		10/05/2026		Phan Trần Tuyên (60059)	
4459	252TRA53603	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	24	Báo cáo		10/05/2026		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
4460	252TRA53604	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	2	Báo cáo		10/05/2026		Dương Thị Loan (60190)	
4461	252TRA53605	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	20	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
4462	252TRA53606	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	22	Báo cáo		10/05/2026		Dương Văn Bình (61321)	
4463	252TRA53608	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	3	Báo cáo		10/05/2026		Tạ Đức Thụy (61530)	
4464	252TRA53609	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	25	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thành Đạt (61532)	
4465	252TRA53611	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	5	Báo cáo		10/05/2026		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
4466	252TRA53613	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	1	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
4467	252TRA53614	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	5	Báo cáo		10/05/2026		Dương Văn Bình (61321)	
4468	252TRA53615	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	1	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thành Đạt (61532)	
4469	252HOS53501	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	2	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
4470	252HOS53502	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	25	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4471	252HOS53503	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	4	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
4472	252HOS53504	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	4	Báo cáo		10/05/2026		Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
4473	252HOS53505	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	3	Báo cáo		10/05/2026		Võ Đình Thuật (61030)	
4474	252HOS53506	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	8	Báo cáo		10/05/2026		Tô Hồng Gấm (60506)	
4475	252HOS53507	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	5	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
4476	252HOS53508	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	24	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Tấn Trung 2 (60061)	
4477	252HOS53511	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	5	Báo cáo		10/05/2026		Ngô Xuân Hào (03005)	
4478	252HOS53512	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	19	Báo cáo		10/05/2026		Lý Liệt Thanh (60747)	
4479	252HOS53515	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	7	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thúy Vy (03119)	
4480	252HOS53516	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Thực tập	Khoa Du lịch_TDLSK	19	Báo cáo		10/05/2026		Lý Liệt Thanh (60747)	
4481	252MAN52601	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Trần Huy Cường (02023)	
4482	252MAN52602	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	
4483	252MAN52603	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	22	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Phương Mai (02011)	
4484	252MAN52606	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	6	Báo cáo		10/05/2026		Trần Hữu Ái (02032)	
4485	252MAN52607	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	11	Báo cáo		10/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
4486	252MAN52609	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	3	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)	
4487	252MAN52610	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	1	Báo cáo		10/05/2026		Hồ Cao Việt (02035)	
4488	252MAN52611	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	19	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Thị Vân (27003)	
4489	252MAN52612	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	3	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
4490	252MAN52613	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	1	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4491	252MAN52614	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	2	Báo cáo		10/05/2026		Võ Hoàng Bắc (02136)	
4492	252MAN52615	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Ánh Nga (02013)	
4493	252MAN52616	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	2	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Văn Chấn (61152)	
4494	252MAN52618	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	4	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Trí 2 (61257)	
4495	252MAN52619	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	1	Báo cáo		10/05/2026		Trần Anh Tú (60857)	
4496	252MAN52620	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	2	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
4497	252MAN52621	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	4	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
4498	252MAN52622	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	9	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Đức Đạt (61104)	
4499	252MAN52623	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	1	Báo cáo		10/05/2026		Hoàng Sơn Tùng (60359)	
4500	252MAN52624	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	8	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Hòa (08002)	
4501	252MAN52625	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	15	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
4502	252MAN52626	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	24	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
4503	252MAN52632	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
4504	252HUR51301	TTTN Quản trị nhân sự	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Thị Diễm (07039)	
4505	252HUR51302	TTTN Quản trị nhân sự	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	4	Báo cáo		10/05/2026		Mai Xuân Nhật Minh (61190)	
4506	252HUR51303	TTTN Quản trị nhân sự	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	4	Báo cáo		10/05/2026		Mai Thị Hồng Đào (02109)	
4507	252HUR51304	TTTN Quản trị nhân sự	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	16	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thái Dung (60530)	
4508	252HUR51308	TTTN Quản trị nhân sự	5.00	Thực tập	Khoa Quản trị_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Đoàn Thị Vân (27003)	
4509	252FIN53701	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		27/04/2026		Huỳnh Thị Thanh Trúc (61309)	
4510	252FIN53702	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		27/04/2026		Trần Tuấn Anh (60292)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4511	252FIN53703	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	16	Báo cáo		27/04/2026		Trần Nguyễn Kim Ngân (61682)	
4512	252FIN53704	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	22	Báo cáo		27/04/2026		Bùi Minh Tiết (61029)	
4513	252FIN53705	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		27/04/2026		Trần Mạnh Trí (60424)	
4514	252FIN53706	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		27/04/2026		Võ Tiến Lộc (60423)	
4515	252FIN53707	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		27/04/2026		Nguyễn Thị Anh (60422)	
4516	252FIN53709	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		27/04/2026		Đào Ngọc Thọ (61017)	
4517	252FIN53710	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	19	Báo cáo		27/04/2026		Phạm Hoàng Ân (02130)	
4518	252FIN53711	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	14	Báo cáo		27/04/2026		Nguyễn Văn Thầy (61310)	
4519	252FIN53712	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	25	Báo cáo		27/04/2026		Nguyễn Quốc Huy (02069)	
4520	252FIN53715	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	6	Báo cáo		27/04/2026		Trương Trung Hiếu (61344)	
4521	252FIN53716	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	6	Báo cáo		27/04/2026		Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)	
4522	252FIN53717	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5.00	Thực tập	Khoa Kế toán - Tài chính	1	Báo cáo		27/04/2026		Lê Hữu Nghị (61527)	
4523	252PSY54701	TTTN Tâm lý học	5.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	14	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
4524	252PSY54702	TTTN Tâm lý học	5.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	18	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
4525	252PSY54703	TTTN Tâm lý học	5.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	5	Báo cáo		10/05/2026		Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
4526	252PSY54704	TTTN Tâm lý học	5.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	21	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Thu Vân (04115)	
4527	252PSY54705	TTTN Tâm lý học	5.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	13	Báo cáo		10/05/2026		Hoàng Minh Phú (61033)	
4528	252PSY54706	TTTN Tâm lý học	5.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	2	Báo cáo		10/05/2026		Vũ Thị Duyên (61522)	
4529	252ART50101	TTTN Thanh nhạc	5.00	Thực tập	Khoa Nghệ thuật	24	Báo cáo		07/05/2026		Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
4530	252ECO50801	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	24	Báo cáo		10/05/2026		Mai Lưu Huy (02116)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4531	252ECO50802	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	5	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
4532	252ECO50803	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	11	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thanh Mỹ (61329)	
4533	252ECO50804	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	24	Báo cáo		10/05/2026		Đặng Thanh Vũ (03095)	
4534	252ECO50805	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	25	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Trịnh Hồng Phi (60730)	
4535	252ECO50807	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	5	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Anh Phúc (60354)	
4536	252ECO50809	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	8	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)	
4537	252ECO50810	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	9	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
4538	252ECO50811	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	14	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
4539	252ECO50812	TTTN Thương mại điện tử	5.00	Thực tập	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	24	Báo cáo		10/05/2026		Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
4540	252MMC50102	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	22	Báo cáo		10/05/2026		Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
4541	252MMC50103	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)	
4542	252MMC50104	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
4543	252MMC50105	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Trần Thị Lợi (10006)	
4544	252MMC50106	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	24	Báo cáo		10/05/2026		Phạm Thị Hương (04042)	
4545	252MMC50107	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	11	Báo cáo		10/05/2026		Lê Thị Kiều Vân (60832)	
4546	252MMC50108	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	25	Báo cáo		10/05/2026		Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
4547	252MMC50109	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	8	Báo cáo		10/05/2026		Hồ Xuân Mai (04110)	
4548	252MMC50110	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	3	Báo cáo		10/05/2026		Lê Đặng Tường Vy (60466)	
4549	252MMC50111	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	5	Báo cáo		10/05/2026		Hoàng Minh Phú (61033)	
4550	252MMC50112	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5.00	Thực tập	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	2	Báo cáo		10/05/2026		Đặng Thị Diệu Linh (60750)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4551	252LIT54601	TTTN Văn học	5.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	6	Báo cáo		10/05/2026		Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4552	252SOC54201	TTTN Xã hội học	5.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	24	Báo cáo		10/05/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
4553	252SOC54202	TTTN Xã hội học	5.00	Thực tập	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	2	Báo cáo		10/05/2026		Nguyễn Duy Hải (04003)	
4554	252POL10901	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	18/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
4555	252POL10902	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	28/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Nguyễn Hữu Vượng (05006)	
4556	252POL10903	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	22/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Dương Đức Hưng (05005)	
4557	252POL10904	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	08h00	24/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Dương Đức Hưng (05005)	
4558	252POL10905	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	08h00	18/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Dương Đức Hưng (05005)	
4559	252POL10906	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	24/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Dương Đức Hưng (05005)	
4560	252POL10907	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	29/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Dương Đức Hưng (05005)	
4561	252POL10908	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	08h00	28/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Dương Đức Hưng (05005)	
4562	252POL10909	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	135	Trắc nghiệm	08h00	29/04/2026	DMT010 (45) ; DMT011 (45) ; DMT012 (46)	Dương Đức Hưng (05005)	
4563	252POL10910	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	08h00	22/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4564	252POL10911	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	09h40	22/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4565	252POL10912	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Trần Cường (60955)	
4566	252POL10913	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	23/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4567	252POL10914	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	08h00	24/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Tạ Trần Trọng (05003)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4568	252POL10915	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	09h40	24/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4569	252POL10916	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	09h40	29/04/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Trần Cường (60955)	
4570	252POL10917	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	08h00	18/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4571	252POL10918	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	09h40	28/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (49)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4572	252POL10919	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	09h40	28/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Tạ Trần Trọng (05003)	
4573	252POL10921	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	123	Trắc nghiệm	08h00	29/04/2026	BMT002 (33) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Phạm Thị Hồng Nhung (61638)	
4574	252POL10922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	28/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Phạm Thị Hồng Nhung (61638)	
4575	252POL10923	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	117	Trắc nghiệm	09h40	29/04/2026	BMT002 (29) ; DMT010 (44) ; DMT011 (44)	Trần Cường (60955)	
4576	252POL10928	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	23/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (45) ; DMT019 (45)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	
4577	252POL10930	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	148	Trắc nghiệm	09h40	24/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (44) ; DMT019 (44)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	
4578	252POL10931	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	100	Trắc nghiệm	13h30	29/04/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	
4579	252POL10932	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	148	Trắc nghiệm	09h40	22/04/2026	BMT002 (30) ; BMT004 (30) ; DMT018 (44) ; DMT019 (44)	Nguyễn Thị Thu Hường (60591)	
4580	252POL10933	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	99	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (49)	Nguyễn Thị Thu Hường (60591)	
4581	252POL10934	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	98	Trắc nghiệm	13h30	24/04/2026	DMT010 (49) ; DMT011 (49)	Nguyễn Thị Thu Hường (60591)	
4582	252POL10936	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	90	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	DMT010 (45) ; DMT011 (45)	Nguyễn Thị Thu Hường (60591)	
4583	252POL10938	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	22/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4584	252POL10939	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	23/04/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4585	252POL10940	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	24/04/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4586	252POL10941	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	09h40	18/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4587	252POL10942	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	13h30	28/04/2026	DMT012 (50) ; DMT018 (50) ; DMT019 (50)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4588	252POL10944	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	66	Trắc nghiệm	13h30	24/04/2026	BMT002 (33) ; BMT004 (33)	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)	
4589	252POL10947	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	145	Trắc nghiệm	15h10	22/04/2026	DMT010 (49) ; DMT011 (49) ; DMT012 (47)	Bế Thị Thắm (61465)	
4590	252POL10948	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	98	Trắc nghiệm	13h30	29/04/2026	DMT010 (49) ; DMT011 (49)	Bế Thị Thắm (61465)	
4591	252POL10949	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	150	Trắc nghiệm	15h10	24/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (50)	Bế Thị Thắm (61465)	
4592	252POL10950	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	149	Trắc nghiệm	15h10	29/04/2026	DMT010 (50) ; DMT011 (50) ; DMT012 (49)	Bế Thị Thắm (61465)	
4593	252LAW41501	Tư vấn luật nâng cao trong khởi nghiệp kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tổng hợp	09h40	28/04/2026	HEC609 (30) ; HEC706 (30)	Lê Thị Hồng Thơm (60694)	
4594	252LAW40701	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Tổng hợp	09h40	22/04/2026	HEC503 (50)	Lê Thị Hồng Thơm (60694)	
4595	252LAW41103	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	09h40	07/05/2026	KPH105 (60)	Đỗ Trọng Hiền (60545)	
4596	252LAW41104	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	09h40	09/05/2026	KPH103 (30) ; KPH104 (30)	Đỗ Trọng Hiền (60545)	
4597	252LAW41105	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	65	Tự luận 90	08h00	05/05/2026	KPH103 (33) ; KPH104 (32)	Đỗ Trọng Hiền (60545)	
4598	252LAW41106	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	60	Tự luận 90	08h00	28/04/2026	HEC706 (30) ; HEC709 (30)	Đỗ Trọng Hiền (60545)	
4599	252TRA43001	Tư vấn và kinh doanh trực tuyến	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	45	Tự luận 90	15h10	04/05/2026	KPH004 (45)	Phan Minh Châu (61148)	
4600	252TRA43002	Tư vấn và kinh doanh trực tuyến	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	79	Tự luận 90	09h40	05/05/2026	KPH002 (40) ; KPH003 (39)	Hà Huỳnh Minh Khánh (61675)	
4601	252TRA43003	Tư vấn và kinh doanh trực tuyến	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	36	Tự luận 90	13h30	29/04/2026	KPH104 (36)	Hà Huỳnh Minh Khánh (61675)	
4602	252JAP48801	Từ vựng học tiếng Nhật	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	HEC703 (40)	Cao Thị Phương Thảo (25042)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4603	252JAP48802	Từ vựng học tiếng Nhật	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tổng hợp	15h10	09/05/2026	HEC609 (40)	Cao Thị Phương Thảo (25042)	
4604	252CHI44801	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	23/04/2026	HEC510 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
4605	252CHI44802	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	23/04/2026	HEC705 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
4606	252CHI44803	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	07/05/2026	HEC510 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
4607	252CHI44804	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	07/05/2026	HEC603 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
4608	252CHI44805	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	08h00	14/04/2026	BPH014 (20) ; BPH111 (20)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
4609	252CHI44806	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	09h40	29/04/2026	HEC603 (40)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
4610	252CHI44808	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	09h40	07/05/2026	HEC603 (21) ; HEC609 (20)	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)	
4611	252TOU31801	Tuyển điểm du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	66	Tự luận 90	15h10	20/04/2026	BPH008 (33) ; BPH012 (33)	Tạ Đức Thụy (61530)	
4612	252TOU31802	Tuyển điểm du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tự luận 90	13h30	18/04/2026	KPH002 (40) ; KPH003 (40)	Tạ Đức Thụy (61530)	
4613	252TOU31803	Tuyển điểm du lịch	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	77	Tự luận 90	15h10	18/04/2026	KPH002 (38) ; KPH003 (39)	Tạ Đức Thụy (61530)	
4614	252ENG48501	Ứng dụng công nghệ trong việc giảng dạy tiếng Anh	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Phạm Nguyễn Anh Huy (61709)	
4615	252ENG48502	Ứng dụng công nghệ trong việc giảng dạy tiếng Anh	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Phạm Nguyễn Anh Huy (61709)	
4616	252ENG48503	Ứng dụng công nghệ trong việc giảng dạy tiếng Anh	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	27	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)	
4617	252MMC41001	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		20/04/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4618	252MMC41002	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	49			05/04/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4619	252MMC41003	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	31			05/04/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4620	252MMC41004	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4621	252MMC41005	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			05/04/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4622	252MMC41006	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			05/04/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4623	252MMC41007	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4624	252MMC41008	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			05/04/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4625	252MMC41009	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			05/04/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4626	252MMC41010	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	80	Bài tập lớn		10/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4627	252MMC41011	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	49			04/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4628	252MMC41012	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	46			04/05/2026		Nguyễn Quang Vinh (60476)	
4629	252MMC41013	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	49	Bài tập lớn		26/04/2026		Võ Thị Lắm (60728)	
4630	252MMC41014	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ thông tin	46	Bài tập lớn		25/04/2026		Võ Thị Lắm (60728)	
4631	252MMC41015	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	50			27/04/2026		Phạm Huỳnh Hồng Ngân (60658)	
4632	252MMC41016	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3.00	Thực hành	Khoa Công nghệ thông tin	30			27/04/2026		Phạm Huỳnh Hồng Ngân (60658)	
4633	252ACC30401	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Thực hành		30/03/2026		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4634	252ACC30402	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4635	252ACC30403	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	49	Thực hành		30/03/2026		Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4636	252ACC30404	Ứng dụng Excel trong kế toán	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	49					Phan Thị Trà Mỹ (02139)	
4637	252ACC30501	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	50	Thực hành		31/03/2026		Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
4638	252ACC30502	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	50					Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)	
4639	252ACC30503	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Lý thuyết	Khoa Kế toán - Tài chính	48	Thực hành		04/04/2026		Đỗ Đậu Thi Thơ (61386)	
4640	252ACC30504	Ứng dụng phần mềm kế toán	3.00	Thực hành	Khoa Kế toán - Tài chính	48					Đỗ Đậu Thi Thơ (61386)	
4641	252HOS43201	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLK	43	Trắc nghiệm	09h40	07/05/2026	DMT019 (43)	Bùi Mai Hoàng Lâm (32004)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4642	252SOC31401	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu KHXH	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	27	Thực hành		10/04/2026		Nguyễn Duy Hải (04003)	
4643	252SOS10201	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	08h00	04/05/2026	BPH013 (37); BPH102 (37); BPH103 (38); BPH104 (38)	Du Quốc Đạo (60734)	
4644	252SOS10202	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	08h00	04/05/2026	BPH105 (38); BPH106 (37); BPH107 (38); BPH108 (37)	Du Quốc Đạo (60734)	
4645	252SOS10203	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Trắc nghiệm	15h10	28/04/2026	BPH104 (37); BPH106 (37); BPH107 (38); BPH108 (37)	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
4646	252SOS10204	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	08h00	04/05/2026	BPH110 (30); BPH111 (30); BPH112 (30); DPH017 (30); DPH020 (30)	Đình Thị Huệ (61463)	
4647	252SOS10205	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	08h00	05/05/2026	BPH105 (38); BPH106 (37); BPH107 (38); BPH108 (37)	Đình Thị Huệ (61463)	
4648	252SOS10206	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	BPH013 (37); BPH102 (37); BPH103 (38); BPH104 (38)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4649	252SOS10207	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	148	Trắc nghiệm	15h10	28/04/2026	BPH007 (40); BPH109 (40); BPH110 (35); BPH111 (33)	Nguyễn Thị Hồng (60547)	
4650	252SOS10208	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	101	Trắc nghiệm	08h00	29/04/2026	BPH007 (31); BPH109 (40); BPH110 (30)	Trần Thanh Tuấn (61167)	
4651	252SOS10209	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	102	Trắc nghiệm	15h10	28/04/2026	BPH014 (35); DPH017 (33); DPH020 (34)	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
4652	252SOS10210	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	08h00	29/04/2026	BPH105 (38); BPH106 (37); BPH107 (38); BPH108 (37)	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
4653	252SOS10211	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Trắc nghiệm	15h10	28/04/2026	BPH013 (38); BPH102 (37); BPH103 (38); BPH105 (37)	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
4654	252SOS10212	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	BPH105 (38); BPH106 (37); BPH107 (38); BPH108 (37)	Hồ Văn Quốc (04129)	
4655	252SOS10213	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	08h00	05/05/2026	DPH006 (70); DPH014 (40); DPH016 (40)	Hồ Văn Quốc (04129)	
4656	252SOS10214	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	09h40	05/05/2026	DPH006 (70); DPH014 (40); DPH016 (40)	Hồ Văn Quốc (04129)	
4657	252SOS10215	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Trắc nghiệm	15h10	28/04/2026	DPH006 (70); DPH014 (39); DPH016 (40)	Hồ Văn Quốc (04129)	
4658	252SOS10216	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	08h00	29/04/2026	DPH006 (70); DPH014 (40); DPH016 (40)	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)	
4659	252SOS10217	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	DPH006 (70); DPH014 (40); DPH016 (40)	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)	
4660	252SOS10218	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	BPH111 (30); BPH112 (30); DPH017 (30); DPH020 (30); DPH022 (30)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4661	252SOS10219	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Trắc nghiệm	08h00	29/04/2026	BPH013 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37)	Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4662	252SOS10220	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Trắc nghiệm	13h30	07/05/2026	BPH013 (38) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (37)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4663	252SOS10221	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	08h00	29/04/2026	BPH111 (30) ; BPH112 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
4664	252SOS10222	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	08h00	05/05/2026	BPH014 (30) ; BPH112 (30) ; DPH017 (30) ; DPH020 (30) ; DPH022 (30)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	
4665	252SOS10223	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Trắc nghiệm	08h00	04/05/2026	DPH006 (70) ; DPH014 (39) ; DPH016 (40)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	
4666	252SOS10224	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	150	Trắc nghiệm	08h00	05/05/2026	BPH013 (37) ; BPH102 (37) ; BPH103 (38) ; BPH104 (38)	Ngô Thị Cẩm Liên (60934)	
4667	252SOS10225	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Trắc nghiệm	15h10	04/05/2026	BPH007 (40) ; BPH109 (40) ; BPH110 (35) ; BPH111 (34)	Du Quốc Đạo (60734)	
4668	252SOS10226	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	149	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	BPH105 (38) ; BPH106 (37) ; BPH107 (38) ; BPH108 (36)	Du Quốc Đạo (60734)	
4669	252SOS10227	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	135	Trắc nghiệm	13h30	07/05/2026	DPH006 (70) ; DPH020 (33) ; DPH022 (32)	Nguyễn Thị Hồng (60547)	
4670	252SOS10228	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	112	Trắc nghiệm	13h30	07/05/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40) ; DPH017 (32)	Nguyễn Thị Hồng (60547)	
4671	252SOS10229	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	119	Trắc nghiệm	09h40	06/05/2026	BPH007 (30) ; BPH012 (30) ; BPH109 (30) ; BPH110 (30)	Trần Thanh Tuấn (61167)	
4672	252SOS10230	Văn hiến Việt Nam	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	120	Trắc nghiệm	13h30	07/05/2026	BPH011 (24) ; BPH105 (33) ; BPH106 (30) ; BPH107 (33)	Trần Thanh Tuấn (61167)	
4673	252TOU32401	Văn hóa ẩm thực	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	96	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)	
4674	252TOU32402	Văn hóa ẩm thực	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Thị Vân (03013)	
4675	252TOU32403	Văn hóa ẩm thực	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Phùng Thu Trinh (61320)	
4676	252TOU32404	Văn hóa ẩm thực	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	66	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Phùng Thu Trinh (61320)	
4677	252TOU32405	Văn hóa ẩm thực	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	60	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
4678	252TOU32406	Văn hóa ẩm thực	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	
4679	252TOU32407	Văn hóa ẩm thực	3.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4680	252ENG53401	Văn hóa doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Hoàng Phan (61704)	
4681	252ENG53405	Văn hóa doanh nghiệp	3.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	40	Tiểu luận		29/04/2026		Nim Ngọc Yến (25056)	
4682	252JAP35301	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Lý thuyết	Khoa Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	09h40	09/05/2026	HEC609 (41)	Nguyễn Thị Hoa (61681)	
4683	252JAP35302	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2.00	Thực hành	Khoa Ngoại ngữ	41					Nguyễn Thị Hoa (61681)	
4684	252LIT32401	Văn học dân gian Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	70	Tiểu luận		10/04/2026		Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4685	252LIT32402	Văn học dân gian Việt Nam	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	70					Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4686	252LIT32403	Văn học dân gian Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	70	Tiểu luận		10/04/2026		Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4687	252LIT32404	Văn học dân gian Việt Nam	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	70					Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4688	252LIT32405	Văn học dân gian Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	68	Tiểu luận		13/02/2026		Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4689	252LIT32406	Văn học dân gian Việt Nam	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	68					Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4690	252LIT32407	Văn học dân gian Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	46	Tiểu luận		08/04/2026		Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4691	252LIT32408	Văn học dân gian Việt Nam	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	46					Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4692	252LIT32411	Văn học dân gian Việt Nam	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tiểu luận		06/04/2026		Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4693	252LIT32412	Văn học dân gian Việt Nam	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60					Đặng Quốc Minh Dương (11002)	
4694	252KOR44201	Văn học Hàn Quốc	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	42	Tiểu luận		04/04/2026		Phạm Thu Phương (25049)	
4695	252KOR44202	Văn học Hàn Quốc	2.00	Lý thuyết	Khoa Quốc tế học_TNVKHXH	41	Tiểu luận		04/04/2026		Phạm Thu Phương (25049)	
4696	252LIT31501	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	72	Tự luận 60	09h40	13/04/2026	DHT001 (72)	Huyền Thị Mai Trinh (04010)	
4697	252LIT31503	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	70	Tự luận 60	09h40	14/04/2026	HEC603 (70)	Huyền Thị Mai Trinh (04010)	
4698	252LIT31504	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	32	Tự luận 60	13h30	07/05/2026	BPH014 (33)	Huyền Thị Mai Trinh (04010)	
4699	252LIT33201	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tự luận 90	15h10	16/04/2026	HEC609 (30) ; HEC706 (30)	Lê Thị Gấm (04062)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4700	252LIT33202	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60					Lê Thị Gấm (04062)	
4701	252LIT33207	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	45	Tự luận 90	15h10	16/04/2026	HEC703 (45)	Lê Thị Gấm (04062)	
4702	252LIT33208	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	45					Lê Thị Gấm (04062)	
4703	252LIT32803	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	32	Tự luận 60	08h00	16/04/2026	BPH102 (32)	Phạm Kim Ngân (61340)	
4704	252LIT32804	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	32					Phạm Kim Ngân (61340)	
4705	252LIT32805	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	16/04/2026	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm (61352)	
4706	252LIT32806	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	80					Nguyễn Ngọc Bảo Trâm (61352)	
4707	252LIT32807	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	59	Tự luận 60	08h00	16/04/2026	BPH111 (30) ; BPH112 (29)	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm (61352)	
4708	252LIT32808	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2.00	Thực hành	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	59					Nguyễn Ngọc Bảo Trâm (61352)	
4709	252LIT44401	Văn phòng điện tử	2.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	1	Tiểu luận		28/03/2026		Lê Hồng Danh (28007)	
4710	252SUC41901	Vận tải bảo hiểm	3.00	Lý thuyết	Khoa Kinh tế_TKD	73	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Thị Bích Triều (61561)	
4711	252NAS20401	Vật lý đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	80	Tự luận 90	13h30	08/05/2026	BPH010 (26) ; BPH011 (26) ; DPH015 (28)	Đoàn Văn Thuận (61383)	
4712	252NAS20402	Vật lý đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	80	Tự luận 90	15h10	08/05/2026	BPH010 (26) ; BPH011 (26) ; BPH012 (28)	Đoàn Văn Thuận (61383)	
4713	252NAS20403	Vật lý đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	80	Tự luận 90	08h00	10/05/2026	BPH105 (40) ; BPH107 (40)	Đoàn Văn Thuận (61383)	
4714	252NAS20404	Vật lý đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	80	Tự luận 90	09h40	10/05/2026	BPH103 (40) ; BPH105 (40)	Đoàn Văn Thuận (61383)	
4715	252NAS20405	Vật lý đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	70	Tự luận 90	13h30	06/05/2026	KPH102 (70)	Hồ Quốc Bảo (60932)	
4716	252NAS20406	Vật lý đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	70	Tự luận 90	15h10	15/04/2026	KPH103 (35) ; KPH104 (35)	Hồ Quốc Bảo (60932)	
4717	252NAS20407	Vật lý đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	80	Tự luận 90	09h40	21/04/2026	KPH101 (40) ; KPH102 (40)	Dương Quang Triết (60165)	
4718	252NAS20408	Vật lý đại cương	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	80	Tự luận 90	15h10	23/04/2026	KPH003 (40) ; KPH004 (40)	Dương Quang Triết (60165)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4719	252COE30401	Vẽ kỹ thuật	3.00	Lý thuyết	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	74	Tự luận 90	15h10	07/05/2026	HEC503 (74)	Trần Công Trí (61611)	
4720	252FOT31501	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	38	Bài tập lớn		02/04/2026		Đinh Thị Thủy (02162)	
4721	252FOT31502	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	2.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	27	Bài tập lớn		02/04/2026		Đinh Thị Thủy (02162)	
4722	252FOT30901	Vi sinh thực phẩm	3.00	Lý thuyết	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	55	Tự luận 90	15h10	22/04/2026	BPH011 (25) ; BPH012 (30)	Phạm Thị Hải Hà (61524)	
4723	252PUR42501	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	09h40	13/04/2026	BPH107 (40) ; BPH109 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4724	252PUR42502	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	23/04/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4725	252PUR42503	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	09h40	13/04/2026	BPH007 (40) ; DPH016 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4726	252PUR42504	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	23/04/2026	BPH007 (40) ; DPH014 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4727	252PUR42505	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	16/04/2026	HEC510 (40) ; HEC609 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4728	252PUR42506	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	13/04/2026	BPH107 (40) ; BPH109 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4729	252PUR42507	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	16/04/2026	HEC703 (40) ; HEC709 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4730	252PUR42508	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	13/04/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4731	252PUR42509	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	16/04/2026	BPH103 (40) ; BPH105 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4732	252PUR42510	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	13/04/2026	BPH103 (40) ; BPH104 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4733	252PUR42511	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	16/04/2026	DPH014 (40) ; DPH016 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4734	252PUR42512	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	09h40	13/04/2026	BPH105 (40) ; BPH106 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4735	252PUR42513	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	23/04/2026	HEC609 (40) ; HEC703 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4736	252PUR42514	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	09h40	13/04/2026	BPH013 (40) ; BPH103 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4737	252PUR42515	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	79	Tự luận 60	08h00	23/04/2026	BPH102 (39) ; BPH103 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4738	252PUR42516	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	13/04/2026	BPH013 (40) ; DPH016 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4739	252PUR42517	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	80	Tự luận 60	08h00	23/04/2026	BPH108 (40) ; BPH109 (40)	Phạm Thị Hương (04042)	
4740	252PUR42519	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	45	Tự luận 60	08h00	13/04/2026	BPH007 (45)	Phạm Thị Hương (04042)	
4741	252PUR42520	Viết và biên tập tin	2.00	Lý thuyết	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	45	Tự luận 60	08h00	23/04/2026	DPH016 (45)	Phạm Thị Hương (04042)	
4742	252SOC42901	Xã hội học gia đình	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tiểu luận		30/03/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
4743	252SOC42902	Xã hội học gia đình	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	60	Tiểu luận		10/05/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
4744	252SOC43001	Xã hội học giáo dục	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	46	Tiểu luận		04/04/2026		Lê Thị Hoàng Liễu (04089)	
4745	252SOC43101	Xã hội học giới	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	23	Tiểu luận		09/04/2026		Bùi Thị Phương Hạ (60177)	
4746	252SOC43201	Xã hội học kinh tế	3.00	Lý thuyết	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	56	Tiểu luận		01/04/2026		Nguyễn Tất Thành (04126)	
4747	252MAR43007	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3.00	Lý thuyết	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	42	Tiểu luận		08/05/2026		Nguyễn Phương Duy (60858)	
4748	252TRA31101	Xuất nhập cảnh du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	88	Tiểu luận		10/05/2026		Trương Đại Lợi (61601)	
4749	252TRA31102	Xuất nhập cảnh du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	42	Tiểu luận		10/05/2026		Trương Đại Lợi (61601)	
4750	252TRA31103	Xuất nhập cảnh du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	42	Tiểu luận		10/05/2026		Trương Đại Lợi (61601)	
4751	252TRA31105	Xuất nhập cảnh du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Ngọc Triết (61127)	
4752	252TRA31106	Xuất nhập cảnh du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Trần Ngọc Triết (61127)	
4753	252TRA31107	Xuất nhập cảnh du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	80	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Lê Phương Anh (60562)	
4754	252TRA31108	Xuất nhập cảnh du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	70	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Lê Phương Anh (60562)	
4755	252TRA31112	Xuất nhập cảnh du lịch	2.00	Lý thuyết	Khoa Du lịch_TDLSK	53	Tiểu luận		10/05/2026		Nguyễn Lê Phương Anh (60562)	
4756	252NUR42201	Y đức	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	50	Trắc nghiệm	08h00	16/04/2026	DMT012 (50)	Nguyễn Ngọc Hân (60769)	

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Đơn vị chủ quản	Số SV	Hình thức thi	Giờ thi	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
4757	252NUR42202	Y đức	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	52	Trắc nghiệm	08h00	16/04/2026	BMT002 (22) ; DMT011 (30)	Nguyễn Ngọc Hân (60769)	
4758	252NUR42203	Y đức	2.00	Lý thuyết	Khoa Y Dược_TDLSK	35	Trắc nghiệm	08h00	16/04/2026	DMT018 (35)	Nguyễn Ngọc Hân (60769)	

Ghi chú:

- Sinh viên xem Lịch thi chi tiết (ngày thi, giờ thi) tại Cổng thông tin sinh viên (<http://portal.vhu.edu.vn/>);
- Sinh viên phải hoàn thành học phí để đủ điều kiện dự thi;
- **Sinh viên phải mang theo Căn cước/Căn cước công dân còn hiệu lực và có mặt trước giờ thi 15 phút để làm thủ tục dự thi;**
- Đối với các hình thức thi: báo cáo, bài tập lớn, biểu diễn, đồ án, khóa luận, thực hành, tiểu luận, Sinh viên nộp bài theo thời gian tại cột " Ngày thi ";
- Ngày dự kiến cập nhật điểm lên hệ thống là 10 ngày kể từ ngày Giảng viên nộp điểm về TT. KT&ĐBCL, Sinh viên thường xuyên vào Portal để kiểm tra các thông tin liên quan;
- Mọi thông tin liên quan, vui lòng liên hệ tổng đài 18001568 để được hỗ trợ giải đáp.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐT (để b/c);
- Các Khoa/Viện (để t/h);
- Các ban: QLĐT, QLCSVC, TC; TT. CSNH (để phối hợp t/h);
- Lưu: VT, TT. KT&ĐBCL.

**TUQ. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà